

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

HÀ NỘI - 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
(History Education)

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Giáo dục đại cương	22 tín chỉ
II	Giáo dục chuyên ngành	69 tín chỉ
	II.1. Cơ sở ngành/nhóm ngành	12 tín chỉ
	II.2. Chuyên ngành	57 tín chỉ
	- Bắt buộc	45 tín chỉ
	- Tự chọn	12 tín chỉ
	II.3. Nghiệp vụ sư phạm	37 tín chỉ
	- Bắt buộc	33 tín chỉ
	- Tự chọn	04 tín chỉ
	II.4. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07 tín chỉ
	TỔNG	135 tín chỉ

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khối kiến thức đại cương		22					
I.1.	Giáo dục chính trị							
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32		26		77
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21		18		51
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21		18		51
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT104	2	21		18		51
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	2	21		18		51
I.2.	Kiến thức đại cương							

6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			45
7	Tin học	TH101	2	15	30			45
I.3.	Ngọai ngữ							
8	Tiếng Anh B1.1	B1.101	3	30	30			75
9	Tiếng Anh B1.2	B1.102	2	20	20			45
10	Tiếng Anh B1.3	B1.103	2	20	20			45
I.4.	Giáo dục thể chất							
11	Giáo dục thể chất 1	TC101	1				30	15
12	Giáo dục thể chất 2	TC102	1				30	15
13	Giáo dục thể chất 3	TC103	1				30	15
II	Giáo dục chuyên nghiệp		69					
II.1	Cơ sở của ngành		12					
14	Địa lý tự nhiên Việt Nam	ĐL301	2	15		30		45
15	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	LS302	2	15		30		45
16	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	LS303	2	15		30		45
17	Cơ sở khảo cổ học	LS422	2	15		30		45
18	Lịch sử văn minh thế giới	LS202	2	15		30		45
19	Lịch sử văn hóa Việt Nam	LS216	2	15		30		45
II.2.	Chuyên ngành		57					
<i>Bắt buộc</i>			45					
20	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	LS206.1	4	45		30		105
21	Lịch sử thế giới cận đại	LS207.1	4	45		30		105
22	Lịch sử thế giới hiện đại	LS208.1	4	45		30		105
23	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	LS209	5	60		30		135
24	Lịch sử Việt Nam cận đại	LS210.1	4	45		30		105
25	Lịch sử Việt Nam hiện đại	LS211	5	60		30		135
26	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	LS435	2	15		30		45
27	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)	LS205.1	3	30		30		75
28	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	LS217	3	30		30		75
29	Thực tế Lịch sử Việt Nam	LS218.1	1				30	15
30	Lịch sử Đông Nam Á	LS562.1	2	15		30		45
31	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	LS234.1	3	30		30		75
32	Lịch sử quan hệ quốc tế	LS215	2	15		30		45
33	Tiếng Anh chuyên ngành	LS219	3	30	15	15		75

<i>Tự chọn: Chọn 6 chuyên đề trong các tự chọn dưới đây</i>			12					
<i>Tự chọn 1: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2					
34	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	LS553	2	15		30		45
35	Làng xã Việt Nam	LS554	2	15		30		45
<i>Tự chọn 2: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2					
36	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	LS556	2	15		30		45
37	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	LS557	2	15		30		45
<i>Tự chọn 3: chọn 1 trong 3 chuyên đề</i>			2					
38	Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam	LS226	2	15		30		45
39	Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam	LS647	2	15		30		45
40	Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	LS561	2	15		30		45
<i>Tự chọn 4: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2					
41	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	LS231	2	15		30		45
42	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	LS232	2	15		30		45
<i>Tự chọn 5: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2					
43	Các phong trào duy tân, cải cách ở Châu Á thế kỷ XIX-XX	LS566	2	15		30		45
44	Một số vấn đề về lịch sử Trung Đông	LS568	2	15		30		45
<i>Tự chọn 6: chọn 1 trong 2 chuyên đề</i>			2					
45	Một số tổ chức quốc tế và khu vực	LS569	2	15		30		45
46	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	LS570	2	15		30		45
II.3.	<i>Nghịệp vụ sư phạm</i>		37					
<i>Bắt buộc</i>			33					
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15		30		45
48	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2)	TL502	2	15		30		45
49	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15		30		45
50	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (Giáo dục học 2)	GD502	2	15		30		45
51	Lý luận dạy học Lịch sử	LS573	2	15		30		45
52	Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học	LS574	3	30		30		75

53	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học	LS575	3	30		30		75
54	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực	LS308	2	15		30		45
55	Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học	LS305	2	15		15	15	45
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	LS306	2	15		30		45
57	Thực hành sư phạm 1	TH301	2				60	30
58	Thực hành sư phạm 2	TH302	2				60	30
59	Thực tập sư phạm 1	TT301	3				135	
60	Thực tập sư phạm 2	TT302	4				180	
<i>Tự chọn: Chọn 2 trong số các môn sau</i>			4					
61	Kĩ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học	TL503	2	15			30	45
62	Tham vấn học đường	TL504	2	15			30	45
63	Giao tiếp sư phạm	TL505	2	15			30	45
64	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD503	2	15		15	15	45
65	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	LS307	2	15		30		45
66	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường trung học	LS304	2	15			30	45
67	Phát triển chương trình môn học Lịch sử ở trường trung học	LS309	2	15		30		45
68	Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực.	LS310	2	15		30		45
II.4.	<i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</i>		7					
69	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	LS401	7					
	<i>Các học phần thay thế</i>		7					
<i>Bắt buộc</i>			3					
70	Một số vấn đề phương pháp dạy học lịch sử	LS402	3	30		30		75
<i>Tự chọn: chọn 1 trong 2 môn</i>			4					
71	Một số vấn đề lịch sử Việt Nam	LS403	4	45		30		105
72	Một số vấn đề lịch sử thế giới	LS404	4	45		30		105
Tổng cộng			135					

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Sư phạm Lịch sử

Mã số: 7140218

Mã số môn học	TÊN MÔN HỌC	Số TC	NĂM/HỌC KỲ							
			I		II		III		IV	
			1	2	3	4	5	6	7	8
B1101	Tiếng Anh B1.1	3	x							
CT111	Triết học Mác - Lênin	3	x							
TH101	Tin học	2	x							
TC101	Giáo dục thể chất 1	1								
LS303	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	x							
LS206.1	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	x							
ĐL301	Địa lý tự nhiên Việt Nam	2	x							
LS306	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	x							
Tổng cộng kỳ 1			19							
CT112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		x						
PL101	Pháp luật đại cương	2		x						
B1102	Tiếng Anh B1.2	2		x						
TL501	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	2		x						
GD501	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	2		x						
TC102	Giáo dục thể chất 2	1		x						
LS422	Cơ sở khảo cổ học	2		x						
LS209	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5		x						
Tổng cộng kỳ 2			18							
CT113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x					
B1103	Tiếng Anh B1.3	2			x					
TL502	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (Tâm lý học 2)	2			x					
GD502	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (Giáo dục học 2)	2			x					
TC103	Giáo dục thể chất 3	1			x					
LS207.1	Lịch sử thế giới cận đại	4			x					
LS573	Lý luận dạy học lịch sử	2			x					

LS574	Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học	3			x					
	Tổng cộng kỳ 3				18					
CT104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				x				
TH301	Thực hành sư phạm 1	2				x				
LS210.1	Lịch sử Việt Nam cận đại	4				x				
LS435	Vương quốc cổ Champa Phù Nam	2				x				
LS575	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học	3				x				
LS308	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực	2				x				
LS202	Lịch sử văn minh thế giới	2				x				
	Tự chọn NVSP 1	2								
	Tổng cộng kỳ 4				19					
CT115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					x			
LS208.1	Lịch sử thế giới hiện đại	4					x			
LS205.1	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)	3					x			
LS305	Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học	2					x			
LS219	Tiếng Anh chuyên ngành	3					x			
TT301	Thực tập sư phạm 1	3					x			
	Tổng cộng kỳ 5				17					
LS562.1	Lịch sử Đông Nam Á	2						x		
LS211	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5						x		
LS234.1	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3						x		
LS215	Lịch sử quan hệ quốc tế	2						x		
LS216	Lịch sử văn hóa Việt Nam	2						x		
LS217	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3						x		
	Tự chọn NVSP 2	2						x		
	Tổng cộng kỳ 6				19					
LS302	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2								
	Tự chọn LSVN 1	2							x	
	Tự chọn LSVN 2	2							x	
	Tự chọn LSVN 3	2							x	
	Tự chọn LSTG 1	2							x	
	Tự chọn LSTG 2	2							x	
	Tự chọn LSTG 3	2							x	

TH302	Thực hành sư phạm 2	2								
	Tổng cộng kỳ 7									16
LS218.1	Thực tế Lịch sử Việt Nam	1								x
	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các môn thay thế)	7								x
TT302	Thực tập sư phạm 2	4								x
	Tổng cộng kỳ 8									12
Tổng cộng toàn khóa: 135 (không tính 03TC GDTC)										

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN
(dành cho sinh viên không chuyên ngành GD&ĐT)

Mã số: CT111

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Triết học Mác – Lênin**
- Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism - Leninism**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 58 tiết

- Lí thuyết: 32 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 26 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 77 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có):

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

Khoa : Giáo dục Chính trị;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Trần Thị Hồng Loan

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0988930166

Email: tranthihongloan@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Bùi Lan Hương

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0377 708 737

Email: Builanhuong@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.08 – Nhà A4

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Nguyễn Thị Giang

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0978268156

Email: nguyenthigiang@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.08 – Nhà A4

2.4. Giảng viên 4:

Họ tên: Nguyễn Thị Thùy Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0988355577

Email: nguyenthithuylinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.08 – Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã

hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học có những kiến thức cơ bản của Triết học Mác – Lênin	C ₁
M _{hp2}	Giúp cho người học có thể giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong nhận thức và hoạt động thực tiễn trên cơ sở vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật.	C ₁
M _{hp3}	Giúp người học có cơ sở triết học để nhận biết và ủng hộ các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	C ₁

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Tích cực, chủ động xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng cho bản thân trong quá trình học tập học phần.	M _{hp1} ; M _{hp2}
C _{hp2}	Trình bày được các điều kiện, tiền đề cho sự ra đời và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội	M _{hp1}
C _{hp3}	Trình bày được các nội dung cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	M _{hp1} ; M _{hp2}
C _{hp4}	Trình bày được các nội dung cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử	M _{hp1} ; M _{hp2}
C _{hp5}	Nhận diện được các quan điểm trái ngược với nội dung của triết học Mác - Lênin	M _{hp1} ; M _{hp2} ; M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

6.2. Tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

[4]. Nguyễn Văn Phòng, An Như Hải, Đỗ Thị Thạch, *Hỏi - Đáp môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Quốc gia Hà Nội, 2010.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Khái luận về Triết học và Triết học Mác – Lênin 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về Triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	- Tích cực, chủ động xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng cho bản thân trong quá trình học nội dung khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. - Trình bày được điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của triết học Mác - Lênin - Trình bày được vai trò của Triết học Mác – Lênin với đời sống xã hội	4	4	17
Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các phương thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	- Tích cực, chủ động xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng cho bản thân trong quá trình học nội dung chủ nghĩa duy vật biện chứng.	16	12	30

2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học 2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	- Trình bày được nội dung cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng - Nhận diện được các quan điểm trái ngược với nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng			
Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái ý thức xã hội 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và	- Tích cực, chủ động xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng cho bản thân trong quá trình học nội dung chủ nghĩa duy vật lịch sử - Trình bày được những nội dung cơ bản và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử - Nhận diện được các quan điểm trái ngược với nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử	12	10	30

ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội				
3.5. Triết học về con người				
3.5.1. Con người và bản chất con người				
3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người				
3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử				
3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam				

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Chương 1	T	T			
Chương 2	T		T		T
Chương 3	T			T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	1,3	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận. Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; hoạt động nhóm Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	Tuần 1 – 2
Chương 2	1,2,3,4	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để người học chuẩn bị trước. Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; hoạt động nhóm; semina; Giao bài tập về nhà Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu, giấy A0.	Tuần 3 – 7, 9 - 10
Kiểm tra A2			Tuần 8
Chương 3	1,2,3,4	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để người học chuẩn bị trước.	Tuần 11 – 16

		Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; hoạt động nhóm; semina; Giao bài tập về nhà Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu, giấy A0.	

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp2} ; C _{hp3} ; C _{hp4} ; C _{hp5}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Thi trắc nghiệm khách quan theo ngân hàng đề (Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định)	C _{hp2} ; C _{hp3} ; C _{hp5}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau kế hoạch của Nhà trường	Thi trắc nghiệm khách quan theo ngân hàng đề (Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định)	C _{hp2} ; C _{hp3} ; C _{hp4} ; C _{hp5}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trần Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Giang

Bùi Lan Hương

Nguyễn Thị Giang

Trần Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN
Mã số: CT112

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin**
- Tiếng Anh: **Marxist-Leninist Political Economy**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 2

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 39 tiết

- Lí thuyết: 21 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 18 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 51 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có):

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Lý luận chính trị

Khoa: Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Thị Nhung

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Điện thoại: 0987930732

Email: nguyenthinhung88@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Nguyễn Thị Xuân

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Điện thoại: 0326127116

Email: nguyenthixuan@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Đới Gia Thiên Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Điện thoại: 0918960565

Email: doigiathienlinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

3. Mô tả học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin	C _{ctdt1}
M _{hp2}	Giúp cho người học có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.	C _{ctdt1}
M _{hp3}	Bồi dưỡng cho người học niềm tin vào nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	C _{ctdt1}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức kinh tế chính trị Mác – Lênin trong quá trình học tập.	M _{hp1}
C _{hp2}	Nêu được những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong nền kinh tế thị trường.	M _{hp1} , M _{hp2}
C _{hp3}	Giải thích được các hiện tượng kinh tế nảy sinh trong thực tiễn trên cơ sở vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị Mác – Lênin.	M _{hp1} ; M _{hp2}
C _{hp4}	Có trách nhiệm công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên ngành lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6.2. Tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Phạm Văn Dũng, Trần Đức Hiệp 2022, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị I. Khái quát sự hình thành và phát triển	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị	2	3	8

của Kinh tế chính trị Mác - Lênin II. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> <i>2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> <i>3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> III. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>1. Chức năng nhận thức</i> <i>3. Chức năng thực tiễn</i> <i>2. Chức năng tư tưởng</i> <i>4. Chức năng phương pháp luận</i>	Mác - Lênin trong quá trình học tập - Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. - Có trách nhiệm công dân trong ủng hộ các quan điểm, đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.			
Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa <i>1. Sản xuất hàng hóa</i> <i>2. Hàng hóa</i> <i>3. Tiền tệ</i> <i>4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay</i> II. Thị trường và nền kinh tế thị trường <i>1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường</i> <i>2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường</i> III. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường trong quá trình học tập. - Trình bày được những nội dung cơ bản về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường - Có trách nhiệm công dân khi tham gia vào thị trường.	4	3	9

1. Người sản xuất 2. Người tiêu dùng 3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 4. Nhà nước				
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường I. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 2. Bản chất của giá trị thặng dư 3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư II. Tích lũy tư bản 1. Bản chất của tích lũy 2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy 3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 1. Lợi nhuận 2. Lợi tức 3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường trong quá trình học tập - Trình bày được lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường - Có trách nhiệm công dân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, thực hành tiết kiệm để tăng tích lũy vốn.	4	3	9
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường I. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền II. Lý luận của V.I Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền KTTT 1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm của độc quyền	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường trong quá trình học tập học - Trình bày được cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Giải thích được các vấn đề liên quan độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.	3	3	8

2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm của độc quyền nhà nước III. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 1. Biểu hiện mới của độc quyền 2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản 3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	- Có trách nhiệm công dân trong thức đẩy cạnh tranh lành mạnh và đề xuất những biện pháp kiểm soát độc quyền.			
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam III. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 2. Vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam trong quá trình học tập - Trình bày được những kiến thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam - Giải thích được các vấn đề liên quan đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam - Có trách nhiệm công dân để bảo vệ lợi ích quốc gia đặt trong mối quan hệ lợi ích kinh tế khác.	4	3	9

Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i> <i>2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam</i> II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</i> <i>3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</i>	- Tích cực, chủ động lĩnh hội những kiến thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong quá trình học tập - Trình bày được công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. - Giải thích được các vấn đề liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam - Có trách nhiệm công dân nhằm góp phần thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	4	3	8

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T		T
Chương 2	T	T		T
Chương 3	T	T		T
Chương 4	T		T	T
Chương 5	T		T	T
Chương 6	T		T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	- [1] từ trang 11 đến trang 33	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận.	Tuần 1- tuần 2

		Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; hoạt động nhóm Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	
Chương 2	- [1] từ trang 34 đến trang 83 [3] từ trang 35 đến trang 49	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để người học chuẩn bị trước. Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; hoạt động nhóm; semina; Giao bài tập về nhà Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu, giấy A0	Tuần 3- 4
Chương 3	- [1] từ trang 84 trang 123 - [2] từ trang 78 đến trang 98	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV cho sinh viên thảo luận Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; thực hành Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	Tuần 5 – 7
	Kiểm tra		Tuần 8
Chương 4	- [1] từ trang 124 đến 168	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV cho sinh viên thảo luận Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; thực hành Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	Tuần 9- 11
Chương 5	-[1] từ trang 169 đến trang 223 [2] từ trang từ trang 163 đến trang 168	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV cho sinh viên thảo luận Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; thực hành	Tuần 11- 12

		Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	
Chương 6	- [1] từ trang 224 đến trang 286 [3] từ trang 180 đến trang 196	Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV cho sinh viên thảo luận Phương pháp: thuyết trình; nêu vấn đề; thực hành Phương tiện: bảng và phấn, máy chiếu.	Tuần 13- 14

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp2} ; C _{hp3} , C _{hp4}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: + Thi trắc nghiệm khách quan theo ngân hàng đề (trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định)	C _{hp2}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Theo kế hoạch nhà trường	+ Thi trắc nghiệm khách quan theo ngân hàng đề thi (trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định)	C _{hp2} ; C _{hp3}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trần Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Giang

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Thị Xuân

Đới Gia Thiên Linh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

Mã số: CT113

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- Tiếng Anh: **Scientific Socialism**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 39 tiết

- Lí thuyết: 21 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 18 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 51 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Không

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có):

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*

Khoa : *Giáo dục chính trị*

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Chu Thị Diệp

Học hàm, học vị: ThS - GVC

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0983398588; Email: Chuthidiep@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: P3.10. Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thị Minh Thảo

Học hàm, học vị: TS – GVC

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0984182703; Email: lethiminhthao@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: 3.10 Nhà A4

3. Mô tả học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào giải thích những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những tri thức có tính căn bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học.	C _{ctdt1}
M _{hp2}	Vận dụng được lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học vào nhận diện các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.	C _{ctdt1}
M _{hp3}	Bồi dưỡng niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	C _{ctdt1}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	

C _{hp} 1	Nêu được sự ra đời, phát triển và các quy luật của chủ nghĩa xã hội.	M _{hp} 1; M _{hp} 3
C _{hp} 2	Giải thích được những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Tin tưởng mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Tích cực tham gia học tập và nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại ngày nay.	M _{hp} 1; M _{hp} 3

6. Học liệu:

6.1. Bắt buộc:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dùng cho các khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

6.2. Tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2005.

[3]. Trần Văn Phòng, An Như Hải, Đỗ Thị Thạch, *Hỏi và đáp những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Hoàn cảnh lịch sử cho sự ra đời của CNXHKKH 1.1.1 Điều kiện KT – XH 1.1.2. Tiền đề khoa học 1.1.3. Vai trò của C. Mác và Ph.Ăngghen	- Chủ động tham gia hoạt động học tập, do giáo viên tổ chức. - Nêu được sự ra đời của CHXHKKH, các giai đoạn phát triển của nó; đối tượng, phương pháp nghiên cứu.	2	1	4

1.2. Các giai đoạn phát triển của CNXHKKH 1.2.1. C. Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 1.2.2. VI. Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.3. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH	- Giải thích được ý nghĩa của việc học tập CNXHKKH. - Có niềm tin vào sự thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.			
Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Khái niệm GCCN và sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.1. Khái niệm GCCN và đặc điểm của GCCN 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3. Những điều kiện qui định và thực thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.2. GCCN và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay 2.2.1. GCCN hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay 2.3. Sứ mệnh lịch sử của GCCNVN 2.3.1. Đặc điểm của GCCNVN 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCNVN hiện nay 2.3.3. Định hướng xây dựng GCCNVN hiện nay	- Chủ động tham gia hoạt động học tập, nghiên cứu về GCCN và sứ mệnh lịch sử của GCCN. - Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin. -Trình bày được đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. - Bồi dưỡng niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.	4	4	10

Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. CNXH- Sự ra đời, phát triển và các đặc trưng 3.1.1. CNXH - Giai đoạn đầu của hình thái KT- XH CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời của CNXH 3.1.3 Các đặc trưng của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – lenin về thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.2. Tính tất yếu, nội dung và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3. CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN 3.3.1. Quá độ lên thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN 3.3.2. CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở VN hiện nay	- Chủ động tham gia hoạt động học tập, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội. - Nêu được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - Giải thích được tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. - Nêu được những phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. - Tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng.	4	4	10
Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1. Dân chủ XHCN 4.1.1. Quan niệm về dân chủ 4.1.2. Quan niệm về dân chủ XHCN 4.2. Nhà nước XHCN 4.2.1. bản chất, chức năng của nhà nước XHCN 4.2.1. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 4.3. Xây dựng chế độ dân chủ XHCN và nhà nước XHCN ở VN 4.3.1. Dân chủ XHCN ở VN	- Chủ động tham gia hoạt động học tập, nghiên cứu do giáo viên tổ chức. - Nêu được quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lenin về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa. - Nhận diện được quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN ở Việt Nam. - Có trách nhiệm công dân trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.	3	3	8

4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCNVN				
Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính chất qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN 5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN	- Chủ động tham gia hoạt động học tập do giáo viên tổ chức. - Xác định được cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. - Nhận diện được cơ cấu xã hội - giai cấp và phân tích được trò của việc xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Xây dựng được trách nhiệm công dân trong việc xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp trong xây dựng đất nước.	2	2	7
Chương 6. Vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.1.1. Khái niệm dân tộc 6.1.2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc 6.1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin với về tôn giáo 6.2.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH	- Chủ động tham gia hoạt động học tập, nghiên do giáo viên tổ chức. - Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc và tôn giáo. - Giải thích được những vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. - Xây dựng được trách nhiệm công dân trong việc tuyên truyền, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.	4	3	8

6.2.3. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta.				
Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử. 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiên bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình VN trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng gia đình VN trong thời kỳ quá độ lên CNXH	- Chủ động tham gia hoạt động học tập do giáo viên tổ chức. - Trình bày được vị trí, chức năng của gia đình, những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - Giải thích được những phương hướng và nhiệm vụ xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - Có trách nhiệm xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội.	2	1	4

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T		T
Chương 2	T	T		T
Chương 3	T	T		T
Chương 4	T		T	T
Chương 5	T		T	T
Chương 6	T		T	T

Chương 7	T		T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1].Trang 7-17 [2]. Trang 7-36 [3]. Trang 177-182	Hình thức dạy: Trên lớp; Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, hỏi - đáp. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.	1
Chương 2	[1]. Trang 8-27 [2]. Trang 28-46. [3]. Trang 190-198	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút dạ, bút màu.	2-3
Chương 3	[1]. Trang 47-66 [2]. Trang 78-97 [3]. Trang 209-217	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút dạ, bút màu.	3-5
Chương 4	[1]. Trang 66-87 [2]. Trang 154-172	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút dạ, bút màu.	6-7
Chương 5	[1]. Trang 88-103 [2]. Trang 173-193	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng	8-9
Chương 6	[1]. Trang 89-127	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm.	10-12

	[2]. Trang 195-134 [3]. 228-235	Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng	
Chương 7	[1]. Trang 128-143. [2]. Trang 235-310.	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng	13

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 4
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà.	C _{hp} 1; C _{hp} 2 C _{hp} 3

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: + Thi trắc nghiệm theo ngân hàng đề.	C _{hp1}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi trắc nghiệm theo ngân hàng đề thi.	C _{hp1} ; C _{hp2}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trần Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Giang

Chu Thị Diệp

Lê Thị Minh Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
(dành cho sinh viên không chuyên ngành GDGD)

Mã số: CT103

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh Ideology**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

☒ Giáo dục đại cương

☐ Giáo dục chuyên ngành

☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành

☐ Chuyên ngành

☐ Nghiệp vụ sư phạm

☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

☒ Bắt buộc

☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 39 tiết

- Lí thuyết: 21 tiết

- Bài tập, thảo luận, thực hành: 18 tiết

- Tự học, tự nghiên cứu: 51 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có):

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách lối cách mạng của ĐCSVN

Khoa : Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Vi Thị Lại

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

Điện thoại: Email: vithilai@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa GDCT, trường ĐHSP Hà Nội 2

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Phạm Thị Thúy Vân

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

Điện thoại: Email: phamthithuyvan@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa GDCT, trường ĐHSP Hà Nội 2

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Nguyễn Thị Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học

Điện thoại: Email: Nguyenthilinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa GDCT, trường ĐHSP Hà Nội 2

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học có những hiểu biết cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	C _{ctdt1}
M _{hp2}	Người học có những kiến thức cơ bản về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.	C _{ctdt1}

M _{hp3}	Người học có khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn.	C _{ctdt1}
M _{hp4}	Người học có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.	C _{ctdt1}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức.	M _{hp1} , M _{hp2} , M _{hp3} , M _{hp4}
C _{hp2}	Giải thích được cơ sở, quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	M _{hp1}
C _{hp3}	Trình bày được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp4}	Chỉ ra được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp5}	Diễn giải được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp6}	Trình bày được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp7}	Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.	M _{hp4}

6.1. Bắt buộc

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

6.2. Tham khảo

2. Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

3. Lại Quốc Khánh (chủ biên), *Nhập môn Hồ Chí Minh học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.

4. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập , bộ 15 tập , Nxb Chính trị quốc gia Sự thật , Hà Nội.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.2. Một số phương pháp cụ thể 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh 1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 1.4.2. Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về khái quát môn học tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được một cách khái quát môn học tư tưởng Hồ Chí Minh: đối tượng, khái niệm, phương pháp pháp nghiên cứu... - Trình bày được ý nghĩa của việc học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh.	1	1	2
Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh	-Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được cơ sở thực tiễn, lý luận và nhân tố chủ quan hình	4	3	8

2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước 2.2.2. Thời kỳ 1911 - 1920: Hình thành phương hướng của nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ 1920 - 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ 1930 - 1941: Vượt qua thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 2.2.5. Thời kỳ 1941 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, phát triển soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại	thành tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được các thời kỳ cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Làm rõ được thời kỳ có vai trò quyết định nhất đối với việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh - Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.			
Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề về độc lập dân tộc 3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh. - Trình bày được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc. - Trình bày được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã	5	4	13

chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc. 3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.4.3. Củng cố , kiên toàn , phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến” , “tự chuyển hóa” trong nội bộ	hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Trình bày được sự Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.			
Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. - Trình bày được những nội dung cơ bản	5	4	13

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước. 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước	trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Trình bày được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trong thời kỳ đổi mới đất nước. - Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.			
Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.4. Hình thức, Nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân – Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. - Diễn giải được những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. - Trình bày được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.	2	1	5

5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	- Trình bày được nội dung vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế vào trong cuộc sống giai đoạn hiện nay - Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.			
Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hoá 6.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 6.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức, tham gia các hoạt động học tập về tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. - Làm rõ được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. - Trình bày được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay. - Có niềm tin vào con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.	4	5	10

6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người				
6.3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người				
6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh				
6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hoá, con người				
6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng				

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7
Chương 1	T						I
Chương 2	T	T					T
Chương 3	T		T				T
Chương 4	T			T			T
Chương 5	T				T		T
Chương 6	T					T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1.	1 [tr.11-tr.31] 3	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn	Tuần 1
Chương 2	1 [tr.32 - tr.72] 2 3 4	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn	Tuần 1 - 3

Chương 3.	1 [tr. 73–tr.122] 2 4	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn	Tuần 4- 6
Chương 4.	1 [tr.123–tr.168] 2 4	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn...	Tuần 7 -10
Kiểm tra giữa học kỳ			Tuần 8
Chương 5.	1 (tr.169-204) 2 4	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn...	Tuần 11
Chương 6.	1[tr.205–tr.265] 2 4	Hình thức: dạy học tại lớp, dạy online Phương pháp: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tập về nhà Phương tiện: Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn...	Tuần 12 - 14

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành	5%	Theo thời điểm thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	xuyên (a1)	các nhiệm vụ học tập		nhiệm vụ học tập		
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6, C _{hp} 7,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp} 2 C _{hp} 3, C _{hp} 4
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 2 C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

**Trần Thị Hồng
Loan**

**Ngô Thị Lan
Hương**

Vi Thị Lại

Phạm Thị Thúy Vân

Nguyễn Thị Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: CT115

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
- Tiếng Anh: **Viet Nam Communist Party of History**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 39 tiết

- Lí thuyết: 21 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 18 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 51 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Không

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có):

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Đường lối CMVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh

Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Ngô Thị Lan Hương

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Điện thoại: 0986630945

Email: ngothilanhuong@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Trần Thị Chiên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ, Giảng viên chính

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Điện thoại: 0988870555

Email: tranthichien@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Phạm Văn Giềng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Điện thoại: 0986688626

Email: phamvangieng@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Học phần có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học có những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	C _{ctdt} 1
M _{hp2}	Người học có những kiến thức cơ bản về quá trình lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.	C _{ctdt} 1
M _{hp3}	Bồi dưỡng cho người học lòng tự hào, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng.	C _{ctdt} 1

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Tích cực, chủ động lĩnh hội hệ thống kiến thức trong quá trình tham gia học tập học phần.	M _{hp1} , M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp2}	Trình bày được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.	M _{hp1}
C _{hp3}	Trình bày được quá trình lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.	M _{hp2}
C _{hp4}	Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho abạc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

6.2. Tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (tái bản 2010) *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam, *DVD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập*, Trung tâm Công nghệ DVD, Hà Nội, 2020.

[5]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

[6]. Ngô Đăng Tri, *80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930-2010)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa,	THo, TNC

Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 3.2. Các phương pháp cụ thể 4. Mục đích, yêu cầu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức nhập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Nêu được đối tượng và phạm vi nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Liệt kê được các phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	4
Chương 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 – 1930) 1.1. Bối cảnh lịch sử 1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Lãnh đạo quá trình đấu giành chính quyền (1930-1945) 2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) - Trình bày được những tri thức có tính hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) - Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) - Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	8	8	13

2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939				
2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945				
2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945				
Chương 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) 1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946) 1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950) 1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951- 1954) 1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954 – 1965) 2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 – 1975) 2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) - Trình bày được nội dung lịch sử có tính hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975 - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến thời kỳ 1945-1975 - Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	9	8	13
Chương 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức về quá trình Đảng lãnh đạo cả nước đi	6	6	17

1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1981) 1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982 – 1986) 2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 – 1996) 2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1996 đến nay) 2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới (1986 - 2018)	lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018) - Trình bày được quá trình phát triển đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay - Trình bày được những thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo (1975 - 2018) - Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.			
Chương 5. Kết luận 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 1.1. Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 1.2. Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc 1.3. Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng 2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	- Tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học lớn rút ra từ quá trình ấy. - Trình bày được những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam kể từ khi ra đời - Trình bày được những bài học lớn về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	2	1	4

2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế 2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế 2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam	- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T			T
Chương 2	T	T	T	T
Chương 3	T		T	T
Chương 4	T		T	T
Chương 5	T		T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	1 (tr.11-34) 1	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online. - Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	Tuần 1
Chương 2	1 (tr.35-126) 1,2,4	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập	Tuần 2 – 5

		về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online. - Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	
Chương 3	1 (tr.127-236) 1,2,4,5,6	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online. - Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	Tuần 6 – 7
Kiểm tra giữa học kỳ			Tuần 8
Chương 3 (Tiếp)	1 (tr.127-236) 1,2,4,5,6	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online. - Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	Tuần 9 - 10
Chương 4	1 (tr.237-408) 1,2,3,4,5,6	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online. - Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	Tuần 11 – 13
Chương 5	1 (409-434) 1,2,3,4,5,6	- Hình thức: GV dạy học bài mới tại lớp; GV chia nhóm nhỏ để thảo luận; GV giao bài tập về nhà để sinh viên chuẩn bị trước; dạy online.	Tuần 14

		- Phương pháp: Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm - Phương tiện: bảng, phấn, máy chiếu; giấy A0.	

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp2} , C _{hp3} ,

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	phần (a2)					
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	Chp2, Chp3,

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trần Thị Hồng Loan

Ngô Thị Lan Hương

Ngô Thị Lan Hương

Trần Thị Chiên

Phạm Văn Giềng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Mã số: PL101

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**

- Tiếng Anh: **Basic Law**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

☒ Giáo dục đại cương

☐ Giáo dục chuyên ngành

☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành

☐ Chuyên ngành

☐ Nghiệp vụ sư phạm

☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

☒ Bắt buộc

☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết

- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết

- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có)

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: TTHCM và ĐLCM của ĐCSVN

Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Lê Bích Ngọc

Học hàm, học vị: CN

Chuyên ngành:

Điện thoại: 0979672829

Email: Lebichngoc@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Chu Thị Diệp

Học hàm, học vị: ThS, GV Chính

Chuyên ngành: Triết học

Điện thoại: 0984.378.799

Email: chuthidiep@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.2. Giảng viên 3:

Họ tên: Ngô Thị Lan Hương

Học hàm, học vị: TS, GV chính

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản VN

Điện thoại: 0986630945

Email: ngothilanhuong@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.4. Giảng viên 4:

Họ tên: Nguyễn Thị Linh

Học hàm, học vị: ThS

Chuyên ngành: TTHCM

Điện thoại: 0973404406

Email: nguyenthilinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

2.5. Giảng viên 5:

Họ tên: Nguyễn Quang Thuận

Học hàm, học vị: ThS, GV chính

Chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy

Điện thoại: 0978097557

Email: nguyenquangthuan@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 3.10 – Nhà A4

3. Mô tả học phần :

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng từ đó người học có thể

vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học có những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật.	C _{ctdt1}
M _{hp2}	Người học có kiến thức cơ bản về một số bộ luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	C _{ctdt1}
M _{hp3}	Người học có ý thức chấp hành Hiến pháp và pháp luật.	C _{ctdt1}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức.	M _{hp1} , M _{hp2} M _{hp3}
C _{hp2}	Nêu được những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật.	M _{hp1} , M _{hp3}
C _{hp3}	Trình bày được nội dung của một số bộ luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp4}	Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]. Lê Minh Toàn (2019), Pháp luật đại cương (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp), NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật.

6.2. Tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB. Đại học Sư phạm.

[3]. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

[4] Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015, NXB Tư pháp.

[5] Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, NXB Dân trí.

[6] Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Hồng Đức.

[7]. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luật giáo dục 2019, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật 1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước 1.1. 2. Bộ máy nhà nước 1.1.3. Kiểu Nhà nước 1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc, bản chất, thuộc tính của pháp luật 1.2.2. Hình thức, vai trò của pháp luật 1.2.3. Kiểu pháp luật	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật.	2	4	6
Chương 2. Quy phạm pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật 2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 2.1.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật 2.2. Văn bản quy phạm pháp luật	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Nêu được khái niệm quy phạm pháp luật, văn bản qui phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.	2	4	6

2.2.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật 2.2.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta hiện nay 2.3. Quan hệ pháp luật 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật 2.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật.	- Trình bày được cấu trúc bên trong của một qui phạm pháp luật. - Xác định được các yếu tố trong quan hệ pháp luật. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật.			
Chương 3. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 3.1. Vi phạm pháp luật 3.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 3.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật 3.1.3. Các loại vi phạm pháp luật 3.2. Trách nhiệm pháp lý 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý 3.2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Nêu được các khái niệm vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. - Mô tả được các loại trách nhiệm pháp lý. - Xác định được các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật. - Vận dụng lý luận để phân tích các yếu tố cấu vi phạm thành pháp luật trong một trường hợp cụ thể. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật.	1	2	3
Chương 4. Luật Hiến pháp 4.1. Khái niệm luật hiến pháp 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đối tượng điều chỉnh 4.1.3. Phương pháp điều chỉnh	- Nghiêm túc chấp hành những quy định của Luật Hiến pháp. - Trình bày được những nội dung cơ bản của Hiến Pháp 2013.	2	4	6

4.2. Một số chế định cơ bản Hiến Pháp 2013 4.2.1. Chế độ chính trị 4.2.2. Chế độ kinh tế 4.2.3. Chính sách văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ 4.2.4. Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân	- Phân tích được giá trị pháp lý của Hiến Pháp. - Xác định được trách nhiệm trong việc thực hiện quyền nghĩa vụ công dân. - Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức.			
Chương 5. Luật Dân sự và Hôn nhân gia đình và Luật Lao động 5.1. Luật Dân sự 5.1.1. Một số vấn đề chung về Luật Dân sự 5.1.2. Những nội dung cơ bản 5.2. Hôn nhân và gia đình 5.2.1. Một số vấn đề chung về luật hôn nhân và gia đình 5.2.2. Những nội dung cơ bản của luật hôn nhân và gia đình 5.3. Luật lao động 5.3.1. Một số vấn đề chung về Luật Lao động 5.3.2. Những nội dung cơ bản	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Trình bày được những quy định của Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động. - Vận dụng những quy định của Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động trong việc giải quyết tình huống. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của Luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình và Luật Lao động.	4	8	12
Chương 6. Luật Hình sự 6.1. Một số vấn đề chung về Luật Hình sự 6.1.1. Khái niệm Luật hình sự 6.1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 6.1.3. Các nguyên tắc của luật hình sự 6.2. Những nội dung cơ bản 6.2.1. Tội phạm	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Trình bày được những chế định của Luật Hình sự. - Xác định được các yếu tố cấu thành tội	2	4	6

6.2.2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp	phạm và vận dụng trong trong các tình huống cụ thể. - Phân biệt tội phạm và các hành vi vi phạm PL khác. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật.			
Chương 7. Luật Hành chính và Luật giáo dục 7.1. Luật Hành chính 7.1.1. Khái niệm luật hành chính và Cơ quan hành chính nhà nước 7.1.2. Những nội dung cơ bản của Luật Hành chính 7.2. Luật Giáo dục 7.2.1. Khái niệm Luật Giáo dục 7.2.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	- Tích cực tham gia các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. - Trình bày được những quy định của Luật giáo dục và Luật Hành chính. - Phân biệt được hành vi vi phạm hành chính với các hành vi vi phạm PL khác. - Nghiêm túc chấp hành những quy định của Luật Hành chính và Luật Giáo dục.	2	4	6

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T		T
Chương 2	T	T		T
Chương 3	T	T		T
Chương 4	T		T	T
Chương 5	T		T	T
Chương 6	T		T	T
Chương 7	T		T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	1 2 - Trang 11-61	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu.	1,2
Chương 2	1 2 -Trang 62-79	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu.	3,4
Chương 3	1 2 – tr.80-89	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu.	5, 6
Chương 4	1 2 3	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu	7,9
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 5	1 2 - Trang 170-239; 292-378; 4 6	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu	10,11,12
Chương 6	1 2 - Trang 150-158 5	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai.	13,14

		Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu	
Chương 7	1 2 7	Hình thức dạy: Trên lớp, Dạy Online Phương pháp: GV thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, đóng vai. Phương tiện: máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, giấy A0, bút màu	15,16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 1
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 1, C _{hp} 4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức	C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
					đánh giá quá trình khác.	
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: - Thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp2} , C _{hp3}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức: Thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp2} , C _{hp3}

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trần Thị Hồng Loan

**Ngô Thị Lan
Hương**

Chu Thị Diệp

Ngô Thị Lan Hương

Lê Bích Ngọc

Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Quang Thuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: TIN HỌC

Mã số: TH101

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tin học
- Tiếng Anh: Information technology

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Viện Công nghệ Thông tin

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Đỗ Thị Lan Anh

Học hàm, học vị: TS.GV

Chuyên ngành: Khoa học máy tính

Điện thoại: 0943469693

Email: dothilananh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Viện Công nghệ Thông tin.

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Nguyễn Quang Thành

Học hàm, học vị: ThS.GV

Chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Điện thoại: 0982603292

Email: nguyenquangthanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Viện Công nghệ Thông tin.

3. Mô tả học phần

- Môn học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học cũng như máy vi tính, trình bày những kiến thức như thông tin và biểu diễn thông tin trong máy tính; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản, hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý văn bản cụ thể; Các kỹ năng xử lý bảng tính với các phần mềm cụ thể: sử dụng các hàm cơ bản để tính toán trong bảng, làm việc với cơ sở dữ liệu; Cách biên soạn một bản báo cáo, một bài giảng, bài trình bày trên máy chiếu với phần mềm cụ thể; Các kiến thức về Internet và Email, trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là Web và Email nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet.
- Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở trường phổ thông.
- Môn học là công cụ cho các môn học khác trong chương trình

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Cung cấp các kiến thức cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin: Các thành phần và cách sử dụng máy tính, hệ điều hành, chương trình ứng dụng, virus và cách phòng chống virus máy tính. Các khái niệm về văn bản, bảng tính, bản trình chiếu cũng như một số phần mềm để thực hiện các chương trình trên. Các kiến thức cơ bản về Internet, các ứng dụng của Internet, khái niệm và cấu trúc của một Email.	C2
M _{hp2}	Hình thành các kỹ năng liên quan đến môn học: Kỹ năng làm việc với máy tính, quản lý và khai thác thông tin trên máy tính; Kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản; Kỹ năng trình bày, tính toán với bảng tính; Kỹ năng thiết kế và sử dụng bản trình chiếu; Kỹ năng khai thác, kết nối các thông tin có sẵn trên Internet nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, biết sử dụng thư điện tử để gửi và nhận tài liệu.	C2
M _{hp3}	Hình thành kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng vào hoạt động chuyên môn.	C2
M _{hp4}	Nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng ứng dụng CNTT. Có ý thức	C2

	ứng dụng CNTT và thiết bị công nghệ vào việc học, tự học và phát triển chuyên môn.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Nắm vững được các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, các kiến thức về soạn thảo và trình bày văn bản, sử dụng bảng tính để xây dựng một cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh, soạn thảo và biên tập một bản báo cáo trình chiếu đẹp và hiệu quả	M _{hp1}
C _{hp2}	Sử dụng thành thạo máy vi tính; thao tác được trên các hệ điều hành khác nhau và một số chương trình ứng dụng; biết cách quản lý và khai thác các thông tin trên máy vi tính một cách có hiệu quả; Sử dụng thành thạo một số phần mềm soạn thảo văn bản để soạn thảo và trình bày một văn bản hoàn chỉnh theo mẫu, sử dụng được một số công cụ phụ trợ nhằm xử lý văn bản nhanh hơn;	M _{hp2}
C _{hp3}	Biết các thao tác cơ bản để làm việc với bảng tính, sử dụng các hàm tính toán từ cơ bản đến phức tạp để tính toán, thống kê thông tin cần thiết. Biết cách tạo và làm việc với cơ sở dữ liệu, kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính.	M _{hp2}
C _{hp4}	Sử dụng thành thạo phần mềm trình chiếu và các thao tác biên tập, xây dựng nội dung, chèn nhúng các đối tượng đồ họa vào trong trang trình chiếu. Biết cách thiết kế, áp dụng các mẫu có sẵn hoặc tự tạo mẫu cho bài trình chiếu. Biết các thao tác kiểm tra, in ấn và trình diễn bản trình chiếu.	M _{hp2}
C _{hp5}	Sử dụng được Internet để tìm kiếm và trao đổi thông tin một cách an toàn và hiệu quả	M _{hp2}
C _{hp6}	Lựa chọn được các công cụ và thiết bị công nghệ phù hợp vào hoạt động chuyên môn.	M _{hp3} , M _{hp4}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]. Lưu Thị Bích Hương, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thị Quyên, Đỗ Thị Lan Anh. Ứng dụng CNTT cơ bản, NXB Hồng Đức, 2018.

[2]. Lưu Thị Bích Hương, Nguyễn Thị Quyên, Đỗ Thị Lan Anh, Cao Hồng Huệ, Nguyễn Thị Loan, *Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2020.

6.2. Tham khảo

[1]. Nguyễn Huỳnh An, *Hướng dẫn sử dụng Internet cho mọi người, mọi nhà*, NXB Thống kê, 2002

[2]. Timothy J. O’Leary, Linda I. O’Leary, *Microsoft Word 2010: A case approach*, New York: McGraw-Hill, 2011

[3]. Kathleen Stewart, *Microsoft Office Excel 2010: A lesson approach*, complete, New York: McGraw-Hill, 2011

[4]. Timothy J. O’Leary, Linda I. O’Leary, *Microsoft PowerPoint 2010: A case approach*, Complete ed. - New York, NY: McGraw-Hill, 2011

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa,	THo, TNC
Chương 1. Căn bản về máy tính 1.1. Cơ bản về công nghệ thông tin và máy tính 1.2. Hệ điều hành 1.3. Virus máy tính và các biện pháp phòng chống	- Hiểu được một số nội dung cơ bản về CNTT: + Kiến thức cơ bản về máy tính và mạng máy tính; + Các ứng dụng của CNTT - truyền thông; + Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; - Biết cách sử dụng máy tính cơ bản: Những kiến thức cơ bản để làm việc với máy tính; Làm việc với hệ điều hành; Quản lý thư mục và tệp; Một số phần mềm tiện ích; Sử	2	2	7

	dụng font chữ Tiếng Việt; Sử dụng máy in; Hiểu thế nào là virus máy tính và cách phòng tránh;			
Chương 2. Xử lý văn bản 2.1. Khái niệm văn bản 2.2. Giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản 2.3. Một số thao tác cơ bản khi sử dụng một phần mềm xử lý văn bản cụ thể 2.4. Các thao tác chính khi soạn thảo văn bản 2.5. Các kỹ năng soạn thảo và định dạng 2.6. Một số thao tác khác 2.7. Bảng 2.8. Kết xuất và phân phối văn bản	- Biết được một số phần mềm xử lý văn bản - Biết các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản khi sử dụng phần mềm cụ thể.	4	10	10
Chương 3. Bảng tính điện tử 3.1. Khái niệm bảng tính 3.2. Giới thiệu một số phần mềm bảng tính 3.3. Một số thao tác cơ bản khi sử dụng một phần mềm bảng tính cụ thể 3.4. Làm việc với bảng tính cụ thể 3.5. Dữ liệu bảng tính 3.6. Các hàm thường dùng trong bảng tính 3.7. Cơ sở dữ liệu	- Biết được một số phần mềm bảng tính - Biết sử dụng các hàm cơ bản để tính toán trong bảng, làm việc với cơ sở dữ liệu.	6	10	10
Chương 4. Sử dụng trình chiếu 4.1. Khái niệm bài thuyết trình 4.2. Giới thiệu một số phần mềm trình chiếu 4.3. Một số thao tác cơ bản với bài trình chiếu 4.4. Các thao tác cơ bản với trang thuyết trình 4.5. Thiết kế bài trình chiếu 4.6. Thiết lập hiệu ứng 4.7. Chuẩn bị và trình chiếu	- Biết được một số phần mềm trình chiếu - Biết xây dựng một bài thuyết trình	2	6	10
Chương 5. Internet 5.1. Kiến thức cơ bản về Internet 5.2. Tìm kiếm thông tin trên mạng 5.3. Thư điện tử	- Nắm được những kiến thức cơ bản về Internet; - Biết sử dụng trình duyệt web để tìm kiếm thông tin trên mạng Biết sử dụng thư điện tử;	1	2	8

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần¹

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6
Chương 1	T	U	U	U	U	U
Chương 2	T	TU				U
Chương 3	T		TU			U
Chương 4	T			TU		U
Chương 5	T				TU	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy²

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] Chương 1, 2	Hình thức: Giảng dạy lý thuyết trên lớp. Phương pháp: Thuyết trình, gọi mở vấn đáp, thảo luận nhóm Phương tiện: Giáo trình, máy tính, máy chiếu, bảng, giấy A0, bút dạ.	1-2
Chương 2	[1] Chương 3	Hình thức: Giảng dạy lý thuyết trên lớp. Phương pháp: Thuyết trình, gọi mở vấn đáp, thảo luận nhóm. Phương tiện: Giáo trình, máy tính, máy chiếu, bảng, giấy A0, bút dạ.	3-5
Chương 3	[1] Chương 4	Hình thức: Giảng dạy lý thuyết trên lớp. Phương pháp: Thuyết trình, gọi mở vấn đáp, thảo luận nhóm. Phương tiện: Giáo trình, máy tính, máy chiếu, bảng, giấy A0, bút dạ.	6-9
Chương 4	[1] Chương 5	Hình thức: Giảng dạy lý thuyết trên lớp. Phương pháp: Thuyết trình, gọi mở vấn đáp, thảo luận nhóm. Phương tiện: Giáo trình, máy tính, máy chiếu, bảng, giấy A0, bút dạ.	10-13
Chương 5	[1] Chương 6	Hình thức: Giảng dạy lý thuyết trên lớp. Phương pháp: Thuyết trình, gọi mở vấn đáp, thảo luận nhóm, dạy học theo tình huống Phương tiện: Giáo trình, máy tính, máy chiếu, bảng, giấy A0, bút dạ.	14-15

¹ Tích "I" hoặc "T" hoặc "U" vào ô giao giữa hàng tương ứng với chương và cột tương ứng với chuẩn đầu ra học phần, trong đó:

+ "I" - mức Giới thiệu (Introduce): Chương có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hp}k;

+ "T"- mức Giảng dạy (Teach): Chương giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra C_{hp}k;

+ "U"- mức Sử dụng (Utilize): Chương coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hp}k và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác.

² (1): Ghi thứ tự tương ứng của học liệu, kèm theo chỉ dẫn về vị trí nội dung như: chương.../từ trang...đến trang...

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá³

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng kết hợp các phương thức: + Vấn đáp (do giảng viên ra nội dung hỏi); + Dự án; + Báo cáo;	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Chọn một trong các phương thức: + Thực hành trên máy + Thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận, theo ngân hàng đề thi); + Vấn đáp (theo ngân hàng đề thi);	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}

³ (1): Tỷ lệ % điểm nội dung đánh giá trong tổng điểm đánh giá học phần.

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
					+ Làm bài tập lớn (theo hướng dẫn chấm do Trường quy định) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Viện trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Minh Tước

Lưu Thị Bích Hương

Đỗ Thị Lan Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1.1
Mã số: TA101

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tiếng Anh B1.1
- Tiếng Anh: English B1.1

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

- Lí thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có)⁴:

- Có trình độ tiếng Anh sơ cấp - tương đương bậc 2 theo khung NLNN dành cho Việt Nam
- Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu
- Có khả năng thuyết trình và làm việc nhóm

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

⁴ Ngoài kiến thức/kỹ năng/thái độ sinh viên đã có sau khi đạt học phần tiên quyết, cần nêu rõ các yêu cầu khác mà sinh viên cần có trước khi tham dự học phần.

Tổ: Tiếng Anh Cơ bản- Khoa : Tiếng Anh

2. Thông tin về giảng viên⁵

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Mai Thị Vân Anh

Học hàm, học vị: GV, Thạc sỹ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Điện thoại:

Email: maithivananh@hpu2.edu.vn

2.2. Giảng viên 2

Họ tên: Đỗ Thu Hòa

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Điện thoại:

Email: dothuhua@hpu2.edu.vn

2.3. Giảng viên 3

Họ tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Sư phạm Tiếng Anh

Điện thoại:

Email: nguyenthiphuongthao@hpu2.edu.vn

2.4. Giảng viên 4

Họ tên: Đỗ Thị Vân Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Điện thoại:

Email: dothivantrang@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần⁶

Học phần Tiếng Anh B1.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành. Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Cụ thể học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về chủ điểm ngữ pháp như thì hiện tại hoàn

⁵ Lần lượt liệt kê thông tin của các giảng viên phụ trách học phần.

⁶ Nhất quán với phần *Mô tả tóm tắt học phần* trong văn bản *Chương trình đào tạo*.

thành, hiện tại đơn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, trạng từ chỉ tần suất, tiền tố, hậu tố, các động từ thường gặp trong tiếng Anh, v.v. và cung cấp từ vựng chung liên quan đến các chủ đề như thể thao, du lịch, giao thông, v.v.

Học phần Tiếng Anh B1 là học phần tiếp nối Tiếng Anh A2.1, A2.2 và A2.3. Học phần Tiếng Anh B1.1 dạy 4 bài đầu giáo trình **LIFE** (A2-B1) là Unit 1, 2, 3 và 4.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh ở trình độ trung cấp.	C _{nn}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Vận dụng kỹ năng Nghe Tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng kỹ năng Nói Tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp1}
C _{hp3}	Vận dụng kỹ năng Đọc Tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp1}
C _{hp4}	Vận dụng kỹ năng Viết Tiếng Anh ở trình độ trung cấp.	M _{hp1}
C _{hp5}	Chủ động, tích cực rèn luyện và phát triển năng lực sử dụng Tiếng Anh trong môi trường học tập và giao tiếp xã hội.	M _{hp1}

6. Học liệu⁷

6.1. Bắt buộc

[1] John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett, *Life A2–B1*, Cengage learning, 2020.

6.2. Tham khảo

⁷ Mỗi học liệu được liệt kê gồm phần thứ tự của học liệu và phần thông tin về học liệu. Thứ tự học liệu ghi bằng chữ số Ả-rập, đặt trong []. Tiếp theo, thông tin về học liệu trình bày theo đúng quy định của Chuẩn IEEE).

[2] Mike Sayer, *Life Pre-Intermediate Teacher's book*, Cengage Learning.

[3] Websites:

<http://www.englishpage.com>

<http://www.iteslj.org/links>

<http://www.a4esl.org>

<http://www.englishclub.com>

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết⁸

Nội dung	Chuẩn đầu ra bài học	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa,	THo, TNC
Unit 1: LIFESTYLE 1a: What have we learned? 1b: The secret of a long life 1c: Nature is good for you 1d: At the doctor's 1e: Personal information 1f- Video watching: My local park Review and Memory booster	Nắm vững được từ vựng liên quan tới các chủ đề cuộc sống hàng ngày, các vấn đề về sức khỏe, bảng biểu, biểu mẫu, Nắm vững được kiến thức ngữ pháp liên quan tới các chủ điểm ngữ pháp như thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, trạng từ chỉ tần suất, các cụm từ đi cùng do, play, go, hiểu được cách sử dụng động từ feel. Phát âm đúng các âm /s/, /z/, /iz/. Vận dụng được tư duy phân biện để đưa ra các ví dụ, trình bày về các loại bệnh tật. Áp dụng được kiến thức để điền vào bảng biểu, biểu mẫu. Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	7	7	15

⁸ (1): LT - Lí thuyết; BT, THa, TL - Bài tập, thực hành, thảo luận; Tho, TNC - Tự học, tự nghiên cứu.

UNIT 2: COMPETITIONS 2a: Crazy competitions! 2b: Winning and losing 2c: Bolivian wrestlers 2d: Joining a group 2e: Advertising for members 2f- Video watching: Mongolian horse racing Review and Memory booster	Nắm vững được từ vựng liên quan tới các chủ đề thể thao, các từ, cụm từ nói về nguyên tắc, quy luật thể thao. Nắm vững được kiến thức ngữ pháp liên quan tới các chủ điểm ngữ pháp như tiền tố, hậu tố, động từ kết thúc bằng đuôi -ing, cách sử dụng động từ Like. Phát âm đúng các âm /ŋ/, chữ cái câm. Vận dụng được tư duy phản biện để đưa ra suy luận từ các nội dung được nghe, đọc. Trình bày được sở thích của bản thân. Viết được nội dung quảng cáo hoặc thông báo. Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	7	7	15
UNIT 3: TRANSPORT 3a: Transport solutions 3b: Transport around the world 3c: The end of the road 3d: Getting around town 3e: Quick communication 3f-Video watching: Indian Railways Review and Memory booster	Nắm vững được từ vựng liên quan tới chủ đề giao thông và phương tiện giao thông. Nắm vững được kiến thức ngữ pháp liên quan tới các chủ điểm ngữ pháp như so sánh hơn và so sánh hơn nhất, so sánh ngang bằng, bỏ trợ so sánh. Phát âm đúng từ <i>than</i>, trọng âm của câu, ngữ điệu. Vận dụng được tư duy phản biện để đưa ra suy luận từ các nội dung được nghe, đọc. Trình bày được các cách thức sử dụng phương tiện giao thông khác nhau. Viết được tin nhắn, thông báo, lưu ý.	8	8	15

	Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
UNIT 4: CHALLENGES 4a: Adventures of the year 4b: An impossible decision 4c: Challenge yourself 4d: True stories 4e: A story of survival 4f-Video watching: A microadventure Review and Memory booster	Nắm vững được từ vựng liên quan tới phẩm chất cá nhân, và các tình huống trong quá khứ. Xây dựng được động từ và danh từ xuất phát từ một từ gốc. Nắm vững được kiến thức ngữ pháp liên quan tới các chủ điểm như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn. Phát âm đúng các âm /d/, /t/, /id/; phát âm chính xác was/were. Ngữ điệu dùng khi trả lời. Vận dụng được tư duy phản biện để tìm kiếm các số liệu hỗ trợ cho nội dung trình bày. Trình bày được một câu chuyện. Viết được một câu truyện ngắn. Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	8	8	15
REVISION	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học. Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	0	0	15

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần⁹

⁹ Tích "I" hoặc "T" hoặc "U" vào ô giao giữa hàng tương ứng với chương và cột tương ứng với chuẩn đầu ra học phần, trong đó:

- + "I" - mức Giới thiệu (Introduce): Chương có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hpk};
- + "T"- mức Giảng dạy (Teach): Chương giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra C_{hpk};
- + "U"- mức Sử dụng (Utilize): Chương coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hpk} và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác.

<i>Thứ tự bài học</i>	<i>Chuẩn đầu ra học phần</i>				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Unit 1	T	T	T	T	T
Unit 2	T	T	T	T	T
Kiểm tra giữa kỳ					
Unit 3	T	T	T	T	T
Unit 4	T	T	T	T	T
Revision	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy¹⁰

Thứ tự bài học	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Unit 1	[1] Unit 1 [2] Unit 1 [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích. Giao bài tập, nhiệm vụ cá nhân, nhóm. Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, handouts, videos	1+2+3+4
Unit 2	[1] Unit 2 [2] Unit 2 [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, nghiên cứu, phân tích. Giao bài tập, nhiệm vụ cá nhân, nhóm. Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, handouts	5+6+7
Kiểm tra giữa kỳ		Làm bài kiểm tra 4 kỹ năng	8
Unit 3	[1] Unit 3 [2] Unit 3 [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích. Giao bài tập, nhiệm vụ cá nhân, nhóm.	9+10+11

¹⁰ (1): Ghi thứ tự tương ứng của học liệu, kèm theo chỉ dẫn về vị trí nội dung như: chương.../từ trang...đến trang...

		Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	
Unit 4	[1] Unit 4 [2] Unit 4 [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích. Giao bài tập, nhiệm vụ cá nhân, nhóm. Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	12+13+14
Revision	[3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích. Giao bài tập, nhiệm vụ cá nhân, nhóm. Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá¹¹

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp5}

¹¹ (1): Tỷ lệ % điểm nội dung đánh giá trong tổng điểm đánh giá học phần.

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
				học tập do giảng viên giao		
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà.	C _{hp5}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Làm bài thi trắc nghiệm	C _{hp1} - C _{hp4}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Làm bài thi tích hợp 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết	C _{hp1} - C _{hp4}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người biên soạn¹²
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Mai Thị Vân Anh

Đỗ Thu Hòa

¹² Mọi thành viên được phân công biên soạn đề cương chi tiết (bản cập nhật) của học phần tương ứng đều phải ký và ghi rõ họ tên.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1.2
Mã số: TA102

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tiếng Anh B1.2
- Tiếng Anh: English B1.2

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có)¹³:

- Hoàn thành học phần Tiếng Anh B1.1
- Có trình độ tiếng Anh sơ cấp - tương đương bậc 2 theo khung NLNN dành cho Việt Nam
- Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu
- Có khả năng làm việc nhóm

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Tiếng Anh Cơ bản Khoa : Tiếng Anh

2. Thông tin về giảng viên¹⁴

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Mai Thị Vân Anh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Điện thoại:

Email: maithivananh@hpu2.edu.vn

2.2. Giảng viên 2

Họ tên: Đỗ Thu Hòa

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Điện thoại:

Email: dothuhua@hpu2.edu.vn

2.3. Giảng viên 3

¹³ Ngoài kiến thức/kỹ năng/thái độ sinh viên đã có sau khi đạt học phần tiên quyết, cần nêu rõ các yêu cầu khác mà sinh viên cần có trước khi tham dự học phần.

¹⁴ Lần lượt liệt kê thông tin của các giảng viên phụ trách học phần.

Họ tên: Nguyễn Thị Phương Thảo
 Học hàm, học vị: Thạc sỹ
 Chuyên ngành: Sư phạm tiếng Anh
 Điện thoại: Email: nguyenthiphuongthao@hpu2.edu.vn

2.4. Giảng viên 4

Họ tên: Đỗ Thị Vân Trang
 Học hàm, học vị: Thạc sỹ
 Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh
 Điện thoại: Email: dothivantrang@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần¹⁵

Học phần Tiếng Anh B1.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành không chuyên tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông (một số các chủ điểm như lượng từ, mạo từ, giới từ, động từ nguyên thể có *to*, các thì tương lai thường, tương lai dự định, hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn...); nâng cao vốn từ vựng (liên quan tới các chủ đề quen thuộc như môi trường, lễ kỷ niệm, nghề nghiệp, công nghệ...); bổ sung thêm kiến thức về ngữ âm (thể mạnh/ nhẹ của một số từ hay gặp, từ mang trọng âm trong câu, nối âm, ngữ điệu...); phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nhằm hướng tới mục tiêu đạt trình độ tiếng Anh trung cấp theo khung NLNN dành cho Việt Nam.

Học phần Tiếng Anh B1.2 là học phần tiếp nối học phần Tiếng Anh B1.1. Trong học phần Tiếng Anh B1.2, sinh viên học 4 bài: Unit 5, 6, 7 và 8 trong giáo trình **LIFE** (A2-B1).

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp}	Vận dụng các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết tiếng Anh ở trình độ trung cấp	C _{nn}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp 1}	Vận dụng kỹ năng Nghe tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 2}	Vận dụng kỹ năng Đọc tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 3}	Vận dụng kỹ năng Nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 4}	Vận dụng kỹ năng Viết tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}

¹⁵ Nhất quán với phần Mô tả tóm tắt học phần trong văn bản Chương trình đào tạo.

C _{hp} 5	Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao	

6. Học liệu¹⁶

6.1. Bắt buộc

[1] John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett, *Life A2–B1*, Cengage learning, 2020.

6.2. Tham khảo

[2] Mike Sayer, *Life Pre-Intermediate Teacher's book*, Cengage Learning.

[3] Websites:

<https://www.ngllife.com/teacher-resources/extra-practice-activities>

<http://www.englishpage.com>

<http://www.iteslj.org/links>

<http://www.a4esl.org>

<http://www.englishclub.com>

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết¹⁷

Nội dung	Chuẩn đầu ra bài học	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	Tho, TNC
Unit 5: THE ENVIRONMENT 5a: Recycling 5b: Managing the environment 5c: A boat made of bottles 5d: Online shopping 5e: Emails about an order 5f- Video watching: Recycling Cairo Review and Memory booster	- Nắm vững từ vựng liên quan tới rác thải và tái chế, vận dụng động từ <i>take</i> trong nhiều cách diễn đạt khác nhau - Xác định được danh từ đếm được và danh từ không đếm được, biết sử dụng lượng từ phù hợp với mỗi loại danh từ để nói về số lượng, sử dụng đúng mạo từ trong câu - Phát âm từ <i>the</i> ở thể mạnh /ði:/ hoặc nhẹ /ðə/ một cách phù hợp - Nghe thông tin và số liệu về dự án môi trường	3	7	10

¹⁶ Mỗi học liệu được liệt kê gồm phần thứ tự của học liệu và phần thông tin về học liệu. Thứ tự học liệu ghi bằng chữ số Ả-rập, đặt trong []. Tiếp theo, thông tin về học liệu trình bày theo đúng quy định của Chuẩn IEEE).

¹⁷ (1): LT - Lý thuyết; BT, THa, TL - Bài tập, thực hành, thảo luận; Tho, TNC - Tự học, tự nghiên cứu.

	- Hỏi và đáp để đặt hàng qua điện thoại sử dụng ngữ điệu thân thiện - Đọc hiểu sâu để hiểu rõ về những thông tin nhất định về rác thải điện tử - Viết emails trình bày về những vấn đề liên quan tới đặt hàng sử dụng từ trang trọng - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
UNIT 6: STAGES IN LIFE 6a: Changing your life 6b: World party 6c: Coming of age 6d: An invitation 6e: A wedding in Madagascar 6f- Video watching: Steel drums Review and Memory booster	- Nắm vững các từ vựng về lễ hội và lễ kỷ niệm, các cách nói tuổi khác nhau - Sử dụng đúng động từ nguyên thể có <i>to</i> và động từ <i>take</i> trong các trường hợp nhất định, phân biệt và sử dụng đúng thì tương lai thường và tương lai dự định - Phát âm đúng từ <i>to</i> ở thể mạnh /tu:/ hoặc nhẹ /tə/, xác định đúng và làm nổi bật các từ mang trọng âm trong câu khi nói câu - Nghe thông tin về công tác chuẩn bị cho một lễ hội - Đưa ra lời mời và đáp lại lời mời (đồng ý – từ chối) với các mức độ trang trọng khác nhau - Đọc hiểu được quan điểm của tác giả - Viết một đoạn văn miêu tả ngắn cho một trang blog du lịch, sử dụng đa dạng các tính từ miêu tả - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	4	7	10
UNIT 7: WORK 7a: Changes in Pennsylvania 7b: X-ray photographer 7c: Twenty-first century cowboys	- Nắm vững các từ vựng về nghề nghiệp, các bộ phận của tòa nhà, các từ thường xuất hiện trong bài quảng cáo về công việc	4	8	10

7d: A job interview 7e: Applying for a job 7f-Video watching: My working life Review and Memory booster	- Phân biệt được thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn, sử dụng đúng hai thì trong những trường hợp nhất định, sử dụng <i>for</i> và <i>since</i> trong thì hiện tại hoàn thành một cách phù hợp - Nói âm bằng cách chen thêm phụ âm /w/ một cách phù hợp - Nghe hiểu và đối đáp một cách phù hợp khi tham gia vào một cuộc phỏng vấn xin việc - Đọc hiểu kết hợp với tư duy phản biện – phân tích yếu tố so sánh - Viết một bản sơ yếu lý lịch (CV) để xin việc - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
UNIT 8: TECHNOLOGY 8a: Mobile technology 8b: Invention for the eyes 8c: Designs from nature 8d: Gadgets 8e: An argument for technology 8f-Video watching: Ancient languages, modern technology Review and Memory booster	- Nắm vững các động từ liên quan đến Internet, các danh từ chỉ phát minh nổi tiếng, các giới từ phụ thuộc đi cùng động từ/ tính từ/ danh từ nhất định - Phân biệt câu điều kiện loại 0 và loại 1 về hình thức và cách sử dụng, vận dụng để trình bày dự định cho một chuyến đi trong tương lai - Sử dụng mệnh đề quan hệ xác định trong câu để xác định hoặc giải thích cho đối tượng đang đề cập đến - Nói âm khi nói từ bắt đầu bằng nguyên âm liền trước là một từ kết thúc bằng phụ âm - Nghe hiểu một chương trình khoa học - Hỏi, đáp và giải thích về cách vận hành của một loại máy móc - Đọc hiểu về những thiết kế từ thiên nhiên kết hợp tư duy phản biện - tìm kiếm	4	8	10

	thông tin từ những nguồn thông tin phổ biến - Viết một đoạn văn ngắn về một chủ đề nhất định có sử dụng từ nối một cách phù hợp - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
REVISION	- Ôn tập lại các kiến thức đã học - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			5

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần¹⁸

Thứ tự bài học	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Unit 5	T	T	T	T	T
Unit 6	T	T	T	T	T
Kiểm tra giữa kỳ					
Unit 7	T	T	T	T	T
Unit 8	T	T	T	T	T
Revision	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy¹⁹

Thứ tự bài học	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Unit 5	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, handouts, videos	1+2+3+4
Unit 6	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, nghiên cứu, phân tích	5+6+7

¹⁸ Tích "I" hoặc "T" hoặc "U" vào ô giao giữa hàng tương ứng với chương và cột tương ứng với chuẩn đầu ra học phần, trong đó:

+ "I" - mức Giới thiệu (Introduce): Chương có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hp*k*};

+ "T"- mức Giảng dạy (Teach): Chương giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra C_{hp*k*};

+ "U"- mức Sử dụng (Utilize): Chương coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hp*k*} và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác.

¹⁹ (1): Ghi thứ tự tương ứng của học liệu, kèm theo chỉ dẫn về vị trí nội dung như: chương.../từ trang...đến trang...

		Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts	
Kiểm tra giữa kỳ		Bài kiểm tra trắc nghiệm	8
Unit 7	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	9+10+11
Unit 8	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	12+13+14
Revision	[3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá²⁰

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp5}

²⁰ (1): Tỷ lệ % điểm nội dung đánh giá trong tổng điểm đánh giá học phần.

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà.	C _{hp5}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Làm bài thi trắc nghiệm	C _{hp1} - C _{hp2}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Làm bài thi tích hợp 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết	C _{hp1} - C _{hp4}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người biên soạn²¹
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhật
Thảo

Mai Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Phương

²¹ Mọi thành viên được phân công biên soạn đề cương chi tiết (bản cập nhật) của học phần tương ứng đều phải ký và ghi rõ họ tên.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1.3
Mã số: TA103

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tiếng Anh B1.3
- Tiếng Anh: English B1.3

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☒ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có)²²:

- Hoàn thành học phần Tiếng Anh B1.1 và Tiếng Anh B1.2
- Có trình độ tiếng Anh tương đương bậc A2 theo khung NLNN dành cho Việt Nam
- Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu
- Có khả năng thuyết trình và làm việc nhóm

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Tiếng Anh Cơ bản Khoa : Tiếng Anh

2. Thông tin về giảng viên²³

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Mai Thị Vân Anh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Điện thoại:

Email: maithivananh@hpu2.edu.vn

2.2. Giảng viên 2

Họ tên: Đỗ Thu Hòa

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Điện thoại:

Email: dothuhua@hpu2.edu.vn

2.3. Giảng viên 3

Họ tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

²² Ngoài kiến thức/kĩ năng/thái độ sinh viên đã có sau khi đạt học phần tiên quyết, cần nêu rõ các yêu cầu khác mà sinh viên cần có trước khi tham dự học phần.

²³ Lần lượt liệt kê thông tin của các giảng viên phụ trách học phần.

Học hàm, học vị: Thạc sỹ
 Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
 Điện thoại: Email: nguyenthiphuongthao@hpu2.edu.vn

2.4. Giảng viên 4

Họ tên: Đỗ Thị Vân Trang
 Học hàm, học vị: Thạc sỹ
 Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh
 Điện thoại: Email: dothivantrang@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần²⁴

Học phần Tiếng Anh B1.3 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành không chuyên tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông (một số các chủ điểm như tính từ *đuôi -ed* và *đuôi -ing*, thì quá khứ hoàn thành, câu bị động, câu trực tiếp/ gián tiếp, câu điều kiện loại 2...); nâng cao vốn từ vựng (liên quan tới các chủ đề quen thuộc như kì nghỉ, công nghệ, lịch sử, thiên nhiên và thời tiết...); bổ sung thêm kiến thức về ngữ âm (âm tiết, phát âm đúng các âm /s/ và /z/, ngắt giọng, ngữ điệu...); phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được kỳ vọng sẽ đạt trình độ tiếng Anh trung cấp theo khung NLNN dành cho Việt Nam.

Học phần Tiếng Anh B1.3 là học phần tiếp nối các học phần Tiếng Anh B1.1 và B1.2. Trong học phần Tiếng Anh B1.3, sinh viên học 4 bài: Unit 9, 10, 11 và 12 trong giáo trình *LIFE* (A2-B1).

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp}	Phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh ở trình độ trung cấp	C _{nn}

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp 1}	Vận dụng kỹ năng Nghe tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 2}	Vận dụng kỹ năng Đọc tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 3}	Vận dụng kỹ năng Nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}
C _{hp 4}	Vận dụng kỹ năng Viết tiếng Anh ở trình độ trung cấp	M _{hp}

²⁴ Nhất quán với phần *Mô tả tóm tắt học phần* trong văn bản *Chương trình đào tạo*.

C _{hp} 5	Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao	

6. Học liệu²⁵

6.1. Bắt buộc

[1] John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett, *Life A2–B1*, Cengage learning, 2020.

6.2. Tham khảo

[2] Mike Sayer, *Life Pre-Intermediate Teacher's book*, Cengage Learning.

[3] Websites:

<https://www.ngllife.com/teacher-resources/extra-practice-activities>

<http://www.englishpage.com>

<http://www.iteslj.org/links>

<http://www.a4esl.org>

<http://www.englishclub.com>

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết²⁶

Nội dung	Chuẩn đầu ra bài học	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Unit 9: HOLIDAYS 9a: Holiday stories 9b: A different kind of holiday 9c: Two sides of Paris 9d: Tourist information 9e: Requesting information 9f- Video watching: Living in Venice Review and Memory booster	- Nắm vững các từ vựng liên quan tới chủ đề kì nghỉ (các loại kì nghỉ, vấn đề trong kì nghỉ, cách kết hợp động từ và danh từ phù hợp để nói về kì nghỉ...) - Phân biệt được tính từ đuôi <i>-ed</i> và tính từ đuôi <i>-ing</i> và vận dụng để miêu tả sự vật/ sự việc/ người - Vận dụng kiến thức về thì quá khứ hoàn thành, phân biệt thì quá khứ hoàn thành với thì quá khứ đơn - Xác định và phát âm đúng số âm tiết của từ	3	7	10

²⁵ Mỗi học liệu được liệt kê gồm phần thứ tự của học liệu và phần thông tin về học liệu. Thứ tự học liệu ghi bằng chữ số Ả-rập, đặt trong []. Tiếp theo, thông tin về học liệu trình bày theo đúng quy định của Chuẩn IEEE).

²⁶ (1): LT - Lí thuyết; BT, THa, TL - Bài tập, thực hành, thảo luận; Tho, TNC - Tự học, tự nghiên cứu.

	- Nghe bài phỏng vấn về chủ đề các loại kỳ nghỉ - Kể chuyện sử dụng các thì quá khứ khác nhau, đặt câu hỏi để tìm kiếm thông tin và đưa ra ý kiến/ đề nghị bằng những cấu trúc phù hợp - Đọc hiểu được mục đích của tác giả - Viết email để hỏi thông tin bằng lối diễn đạt trang trọng - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
UNIT 10: PRODUCTS 10a: A lesson in logos 10b: Product design 10c: Is stuff winning? 10d: Website design 10e: A review 10f- Video watching: Wind turbines Review and Memory booster	- Nắm vững các từ vựng liên quan đến chủ đề sản phẩm công nghệ - Phân biệt được các dạng từ phổ biến (danh từ, động từ, tính từ...), học từ kết hợp với học dạng từ, sử dụng đúng dạng từ để đặt câu - Nắm vững kiến thức về thể bị động ở thì hiện tại đơn và quá khứ đơn - Phân biệt và phát âm đúng âm /s/ và /z/ - Nghe và xác định thông tin cụ thể trong chương trình radio về Sony Walkman - Kể về những việc trong quá khứ sử dụng <i>used to</i> để - Hỏi ý kiến và đưa ra quan điểm cá nhân khi thảo luận về một vấn đề - Đọc hiểu và xác định được thông tin thực tế, quan điểm của tác giả, quan điểm của người khác được trích dẫn trong bài đọc - Viết bài nhận xét đánh giá về một website	4	7	10

	- Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
UNIT 11: HISTORY 11a: <i>The history of video gaming</i> 11b: <i>Messages from the past</i> 11c: <i>Stealing history</i> 11d: <i>A journey to Machu Picchu</i> 11e: <i>The greatest mountainer</i> 11f-Video watching: <i>The Golden Record</i> Review and Memory booster	- Nắm vững các từ vựng liên quan đến chủ đề lịch sử, các phương tiện thông tin liên lạc - Nắm vững cách sử dụng từ “one” - Phân biệt được câu trực tiếp và câu gián tiếp, vận dụng hai loại câu vào giao tiếp, vận dụng câu gián tiếp để tường thuật lại một câu nói hoặc câu chuyện - Nắm vững ngữ âm về ngắt giọng – dùng nghỉ đúng chỗ khi nói câu, nói đoạn - Nghe hiểu thông tin chính và thông tin chi tiết trong bản tin về các tin nhắn trong chai - Trình bày một bài thuyết trình ngắn về một chủ đề nhất định với ngữ điệu phù hợp, dùng nghỉ đúng chỗ - Đọc hiểu thông tin chính và thông tin chi tiết, xác định từ thể hiện cảm xúc để hiểu quan điểm của tác giả - Viết tiểu sử về một người nổi tiếng - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	4	8	10
UNIT 12: NATURE 12a: <i>What if...?</i> 12b: <i>Nature in one cubic foot</i> 12c: <i>Living with chimpanzees</i> 12d: <i>Discussing issues</i> 12e: <i>The Eden project</i>	- Nắm vững các từ vựng liên quan đến chủ đề thiên nhiên, thời tiết - Vận dụng linh hoạt các từ <i>anywhere, everyone, nobody, something...</i> trong câu, dùng <i>start</i> với các cách diễn đạt khác nhau	4	8	10

12f-Video watching: Cambodia animal rescue Review and Memory booster	- Nắm vững cách sử dụng và đặt câu ở dạng điều kiện loại 2, vận dụng để nói về hy vọng và ước mơ - Phát âm đúng các từ <i>would/ wouldn't/ 'd</i> - Nghe hiểu thông tin chi tiết tài liệu về một nhiếp ảnh gia - Thảo luận để tìm ra giải pháp cho một vấn đề: giải thích vấn đề, đưa gợi ý, đáp lại - Đọc hiểu sâu để hiểu rõ về những thông tin nhất định trong bài - Viết một bài báo với bố cục và sắp xếp thông tin một cách hợp lý - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
REVISION	- Ôn tập lại các kiến thức đã học - Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			5

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần²⁷

Thứ tự bài học	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Unit 9	T	T	T	T	T
Unit 10	T	T	T	T	T
Kiểm tra giữa kỳ					
Unit 11	T	T	T	T	T
Unit 12	T	T	T	T	T
Revision	T	T	T	T	T

²⁷ Tích "I" hoặc "T" hoặc "U" vào ô giao giữa hàng tương ứng với chương và cột tương ứng với chuẩn đầu ra học phần, trong đó:

+ "I" - mức Giới thiệu (Introduce): Chương có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hpk};

+ "T"- mức Giảng dạy (Teach): Chương giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra C_{hpk};

+ "U"- mức Sử dụng (Utilize): Chương coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra học phần C_{hpk} và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác.

7.3. Kế hoạch giảng dạy²⁸

Thứ tự bài học	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Unit 9	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	1+2+3+4
Unit 10	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, nghiên cứu, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	5+6+7
Kiểm tra giữa kỳ		Kiểm tra trắc nghiệm	8
Unit 11	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	9+10+11
Unit 12	[1] [2] [3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	12+13+14
Revision	[3]	Hình thức: Trực tiếp trên lớp học Phương pháp: bài giảng, thuyết trình, thảo luận nhóm, đọc có hướng dẫn, quan sát, phân tích Phương tiện: sách giáo trình, máy chiếu, slides, hanhouts, videos	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá²⁹

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}

²⁸ (1): Ghi thứ tự tương ứng của học liệu, kèm theo chỉ dẫn về vị trí nội dung như: chương.../từ trang...đến trang...

²⁹ (1): Tỷ lệ % điểm nội dung đánh giá trong tổng điểm đánh giá học phần.

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp5}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà.	C _{hp5}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Làm bài thi trắc nghiệm	C _{hp1} - C _{hp4}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Làm bài thi tích hợp 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết	C _{hp1} - C _{hp4}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng khoa
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người biên soạn³⁰
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhật
Thảo

Mai Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Phương

³⁰ Mọi thành viên được phân công biên soạn đề cương chi tiết (bản cập nhật) của học phần tương ứng đều phải ký và ghi rõ họ tên.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM
Mã số: DL301

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần

- Tiếng Việt: Địa lí tự nhiên Việt Nam
- Tiếng Anh: Vietnamese Natural Geography

1.2. Thuộc khối kiến thức

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Các yêu cầu khác: Không
- 1.6.3. Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Thân Thị Huyền**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ.
- Chuyên ngành: Địa lí
- Điện thoại: 090 402 1083 Email: thanthihuyen@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Đỗ Thị Mùi**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư.
- Chuyên ngành: Địa lí
- Điện thoại: 098 978 3218 Email: dothimui@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho người học đặc điểm cơ bản nhất của các thành phần tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam, vai trò/ảnh hưởng của từng thành phần tự nhiên đến dân cư, xã hội và sự phát triển kinh tế đất nước (theo không gian và thời gian). Đồng thời, môn học còn cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên, sự ảnh hưởng của các quy luật phân hóa đến sự phân hóa tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam.

Là một môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/cơ hội-hạn chế/thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/miền của người dân Việt Nam từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt

Môn học này có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý bậc trung học cơ sở cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật) và các miền địa lý tự nhiên Việt Nam.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá sự khác biệt về các thành phần tự nhiên giữa các miền địa lý tự nhiên Việt Nam.	
M _{hp3}	Vận dụng những kiến thức về địa lý tự nhiên Việt Nam vào tổ chức dạy học lịch sử/lịch sử-địa lý và các hoạt động giáo dục khác (bảo vệ môi trường) ở trường trung học.	
M _{hp4}	Có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu những chủ đề tích hợp Lịch sử và Địa lý.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp5}	Có khả năng tìm kiếm, khai thác các nguồn học liệu có liên quan đến Địa lý tự nhiên Việt Nam nhằm phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	
M _{hp6}	Có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công

		việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 7	Vẽ được lược đồ lãnh thổ Việt Nam phần đất liền; đọc và phân tích được bản đồ, lát cắt bản đồ và xác định được vị trí trên bản đồ. Vẽ được biểu đồ nhiệt - ẩm, lưu lượng dòng chảy, phân tích được diễn biến nhiệt độ, lượng mưa của một trạm khí tượng và xác định được vị trí trạm khí tượng đó trong miền địa lí tự nhiên nước ta; vẽ được lược đồ các khu địa lí tự nhiên trong từng miền; phân tích được sơ đồ phân vị của tác giả Vũ Tự Lập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C9: Hỗ trợ được đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được đặc điểm chung, các thành phần tự nhiên, các miền tự nhiên Việt Nam.	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá được sự khác biệt về các thành phần tự nhiên giữa các miền địa lí tự nhiên Việt Nam.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về địa lí tự nhiên Việt Nam vào tổ chức dạy học lịch sử/lịch sử-địa lí và các hoạt động giáo dục khác (bảo vệ môi trường) ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Sưu tầm học liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến Địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 4 M _{hp} 5
C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 6
C _{hp} 6	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập địa lí tự nhiên Việt Nam.	
C _{hp} 7	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...).	M _{hp} 7

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (bậc tiểu học); Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (bậc trung học cơ sở), Chương trình môn Địa lí (bậc trung học phổ thông), Hà Nội, 2018.
- [2] Vũ Tự Lập, Địa lí tự nhiên Việt Nam, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2006.

- [3] Đặng Duy Lợi (chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu, Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (phần khu vực), Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2009.
- [4] Ngô Đạt Tam, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), Atlas Địa lí Việt Nam, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

6.2. Tham khảo

- [5] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016, Hà Nội, 2016.
- [6] Lê Thông (chủ biên), Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2013.
- [7] Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Quý Thao, Nguyễn Minh Tuệ, Đặng Duy Lợi, Nguyễn Văn Phú, Phí Công Việt, Bùi Xuân Đính, Nguyễn Đức Vũ, Vũ Viết Chính, Thành Ngọc Linh, Việt Nam: đất nước, con người, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [8] Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam, Hà Nội: NXB Thống kê, 2020.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam 1.1. Việt Nam nằm ở vị trí tiếp xúc giữa nhiều hệ thống tự nhiên 1.2. Việt Nam là quốc gia có tính biến lớn nhất trong các quốc gia Đông Nam Á lục địa 1.3. Việt Nam - đất nước nhiều đồi núi 1.4. Việt Nam - đất nước nội chí tuyến gió mùa ẩm 1.5. Việt Nam - đất nước có sự phân hóa không gian mạnh, cảnh quan đa dạng, phong phú	1) Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí-lãnh thổ Việt Nam. 2) Nêu được các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. 3) Trình bày được đặc điểm Việt Nam nằm ở vị trí tiếp xúc giữa giữa nhiều hệ thống tự nhiên. 4) Phân tích được đặc điểm Việt Nam là quốc gia có tính biến lớn nhất trong các quốc gia Đông Nam Á lục địa. 5) Phân tích được đặc điểm Việt Nam - đất nước nhiều đồi núi. 6) Phân tích được đặc điểm Việt Nam - đất nước nội chí tuyến gió mùa ẩm.	2	4	6

	7) Trình bày được đặc điểm Việt Nam - đất nước có sự phân hoá không gian mạnh, cảnh quan đa dạng, phong phú.			
Chương 2. Địa lí các thành phần tự nhiên Việt Nam 2.1. Địa hình Việt Nam 2.1.1. Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam 2.1.2. Khái quát về các kiểu địa hình và các khu vực địa hình 2.2. Khí hậu Việt Nam 2.2.1. Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam 2.2.2. Khái quát về các yếu tố khí hậu, kiểu khí hậu, khu vực khí hậu 2.3. Thủy văn Việt Nam 2.3.1. Đặc điểm chung của thủy văn Việt Nam 2.3.2. Khái quát về các hệ thống sông, hồ và nước ngầm 2.4. Thổ nhưỡng Việt Nam 2.4.1. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng Việt Nam 2.4.2. Khái quát về các nhóm và loại đất chính 2.5. Sinh vật Việt Nam 2.5.1. Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam 2.5.2. Khái quát về các hệ địa - sinh thái chính 2.6. Khoáng sản Việt Nam 2.6.1. Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam 2.6.2. Khái quát về các loại khoáng sản 2.7. Biển Đông Việt Nam 2.7.1. Đặc điểm chung của Biển Đông Việt Nam 2.7.2. Khái quát về tự nhiên Biển Đông Việt Nam	8) Phân tích được đặc điểm chung của địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật, khoáng sản, Biển Đông Việt Nam. 9) Trình bày được những nét khái quát về các kiểu địa hình và các khu vực địa hình; các yếu tố khí hậu, kiểu khí hậu, khu vực khí hậu; các hệ thống sông, hồ, nước ngầm; các nhóm và loại đất chính; các hệ địa-sinh thái chính; các loại khoáng sản; đặc điểm tự nhiên Biển Đông.	7	1 7	22, 5

Chương 3. Địa lí các miền tự nhiên Việt Nam 3.1. Hệ thống các đơn vị phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam 3.2. Đặc điểm của các miền địa lí tự nhiên Việt Nam 3.2.1. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ 3.2.2. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 3.2.3. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ 3.3. Sự phân hoá các miền địa lí tự nhiên Việt Nam 3.3.1. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ - Khu Việt Bắc; - Khu Đông Bắc; - Khu đồng bằng Bắc Bộ 3.3.2. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ - Khu Tây Bắc; - Khu Bắc Trường Sơn; - Khu đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh; - Khu đồng bằng Bình - Trị - Thiên. 3.3.3. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ - Khu Nam Trường Sơn; - Khu đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ; - Khu Đông Nam Bộ; - Khu Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long).	10) Trình bày được hệ thống các đơn vị phân vùng Địa lí tự nhiên Việt Nam. 11) Phân tích được đặc điểm chung của các miền Địa lí tự nhiên Việt Nam. 12) Nêu được sự phân hoá các miền Địa lí tự nhiên Việt Nam. 13) So sánh sự giống nhau và khác nhau về các thành phần tự nhiên của các miền Địa lí tự nhiên Việt Nam.	5	6	13
Chương 4. Dạy học địa lí tự nhiên Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay 4.1. Hệ thống kiến thức địa lí tự nhiên Việt Nam trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 4.1.1. bậc tiểu học 4.1.2. bậc THCS 4.1.3. bậc THPT 4.2. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học có ưu thế trong dạy học địa lí tự nhiên Việt Nam ở trường trung học	14) Phân tích được hệ thống kiến thức địa lí tự nhiên Việt Nam trong Chương trình GDPT 2018. 15) Vận dụng một số phương pháp, kỹ thuật dạy học có ưu thế trong dạy học Địa lí tự nhiên Việt Nam ở trường trung học. 16) Lấy ví dụ cụ thể nội dung chủ đề và kế hoạch bài dạy minh hoạ Địa lí tự nhiên Việt Nam trong Chương trình GDPT 2018	1	3	2,5

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T, U	T, U	U	U	T	U	U
Chương 2	T, U	T, U	U	U	T	U	U
Chương 3	T, U	T, U	U	U	T	U	U
Chương 4	T, U	T, U	U	U	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[2]: tr.9-tr.34 [4]: tr.3-tr.14 [6]: tr9-tr39 [8]: tr9-tr56	1) Học trên LMS - CĐR của chương: 2,3,4. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 1,6,7 - Phương pháp: Dạy học dùng lời, hợp tác, khám phá, giải quyết vấn đề, dự án, trực quan. - Phương tiện: Atlas Địa lí Việt Nam, máy chiếu, máy tính, giấy A0.	1-2
Chương 2	[2]: tr.35-tr.294 [4]: tr.3-tr.14 [5] [6]: tr9-tr39 [7]: tr7-tr98 [8]: tr9-tr56	1) Học trên LMS - CĐR của chương: 8. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 9. - Phương pháp: Dạy học dùng lời, hợp tác, khám phá, giải quyết vấn đề, dự án, trực quan. - Phương tiện: Atlas Địa lí Việt Nam, máy chiếu, máy tính, giấy A0.	3-10
Chương 3	[3] [4]: tr.3-tr.14 [5] [6]: tr9-tr39 [7]. tr7-tr98	1) Học trên LMS - CĐR của chương: 10,11. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 12,13.	11-14

		- Phương pháp: Dạy học dùng lời, hợp tác, khám phá, giải quyết vấn đề, dự án, trực quan. - Phương tiện: Atlas Địa lí Việt Nam, máy chiếu, máy tính, giấy A0.	
Chương 4	[1]; [2]; [3]	1) Học trên LMS - CDR của chương: 14. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 15,16. - Phương pháp: Dạy học dùng lời, hợp tác, khám phá, giải quyết vấn đề, dự án, trực quan. - Phương tiện: Atlas Địa lí Việt Nam, máy chiếu, máy tính, giấy A0.	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân; + Bài tập nhóm	Chp1 Chp2 Chp3 Chp4 Chp6 Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Trắc nghiệm khách quan	Chp1 Chp2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Bài tập lớn	Chp1 Chp2 Chp6 Chp7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Văn Dũng

TS. Ninh Thị Sinh

TS. Thân Thị Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÁC DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM
Mã số: LS302

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam
- Tiếng Anh: Ethnicities and ethnic policies in Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Phạm Văn Lực**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên Cao cấp, Phó Giáo sư Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0915802693 Email: phamvanluc@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên Chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“*Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này người học được trang bị các kiến thức từ nguồn gốc lịch sử, tên gọi, địa bàn cư trú, các sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ở Việt Nam. Đặc biệt là sự đóng góp công sức của cả 54 thành phần dân tộc vào quá trình dựng nước và giữ nước. Tuy mỗi dân tộc có vị trí, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử riêng, nhưng đều tồn tại và phát triển trong khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Môn học cũng cung cấp những kiến thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc. Những chính sách đó đã trải nghiệm qua thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân các dân tộc ở nước ta. Thành công lớn nhất của chính sách dân tộc ở Việt Nam là luôn tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc Việt nam. Đó là sức mạnh phi thường và trường tồn để Việt Nam tồn tại và phát triển.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam (khái niệm, tiêu chí, địa bàn cư trú, phân bố, đặc điểm, quá trình hình thành - phát triển, sự đóng góp của các dân tộc Việt Nam...) - phát triển, sự đóng góp của các dân tộc Việt Nam...	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	- Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân; biết khai thác được các nguồn tư liệu gốc như: thư tịch cổ, các hiện vật khảo cổ học để tìm hiểu về các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	- Góp phần hình thành thái độ tích cực và đúng đắn khi tìm hiểu về các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam.	C2: Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên môn Lịch sử ở trường trung học.
M _{hp4}	- Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được khái niệm, tiêu chí xác định và địa bàn cư trú của các dân tộc Việt Nam.	M _{hp1}
C _{hp2}	Trình bày được thành phần, sự phân bố và sinh hoạt kinh tế, văn hóa của các dân tộc Việt Nam.	M _{hp1}
C _{hp3}	Đánh giá được vị trí, vai trò, nguyên tắc, thành tựu của chính sách dân tộc ở Việt Nam trong lịch sử và hiện nay.	M _{hp1}
C _{hp4}	Giải thích được những vấn đề trong thực tế tộc người hiện nay ở Việt Nam	M _{hp2} , M _{hp3} , M _{hp4}
C _{hp5}	Thực hiện bài nghiên cứu/chủ đề nghiên cứu: nội san, đề tài nghiên cứu khoa học.	M _{hp4}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Lê Sĩ Giáo (Chủ biên), Dân tộc học đại cương, Hà Nội: Giáo dục, 1988.
- [2] Nguyễn Văn Dũng, Trần Thu Hà , Các dân tộc và Chính sách dân tộc ở Việt Nam, Tập bài giảng, Trường ĐHSP Hà Nội 2 , 2015.

6.2. Tham khảo

- [3] Trần Quốc Vượng (Chủ biên), Cơ sở Văn hoá Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 1998.
- [4] Vi Văn An, Hoàng Bé, Nguyễn Trung Dũng, Lê Huy Đại, Nguyễn Văn Huy, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 2010.
- [5] Ban dân tộc Khu tự trị Tây Bắc , Các tộc người ở Tây Bắc Việt Nam, 1972.
- [6] Nguyễn Văn Huy , Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam, Hà Nội : Giáo dục , 2007.
- [7] Trương Hữu Quýnh (chủ biên), Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 1998.
- [8] Lê Sĩ Giáo (Chủ biên) , Dân tộc học đại cương, Hà Nội: Giáo dục, 1988.
- [9] Nguyễn Văn Dũng, Trần Thu Hà , Các dân tộc và Chính sách dân tộc ở Việt Nam, : Tập bài giảng, Trường ĐHSP Hà Nội 2 , 2015.
- [10] Trần Quốc Vượng (Chủ biên), Cơ sở Văn hoá Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 1998.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG 1: MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ ĐỊA BÀN CƯ TRÚ CỦA CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM 1.1. Vị trí địa lý và diện tích lãnh thổ Việt Nam 1.2. Địa hình và núi đồi Việt Nam 1.2.1. Vùng Đông Bắc và Bắc Đông Bắc 1.2.3. Miền Nam Trung Bộ (Trường Sơn Nam) 1.3. Sông ngòi, ao hồ 1.4. Đồng bằng 1.4.1. Đồng bằng sông Hồng 1.4.2. Đồng bằng sông Cửu Long 1.5. Nguồn tài nguyên 1.5.1. Tài nguyên rừng 1.5.2. Tài nguyên thủy, hải sản 1.5.3. Tài nguyên đất đai, khoáng sản 1.6. Khí hậu	1) Trình bày được điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú của các dân tộc Việt Nam.	3	6	9
Chương 2. KHÁI NIỆM VỀ DÂN TỘC VÀ CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN DÂN TỘC Ở VIỆT NAM 2.1. Khái niệm dân tộc 2.1.1. Quan điểm trên thế giới 2.1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc 2.2. Các tiêu chí xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam 2.3. Địa bàn cư trú của các dân tộc Việt Nam	2) Trình bày được khái niệm và tiêu chí xác định tộc người trên thế giới và Việt Nam. 3) Giải thích được dân tộc Việt Nam hình thành từ thời đại Hùng Vương.	3	6	9
Chương 3. THÀNH PHẦN VÀ SỰ PHÂN BỐ CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM 3.1. Các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á 3.1.1. Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khome	4) Trình bày được thành phần và sự phân bố các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay.	3	6	9

3.1.1.1. Nhóm ngôn ngữ Môn- Khơme Tây Bắc 3.1.1.2. Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme ở Bắc Trường Sơn 3.1.1.3. Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme Nam Trường Sơn 3.1.1.4. Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme nam bộ 3.1.2. Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Việt (Kinh) - Mường 3.1.2.1. Dân tộc Việt 3.1.2.2. Dân tộc Mường: tự gọi là Mol 3.1.2.3. Dân tộc Thổ 3.1.2.4. Dân tộc Chứt 3.1.3. Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ HMông - Dao 3.1.3.1. Dân tộc 3.1.3.2. Dân tộc Dao 3.1.3.3. Dân tộc Pà Thèn 3.2. Các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái - Kàđai 3.2.1. Các dân tộc nói tiếng Thái 3.2.1.1. Dân tộc Thái 3.2.1.2. Dân tộc Tày 3.2.1.3. Dân tộc Nùng 3.2.1.4. Dân tộc 3.2.1.5. Dân tộc Lào 3.2.1.6. Dân tộc Lự 3.2.1.7. Dân tộc Bố Y 3.2.1.8. Dân tộc Sán Chay 3.2.2. Các dân tộc nói tiếng Kàđai 3.2.2.1. Dân tộc La Chí. 3.2.2.2. Dân tộc Cờ Lao 3.2.2.3. Dân tộc Pu Páo 3.2.2.4. Dân tộc La Ha 3.3. Các dân tộc thuộc ngữ hệ Mã Lai - Pôlinêdiên (đa đảo) 3.3.1. Dân tộc Chăm 3.3.2. Dân tộc Chu Ru 3.3.3. Dân tộc Ê Đê 3.3.4. Dân tộc Gia 3.3.5. Dân tộc Raglai 3.4. Các dân tộc thuộc ngữ hệ Hán Tạng 3.4.1. Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hán (Hoa)				

3.4.2.2. Dân tộc Sán Dìu 3.4.2.3. Dân tộc Ngái 3.4.2. Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến 3.4.2.1. Dân tộc Hà Nhì 3.4.2.2. Dân tộc Lô Lô 3.4.2.3. Dân tộc Phù Lá 3.4.2.4. Dân tộc La Hủ 3.4.2.5. Dân tộc Cống 3.4.2.6. Dân tộc Si La				
CHƯƠNG 4: ĐẶC ĐIỂM CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM 4.1. Những đặc điểm chung 4.1.1. Về địa vực cư trú 4.1.2. Sự phân bố dân số không đồng đều 4.1.3. Các dân tộc Việt Nam sống phân tán và xen kẽ 4.1.4. Các dân tộc Việt Nam phát triển không đồng đều. 4.1.5. Các dân tộc Việt Nam có quan hệ về nguồn gốc lịch sử 4.1.6. Sự thống nhất về lãnh thổ Việt Nam 4.2. Một số đặc điểm về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc Việt Nam trong thời đổi mới 4.2.1. Đặc điểm kinh tế 4.2.2. Đặc điểm văn hoá 4.2.3. Đặc điểm xã hội	5) Trình bày được đặc điểm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	4	6
Chương 5: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VÀ HIỆN NAY 5.1. Những vấn đề chung 5.1.1. Quan điểm chung về chính sách dân tộc 5.1.2. Khái niệm và đặc điểm của chính sách dân tộc 5.1.3. Các nguyên tắc cơ bản để hoạch định chính sách dân tộc 5.2. Chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến Việt Nam 5.2.1. Quan điểm chung về chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến 5.2.2. Chính sách dân tộc qua các thời kỳ	6) Trình bày được quan điểm chung về chính sách dân tộc ở Việt Nam hiện nay. 7) Trình bày được khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc để hoạch định chính sách dân tộc và chính sách dân tộc qua các thời kỳ ở Việt Nam.	4	8	12

- Thời kỳ Văn Lang Âu Lạc đến trước Nhà nước tự chủ - Chính sách dân tộc dưới thời Lí, Trần, Lê sơ, Lê - Trịnh và Tây Sơn - Chính sách dân tộc dưới thời Nguyễn - Bài học lịch sử và những kinh nghiệm về chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến Việt Nam 5.3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ 5.3.1. Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) 5.3.2. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp bảo vệ độc lập dân tộc (1945-1954) 5.3.3. Chính sách dân tộc trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà (1954-1975) 5.3.4. Chính sách dân tộc thời kỳ 1976-1985 5.3.5. Chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay)				

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	CHP1	CHP2	CHP3	CHP4	CHP5
Chương 1	T	T	TU	T	TU
Chương 2	T	T	T, U	T	TU
Chương 3	T	TU	T	T	TU
Chương 4	T	T	U	T.U	TU
Chương 5	U	U	U	U	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr. 1-tr.182 [2]: tr.10-tr.114	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CDR của chương: 1 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1
Chương 2	[1]: tr.57-tr.112	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CDR của chương: 2	Tuần 2,3,4

	[2]: tr.10- tr.114	Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 3	[2]: tr.1-tr.193 [4]: tr.40-tr.83 [5]: tr.20- tr.103	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CDR của chương: 3 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 5,6,7
Chương 4	[2]: tr.10- tr.114	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CDR của chương: 4 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 8 đến tuần 11
Chương 5	[2]: tr.10- tr.114	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CDR của chương: 5 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 12 đến tuần 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 3
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 1, C _{hp} 2 C _{hp} 3, C _{hp} 4

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1, C _{hp} 2 C _{hp} 3, C _{hp} 4
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Bài tập lớn	C _{hp} 1 Khái niệm, tiêu chí xác định và địa bàn cư trú của các dân tộc Việt Nam
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi vấn đáp	C _{hp} 2 Thành phần, sự phân bố và sinh hoạt kinh tế, văn hóa của các dân tộc Việt Nam C _{hp} 3 C _{hp} 4, C _{hp} 5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Phạm Văn Lực

NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC

Mã môn học: LS303

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học
- Tiếng Anh: Introduction to Historical Methods

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học Lịch sử

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Phan Thị Thúy Châm**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0987.054.303 Email: phanthithuycham@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 086 888 5186 Email: hoangthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: những nội dung cơ bản của khái niệm lịch sử, sử học và khoa học lịch sử, xác định rõ đối tượng nghiên cứu chức năng nhiệm vụ và vai trò của sử học. Nhập môn sử học trang bị những kiến thức cơ bản về các ngành (phân môn) của khoa học lịch sử và mối liên hệ giữa khoa học lịch sử và các khoa học khác. Các kiến thức về phân kỳ lịch sử, tính khách quan, chủ quan trong viết sử cũng được làm rõ trong học phần này.

Môn học này gắn bó mật thiết với các môn kiến thức nghiệp vụ sư phạm như: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung cốt lõi như: những khái niệm: Lịch sử, Sử học, Khoa học lịch sử, đối tượng - chức năng của sử học, mối quan hệ của sử học và các ngành khoa học khác.	C3. Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học..
M _{hp2}	Người học biết được các cấu trúc của phương pháp luận lịch sử. Từ đó, hiểu rõ bản chất môn học Lịch sử ở trường trung học khác với sử học.	C3. Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp3}	Cung cấp cho người học lý thuyết về đối tượng nghiên cứu của sử học; phương pháp nghiên cứu của sử học	C4. Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp4}	Hướng dẫn cho người học ứng dụng những vấn đề lý thuyết để xác định đối tượng nghiên cứu lịch sử, cách khai thác thông tin lịch sử từ các nguồn, cách khôi phục sự kiện và giải thích sự kiện lịch sử, cách kết cấu thông tin lịch sử để mang lại hình ảnh lịch sử như nó đã tồn tại một cách khách quan nhất.	C4. Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh
M _{hp5}	Hình thành thái độ tôn trọng và thực nghiệm nghiêm túc quy trình nghiên cứu lịch sử. Đặc biệt, người học sẽ thận trọng và khách quan trong khai thác và thẩm định thông tin lịch sử	C8: Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	- Phân biệt được các khái niệm Lịch sử, sử học và khoa học lịch sử.	M_{hp1} Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung cốt lõi như: những khái niệm: Lịch sử, Sử học, Khoa học lịch sử, đối tượng - chức năng của sử học, mối quan hệ của sử học và các ngành khoa học khác.
C _{hp2}	- Phân tích được mối quan hệ giữa Lịch sử - Sự thật - Sử học.	
C _{hp3}	- Nêu được đối tượng và chức năng của sử học.	
C _{hp4}	- Phân tích được sự phân lập và tích hợp của khoa học lịch sử	
C _{hp5}	- Phát biểu được định nghĩa phương pháp và phương pháp luận.	M_{hp2} Người học biết được các cấu trúc của phương pháp luận lịch sử. Từ đó, hiểu rõ bản chất môn học Lịch sử ở trường trung học khác với sử học
C _{hp6}	- Trình bày được lý thuyết hoạt động và cấu trúc của phương pháp luận khoa học.	
C _{hp7}	- Phân biệt được sự kiện lịch sử và quá trình lịch sử.	M_{hp3} Cung cấp cho người học lý thuyết về đối tượng nghiên cứu của sử học; phương pháp nghiên cứu của sử học
C _{hp8}	- Phân tích được các quy luật lịch sử.	
C _{hp9}	- Nêu được các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử và phân tích được cấu trúc hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử.	
C _{hp10}	- Phân tích được tính khách quan trong nhận thức lịch sử.	
C _{hp11}	- Nhận thức được hoạt động nghiên cứu khoa học lịch sử.	
C _{hp12}	- Trình bày được khái niệm, phân loại và phê phán sử liệu.	M_{hp4} Người học ứng dụng được những vấn đề lý thuyết để xác định đối tượng nghiên cứu lịch sử, cách khai thác thông tin lịch sử từ các nguồn, cách khôi phục sự kiện và giải thích sự kiện lịch sử, cách kết cấu thông tin lịch sử để mang lại hình ảnh lịch sử như nó đã tồn tại một cách khách quan nhất.
C _{hp13}	- Phân biệt được phương pháp luận nghiên cứu và phương pháp luận trình bày.	

C _{hp} 14	- Ứng dụng việc nghiên cứu khách quan, nghiêm túc trong các hoạt động nghiên cứu khoa học lịch sử của bản thân	M _{hp} 5 Hình thành thái độ tôn trọng và thực nghiệm nghiêm túc quy trình nghiên cứu lịch sử. Đặc biệt, người học sẽ thận trọng và khách quan trong khai thác và thẩm định thông tin lịch sử

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc

- [1] Hà Văn Tấn, Một số vấn đề lý luận sử học, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Phương pháp luận sử học, 2003: Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.2. Học liệu tham khảo

- [3] Văn Tạo, Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgích, Hà Nội: Viện sử học, 1995.
- [4] Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2008.
- [5] Phan Ngọc Liên, , Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2007., Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông, Hà Nội: Đại học quốc gia, 2007.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, THb	THo, TNC
Chương 1. NHẬP MÔN SỬ HỌC 1.1. Khái niệm 1.1.1. Lịch sử 1.1.2. Sử học 1.1.3. Khoa học lịch sử 1.1.4. Mối quan hệ: Lịch sử - Sự thật - Sử học 1.2. Đối tượng và chức năng của sử học 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Chức năng 1.3. Sự phân lập và tích hợp của khoa học lịch sử 1.3.1. Sự phân lập khoa học lịch sử. 1.3.2. Sự tích hợp các khoa học 1.4. Vai trò của sử học	- Phân biệt được các khái niệm Lịch sử, sử học và khoa học lịch sử. - Phân tích được mối quan hệ giữa Lịch sử - Sự thật - Sử học. - Nêu được đối tượng , chức năng và vai trò của sử học. - Phân tích được sự phân lập và tích hợp của khoa học lịch sử	8	16	24

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC 2.1. Cấu trúc phương pháp luận sử học 2.1.1. Phương pháp luận đối tượng 2.1.2. Phương pháp luận nghiên cứu 2.1.3. Phương pháp luận trình bày 2.2. Sự kiện lịch sử và quá trình lịch sử 2.2.1. Sự kiện lịch sử 2.2.2. Quá trình lịch sử 2.3. Quy luật lịch sử 2.3.1. Các quy luật đồng đại 2.3.2. Các quy luật lịch đại 2.3. Các quy luật phát triển 2.4. Tính chất của nhận thức lịch sử 2.5. Một số quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào giảng dạy, học tập và nghiên cứu lịch sử: - Hình thái kinh tế xã hội, phương thức sản xuất - Giai cấp và đấu tranh giai cấp - Vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử - Cách mạng xã hội và nhà nước... 2.6. Hoạt động nghiên cứu khoa học lịch sử 2.6.1. Quy trình nghiên cứu lịch sử 2.6.2. Câu hỏi và giải đáp 2.6.3. Khai thác thông tin từ sử liệu 2.7. Lý thuyết về sử liệu 2.7.1. Khái niệm về sử liệu 2.7.2. Phân loại sử liệu 2.7.3. Phê phán sử liệu 2.7.4. Bút chiến sử học 2.8. Phương pháp luận nghiên cứu: Khôi phục và giải thích sự kiện lịch sử: - Phương pháp lịch sử và phương pháp lô gic - Phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu - Điền dã... - Giải thích các sự kiện lịch sử... 2.9. Tự sự lịch sử 2.10. Phương pháp luận trình bày: Xây dựng và thiết kế công trình sử học. 2.10.1. Thiết kế sử dụng diễn tiến. 2.10.2. Thiết kế sử dụng cấu trúc 2.10.3. Thiết kế sử dụng biện chứng	- Phát biểu được định nghĩa phương pháp và phương pháp luận. - Trình bày được lý thuyết hoạt động và cấu trúc của phương pháp luận khoa học. - Phân biệt được sự kiện lịch sử và quá trình lịch sử. - Nêu được các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử và phân tích được cấu trúc hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử. - Phân tích được tính khách quan trong nhận thức lịch sử. - Nhận thức được hoạt động nghiên cứu khoa học lịch sử. - Trình bày được khái niệm, phân loại và phê phán sử liệu. - Phân biệt được phương pháp luận nghiên cứu và phương pháp luận trình bày. - Ứng dụng việc nghiên cứu khách quan, nghiêm túc trong các hoạt động nghiên cứu khoa học lịch sử của bản thân	7	14	21

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần														
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7	C _{hp} 8	C _{hp} 9	C _{hp} 10	C _{hp} 1 1	C _{hp} 1 2	C _{hp} 1 2	C _{hp} 1 3	C _{hp} 1 4
Chương 1	T	T	T	T											
Chương 2					T, U	T	T	T	T	T, U	T	T, U	T	T, U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]:tr. [2]:tr. [5]:tr.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2,3,4, 5, 6
Chương 2	[1]:tr. [2]:tr. [3]:tr. [4]:tr. [5]:tr.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp, tự nghiên cứu Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 7,8,9, 10,11,12, 13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Bài tập lớn	C _{hp} 9
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức: Tự luận theo ngân hàng đề.	C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7 C _{hp} 9 C _{hp} 10 C _{hp} 11 C _{hp} 12 C _{hp} 13 C _{hp} 14

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Hoàng Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC
Mã số: LS422

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Cơ sở khảo cổ học
- Tiếng Anh: Archeology

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Điện thoại: 0978.527.421 Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Vinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Điện thoại: 0987935408 Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Cơ sở khảo cổ học là một môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa của loài người qua các thời đại khảo cổ. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học những nội dung cốt lõi về văn hóa nhân loại qua các thời đại khảo cổ từ thời đại đá, thời đại đồng, thời đại sắt đến giai đoạn hình thành nhà nước ở Việt Nam và thế giới.

Học phần Cơ sở khảo cổ học có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành như Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới giúp cung cấp những tư liệu bằng vật thật để minh chứng xác đáng cho quá trình hình thành, phát triển và suy vong của các thời kỳ lịch sử.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa của loài người qua các thời đại khảo cổ. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học những nội dung cốt lõi về văn hóa nhân loại qua các thời đại khảo cổ từ thời đại đá, thời đại đồng, thời đại sắt đến giai đoạn hình thành nhà nước ở Việt Nam và thế giới.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng làm việc nhóm, cá nhân; biết khai thác được các nguồn tư liệu vật thật là các hiện vật khảo cổ học của các thời đại khảo cổ từ thời đại đá, thời đại đồng, thời đại sắt đến giai đoạn hình thành nhà nước ở Việt Nam và thế giới để tìm hiểu về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới.	C4: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Có khả năng thực hiện các dự án, các đề tài nghiên cứu khoa học dựa trên các nguồn tư liệu khảo cổ học kết hợp với các nguồn tư liệu thành văn để nghiên cứu toàn diện về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

M _{hp} 4	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được kiến thức liên quan đến khái niệm cơ bản của khảo cổ học, các bước điều tra và khai quật, các bước tiến hành nghiên cứu khảo cổ trong phòng thí nghiệm; các bước phát triển, đặc trưng của thời đại đồ đá, đồ đồng và đồ sắt ở Việt Nam và thế giới;	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Phân tích được nguồn gốc loài người, nguyên nhân và động lực của quá trình chuyển hóa từ vượn thành người	
C _{hp} 3	Phân tích được mối liên hệ văn hóa giữa các nền văn hóa khảo cổ ở Việt Nam (hệ giữa Văn hóa Đông Sơn và Tiền Đông Sơn, Sa Huỳnh và Tiền Sa Huỳnh) và giữa Việt Nam với thế giới	
C _{hp} 4	Trình bày được kiến thức cơ bản trong giai đoạn khảo cổ học lịch sử ở Việt Nam liên quan đến vấn đề về gốm sứ, khảo cổ học Chăm-pa, Óc eo	
C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} 2 M _{hp} 3
C _{hp} 6	Sưu tầm được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: hiện vật khảo cổ học của các thời đại khảo cổ từ thời đại đá, thời đại đồng, thời đại sắt đến giai đoạn hình thành nhà nước ở Việt Nam và thế giới trong điều kiện có thể tiếp cận	
C _{hp} 7	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...)	M _{hp} 4

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] A.L Mônggaitơ, *Khảo cổ học và hiện đại*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1977.
- [2] Cao Thị Vân, *Cơ sở khảo cổ học, Tập bài giảng*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2014.
- [3] Hán Văn Khản (chủ biên), *Cơ sở khảo cổ học*, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

6.2. Tham khảo

[4] Huỳnh Thị Được, *Điều khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2009.

[5] Lâm Thị Mỹ Dung, *Thời đại đồ đồng*, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG 1: DẪN LUẬN 1. Khái niệm “Khảo cổ học” 1.2. Di tích khảo cổ và Văn hóa khảo cổ 1.2.1. Các loại di tích khảo cổ 1.2.2. Tầng văn hóa 1.2.3. Văn hóa khảo cổ 1.3. Điều tra khảo cổ và Khai quật khảo cổ 1.3.1. Điều tra khảo cổ 1.3.2. Khai quật khảo cổ 1.4. Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học trong phòng 1.4.1. Chính lý tài liệu 1.4.2. Hoàn thành báo cáo 1.4.3. Nghiên cứu tổng hợp 1.5. Sơ lược Lịch sử Khảo cổ học thế giới và Khảo cổ học Việt Nam 1.5.1. Sơ lược lịch sử khảo cổ học thế giới 1.5.2. Sơ lược khảo cổ học Việt Nam	(1) Trình bày được khái niệm “Khảo cổ học”, “di tích khảo cổ”, “Tầng văn hóa”, “Văn hóa khảo cổ”... (2) Hiểu được các bước điều tra và khai quật khảo cổ, cũng như các bước tiến hành nghiên cứu khảo cổ trong phòng thí nghiệm.	2	4	6
CHƯƠNG 2: VÀI NÉT VỀ NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI 2.1. Những quan điểm khác nhau về Nguồn gốc loài người. 2.2. Những điểm giống và khác nhau giữa người và động vật 2.3. Các giống vượn người cổ trên thế giới 2.4. Các giống người cổ trên thế giới	(3) Hiểu được các quan điểm khác nhau về Nguồn gốc loài người, sự khác nhau giữa người và động vật (4) Phân tích được nguyên nhân nguyên nhân và động lực của quá trình chuyển hóa từ vượn thành người	1	2	3

2.5. Các đại chủng trên thế giới 2.6. Nguyên nhân và động lực của quá trình chuyển hóa từ vượn thành người				
CHƯƠNG 3: THỜI ĐẠI ĐỒ ĐÁ 3.1. Thời đại đồ đá cũ 3.1.1. Thời đại đồ đá cũ thế giới 3.1.2. Thời đại đồ đá cũ Việt Nam 3.2. Thời đại đồ đá giữa 3.2.1. Thời đại đồ đá giữa thế giới 3.2.2. Thời đại đồ đá giữa Việt Nam 3.3. Thời đại đồ đá mới 3.3.1. Các đặc trưng cơ bản của thời đại đồ đá mới. 3.3.2. Thời đại đồ đá mới Việt Nam	(5) Trình bày được các bước phát triển và phân tích đặc trưng của thời đại đồ đá ở trên thế giới từ đá cũ, đá giữa và đá mới; (6) Trình bày được đặc điểm của các di tích, di chỉ khảo cổ ở thời đại đồ đá ở Việt Nam; (7) So sánh đặc trưng của ba thời đại đá cũ	4	8	12
CHƯƠNG 4: THỜI ĐẠI ĐỒ ĐỒNG 4.1. Đại cương về thời đại đồ đồng 4.1.1. Thời đại đồ đồng đỏ 4.1.2. Thời đại đồ đồng thau 4.1.3. Một số văn hóa thời đại đồ đồng thau trên thế giới 4.2. Thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam 4.2.1. Thời đại đồ đồng thau miền Bắc Việt Nam 4.2.2. Thời đại đồ đồng thau miền Trung 4.2.3. Thời đại đồ đồng thau miền Nam Việt Nam.	(8) Trình bày được các đặc trưng và thành tựu của thời đại đồ đồng đỏ và đồ đồng thau trên thế giới (9) Phân tích được đặc trưng văn hóa khảo cổ đồ đồng: văn hóa Tiền Đông Sơn (Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun), Tiền Sa Huỳnh... (10) Phân tích được mối liên hệ văn hóa giữa các nền văn hóa khảo cổ ở Việt Nam và giữa Việt Nam với thế giới	3	6	9
CHƯƠNG 5: SƠ KỲ THỜI ĐẠI ĐỒ SẮT 5.1. Đại cương về thời đại đồ sắt 5.1.1. Sự tiến bộ trong kinh tế và sự thay đổi ở các cư dân thời đại đồ sắt 5.1.2. Kỹ thuật sản xuất sắt 5.1.3. Chế tạo đồ sắt và kỹ thuật gia công 5.2. Sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Việt Nam 5.2.1. Văn hóa Đông Sơn 5.2.2. Văn hóa Sa Huỳnh 5.2.3. Nhóm di tích sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Nam Bộ	(11) Phân tích nhân tố tiến bộ trong kinh tế và xã hội thời đại sơ kỳ đồ sắt; (12) Phân tích được mối liên hệ giữa Văn hóa Đông Sơn và Tiền Đông Sơn, Sa Huỳnh và Tiền Sa Huỳnh	3	6	9

CHƯƠNG 6: KHẢO CỔ HỌC LỊCH SỬ 6.1. Các loại di tích di vật khảo cổ học lịch sử 6.1.1. Thành cổ 6.1.2. Đình và chùa ở Việt Nam 6.1.3. Di tích mộ táng cổ 6.1.4. Gốm sứ Việt Nam từ đầu công nguyên đến giữa thế kỷ XIX. 6.2. Khảo cổ học Chăm pa 6.2.1. Đôi nét về sự hình thành vương quốc Chăm pa 6.2.2. Vấn đề Ấn Hóa và phi Ấn Hóa 6.2.3. Vài nét về tình hình nghiên cứu khảo cổ học Chăm pa 6.2.4. Loại hình di tích, di vật 6.3. Khảo cổ học Óc eo 6.3.1. Đặc điểm di tích 6.3.2. Một số di tích tiêu biểu 6.3.3. Di vật 6.3.4. Nhà ở, đi lại và sản xuất nông nghiệp, buôn bán 6.3.5. Nguồn gốc văn hóa Óc eo.	(13) Trình bày được đặc trưng của gốm sứ Việt Nam qua một số triều đại (14) Phân tích được đặc trưng của văn hóa Chăm pa và Văn hóa Óc Eo	2	4	6

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	Chp1	Chp2	Chp3	Chp4	Chp5	Chp6	Chp7
Chương 1	T	T					
Chương 2			T				
Chương 3				T	T	T	T
Chương 4				T	T	T	T
Chương 5				T	T	T	T
Chương 6						T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm....	Tuần 1

		Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 2,3
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 4,5,6
Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 7,8,9
Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 10,11,12
Chương 6	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 4 C _{hp} 6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 4 C _{hp} 5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Trắc nghiệm	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5

	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Vấn đáp	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Văn Dũng

TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung

TS. Nguyễn Thị Ngọc Thảo

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

Mã số: LS202

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử văn minh thế giới
- Tiếng Anh: History of world civilization

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử thế giới

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0363367268

Email: nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Văn Vinh**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0978527421

Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày một số nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX. Bên cạnh đó, góp phần giúp sinh viên rút ra được quy luật phát triển, suy vong của các đế chế, nền văn minh trong lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên biết trân trọng những giá trị trường tồn của các di sản văn minh trong lịch sử nhân loại....

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua một số nền văn minh tiêu biểu: (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử văn minh thế giới vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học	
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân, biết sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm. C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

		C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp4}	Góp phần hình thành thái độ trân trọng những thành tựu của lịch sử văn minh thế giới	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống. C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua một số nền văn minh tiêu biểu như: Văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ, văn minh A rập, văn minh Đông Nam Á, văn minh Hy Lạp - La Mã, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh công nghiệp, văn minh thế kỷ XX	M _{hp1} : Trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua một số nền văn minh tiêu biểu: (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX
C _{hp2}	Phân tích được đặc điểm của các nền văn minh và so sánh được sự khác biệt giữa văn minh phương Đông và phương Tây	
C _{hp3}	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử văn minh thế giới vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông	

C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} 3: Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân, biết sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân; Sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày	
C _{hp} 6	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo...	
C _{hp} 7	Đánh giá được những đóng góp, tác động của các nền văn minh đối với sự phát triển lịch sử, văn hóa của dân tộc trên thế giới hiện nay	M _{hp} 4: Góp phần hình thành thái độ trân trọng những thành tựu của lịch sử văn minh thế giới

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]Nguyễn Văn Ánh, *Lịch sử văn minh thế giới*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2017.

[2]Vũ Dương Ninh (chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2016.

[3]Bùi Ngọc Thạch (chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, Tập Bài Giảng. Hà Nội: Ttrường ĐHSP Hà Nội 2, 2011.

6.2. Tham khảo

[4]Lương Ninh (chủ biên), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2009.

[5]Lương Ninh (chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ đại*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2016.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Mở đầu 1.1.Khái niệm văn minh 1.1.1.Sự xuất hiện của khái niệm văn minh 1.1.2.Nội dung của khái niệm văn minh 1.1.3. So sánh văn minh và văn hóa, văn hiến, văn vật. 1.2.Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn LSVM Thế giới	1)Trình bày được khái niệm “văn minh” 2)Phân tích được điểm tương đồng và khác biệt giữa khái niệm văn minh và những khái niệm “văn hóa”, “văn hiến”, “văn vật” 3)Phân tích được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của môn học lịch sử văn minh thế giới	1	2	3

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu 1.2.3. Ý nghĩa nghiên cứu LSVM Thế giới				
Chương 2: Văn minh Ai Cập 2.1. Điều kiện tự nhiên 2.2. Tiến trình văn minh 2.3. Thành tựu: 2.3.1. Thể chế chính trị 2.3.2. Trình độ phát triển kinh tế 2.3.3. Chữ viết 2.3.4. Văn học 2.3.5. Tôn giáo 2.3.6. Nghệ thuật điêu khắc-kiến trúc 2.3.7. Khoa học tự nhiên	4) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Ai Cập cổ đại và ý nghĩa của các thành tựu đó. 5) Trình bày được tiến trình lịch sử của nền văn minh Ai Cập cổ đại qua các thời kỳ cùng với các đặc trưng cơ bản của từng thời kỳ 5) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Ai Cập thời kì cổ đại 6) Phân tích được đặc điểm của văn minh Ai Cập cổ đại 7) Đánh giá được ý nghĩa, sự đóng góp của nền văn minh Ai Cập cổ đại	1	2	3
Chương 3: Văn minh Lưỡng Hà 3.1. Điều kiện tự nhiên 3.2. Tiến trình Văn minh 3.3. Thành tựu 3.3.1. Thể chế chính trị 3.3.2. Kinh tế 3.3.3. Luật pháp 3.3.4. Chữ viết - Văn học 3.3.5. Tôn giáo 3.3.6. Nghệ thuật Kiến trúc 3.3.7. Khoa học tự nhiên	8) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Lưỡng Hà và ý nghĩa của các thành tựu đó 9) Trình bày được tiến trình lịch sử của nền văn minh Lưỡng Hà qua các thời kì 10) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Lưỡng Hà 11) Phân tích được đặc điểm của văn minh Lưỡng Hà 12) Liên hệ được những dấu vết của nền văn minh Lưỡng Hà còn tồn tại cho đến ngày nay	1	2	3
Chương 4: Văn minh Ấn Độ 4.1. Điều kiện tự nhiên 4.2. Tiến trình văn minh 4.3. Thành tựu 4.3.1. Thể chế chính trị 4.3.2. Trình độ phát triển kinh tế 4.3.3. Tôn giáo 4.3.4. Triết học 4.3.5. Khoa học tự nhiên	13) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Ấn Độ thời cổ trung đại và ý nghĩa của các thành tựu đó 14) Trình bày được tiến trình lịch sử văn minh Ấn Độ qua các thời kỳ cùng với các đặc trưng cơ bản của từng thời kỳ 15) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Ấn Độ 16) Phân tích được những đặc điểm cơ bản của nền văn minh Ấn Độ	1	4	4

	17) Đánh giá được những tác động của các thành tựu văn minh Ấn Độ như: chữ viết, văn học, tôn giáo (Hindu, Phật giáo..) đến các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, trong đó có Việt Nam.			
Chương 5: Văn minh Trung Quốc 5.1. Điều kiện tự nhiên 5.2. Tiến trình văn minh 5.3. Thành tựu 5.3.1. Thể chế chính trị 5.3.2. Kinh tế 5.3.3. Tư tưởng 5.3.4. Những thành tựu văn hoá khác 5.3.5. Bốn phát minh lớn của Trung Quốc	18) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc thời cổ trung đại và ý nghĩa của các thành tựu đó 19) Trình bày được tiến trình lịch sử văn minh Trung Quốc qua các thời kỳ cùng với các đặc trưng cơ bản của từng thời kỳ 20) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Trung Quốc 21) Phân tích được những đặc điểm cơ bản của nền văn minh Trung Quốc 22) Đánh giá được ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc: chữ viết, kiến trúc, tôn giáo, Nho giáo.. đối với văn hóa các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam (cả ưu điểm và hạn chế).	2	4	6
Chương 6: Văn minh Ả Rập 6.1. Điều kiện tự nhiên 6.2. Sự hình thành Nhà nước và đạo Hồi 6.3. Nội dung và Giáo lý cơ bản của đạo Hồi 6.4. Quá trình phát triển và truyền bá đạo Hồi 6.5. Thành tựu văn minh Ả Rập Hồi giáo 6.5.1. Sự phát triển của kinh tế thương nghiệp 6.5.2. Triết học 6.5.3. Văn học - nghệ thuật 6.5.6. Khoa học tự nhiên 6.5.7. Vai trò trung gian truyền bá văn hóa	23) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Ả Rập và ý nghĩa của các thành tựu đó 24) Trình bày được sự hình thành nhà nước Ả Rập và hoạt động truyền bá Đạo Hồi 25) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Ả Rập 26) Phân tích được đặc điểm của nền văn minh Ả Rập 27) So sánh được đặc điểm nền văn minh này với các nền văn minh gốc nông nghiệp đã tồn tại trước đó 28) Đánh giá được vai trò trung gian truyền bá văn hóa của người Ả Rập đối với văn minh phương Đông và phương Tây	1	2	3
Chương 7: Văn minh Đông Nam Á 7.1. Điều kiện hình thành 7.1.1. Điều kiện tự nhiên	29) Trình bày được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Đông Nam Á và ý nghĩa của các thành tựu đó	2	4	6

7.1.2.Nền tảng văn hóa Nam Á 7.1.3.Tiếp thu ảnh hưởng văn hóa văn minh Ấn Độ và Trung Quốc 7.2. Tiến trình văn minh 7.3.Thành tựu văn minh 7.3.1. Tín ngưỡng, tôn giáo 7.3.2. Nghệ thuật 7.3.3. Chữ viết và văn học 7.3.4. Lễ hội	30) Phân tích được cơ sở hình thành của nền văn minh Đông Nam Á 31) Phân tích được những đặc điểm của văn minh Đông Nam Á 32) Đánh giá được yếu tố tiếp biến văn hóa từ hai trung tâm văn minh Ấn Độ và Trung Quốc đối với nền văn minh Đông Nam Á trên cơ sở văn hóa bản địa			
Chương 8: Văn minh Hy Lạp - La Mã 8.1. Điều kiện hình thành 8.1.1. Điều kiện tự nhiên 8.1.2. Tiếp thu văn minh phương Đông 8.2. Sơ lược tiến trình văn minh Hy Lạp-La Mã 8.3. Những thành tựu tiêu biểu: 8.3.1. Sự phát triển của nền dân chủ cổ đại 8.3.2.Sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp và chế độ nô lệ 8.3.3. Thần thoại 8.3.4. Tôn giáo 8.3.5. Chữ viết 8.3.6. Pháp luật, văn học-nghệ thuật, triết học, sử học và khoa học tự nhiên	33) Trình bày được những thành tựu cơ bản của văn minh Hy Lạp - La Mã và ý nghĩa của các thành tựu đó 34) Phân tích được cơ sở hình thành nền văn minh Hy Lạp-La Mã 35) So sánh được sự khác nhau về cơ sở hình thành, đặc điểm giữa văn minh Hy Lạp - La Mã và các nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông 36) Đánh giá được những tác động từ sự khác biệt cơ sở hình thành và đặc điểm của văn minh phương Đông và phương Tây thời cổ đại	2	4	6
Chương 9: Văn minh Tây Âu trung đại 9.1.Văn minh Tây Âu sơ kỳ trung đại (thế kỷ V-X) 9.1.1.Sự hình thành chế độ phong kiến ở Tây Âu và những đặc điểm cơ bản của chế độ phong kiến 9.1.2. Sự suy thoái về văn hóa và ảnh hưởng của đạo Cơ đốc 9.2. Văn minh Tây Âu thế kỷ XI-XIV 9.2.1. Sự ra đời của thành thị, hoạt động kinh tế và vai trò của thành thị đối với xã hội phong kiến châu Âu	37) Trình bày được những biểu hiện cơ bản của sự suy thoái về văn hóa và ảnh hưởng của đạo Cơ đốc thời sơ kỳ Trung đại (TK V-X) 38) Trình bày được những thành tựu cơ bản của văn minh Tây Âu TK XI-XIV, TK XV-XVII 39) Trình bày được các cuộc phát kiến địa lý và ý nghĩa của các phát kiến địa lý 40) Phân tích được cơ sở hình thành chế độ phong kiến Tây Âu thời sơ kỳ trung đại: vai trò của thành thị; những nét mới của văn hóa Tây Âu TK XI-XIV so với thời sơ kỳ trung đại	2	2	5

9.2.2. Văn hoá Tây Âu thế kỷ XI-XIV 9.3. Văn minh Tây Âu thế kỷ XV-XVII 9.3.1. Bối cảnh lịch sử 9.3.2. Các phát kiến địa lý và sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới cuối thế kỷ XV- đầu thế kỷ XVI 9.3.3. Phong trào cải cách tôn giáo và sự hình thành đạo Tin Lành 9.3.4. Phong trào văn hóa Phục Hưng	41) Phân tích được nội dung cơ bản và ý nghĩa của phong trào cải cách tôn giáo và phong trào văn hoá Phục hưng 42) Đánh giá được những đóng góp của phong trào văn hóa Phục hưng			
Chương 10: Văn minh Công nghiệp 10.1. Sơ lược về tiến trình lịch sử văn minh 10.2. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII-XIX (tiền đề, diễn biến và hệ quả của cách mạng công nghiệp) 10.3. Các trào lưu tư tưởng thế kỷ XVIII-XIX 10.3.1. Trào lưu tư tưởng Ánh sáng ở Pháp thế kỷ XVIII 10.3.2. Trào lưu tư tưởng của CNXH không tưởng thế kỷ XIX 10.3.3. Trào lưu tư tưởng của CHXH KH 10.4. Một số thành tựu về khoa học, văn học, nghệ thuật...thời cận đại.	43) Trình bày được những thành tựu cơ bản của văn minh công nghiệp và ý nghĩa của các thành tựu đó 44) Phân tích được tiền đề, diễn biến, hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối thế giới. 45) Phân tích được những quy tắc cơ bản và đánh giá được những hệ quả xã hội của nền sản xuất công nghiệp 46) Đánh giá được những tác động của cách mạng công nghiệp trên các lĩnh vực	1	2	3
Chương 11: Văn minh thế kỷ XX 11.1. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX 11.2.1. Nguyên nhân 11.2.2. Diễn biến 11.2.3. Hệ quả 11.2. Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX. 11.2.1. Sự ra đời của máy tính điện tử 11.2.2. Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức	47) Trình bày được những thành tựu cơ bản Cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX và ý nghĩa của các thành tựu đó 48) So sánh được nội dung, đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật TK XX với cuộc cách mạng công nghiệp TK XVIII-XIX 49) Đánh giá được những tác động của Cách mạng khoa học kỹ thuật đối với lịch sử nhân loại, trong đó có Việt Nam	1	2	3

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7
Chương 1	T	T	U	U	U	T	T
Chương 2	T	T	U	U	U	T	T
Chương 3	T	T	U	U	U	T	T
Chương 4	T	T	U	U	U	T	T
Chương 5	T	T	U	U	U	T	T
Chương 6	T	T	U	U	U	T	T
Chương 7	T	T	U	U	U	T	T
Chương 8	T	T	U	U	U	T	T
Chương 9	T	T	U	U	U	T	T
Chương 10	T	T	U	U	U	T	T
Chương 11	T	T	U	U	U	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1], tr.11-490 [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1
Chương 2	[1], tr.10-tr.49 [2], [3], [4], [5], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 2
Chương 4	[1], tr.115-tr.129 [2], [3], [4], [5], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 4

Chương 5	[1], tr.130-tr.129 [2], [3], [4], [5], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 5
Chương 6	[1], tr.115-tr.129 [2], [3], [4], [5], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 6
Chương 7	[1], tr.160-tr.190 [2], [3], [4], [5], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 7
Chương 8	[1], tr.220-tr.280 [2], [3], [4], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 8,9
Chương 9	[1], tr.312-tr.390 [2], [3], [4], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 10,11
Chương 10	[1], tr.331-tr.390 [2], [3], [4], [7]	1) Dạy trên LMS:	Tuần 12,13

		SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 11	[1], tr.356-tr.412 [2], [3], [4],[6], [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập nhóm; + Bài tập về nhà; + Sản phẩm học tập + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6, C _{hp} 7

Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Thi viết (trắc nghiệm)	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp7}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Phương thức: + Thi viết (trắc nghiệm)	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp7}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
Mã số: LS216

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử văn hóa Việt Nam
- Tiếng Anh: History of the culture Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Phạm Văn Lực**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên Cao cấp, Phó Giáo sư Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0915.802.693 Email: phamvanluc@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Lịch sử văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có được những kiến thức cơ bản của lịch sử văn hóa Việt Nam, với những khái niệm liên quan tới văn hóa và văn hóa học (văn hiến, văn vật, văn minh), cấu trúc thiết chế của văn hóa, quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa; tiến trình và đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay; sự phân bố các nền văn hóa Việt Nam qua các thời kì lịch sử; đồng thời, cũng giúp người học hiểu rõ hơn về không gian văn hóa Việt Nam qua các vùng văn hóa đặc trưng.

Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu được giá trị văn hóa Việt Nam là sự tổng hòa văn hóa của tất cả các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những khái niệm cơ bản liên quan tới văn hóa và văn hóa học, tiến trình và đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay, các vùng văn hóa Việt Nam trên đất nước Việt Nam để vận dụng vào dạy học lịch sử. Từ đó, giúp người học thấy được văn hóa Việt Nam có sự đóng góp của tất cả các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân; sử dụng, khai thác được các nguồn tư liệu gốc như: tư liệu Hán Nôm, hiện vật văn hóa, văn bia, các di tích lịch sử văn hóa... để tìm hiểu về lịch sử văn hóa Việt Nam.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Góp phần hình thành thái độ biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa dân tộc và lòng yêu thích khi tìm hiểu về lịch sử văn hóa Việt Nam.	C3: Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên môn Lịch sử ở trường trung học.
M _{hp4}	Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu về văn hóa học	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được các khái niệm liên quan đến văn hóa - văn hóa học;	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Trình bày được tiến trình (các thời kỳ), nội dung, đặc điểm của văn hóa Việt Nam	M _{hp} 1
C _{hp} 3	Đánh giá được đặc điểm, các vùng của văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay.	M _{hp} 1
C _{hp} 4	Làm rõ được đặc trưng cơ bản và sự đóng góp của tất cả các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay vào văn hóa Việt Nam.	M _{hp} 2
C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các bài tập, đề tài khoa học.	M _{hp} 3
C _{hp} 6	Sưu tầm, khai thác được những tư liệu liên quan đến văn hóa như: tài liệu Hán Nôm, hiện vật văn hóa, thư tịch cổ...	M _{hp} 4

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Trần Quốc Vượng, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 1998.

[2] Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 2000.

6.2. Tham khảo

[3] Phan Huy Lê, Lịch sử và văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận, Hà Nội: ĐHQG HN, 2018.

[4] Phạm Văn Lực (Chủ biên), Một số vấn đề lịch sử văn hóa Tây Bắc, Hà Nội : ĐHSP, 2011.

[5] Nguyễn Khắc Thuần, Tiến trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XIX, Hà Nội: Giáo dục, 2007.

[6] Trương Hữu Quýnh (chủ biên), Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 1998.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG 1.1. Các khái niệm cơ bản 11.1.1. Văn hóa và văn hóa học 11.1.2. Phân biệt Văn hóa, văn hiến, văn vật, văn minh. 11.1.3. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa 1.2. Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa 11.2.1. Hình thái và mô hình văn hóa 11.2.2. Các thành tố của văn hóa 11.2.3. Chức năng và cấu trúc của văn hóa	1) Trình bày được các khái niệm liên quan đến văn hóa và văn hóa học. 2) Giải thích được sự khác nhau giữa văn hóa với văn hiến, văn vật, văn minh. 3) Trình bày được cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa.	3	6	9
Chương 2. DIỄN TIẾN LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM 2.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử 2.2. Văn hóa Việt Nam thời sơ sử 2.2.1. Văn hóa tiền Đông Sơn đến văn hóa Đông Sơn 2.2.2. Văn hóa Sa Huỳnh 2.2.3. Văn hóa Đồng Nai 2.3. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên 2.3.1. Văn hóa Châu thổ Bắc Bộ 2.3.2. Văn hóa Chăm-pa 2.3.3. Văn hóa Óc Eo 2.4. Văn hóa Việt Nam thời phong kiến tự chủ 2.4.1. Văn hóa Việt Nam thế kỉ XI - XIV 2.4.2. Văn hóa Việt Nam thế kỉ XV 2.4.3. Văn hóa Việt Nam thế kỉ XVI đến trước năm 1858 2.5. Văn hóa Việt Nam thời Pháp thuộc (1858 - 1945)	4) Trình bày được tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam từ thời kỳ tiền sử cho đến ngày nay. 5) Trình bày được nội dung, đặc điểm và thành tựu của văn hóa Việt Nam mỗi thời kỳ. 6) Trình bày được một số sắc tố mới mà văn hóa Việt Nam đã tiếp thu.	6	12	18

22.5.1. Quá trình tiếp xúc cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt - Pháp 22.5.2. Giao lưu văn hóa Việt Nam với thế giới 22.5.3. Bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống 2.6. Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay 22.6.1. Kế thừa và nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống 2.6.2. Mở rộng giao lưu văn hóa				
Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM 3.1. Vùng văn hóa Tây Bắc 33.1.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.1.2. Đặc trưng vùng văn hóa Tây Bắc 3.2. Vùng văn hóa Việt Bắc 33.2.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.2.2. Đặc trưng vùng văn hóa Việt Bắc 3.3. Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ 33.3.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.3.2. Đặc trưng vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ 3.4. Vùng văn hóa Trung Bộ 33.4.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.4.2. Đặc trưng vùng văn hóa Trung Bộ 3.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên 33.5.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.5.2. Đặc trưng vùng văn hóa Tây Nguyên 3.6. Vùng văn hóa Nam Bộ 33.6.1. Đặc điểm tự nhiên và dân cư 33.6.2. Đặc trưng vùng văn hóa Nam Bộ	7) Trình bày được các vùng văn hóa trên đất nước Việt Nam hiện nay. 8) Giải thích được nội dung, đặc điểm của văn hóa mỗi vùng. 9) So sánh được sự giống và khác nhau giữa các vùng văn hóa.	6	12	18

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

<i>Thứ tự chương</i>						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	T,U	TU	T	TU
Chương 2	TU	TU	T.	T	T	T.U
Chương 3	T	T	T	TU	T	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr. 1- tr.182 [2]: tr.10 - tr.49	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CĐR của chương: 1 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2
Chương 2	[1]: tr.57-tr.182	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CĐR của chương: 2 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 03 - 07
Chương 3	[1]: tr.150-tr.193 [2]: tr.133-tr.217	Hình thức: dạy trên lớp, E-learning CĐR của chương: 3 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 08 - 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Bài tập lớn	C _{hp} 1, C _{hp} 2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi vấn đáp	C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Phạm Văn Lực

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI**

Mã số: LS206.1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử thế giới cổ trung đại
- Tiếng Anh: **History of Ancient & Medieval world**

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lí thuyết: 45 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 105 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử thế giới

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Văn Vinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0977934555

Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Cao Thị Vân**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0912345698

Email: caothivan@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Lịch sử Thế giới cổ trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử Thế giới cổ trung đại từ Thời kỳ xã hội nguyên thủy cho đến khi kết thúc xã hội phong kiến, thông qua việc trình bày các quốc gia, khu vực tiêu biểu, theo trình tự thời gian bao gồm : (1) Xã hội nguyên thủy ; (2) Ai Cập cổ đại ; (3) Lưỡng Hà cổ đại, (4) Ấn Độ cổ đại ; (5) Trung Quốc cổ đại ; (6) Hi Lạp cổ đại ; (7) La Mã cổ đại ; (8) Trung Quốc trung đại ; (9) Ấn Độ trung đại ; (10) Nhật Bản trung đại ; (11) Tây Âu sơ kỳ trung đại; (12) Tây Âu trung kỳ trung đại; (13) Tây Âu mạt kỳ trung đại...Bên cạnh đó, sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có thể tự rút ra được các quy luật vận động, phát triển của lịch sử nhân loại, của các nền văn minh.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử thế giới cổ trung đại từ thời kỳ công xã nguyên thủy khi xuất hiện loài người đến đầu thế kỷ XVI	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử giai đoạn từ thời kỳ công xã nguyên thủy đến đầu thế kỷ XVI từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm. C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử thế giới cổ trung đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C6: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.
M _{hp4}	Người học có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề	C13: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục,

	chuyên sâu của Lịch sử sử Thế giới giai đoạn cổ trung đại	đặc biệt là khoa học sử phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp} 5	Người học có khả năng tìm kiếm, khai thác các nguồn tư liệu có liên quan đến giai đoạn Lịch sử Thế giới cổ trung đại để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	
M _{hp} 6	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 7	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Thế giới cổ trung đại từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XVI	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện lịch sử cổ trung đại từ thời kỳ công xã nguyên thủy đến thế kỷ XVI từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử thế giới cổ trung đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến giai đoạn lịch sử thế giới cổ trung đại ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 4 M _{hp} 5
C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 6
C _{hp} 6	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử Thế giới cổ trung đại.	
C _{hp} 7	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...)	M _{hp} 7

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] F.I.Pôlianxki, *Lịch sử kinh tế các nước thời đại phong kiến*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1978.
- [2] Hoàng Minh Thảo, *Almanach những nền văn minh thế giới*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 2008.
- [3] J.Gabriel - Lerous, *Những nền văn minh đầu tiên của Địa Trung Hải*, Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới, 2002.
- [4] Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ đại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, 2005.

6.2. Tham khảo

- [5] Nguyễn Gia Phú (chủ biên), *Lịch sử thế giới trung đại*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, 2005.
- [6] Nguyễn Văn Ánh, *Bộ thông sử thế giới vạn năm, Tập I*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, 2007.
- [7] Thôi Trọng Liên, *Lịch sử thế giới cổ đại*, Tp.Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Xã hội nguyên thủy 1.1. Sự xuất hiện của xã hội loài người 1.2. Thời kỳ bầy người 1.3. Thời kỳ thị tộc 1.4. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy	1) Trình bày được nguồn gốc xuất hiện loài người 2) Nêu được giai đoạn tiến hóa của loài người 3) Trình bày được sự tiến hóa về tổ chức xã hội, hôn nhân, gia đình của lịch sử loài người. 4) Phân tích được nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy	3	2	7
Chương 2: Ai Cập, Lưỡng Hà Cổ đại 2.1. Sự hình thành nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà Cổ đại 2.2. Giai đoạn phát triển của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại 2.3. Những thành tựu văn hóa của Ai	5) Trình bày được cơ sở hình thành của nhà nước Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. 6) Phân tích được vai trò của các dòng sông đối với sự ra đời của nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà. 7) Nêu được các thành tựu văn hóa nổi bật, tiêu biểu của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà.	3	2	7

Cập và Lương Hà cổ đại				
Chương 3: Ấn Độ cổ đại 3.1. Nền văn minh lưu vực sông Ấn 3.2. Thời kỳ Veda 3.3. Thời kỳ phát triển và suy yếu của Ấn Độ cổ đại 3.4. Văn hóa Ấn Độ cổ đại	8) Trình bày được cơ sở ra đời của nhà nước Ấn Độ cổ đại 9) Nêu được sự ra đời, lụi tàn của thành phố cổ Mohenjodaro - Harappa 10) Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại. 11) Trình bày được hoàn cảnh ra đời của đạo Phật 12) Phân tích được sự ra đời, tác động, hệ quả của chế độ phân biệt đẳng cấp Varna	3	2	7
Chương 4: Ấn Độ phong kiến 4.1. Tiến trình lịch sử Ấn Độ thời kỳ phong kiến 4.2. Tình hình kinh tế 4.3. Quan hệ xã hội 4.4. Văn hóa Ấn Độ trung đại	13) Nêu được sự ra đời, đặc trưng cơ bản của chế độ đẳng cấp Jati. 14) Phân tích được nguyên nhân dẫn đến việc Phật giáo lụi tàn, mất vai trò của Phật giáo ở Ấn Độ thế kỷ VII-XIII. 15) Nêu được một số thành tựu kinh tế tiêu biểu của Ấn Độ thời trung đại	3	2	7
Chương 5: Trung Quốc cổ đại 5.1. Thời kỳ triều Hạ và Thương (thế kỷ XXI-XI TCN) 5.2. Thời kỳ nhà Chu (thế kỷ XI-221 TCN) 5.3. Văn hóa Trung quốc thời cổ đại	16) Trình bày được cơ sở hình thành nhà nước Trung Quốc cổ đại 17) Trình bày được sự ra đời của các trường phái tư tưởng của Trung Quốc thời cổ đại. 18) Trình bày được sự ra đời, ý nghĩa của 4 phát minh kỹ thuật lớn của Trung Quốc thời cổ đại. 19) Trình bày được đặc điểm tiêu biểu về kinh tế, chính trị, xã hội thời Tây Chu, Đông Chu.	3	2	7
Chương 6: Trung Quốc thời phong kiến 6.1. Diễn biến lịch sử 6.2. Thực trạng kinh tế 6.3. Quan hệ xã hội 6.4. Văn hóa Trung Quốc thời trung đại	20) Trình bày được nét tiêu biểu về đời sống kinh tế, thể chế chính trị của các vương triều: Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh 21) Phân tích được nguyên nhân suy tàn của các chế độ nổi bật trong lịch sử Trung Quốc như chế độ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh 22) Phân tích được nguyên nhân, nguồn gốc và đặc điểm của các phong trào khởi nghĩa nông dân Trung Quốc thời cổ trung đại 23) Phân tích được sự ra đời, phát triển, ý nghĩa của con đường tơ lụa Trung Quốc thời cổ trung đại	3	2	7

	24) Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hóa Trung Quốc thời trung đại.			
Chương 7: Nhật Bản cổ trung đại 9.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 9.2. Sự ra đời của nhà nước cổ đại 9.3. Nhật Bản thời kỳ phong kiến 9.4. Một số thành tựu văn hóa Nhật Bản	25) Phân tích được vai trò của điều kiện tự nhiên, sinh thái, hoàn cảnh lịch sử, con người đối với việc định hình đặc trưng của mẫu hình Nhật Bản. 26) Phân tích được vai trò của tầng lớp võ sĩ Samurai trong lịch sử chế độ phong kiến Nhật Bản 27) Trình bày được thành tựu văn hóa tiêu biểu của Nhật Bản (Trà đạo, Shinto giáo...)	3	2	7
Chương 8: Hi Lạp cổ đại 8.1. Thời kỳ Crete - Myceane (giữa thiên niên kỷ III - thế kỷ XII TCN) 8.2. Thời kỳ Homer (thế kỷ XI-IX TCN) 8.3. Thời kỳ thành bang (thế kỷ VIII - 146 TCN) 8.4. Thời kỳ Hy Lạp suy yếu và bị ngoại tộc xâm lược	28) Trình bày được cơ sở hình thành nhà nước Hi Lạp cổ đại 29) Phân tích được đặc điểm nhà nước Hi Lạp cổ đại 30) Phân tích được điểm giống và khác nhau của nhà nước thành bang Spart và Aten ở Hi Lạp cổ đại 31) Trình bày được một số thành tựu nổi bật về văn hóa của nhà nước Hi Lạp cổ đại.	4	2	9
Chương 9: La Mã cổ đại 9.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 9.2. Thời kỳ vương chính (thế kỷ VIII-510 TCN) 9.3. Thời kỳ cộng hòa (510-30 TCN) 9.4. Thời kỳ quân chủ (30 TCN - 476)	32) Trình bày được cơ sở hình thành nhà nước La Mã cổ đại 33) Trình bày được mô hình tổ chức nhà nước ở La Mã cổ đại 34) Phân tích được sự phát triển, đặc điểm của chế độ nô lệ và nền kinh tế đại điền trang 35) Phân tích được nguồn gốc của quá trình bành trướng của đế chế La Mã 36) Đánh giá được vị trí, tầm vóc của La Mã cổ đại đối với văn minh phương Tây 37) Phân tích được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ, suy tàn của đế chế La Mã	4	2	9
Chương 10. Tây Âu Sơ kỳ trung đại (thế kỷ V-X) 10.1. Tình hình chính trị Tây Âu thời sơ kỳ trung đại 10.2. Sự hình thành và xác lập chế độ phong kiến ở Tây Âu	38) Trình bày được nguồn gốc hình thành các vương quốc “man tộc” 39) Trình bày được đặc điểm kinh tế, chính trị của chế độ phong kiến ở Tây Âu thời trung đại 40) So sánh được sự khác biệt giữa chế độ phong kiến Tây Âu với chế độ phong kiến ở phương Đông.	4	2	9

Chương 11: Tây Âu trung kỳ trung đại (thế kỷ XI-XIV) 11.1. Thành thị Tây Âu trung đại 11.2. Thập tự quân Đông chinh	41) Trình bày được tiền đề dẫn đến sự ra đời của các thành thị Tây Âu trung đại 42) Nêu được các hoạt động kinh tế chủ yếu ở các thành thị Tây Âu trung đại. 43) Phân tích được vai trò của các thành thị ở Tây Âu đối với sự tan rã của chế độ phong kiến ở Tây Âu. 44) Trình bày được nguyên nhân dẫn đến các cuộc thập tự chinh 45) Phân tích được những hệ quả/tác động của các cuộc thập tự chinh đối với quá trình giao lưu tiếp xúc Đông-Tây.	4	2	9
Chương 12: Tây Âu muộn kỳ trung đại (thế kỷ XV-XVII) 15.1. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa 15.2. Phát hiện và khai thác những con đường hàng hải mới 15.3. Các cuộc đấu tranh tư tưởng của giai cấp tư sản với chế độ phong kiến (cải cách tôn giáo và phong trào văn hóa Phục hưng) 15.4. Các cuộc khởi nghĩa nông dân 15.5. Cách mạng Nederland	46) Trình bày được nguyên nhân dẫn đến các cuộc phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI. 47) Trình bày được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến phong trào văn hóa phục hưng ở châu Âu 48) Nêu được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu. 49) Phân tích được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý 50) Phân tích được tác động/ý nghĩa của cải cách tôn giáo đối với lịch sử châu Âu 51) Phân tích được hệ quả của phong trào văn hóa phục hưng đối với lịch sử châu Âu 52) Trình bày được nguyên nhân, hệ quả của các phong trào khởi nghĩa nông dân ở châu Âu 53) Phân tích được hệ quả của cách mạng Nederland đối với lịch sử châu Âu.	4	4	10

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T	T	U	U	T	U	U
Chương 2	T	T	U	U	T	U	U
Chương 3	T	T	U	U	T	U	U
Chương 4	T	T	U	U	T	U	U
Chương 5	T	T	U	U	T	U	U
Chương 6	T	T	U	U	T	U	U
Chương 7	T	T	U	U	T	U	U

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 8	T	T	U	U	T	U	U
Chương 9	T	T	U	U	T	U	U
Chương 10	T	T	U	U	T	U	U
Chương 11	T	T	U	U	T	U	U
Chương 12	T	T	U	U	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,3,4. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2,5. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	01
Chương 1 Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 9 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7,8,10. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	02
Chương 2 Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13,14 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12, 15, 16. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai.	03

		- Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3 Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 17, 19 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 18, 20, 21. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	04, 05
Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 22, 23 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 24,25 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	06, 07
Chương 6	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 25,27. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 26, 28. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	08, 09
Chương 7	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 29, 30, 31 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 32, 33, 34.	10, 11

		- Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 8	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 35 [3]: - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. [5]: - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 36, 37, 38. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12
Chương 9	[1]: [2]: [3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 39, 41 [3]: - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 40, 42, 43 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	13
Chương 10	[1]: [2]: [3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 44 [3]: - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 45 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	14
Chương 11	[1]: [2]: [3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 46, 47 [3]: - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet.	15

		2) Học trên lớp: - CDR của chương: 48, 49. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6, Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm	Chp1, Chp2, Chp3

	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS.Nguyễn Văn Dũng

TS.Nguyễn Thị Tuyết Nhung

TS.Nguyễn Văn Vinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
Mã số: LS207.1

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử thế giới cận đại
- Tiếng Anh: Pre - Modern World History

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lý thuyết: 45 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 105 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ trung đại

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0973.025.007 Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0984.289.020 Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Lịch sử thế giới cận đại là môn học bắt buộc, tiếp nối của học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình phát triển của lịch sử thế giới cận đại (từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX) ở cả phương Đông và phương Tây. Trong đó, nội dung trọng tâm tập trung vào: Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại; cách mạng công nghiệp, sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; Quan hệ quốc tế thời cận đại; Quá trình xâm lược, chính sách cai trị và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng đánh giá vai trò, tác động của các sự kiện trên đến tiến trình phát triển của lịch sử thế giới. Từ đó, lý giải và dự đoán được sự vận động và phát triển của lịch sử thời hiện đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản, toàn diện về lịch sử thế giới cận đại bao gồm: Sự ra đời, xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản; cách mạng công nghiệp và sự phát triển của KHKT; phong trào công nhân; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; quan hệ quốc tế thời cận đại.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề lịch sử thế giới cận đại dưới góc nhìn đa chiều và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Từ đó, có thể vận dụng để giải thích các vấn đề thời sự của thế giới hiện nay.	
M _{hp3}	Vận dụng được các kiến thức về lịch sử thế giới cận đại trong tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường trung học.	
M _{hp4}	Hình thành sự hứng thú, nhận thức đúng đắn về các vấn đề của lịch sử thế giới cận đại; có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị mà nhân loại đã đạt được; tình yêu hòa bình và lên án chiến tranh.	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.

M _{hp} 5	Hoàn thành được các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 6	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về các vấn đề của lịch sử thế giới thời cận đại.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được sự phân kỳ và khái quát hóa được nội dung các vấn đề lớn của lịch sử thế giới cận đại	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Trình bày được những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử thế giới cận đại, bao gồm: Sự ra đời, xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản; Cách mạng công nghiệp và sự phát triển của KHKT; phong trào công nhân; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh và quan hệ quốc tế thời cận đại .	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được các kiến thức về lịch sử thế giới cận đại trong tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Biết cách sưu tầm và sử dụng được những nguồn tư liệu đa dạng, đa chiều về các vấn đề lịch sử thế giới cận đại.	M _{hp} 2, M _{hp} 6
C _{hp} 5	Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị mà nhân loại đã đạt được; tình yêu hòa bình và lên án chiến tranh.	M _{hp} 4
C _{hp} 6	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 5
C _{hp} 7	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử thế giới hiện đại.	M _{hp} 5, M _{hp} 6

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Nga , Lịch sử thế giới cận đại, Tập bài giảng (Lưu hành nội bộ), Hà Nội : Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2017.
- [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Lịch sử thế giới cận đại, tập I, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2011.
- [7] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Lịch sử thế giới cận đại, tập II, Hà Nội : Đại học Sư phạm , 2011.

[8] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng , Lịch sử thế giới cận đại, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 1998 .

6.2. Tham khảo

[3] Đỗ Thanh Bình , Phong trào giải phóng dân tộc một cách tiếp cận mới, Hà Nội : Đại học Sư phạm , 2010 .

[4] C.Mác- P.Ăngghen, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Toàn tập, tập 1, Hà Nội : Sự thật , 1980.

[5] Nguyễn Nghi, Lê Minh Đức, Lịch sử nước Mỹ: từ thời lập quốc đến thời hiện đại, Hà Nội : Văn hóa thông tin .

[6] A. Manfrê , Đại cách mạng Pháp 1789, Hà Nội : Khoa học , 1965.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ (THẾ KỈ XVI - XVIII) 1.1. Khái quát về lịch sử thế giới cận đại 1.2. Cách mạng tư sản Nêđéc-lan (1566 - 1648) 1.3. Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII 1.4. Cuộc đấu tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ thế kỉ XVIII 1.5. Cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII	1) Trình bày được sự phân kỳ, nội dung cơ bản và các phương pháp nghiên cứu lịch sử thế giới cận đại. 2) Phân tích được tiền đề, mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực, loại hình, tính chất, đặc điểm của các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ thế kỉ XVI - XVIII. 3) Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ thế kỉ XVI - XVIII. 4) Đánh giá được những tác động của sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.	7	4	16
Chương 2. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT VÀ LẦN THỨ HAI 2.1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất 2.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ 2 2.3. Hệ quả, tác động	5) Trình bày được bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai và những thành tựu chủ yếu của hai cuộc cách mạng công nghiệp. 6) Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát triển	4	4	10

	của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá.			
Chương 3. TÌNH HÌNH CÁC QUỐC GIA CHÂU ÂU VÀ MỸ (THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX) 3.1. Phong trào cách mạng tư sản (1815- 1871) 3.2. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền	7) Trình bày được nguyên nhân, diễn biến, kết quả của phong trào cách mạng tư sản (1815 - 1871) 8) Phân tích được sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản; quá trình chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. 9) Đánh giá được vai trò của chủ nghĩa tư bản và có nhận thức đúng đắn về những hạn chế của xã hội tư bản thời cận đại. 10) Vận dụng được những hiểu biết về chủ nghĩa tư bản để giải thích các vấn đề của xã hội chủ nghĩa tư bản hiện nay.	6	4	14
Chương 4. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ THỜI CẬN ĐẠI 4.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 4.2. Phong trào công nhân quốc tế thời cận đại	11) Trình bày được quá trình ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. 12) Đánh giá được vai trò của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học (K. Marx, F. Engels) đối với phong trào công nhân cận đại và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. 13) Trình bày được sự ra đời của giai cấp công nhân và quá trình phát triển của phong trào công nhân thời cận đại.	5	2	11
Chương 5. QUAN HỆ QUỐC TẾ THỜI CẬN ĐẠI VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT 5.1. Bối cảnh lịch sử mới tác động tới quan hệ quốc tế 5.2. Quan hệ quốc tế trước Chiến tranh thế giới thứ nhất 5.3. Chiến tranh thế giới thứ nhất	14) Phân tích được diễn biến của quan hệ quốc tế ở châu Âu thời cận đại. 15) Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến một số cuộc chiến tranh ở châu Âu thời cận đại và Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). 16) Trình bày được diễn biến, kết quả, tác động của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. 17) Đánh giá được tác động của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. 18) Vận dụng được những hiểu biết về quan hệ quốc tế thời cận đại để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay.	6	4	14
Chương 6. CHÂU Á THỜI CẬN ĐẠI	19) Trình bày được những nét chung về quá trình xâm lược và chính sách thống	7	4	16

6.1. Bối cảnh lịch sử 6.2. Nhật Bản 6.3. Trung Quốc 6.4. Ấn Độ 6.5. Đông Nam Á	trị của chủ nghĩa thực dân tại các quốc gia Á, Phi, Mỹ Latinh thời cận đại. 20) Phân tích được tác động của chủ nghĩa thực dân đối với sự phát triển của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh thời cận đại. 21) Trình bày được bối cảnh và nội dung cuộc Minh Trị duy tân tại Nhật Bản. 22) Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Trị đối với sự phát triển của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu XX. 23) Trình bày được bối cảnh và quá trình xâm lược Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á của thực dân phương Tây. 24) Phân tích được các phong trào đấu tranh chống xâm lược và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. 25) Đánh giá được vai trò lãnh đạo của Đảng Quốc Đại đối với các phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 26) Giải thích được vì sao Thái Lan là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không bị mất độc lập.			
Chương 7. CHÂU PHI THỜI CẬN ĐẠI 7.1. Vài nét về châu Phi trước khi bị thực dân phương Tây xâm lược 7.2. Các nước đế quốc xâm lược và xâu xé Châu Phi 7.3. Phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi	27) Trình bày được bối cảnh và quá trình châu Phi bị biến thành thuộc địa. 28) Phân tích được chính sách cai trị và tác động của những chính sách đó đối với châu Phi. 29) Trình bày được các phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi. 30) Đánh giá được đặc điểm của phong trào đấu tranh chống xâm lược, đòi độc lập dân tộc của các nước châu Phi.	5	4	12
Chương 8. KHU VỰC MỸ LATINH THỜI CẬN ĐẠI 8.1. Mỹ Latinh đầu thời cận đại 8.2. Sự tăng cường xâm nhập của các nước đế quốc vào Mỹ Latinh	31) Trình bày được bối cảnh và quá trình các nước đế quốc tăng cường xâm nhập vào Mỹ Latinh. 32) Phân tích được chính sách cai trị và tác động của những chính sách đó đối với khu vực Mỹ latinh.	5	4	12

8.3. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XIX 8.4. Cuộc đấu tranh giành độc lập, dân chủ hoá đất nước cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX	33) Trình bày được các phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Mỹ Latinh đầu thế kỷ XIX và cuộc đấu tranh giành độc lập, dân chủ hoá đất nước cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX. 34) Đánh giá được kết quả, đặc điểm của phong trào đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc của các nước Mỹ Latinh.			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T	T	U	U	T	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T	U	T
Chương 4	T	T	U	U	T	U	T
Chương 5	T	T	U	U	T	U	T
Chương 6	T	T	U	U	T	U	T
Chương 7	T	T	U	U	T	U	T
Chương 8	T	T	U	U	T	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]: [4]: [7] [8]	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 1, 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 3, 4 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	1,2,3
Chương 2	[1]: [2]: [4]:	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 5 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 6	3,4

		- Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 3	[1]: [2]: [4]: [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 7 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 8, 9, 10 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	4,5,6
Chương 4	[1]: [2]: [4] [6]	1) Học trên lớp: - CDR của chương: 11, 12 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0 2) Học trên LMS: - CDR của chương: 13 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet.	6,7,8
Chương 5	[1]: [2]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 14, 15, 16 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 17, 18 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	8,9,10
Chương 6	[1]: [3]: [4]: [5]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 19,21,23 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 20, 22,24,25,26 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm....	10,11,12

		- Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 7	[1]: [3]: [4]: [5]:	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 27,29 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: 28,30 - CĐR của chương: - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	12,13,14
Chương 8	[1]: [3]: [5]:	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 31,33 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: 32,34 - CĐR của chương: - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp6}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp6}

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan theo ngân hàng đề thi	Chp1, Chp2, Chp7,
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Sử dụng hình thức Bài tập lớn theo ngân hàng đề thi.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Bích

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Mã số: LS208.1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử thế giới hiện đại
- Tiếng Anh: History of the modern world

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lí thuyết: 45 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 105 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới cận đại

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử thế giới

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0363367268

Email: nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0978527421

Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Lịch sử thế giới hiện đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI. Trên cơ sở các kiến thức trên, học sinh biết vận dụng để giải thích các sự kiện nổi bật trên cơ sở thế giới quan khoa học: nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh, sự hình thành và sụp đổ của trật tự hai cực Ianta... Dự đoán xu thế vận động và phát triển của lịch sử thế hiện qua một số kịch bản: CNXH; CNTB; Sự thay đổi về tương quan lực lượng trong quan hệ quốc tế...

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Góp phần phát triển năng lực dạy học: Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại; vận dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện trong tổ chức hoạt động dạy học ở trường trung học	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân, biết sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần.	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn

		Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp} 4	Góp phần hình thành nhận thức đúng đắn, khách quan về các sự kiện diễn ra trong lịch sử thế giới thời kì hiện đại, hình thành thái độ trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới. Trân trọng thành quả đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức.	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống. C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp} 5	Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử về lịch sử thế giới thời hiện đại	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI	M _{hp} 1 M _{hp} 2
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh và đánh giá được các sự kiện của Lịch sử thế giới hiện đại từ nhiều góc độ và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau	
C _{hp} 3	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} 2, M _{hp} 3
C _{hp} 4	Trình bày được ý kiến cá nhân; Sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày	
C _{hp} 5	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo...	
C _{hp} 6	Đánh giá được các sự kiện diễn ra của lịch sử thế giới thời kì hiện đại: Quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư	M _{hp} 4

	bản, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu... khát vọng hòa bình của nhân dân thế giới thông qua một số ví dụ cụ thể...	
C _{hp} 7	Thực hiện được các bài tập trên lớp, viết được bài nghiên cứu, chủ đề nghiên cứu trên nội san sinh viên hoặc các đề tài nghiên cứu khoa học	M _{hp} 5

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Anh Thái (chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2015.
- [2] Đỗ Thanh Bình, *Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 1*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2010.
- [3] Trần Thị Vinh, *Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 2*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2016.
- [4] Nguyễn Thị Tuyết Nhung, *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2012.

6.2. Tham khảo

- [5] Vũ Dương Ninh, *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*. Hà Nội: Nxb Đại học quốc gia, 2001.
- [6] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*. Hà Nội: Nxb Đại học quốc gia, 2006.
- [7] Vũ Hữu Ngoan, Khổng Doãn Hội, *Mấy vấn đề về chủ nghĩa tư bản nhà nước*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, 1993.
- [8] Lê Văn Sang (chủ biên), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại, tập 2 - tập 3*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, 1995.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG 10 NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1917-1945)	1) Trình bày được tiến trình phát triển của lịch sử thế giới hiện đại, mốc mở đầu Lịch sử thế giới hiện đại 2) Trình bày được các sự kiện lịch sử quan trọng về Cách mạng tháng Mười Nga, công cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, công cuộc khôi phục	6	4	14

1.1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 1.1.1 Tình hình nước Nga trước cách mạng 1.1.2 Cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 1.1.3 Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 1.1.4 Cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng và xây dựng chính quyền Xô viết (1917-1920) 1.1.5 Nguyên nhân thắng lợi, bài học và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng XHCN tháng Mười Nga 1.2 Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941) 1.2.1 Chính sách Kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1921 - 1925) 1.2.2 Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 - 1941)	kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô (1921 - 1941) 3) Phân tích được bối cảnh lịch sử dẫn đến sự bùng nổ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917; Bối cảnh lịch sử công cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài; Bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của Chính sách kinh tế mới năm 1921; 4) Phân tích được các chính sách, biện pháp mà nước Nga giải quyết khi phải đối phó với thù trong giặc ngoài và sau khi kết thúc nội chiến 5) Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga 6) Vận dụng được để liên hệ những tác động của Cách mạng tháng Mười Nga đối với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trong đó có Việt Nam 7) Phân tích được nội dung và ý nghĩa của Chính sách kinh tế mới. 8) Liên hệ được tính thời sự của Chính sách kinh tế mới của Lê nin với công cuộc Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay			
Chương 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ 1945 ĐẾN NĂM 1991 2.1 Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX 2.1.1 Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX 2.1.1.1 Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1946 - 1950) 2.1.1.2 Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1951 đến giữa thập kỉ 70 của thế kỉ XX 2.1.2 Các nước Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX	9) Trình bày được những thành tựu mà Liên Xô đã đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX 10) Trình bày được sự ra đời của các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai 11) Trình bày được nội dung của Công cuộc cải tổ ở Liên Xô từ năm 1985 đến 1991 12) Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai;	4	4	10

2.2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ nửa sau những năm 70 thế kỉ XX đến năm 1991 2.2.1. Công cuộc cải tổ và sự tan rã của Liên Xô 2.2.2. Các nước Đông Âu lâm vào khủng hoảng rồi sụp đổ	13) Phân tích được bối cảnh quốc tế và trong nước của Liên Xô trong những thập niên 70 của thế kỉ XX 14) Giải thích được nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu 15) Liên hệ được những bài học kinh nghiệm từ những thiếu sót trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay			
Chương 3: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NAY 3.1 Khái quát về các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh từ 1918 đến nay 3.1.1 Những nét lớn về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh 3.1.1.1 Phong trào giải phóng dân tộc từ 1918 đến 1945 3.1.1.2 Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc 3.1.2 Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh sau khi giành độc lập. 3.2 Các nước châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay. 3.2.1 Trung Quốc, Ấn Độ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay 3.2.2 Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay	16) Trình bày được các sự kiện lịch sử về sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mĩ La tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và ở một số nước, khu vực cụ thể như khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc 17) Trình bày được các giai đoạn phát triển của lịch sử Trung Quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay 18) Trình bày được những thành tựu đạt được trong công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay 19) Trình bày được sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) Đánh giá được vai trò của tổ chức này 20) Phân tích được các nhân tố tác động tới phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á, Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1914 - 1918) và sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945). 21) Lí giải được vì sao các nước Á, Phi và Mĩ Latinh lại lựa chọn các con đường đấu tranh giải phóng dân tộc khác nhau. Lí giải các con đường đấu tranh này ở một số nước cụ thể như Trung Quốc hay ở khu vực Đông Nam Á 22) Lí giải được những nguyên nhân giúp công cuộc cải tổ của Trung Quốc đạt được những thành tựu quan trọng	7	4	16

	23) Đánh giá được vai trò của các lãnh tụ, vĩ nhân trong công cuộc giải phóng đất nước và phát triển kinh tế ở các nước này			
Chương 4: QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939) VÀ CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI 4.1 Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918 - 1929) 4.1.1 Hệ thống Hòa ước Vécxai (1919-1920) 4.1.2 Hệ thống Hòa ước Oasinhton (1920-1922) 4.1.3 Trật tự thế giới trong thập niên 20 của thế kỉ XX 4.1.4 Quan hệ quốc tế của nước Nga Xô Viết sau Cách mạng tháng Mười (1917-1929) 4.2. Các nước tư bản chủ nghĩa giai đoạn giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới 4.2.1. Khái quát các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản thời kỳ 1919 -1939 4.2.2. Các nước tư bản chủ yếu (1919 - 1939) 4.2.1. Nước Anh 4.2.2. Nước Pháp 4.2.3. Nước Mỹ 4.2.4. Nước Đức 4.2.5. Nước Ý 4.2.6. Nước Nhật 4.3. Sự sụp đổ của hệ thống Vécxai - Oasinhton và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai 4.3.1 Sự hình thành ba lò lửa chiến tranh	24) Trình bày được các giai đoạn phát triển, các sự kiện chính của quan hệ quốc tế và các nước tư bản giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới 25) Phân tích được các nhân tố tác động tới sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất 26) Phân tích được mâu thuẫn giữa các cường quốc thắng trận và bại trận và giữa các nước thắng trận với nhau khi thiết lập trật tự thế giới mới sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc 27) Lí giải được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai 28) Lí giải được vì sao Mĩ không tham gia Hội Quốc Liên 29) Chứng minh được Hội Quốc Liên là một tổ chức lỏng lẻo và yếu kém trong việc duy trì hòa bình an ninh thế giới 30) Trình bày được khái quát các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới 31) Phân tích được những nét chính về kinh tế, chính trị - xã hội của một số nước tư bản như Mỹ, Nhật, Đức qua các giai đoạn 32) Phân tích nguyên nhân, diễn biến, biện pháp khắc phục cuộc khủng hoảng thừa (1929 - 1933) của chủ nghĩa tư bản 33) Lí giải được vì sao các nước tư bản lại chọn hai con đường khác nhau để giải quyết khủng hoảng ở các nước tư bản trong giai đoạn này 34) Trình bày được sự hình thành ba lò lửa Chiến tranh thế giới	10	6	23

4.3.2 Con đường dẫn tới chiến tranh thế giới thứ hai 4.4. Chiến tranh thế giới thứ hai 4.4.1 Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai 4.4. .2 Diễn biến 4.4.3. Hậu quả của cuộc chiến tranh	35) Phân tích được các cuộc khủng hoảng xung đột, và chính sách nhân nhượng của các cường quốc phương Tây đối với phe phát xít là con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai 36) Lí giải được nguyên nhân và đánh giá được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai 37) Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên Xô; chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh 38) Đánh giá được vai trò của các nhà lãnh đạo các nước tư bản trong giai đoạn giữa hai cuộc chiến tranh thế giới			
Chương 5: QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 1991 5. 1 Sự hình thành trật tự hai cực Ianta 5.1.1. Khái quát tình hình thế giới sau chiến tranh 5.1.2. Hội nghị Ianta và sự hình thành trật tự hai cực Ianta 5.1.3. Tổ chức Liên Hợp Quốc 5.1.4. Việc giải quyết vấn đề các nước phát xít bại trận sau chiến tranh 5.2. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây 5.2.1. Chủ nghĩa Toruman và sự bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh 5.2.2. Những diễn biến chính của cuộc chiến tranh lạnh	39) Trình bày được khái quát các mốc sự kiện lịch sử quan trọng về sự hình thành và sụp đổ Trật tự hai cực Ianta trong thời kì Chiến tranh lạnh 40) Phân tích được các nhân tố dẫn đến sự hình thành Trật tự hai cực Ianta sau Chiến tranh thế giới thứ hai 41) So sánh được sự khác biệt giữa Trật tự hai cực Ianta và Trật tự Vécxai - Oasinhton. 42) Phân tích được vai trò Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác 43) Phân tích được nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh 44) Chứng minh được trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, mọi cuộc khủng hoảng, xung đột trên thế giới đều chịu sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ	7	4	16

5.3 Quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 70 đến 1991 5.3.1 Quá trình chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh 5.3.2. Sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta	sự đối đầu giữa hai cường quốc Xô - Mỹ. 45) Liên hệ được những hệ quả của Chiến tranh lạnh vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay 46) Lí giải được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ Trật tự hai cực Ianta			
Chương 6: QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH LẠNH 6.1 Khái quát tình hình quốc tế sau Chiến tranh lạnh 6.2 Mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh 6.3 Xu thế phát triển của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh 6.4 Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở khu vực châu Á những năm đầu thế kỉ XXI	47) Phân tích được những nhân tố tác động đến Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh 48) Phân tích và chứng minh được những mâu thuẫn tồn tại trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh 49) Đánh giá được xu thế phát triển của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh 50) Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để hiểu và giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế. 51) Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc	5	4	12
Chương 7: CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ YẾU TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY 7.1. Khái quát 7.1.1. Những nét lớn về tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai 7.1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai 7.2. Các nước tư bản chủ yếu 7.2.1. Nước Mỹ 7.2.2. Các nước Tây Âu 7.2.3. Nhật	52) Trình bày được các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm đầu thế kỉ XXI 53) Phân tích được những nét chính về kinh tế, chính trị - xã hội của một số nước tư bản như Mỹ, Nhật, Đức qua các giai đoạn 54) Lí giải được nguyên nhân phát triển hay khủng hoảng của các nước tư bản qua các giai đoạn 55) Phân tích được vai trò các chính phủ các nước tư bản, các Tổng thống Mỹ, thủ tướng Nhật trong việc đưa ra các chính sách để khắc phục khủng hoảng và phát triển kinh tế ở các nước này	6	4	14

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	Chp1	Chp2	Chp3	Chp4	Chp5	Chp6	Chp7
Chương 1	T	T	U	U	U	T	U
Chương 2	T	T	U	U	U	T	U
Chương 3	T	T	U	U	U	T	U
Chương 4	T	T	U	U	U	T	U
Chương 5	T	T	U	U	U	T	U
Chương 6	T	T	U	U	U	T	U
Chương 7	T	T	U	U	U	T	U
Chương 8	T	T	U	U	U	T	U
Chương 9	T	T	U	U	U	T	U
Chương 10	T	T	U	U	U	T	U
Chương 11	T	T	U	U	U	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr9-65 [2] [3] [4]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2
Chương 2	[1]: tr447-481 [2] [3] [4]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 3, 4
Chương 3	[1]:tr 121 - 148; tr314-400 [3]:tr193 - 425 [4]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 5, 6

Chương 4	[1]:tr66-120, tr166-200 [3]: tr15 - 75 [4] [5] [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 6,7,8
Chương 5	[1]: tr223-249, tr401-425 [3]: tr 79 - 98 [4]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 9, 10,11
Chương 6	[1]: tr401-425 [3]: tr101 - 128 [4]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 12, 13
Chương 7	[1]: tr284 - 313, 426 - 448 [2] [3] [4] [5] [8] [9] [10]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp3, Chp4, Chp5

	thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập nhóm; + Bài tập về nhà; + Sản phẩm học tập + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6, C _{hp} 7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Bài tập lớn	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 5, C _{hp} 6
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng các phương thức + Thi viết (Tự luận)	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 6,

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ TRUNG ĐẠI
Mã số: LS209

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
- Tiếng Anh: History of ancient - medieval Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 05

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 90 tiết

- Lý thuyết: 60 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Không

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Trên cơ sở hiểu được những kiến thức cơ bản đó, người học nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại.

Môn học cung cấp nền tảng kiến thức để người học tiếp tục học các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc như: Lịch sử Việt Nam cận đại, Vương quốc cổ Champa và Phù Nam, Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI), Lịch sử ngoại giao Việt Nam và các môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Làng xã Việt Nam, Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại một cách đa chiều từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu được những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp5}	Có khả năng tìm kiếm, khai thác được các nguồn tư liệu có liên quan đến giai đoạn Lịch sử Việt	

	Nam cổ trung đại để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	
M _{hp} 6	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 7	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện về Lịch sử Việt Nam cổ trung đại một cách đa chiều từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam cổ trung đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến thời kì lịch sử Việt Nam cổ trung đại ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 4 M _{hp} 5
C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 6
C _{hp} 6	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.	
C _{hp} 7	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...)	M _{hp} 7

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Trần Thị Thu Hà, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Tập bài giảng, Tập bài giảng, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2017.
- [2] Phan Huy Lê (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập I, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [3] Phan Huy Lê (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập II, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [4] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Tái bản lần thứ 14, Hà Nội: Giáo dục, 2016.
- [5] Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 1, Tái bản lần thứ 14, Hà Nội: Giáo dục, 2015.

6.2. Tham khảo

- [6] Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh, Lịch sử Việt Nam, Quyển 1 (Trước năm 1427), Hà Nội: Giáo dục, 1980.
- [7] Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Cảnh Minh, Lịch sử Việt Nam, Quyển 2 (1427-1858), Hà Nội: Giáo dục, 1980.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Việt Nam thời tiền sử 1.1. Thời đại Đá cũ, sự phát triển từ người vượn đến người hiện đại 1.2. Thời đại Đá mới và các bộ lạc trồng lúa 1.3. Thời đại kim khí và quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy	1). Trình bày được sự xuất hiện người nguyên thủy trên đất nước ta. 2). Trình bày được quá trình phát triển từ người vượn đến người hiện đại ở nước ta. 3). So sánh được các giai đoạn phát triển của công cụ lao động, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội của người nguyên thủy trên đất nước ta. 4). Trình bày được nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy trên đất nước ta	3	2	7
Chương 2: Thời kỳ hình thành các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam 2.1. Văn hoá Đông Sơn; sự ra đời của nhà nước Văn Lang	5). Trình bày được sự ra đời và tổ chức của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam. 6). Trình bày được điều kiện hình thành, những thành tựu và đặc trưng của nền văn minh sông Hồng.	4	2	9

2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương 2.3. Văn hoá Sa Huỳnh và Vương quốc cổ Chăm pa 2.4. Văn hoá Óc Eo và Vương quốc Phù Nam	7). Phân tích được vai trò của nền văn minh sông Hồng với nền văn hóa của dân tộc.			
Chương 3: Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc 3.1. Từ thất bại của An Dương Vương đến khởi nghĩa Hai Bà Trưng 3.2. Từ sau Trưng Vương đến Lý Nam Đế 3.3. Từ sau nhà nước Vạn Xuân đến chiến thắng Bạch Đằng	8). Trình bày được chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ở nước ta thời kì Bắc thuộc. 9). Phân tích được những chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa nước ta thời kì Bắc thuộc. 10). Trình bày được các phong trào đấu tranh tiêu biểu của nhân dân ta chống lại Bắc thuộc và đặc điểm của các phong trào đó. 11). Trình bày được ý nghĩa của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. 12). Giải thích được vì sao trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc nhân dân ta không bị phong kiến phương Bắc đồng hóa.	3	2	7
Chương 4: Các vương triều Ngô - Đinh - Tiền Lê (938-1009) 4.1. Triều Ngô với kinh đô Cổ Loa 4.2. Triều Đinh 4.3. Triều Tiền Lê	13). Trình bày được sự thành lập và tổ chức các vương triều Ngô - Đinh - tiền Lê. 14). Trình bày được những thành tựu xây dựng đất nước trong thế kỉ X. 15). Trình bày được hoàn cảnh, diễn biến, kết quả và ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống năm 980-981. 16). Giải thích được vì sao lại gọi thế kỉ X là thế kỉ bản lề dân tộc. 17). Đánh giá được vị trí và vai trò các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê với quá trình phong kiến hóa ở nước ta.	4	2	9
Chương 5: Đại Việt thời Lý (1009 - 1225) 5.1. Vương triều Lý và định đô Thăng Long 5.2. Tổ chức triều đình và bộ máy chính quyền 5.3. Tình hình phát triển kinh tế 5.4. Kháng chiến chống Tống	18). Trình bày được sự thành lập và tổ chức vương triều Lý; Ý nghĩa của việc dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long 19). Trình bày được tình hình kinh tế, văn hóa nước ta dưới thời Lý. 20). Phân tích được được âm mưu xâm lược của nhà Tống và nêu được công cuộc chuẩn bị kháng chiến của Đại Việt, diễn biến, kết quả và ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý.	4	2	9

	21). Đánh giá được vị trí và vai trò của triều Lý với quá trình phong kiến hóa ở nước ta.			
Chương 6: Đại Việt thời Trần (1226-1400) 6.1. Triều Lý suy vong, triều Trần thành lập 6.2. Triều Trần xây dựng và củng cố chính quyền 6.3. Tình hình kinh tế 6.4. Kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp 6.5. Kháng chiến chống Mông Nguyên	22). Trình bày được sự thành lập và tổ chức vương triều Trần. 23). Trình bày được tình hình kinh tế, văn hóa nước ta dưới triều Trần. 24). Trình bày được âm mưu xâm lược của quân Nguyên Mông, diễn biến, kết quả và ý nghĩa 3 lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông của nhà Trần. 25). Hiểu được vai trò của các tướng lĩnh quân sự tài ba thời Trần với các chiến thắng lẫy lừng của dân tộc. 26). Đánh giá được vị trí và vai trò của triều Trần với quá trình phong kiến hóa ở nước ta.	4	2	9
Chương 7: Vương triều Hồ và cải cách của Hồ Quý Ly. Kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 7. 1. Vương triều Hồ và cải cách của Hồ Quý Ly 7. 2. Kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 7.3. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)	27). Trình bày được sự thành lập của vương triều Hồ và cuộc cải cách của Hồ Quý Ly 28). Hiểu và lý giải được nguyên nhân thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống Minh (1406-1407) 29). Trình bày và đánh giá được chính sách đô hộ của nhà Minh sau khi triều Hồ kháng chiến thất bại. 30). Trình bày được công cuộc chuẩn bị và diễn biến chính cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427). 31). Giải thích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427). 32). Đánh giá được vị trí và vai trò của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn... với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427).	4	3	9,5
Chương 8: Vương quốc Champa thế kỷ X đến XV 8.1. Vương triều Vijaya (Thế kỷ X-XV) 8.2. Sự phát triển kinh tế-xã hội 8.3. Triều đình và bộ máy quản lý nhà nước 8.4. Sự phát triển văn hoá	33). Trình bày được sự thành lập và bộ máy tổ chức của vương triều Vijaya (Thế kỷ X-XV) 34). Trình bày được tình hình kinh tế-xã hội Chăm-pa dưới vương triều Vijaya (Thế kỷ X-XV) 35). Trình bày được sự phát triển của văn hóa Chăm-pa dưới vương triều Vijaya (Thế kỷ X-XV) 36). So sánh văn hóa Chăm-pa dưới vương triều Vijaya (Thế kỷ X-XV) với văn hóa Đại Việt (Thế kỉ X đến XV)	3	3	7,5

Chương 9: Đại Việt thời Lê Sơ (1428-1527) 9.1. Vương triều Lê sơ (1428-1527) 9.2. Phục hồi và phát triển kinh tế 9.3. Quan hệ đối ngoại 9.4. Phục hưng văn hoá	37). Trình bày được sự thành lập và phân tích được tổ chức bộ máy nhà nước của vương triều Lê sơ. 38). Trình bày được nội dung, tính chất và những tiến bộ của bộ luật Hồng Đức. 39). Trình bày được các chính sách khôi phục và phát triển kinh tế của nhà Lê sơ. 40). Trình bày được chính sách đối ngoại của nhà Lê sơ. 41). Trình bày được sự phát triển văn hóa của vương triều Lê sơ. 42). Đánh giá được vị trí và vai trò của triều Lê sơ với quá trình phong kiến hóa ở nước ta.	4	3	9,5
Chương 10: Đại Việt thời Mạc (1527-1592) 10.1. Triều Lê suy vong và sự thành lập triều Mạc 10.2. Nước Đại Việt dưới vương triều Mạc 10.3. Nội chiến Lê-Mạc (1533-1592) và sự trung hưng của triều Lê 10.4. Văn hóa dưới triều Mạc	43). Trình bày được sự thành lập và tổ chức bộ máy nhà nước triều Mạc. 44). Trình bày được tình hình kinh tế của triều Mạc. 45). Trình bày được sự phát triển văn hóa, giáo dục triều Mạc. 46). Trình bày được nguyên nhân và diễn biến của nội chiến Lê-Mạc (1533-1592). 47). Đánh giá đúng chính sách ngoại giao của triều Mạc.	4	3	9,5
Chương 11: Đại Việt thời Trịnh Nguyễn 11.1. Mâu thuẫn và nội chiến Trịnh-Nguyễn 11.2. Đàng Trong thời các chúa Nguyễn 11.3. Đàng Ngoài thời Lê-Trịnh 11.4. Sự phát triển của thủ công thương nghiệp dân gian và quan hệ hàng hoá giữa hai miền 11.5. Mâu dịch đối ngoại và sự phát triển của đô thị, thương cảng 11.6. Đời sống văn hoá 11.7. Phong trào nông dân Đàng Ngoài và khởi nghĩa Tây Sơn	48). Trình bày được mâu thuẫn dẫn đến nội chiến Trịnh-Nguyễn; Nguyên nhân Nguyễn Hoàng vào dựng nghiệp ở Thuận Quảng. 49). Trình bày được quá trình dẫn đến phân chia Đàng Trong-Đàng Ngoài. 50). So sánh tổ chức chính quyền ở Đàng Trong thời các chúa Nguyễn với Đàng Ngoài thời Lê-Trịnh. 51). So sánh tình hình kinh tế ở Đàng Trong với Đàng Ngoài. Giải thích được vì sao khủng hoảng kinh tế ở Đàng Trong lại diễn ra muộn hơn so với ở Đàng Ngoài. 52). Phân tích được tác động của sự phát triển kinh tế hàng hóa trong thế kỉ XVI-XVII đối với lịch sử Việt Nam. 53). Trình bày được tình hình văn hóa nước ta thời Trịnh - Nguyễn.	4	3	9,5

	54). Trình bày được những mâu thuẫn của xã hội Đàng Ngoài nửa đầu thế kỷ XVIII và các cuộc khởi nghĩa của nông dân. 55). Trình bày được các giai đoạn của khởi nghĩa Tây Sơn; công lao và những hạn chế của khởi nghĩa Tây Sơn với lịch sử. 56). Trình bày được nội dung cải cách của Quang Trung. 57). Trình bày được sự suy yếu và thất bại của triều Tây Sơn.			
Chương 12: Việt Nam - Đại Nam thời Nguyễn 12.1. Vương triều Nguyễn 12.2. Chế độ sở hữu ruộng đất và tình hình nông nghiệp 12.3. Tình hình kinh tế hàng hoá và chính sách ngoại thương 12.4. Sự bùng nổ của các mâu thuẫn xã hội và sự lan rộng của khởi nghĩa nông dân 12.5. Văn hoá nửa đầu thế kỷ XIX	58). Trình bày được sự thành lập và tổ chức bộ máy chính quyền của vương triều Nguyễn. 59). Đánh giá được sự thành lập của vương triều Nguyễn là tốt yếu hay không tốt yếu. 60). Đánh giá đúng vai trò, hạn chế những cải cách của vua Minh Mạng. 61). Trình bày được chế độ sở hữu ruộng đất và tình hình nông nghiệp dưới triều Nguyễn. 62). Trình bày được tình hình kinh tế hàng hoá và chính sách ngoại thương dưới triều Nguyễn. 63). Trình bày được sự bùng nổ của các mâu thuẫn xã hội và sự lan rộng của khởi nghĩa nông dân dưới triều Nguyễn. 64). Trình bày được tình hình văn hóa nước ta nửa đầu thế kỷ XIX.	4	3	9,5

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	Chp1	Chp2	Chp3	Chp4	Chp5	Chp6	Chp7
Chương 1	T	T	U	U	T	U	U
Chương 2	T	T	U	U	T	U	U
Chương 3	T	T	U	U	T	U	U
Chương 4	T	T	U	U	T	U	U
Chương 5	T	T	U	U	T	U	U
Chương 6	T	T	U	U	T	U	U
Chương 7	T	T	U	U	T	U	U
Chương 8	T	T	U	U	T	U	U
Chương 9	T	T	U	U	T	U	U
Chương 10	T	T	U	U	T	U	U
Chương 11	T	T	U	U	T	U	U
Chương 12	T	T	U	U	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[3]: tr.11-tr.18 [4]: tr.11-tr.14	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,2,4. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1
Chương 2	[3]: tr.18-tr.35 [4]: tr.31-tr.58	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 5, 6 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 2
Chương 3	[3]: tr.36-tr.65 [4]: tr.63-tr.96	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 8, 9, 10 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 11, 12 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 3
Chương 4	[3]: tr.66-tr.70 [4]: tr.99-tr.111	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13, 14, 15 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 16, 17 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 4
Chương 5	[3]: tr.70-tr.76	1) Học trên LMS:	Tuần 5

	[4]:tr.120- tr.165	- CDR của chương: 18, 19 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 20, 21 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 6	[3]: tr.76-tr.84 [4]: tr.175- tr.216	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 22, 23, 24 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 25, 26 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 6
Chương 7	[2]: tr. 7-tr.117 [3]: tr.85- tr.116 [4]: tr.216- tr.247	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 27, 28, 30 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 29, 31, 32 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 7
Chương 8	[2]: tr.298- tr.303	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 33, 34, 35 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 36 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 8
Chương 9	[2]: tr.120- tr.198 [3]: tr.116- tr.130	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 37, 39, 40, 41 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet.	Tuần 9, 10

	[4]: tr.319- tr.330	2) Học trên lớp: - CDR của chương: 38, 42 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 10	[2]: tr. 203- tr.267 [3]: tr.131- tr.135 [4]: tr.338- tr.345	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 43, 44, 46 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 45, 47 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 11
Chương 11	[2]: tr. 281- tr.665 [3]: tr.136- tr.189 [4]: tr.353- tr.428	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 48, 49, 53, 54, 55 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 50, 51, 52, 56, 57 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 12,13
Chương 12	[2]: tr.673 - tr. 805 [3]: tr.189- tr.202 [4]: tr.437- tr.466	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 58, 61, 62, 63 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 59, 60, 64 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá	Thái độ học tập phản ánh qua	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5

	chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	việc tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6, Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Trắc nghiệm khách quan	- Chp1 (từ mở đầu lịch sử Việt Nam đến hết cuộc khởi nghĩa Lam Sơn) - Chp2 (từ mở đầu lịch sử Việt Nam đến hết cuộc khởi nghĩa Lam Sơn)
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	- Chp1 (Từ thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XIX) - Chp2 (Từ thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XIX) - Chp6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Nguyễn Văn Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI
Mã số: LS210.1

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử Việt Nam cận đại
- Tiếng Anh: Early modern history of Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lý thuyết: 45 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 105 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Chu Thị Thu Thủy**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0988831119 Email: chuthithuthuy@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Ninh Thị Sinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0904838411 Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Lịch sử Việt Nam cận đại là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam cận đại từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858) đến Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (1945) trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Trên cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản đó, người học nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam cận đại (1858 - 1945).

Môn Lịch sử Việt Nam cận đại giúp người học có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam giai đoạn cận đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam cận đại giai đoạn từ 1858 đến 1945.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử giai đoạn 1858 - 1945 từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam cận đại giai đoạn từ 1858 đến 1945.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện lịch sử giai 1858 - 1945 từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp2}
C _{hp3}	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo về các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử.	M _{hp3}
C _{hp4}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Trần Bá Đệ (chủ biên), Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
- [2] Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập II, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 1998.
- [3] Chu Thị Thu Thủy, Lịch sử Việt Nam cận đại, Tập bài giảng, Hà Nội: Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2013.

6.2. Tham khảo

- [4] Nguyễn Thế Anh, Việt Nam thời Pháp đô hộ, Hà Nội: Văn học, 2008.
- [5] Nguyễn Văn Khánh, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945), Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.
- [6] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Cách mạng tháng Tám 1945 toàn cảnh, Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2005.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG 1. VIỆT NAM TỪ 1858 ĐẾN 1896 1.1. Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp 1.1.1. Tình hình Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp 1.1.2. Quá trình thăm dò, chuẩn bị xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp 1.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1858 - 1884 1.2.1. Chống Pháp đánh chiếm Đà Nẵng 1.2.2. Cuộc kháng chiến ở Nam Kỳ 1.2.3. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1873 -	1) Nêu được thực trạng khủng hoảng của nhà Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược. 2) Khái quát được quá trình Pháp từng bước xâm lược và biến Việt Nam thành thuộc địa 3) Phân tích được bản chất thực dân của Pháp và âm mưu biến Việt Nam thành thuộc địa của chúng. 4) Phân tích được sự nhu nhược của triều đình phong kiến nhà Nguyễn dẫn tới quá trình đầu hàng từng bước thực dân Pháp. 5) Phân tích được Nhà Nguyễn biến việc mất nước từ không tất yếu thành tất yếu. 6) Phân tích được nguyên nhân làm bùng nổ phong trào đấu tranh	11	7	25,5

1884) và cuộc kháng chiến của nhân dân ta 1.2.4. Nhà nước phong kiến Việt Nam sụp đổ hoàn toàn. Hai hàng ước 1883 và 1884 1.3. Phong trào vũ trang chống Pháp những năm cuối thế kỷ XIX 1.3.1. Phong trào Cần Vương (1885 - 1896) 1.3.2. Phong trào nông dân Yên Thế 1.3.3. Phong trào tự vệ của đồng bào miền núi	của nhân dân chống Pháp trong suốt nửa sau thế kỉ XIX. 7) Phân tích được công lao và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để Việt Nam rơi vào tay Pháp. 8) Giải thích được nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX.			
CHƯƠNG 2. VIỆT NAM TỪ 1897 ĐẾN 1918 2.1. Những biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX 2.1.1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 - 1914) 2.1.2. Những biến chuyển của kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX 2.2. Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX 2.2.1. Những điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX 2.2.2. Phan Bội Châu với xu hướng bạo động 2.2.3. Phan Châu Trinh với xu hướng cải cách 2.2.4. Đông Kinh nghĩa thực 2.2.5. Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà thành 1908 2.2.6. Trung tâm chống Pháp Yên Thế đầu thế kỷ XX 2.3. Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) 2.3.1. Chính sách cai trị thời chiến của thực dân Pháp và những tác động tới xã hội Việt Nam	9) Trình bày được chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tác động đến sự chuyển biến về kinh tế - xã hội. 10) Trình bày được phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỉ XX theo khuynh hướng dân chủ tư sản. 11) Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và ảnh hưởng của nó tới tình hình Việt Nam. 12) Phân tích được nguyên nhân và tiền đề bùng nổ phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư tưởng tư sản. 13) Phân tích được ý nghĩa của cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX. 14) Phân tích được vai trò của các sĩ phu yêu nước tiên bộ trong phong trào cách mạng đầu thế kỉ XX. 15) Phân tích được nguyên nhân khiến phong trào yêu nước do các sĩ phu tiên bộ lãnh đạo không giành thắng lợi.	11	7	25,5

2.3.2. Phong trào giải phóng dân tộc trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)				
CHƯƠNG 3. VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1930 3.1. Điều kiện lịch sử mới của cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) 3.1.1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 - 1929) và ảnh hưởng của nó đến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam 3.1.2. Ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam 3.1.3. Hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc 3.2. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1919 đến 1925 3.2.1. Phong trào yêu nước của tư sản 3.2.2. Phong trào yêu nước của tiểu tư sản 3.2.3. Phong trào công nhân 3.3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1925 đến 1930 3.3.1. Các tổ chức cách mạng ra đời và hoạt động (1925 - 1930) 3.3.1.1. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên 3.3.1.2. Tân Việt cách mạng đảng 3.3.1.3. Việt Nam quốc dân đảng 3.3.2. Phong trào công nhân 3.3.3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 3.3.3.1. Ba tổ chức cộng sản ra đời nửa sau 1929 3.3.3.2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2 - 1930)	16) Nêu được tình hình thế giới và Việt Nam thúc đẩy phong trào dân tộc xã hội chủ nghĩa. 17) Phân tích được tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai tới chuyển biến cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam. 18) Trình bày được quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. 19) Phân tích những con đường định hướng tư tưởng cộng sản cho cách mạng Việt Nam. 20) Phân tích được sự xác lập tư tưởng cộng sản ở Việt Nam là cả một quá trình đấu tranh bền bỉ và gian khổ. 21) Phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố đầu tiên đảm bảo cho thắng lợi của khuynh hướng vô sản ở Việt Nam. 22) Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của khuynh hướng vô sản trong lịch sử dân tộc.	11	8	26

3.3.3.3. Ý nghĩa lịch sử của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời				
CHƯƠNG 4. VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 ĐẾN 1945 4.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh 4.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 4.1.2. Phong trào cách mạng toàn quốc 1930 - 1931 4.1.3. Cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 4.1.4. Tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm 4.2. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng 1932 - 1935 4.3. Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 4.3.1. Bối cảnh lịch sử 4.3.2. Phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp những năm 1936 - 1939 4.3.3. Tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm 4.4. Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945 và Cách mạng tháng Tám 4.4.1. Sự biến động của tình hình quốc tế và trong nước trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) 4.4.2. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng trong thời kỳ 1939 - 1945 4.4.3. Tích cực chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng 4.5. Cách mạng tháng Tám 1945 4.5.1. Cao trào kháng Nhật cứu nước 4.5.2. Cách mạng tháng Tám và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời	23) Trình bày được phong trào đấu tranh chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. 24) So sánh phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào 1936 - 1939. 25) Phân tích được Xô viết - Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào 1930 - 1931. 26) Phân tích được phong trào 1936 - 1939 là phong trào dân tộc dân chủ công khai với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. 27) Phân tích được phong trào cách mạng 1930 - 1931 và 1936 - 1939 là những cuộc tập dượt tích cực chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám trong giai đoạn sau. 28) Nêu được bối cảnh thế giới và trong nước dẫn tới sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. 29) Trình bày được diễn biến cơ bản của Cách mạng tháng Tám gồm hai giai đoạn là: Tiền khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa. 30) Phân tích cao trào kháng Nhật cứu nước là giai đoạn tiền khởi nghĩa. 31) Phân tích nguyên nhân tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu. 32) Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám. 33) Suu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến giai đoạn lịch sử Việt Nam cận đại ở mức độ đơn	12	8	28

	giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T	U	U
Chương 2	T	T	U	U
Chương 3	T	T	U	U
Chương 4	T	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (5 tiết/tuần)
Chương 1	[1]: [2]: [3], [4]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2,3,
Chương 2	[1]: [2]: [3], [4], [5], [6]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 4,5,6,7
Chương 3	[1]: [2]: [3], [4], [5], [6]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 8,9, 10, 11
Chương 4	[1]: [2], [3], [4], [5], [6], [7]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp4}

Đánh giá định kỳ	kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà;	Chp1, Chp2, Chp3,
	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	Chp1, Chp2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	Chp1, Chp2

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Chu Thị Thu Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
Mã số: LS211

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử Việt Nam hiện đại
- Tiếng Anh: Modern Vietnamese history

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 05

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 90 tiết

- Lý thuyết: 60 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam Khoa: Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Văn Dũng

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0987002279

Email: nguyenvandung@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Nguyễn Thùy Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0396010268

Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

3. Mô tả học phần

Là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay. Nội dung cơ bản ở giai đoạn này là: nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước (1954-1975); Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ trước và sau đổi mới... Các vấn đề trên sẽ được trình theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Môn Lịch sử Việt Nam hiện đại giúp người học có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam giai đoạn hiện đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử giai đoạn từ 1945 đến nay từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử Việt Nam hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện lịch sử giai đoạn từ 1945 đến nay từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp2}

C _{hp3}	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông.	M _{hp3}
C _{hp4}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp4}
C _{hp5}	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử Việt Nam giai đoạn hiện đại.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Lê Mậu Hãn (chủ biên), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 3, 1945 - 2006, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011.
- [2] Nguyễn Văn Dũng (chủ biên), Lịch sử Việt Nam hiện đại, Tập bài giảng, Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2012.
- [3] Nguyễn Ngọc Cơ (chủ biên), Một số vấn đề lịch sử Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2018.
- [4] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2016.

6.2. Tham khảo

- [5] Nguyễn Đình Lê, Lịch sử Việt Nam 1954 - 1975, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2010.
- [6] Nguyễn Văn Sự, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - danh tướng thế kỉ XX, Hà Nội: Quân đội Nhân dân, 2011.
- [7] Trần Trọng Trung, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2006.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1946) 1.1. Tình hình Việt Nam sau khi chế độ Dân chủ Cộng hoà được thành lập 1.2. Xây dựng nền Dân chủ Cộng hoà	1) Trình bày được bối cảnh Việt Nam sau CM tháng 8 năm 1945: những thuận lợi và khó khăn. 2) Nêu được các biện pháp, hoạt động của Chính phủ Lâm thời nhằm xây dựng và bảo vệ chế độ Dân chủ Cộng hoà sau Cách mạng tháng 8 năm 1945.	3	4	8

1.3. Hoạt động ngoại giao 1.4. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và thực hiện “Hòa để tiến”	3) Trình bày được thành tựu về xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân trong những năm 1945 - 1946. 4) Trình bày được những sự kiện ngoại giao tiêu biểu: Hoà hoãn với Tưởng để đánh Pháp ở miền Nam (trước 6/3/1946); Hoà với Pháp, đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc Việt Nam (sau Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946). 5) Phân tích được ý nghĩa của những sách lược mềm dẻo, mẫu mực về việc vận dụng các sách lược ngoại giao của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tình thế mới, tình thế đối phó với muôn vàn khó khăn sau CM Tháng 8 năm 1945. 6) Phân tích được những bài học kinh nghiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.			
Chương 2. Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946 - 1950) 2.1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ 2.2. Xây dựng nền Dân chủ Cộng hòa 2.3. Đấu tranh trên mặt trận quân sự	7) Phân tích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến; vị thế chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. 8) Phân tích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng. 9) Trình bày được những thành tựu về xây dựng chế độ Dân chủ Cộng hòa trên các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao trong những năm 1946 - 1950 10) Trình bày được khái quát diễn biến quân sự từ ngày đầu toàn quốc kháng chiến đến hết chiến dịch Biên giới năm 1950; quá trình vận dụng và phát triển hình thái chiến tranh du kích, tiến dần lên chiến tranh chính quy (giai đoạn 1948-1950); nghệ thuật quân sự trong các chiến dịch này.	3	4	8
Chương 3. Cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ và kết thúc thắng lợi (1951 - 1954) 3.1. Đế quốc Pháp và can thiệp Mĩ kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương	11) Phân tích được bối cảnh lịch sử, âm mưu của Pháp - Mĩ từ năm 1951 đến năm 1954. 12) Trình bày được những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng nền Dân chủ Cộng hòa từ năm 1951 đến năm 1954 trên các lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.	3	4	8

3.2. Sự lớn mạnh của nền Dân chủ Cộng hòa 3.3. Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951-1954) 3.4. Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	13) Trình bày được diễn biến chính trên mặt trận quân sự từ sau chiến dịch Biên giới (1950) đến hết chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). 14) Trình bày được diễn biến và kết quả, ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận ngoại giao từ năm 1950 đến Hiệp định Giơnevơ năm 1954. 15) Phân tích được ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.			
Chương 4. Xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống chế độ thuộc địa của Mỹ ở miền Nam (1954 - 1960) 4.1. Xây dựng miền Bắc 4.2. Mỹ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống Mỹ - Diệm (1954-1960)	16) Trình bày được kết quả khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa ở miền Bắc trong những năm 1954 - 1957. 17) Trình bày được kết quả cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, kiện toàn hệ thống chính trị ở miền Bắc trong những năm 1958 -1960. 18) Trình bày được chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mỹ; diễn biến, kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam giai đoạn 1954-1960. 19) Phân tích được bài học kinh nghiệm về quá trình chuẩn bị, đấu tranh và giữ gìn lực lượng cách mạng. 20) Giải thích được khái niệm <i>chủ nghĩa thực dân kiểu mới</i>.	4	6	11
Chương 5. Xây dựng miền Bắc và chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961 - 1965) 5.1. Thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng miền Bắc 5.2. Chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam	21) Trình bày được những thành tựu cơ bản về xây dựng XHCN về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao, quốc phòng trong những năm 1961 - 1965. 22) Trình bày được những nét chính về chiến lược „Chiến tranh đặc biệt“ ở miền Nam: bản chất của ”Chiến tranh đặc biệt”; thắng lợi của quân và dân miền Nam; nguyên nhân thất bại của “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. 23) Phân tích được những thành tựu và hạn chế của mô hình hợp tác xã ở miền Bắc giai đoạn 1961-1965.	5	6	13
Chương 6. Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”	24) Trình bày được diễn biến, nội dung và kết quả của quá trình xây dựng, bảo vệ hậu	4	6	11

của Mỹ ở miền Nam (1965 - 1968) 6.1. Xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam 6.2. Miền Nam trong những năm 1965 - 1968	phương miền Bắc, chi viện cho chiến trường miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968. 25) Phân tích được vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi quân sự trên chiến trường miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968. 26) Trình bày được nội dung chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ; diễn biến cuộc kháng chiến (chiến thắng Vạn Tường, tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968...). 27) Phân tích được nguyên nhân thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.			
Chương 7. Khôi phục kinh tế miền Bắc, đoàn kết nhân dân Đông Dương giành thắng lợi quyết định (1969 - 1973) 7.1. Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện cho miền Nam 7.2. Chống Việt Nam hóa chiến tranh, giành thắng lợi quyết định ở miền Nam 7.3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao	28) Trình bày được những kết quả cơ bản trong xây dựng, bảo vệ miền Bắc và chi viện cho miền Nam trong những năm 1969 - 1973. 29) Trình bày được khái quát về chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ. 30) Trình bày được khái quát chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh của Mỹ; nội dung, diễn biến quân sự trên chiến trường, chiến dịch đường 9-Nam Lào; nguyên nhân thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh của Mỹ. 31) Phân tích được “Chiến dịch ngoại giao toàn cầu” của Mỹ và những khó khăn gây ra cho cách mạng Việt Nam. 32) Trình bày được những hoạt động cơ bản của Việt Nam trên mặt trận ngoại giao trong những năm 1969 - 1973: thắng lợi và bài học kinh nghiệm. 33) Phân tích được bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao.	5	6	13
Chương 8. Xây dựng và củng cố miền Bắc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975) 8.1. Miền Bắc khôi phục và xây dựng kinh tế, củng cố	34) Trình bày được những kết quả miền Bắc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, mở rộng đối ngoại, củng cố quốc phòng, chi viện cho chiến trường miền Nam giai đoạn 1973 - 1975. 35) Phân tích được âm mưu và kế hoạch của Mỹ sau hiệp định Paris.	4	6	11

quốc phòng, chi viện cho chiến trường miền Nam 8.2. Tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam	36) Trình bày được chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam; diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh; ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi. 37) Phân tích được những bài học kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ.			
Chương 9. Việt Nam trong thập niên đầu đất nước thống nhất (1975 - 1985) 9.1. Khắc phục hậu quả chiến tranh, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975-1976) 9.2. Xây dựng và bảo vệ đất nước trong những năm 1976-1985	38) Nêu được tình hình đất nước sau giải phóng miền Nam, bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế. 39) Phân tích được ý nghĩa của quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước; thành tựu, hạn chế trong công cuộc xây dựng CNXH sau khi thống nhất đất nước. 40) Trình bày những thành tựu, hạn chế trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm 1975 - 1985. 41) Phân tích được một số đổi mới cục bộ về cơ chế quản lý kinh tế trước Đại hội VI (12/1986). 42) Trình bày được quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, củng cố an ninh quốc phòng trong những năm 1975 - 1985.	5	6	13
Chương 10. Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986 - 1995) 10.1. Đổi mới kinh tế, nội dung trọng tâm của 2 kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, 1991-1995 10.2. Kiên quyết giữ ổn định chính trị, xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại 10.3. Văn hóa, giáo dục, y tế trong 10 năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới	43) Trình bày được nội dung, thành tựu 10 năm đầu của công cuộc đổi mới: kinh tế, ổn định chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, ngoại giao,... 44) Phân tích được những bài học kinh nghiệm rút ra sau 10 năm thực hiện đổi mới.	4	6	11

Chương 11. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển kinh tế - xã hội (1996 - 2005) 11.1. Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 11.2. Đổi mới hệ thống chính trị, củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại 11.3. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế 11.4. Về đời sống xã hội	45) Trình bày được nội dung chủ trương về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế - xã hội những năm 1996-2005. 46) Trình bày được những thành tựu phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, đời sống xã hội những năm 1996 - 2005. 47) Trình bày được đường lối tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng trong những năm 1996 - 2005. 48) Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến giai đoạn lịch sử Việt Nam hiện đại ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	5	6	13

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T
Chương 4	T	T	U	U	T
Chương 5	T	T	U	U	T
Chương 6	T	T	U	U	T
Chương 7	T	T	U	U	T
Chương 8	T	T	U	U	T
Chương 9	T	T	U	U	T
Chương 10	T	T	U	U	T
Chương 11	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [2] [3] [4] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,3,4. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2,5,6. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi.	01

		- Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 1 Chương 2	[1] [2] [3] [4] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 9 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7,8,10. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	02
Chương 2 Chương 3	[1] [2] [3] [4] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13,14 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12, 15, 16. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	03
Chương 3 Chương 4	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 17, 19 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 18, 20, 21. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	04, 05
Chương 5	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 22, 23 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 24,25	06, 07

		- Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 6	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 25,27. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 26, 28. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	08, 09
Chương 7	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 29, 30, 31 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 32, 33, 34. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	10, 11
Chương 8	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 35 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 36, 37, 38. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12
Chương 9	[1] [2] [3] [4]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 39, 41 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet.	13

		2) Học trên lớp: - CDR của chương: 40, 42, 43 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 10	[1] [2] [3] [4]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 44 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 45 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	14
Chương 11	[1] [2] [3] [4]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 46, 47 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 48, 49. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4

	thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	- Chp1 (giai đoạn từ 1945 đến 1965), - Chp2 (giai đoạn từ 1945 đến 1965),
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Vấn đáp	- Chp1 (giai đoạn từ 1965 đến 2005), - Chp2 (giai đoạn từ 1965 đến 2005), - Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS Nguyễn Văn Dũng

TS Ninh Thị Sinh

TS Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VƯƠNG QUỐC CỔ CHĂMPA VÀ PHÙ NAM
Mã số: LS435

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam
- Tiếng Anh: The ancient kingdom of Champa and Funan

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“Vương quốc cổ Champa và Phù Nam” là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vương quốc Chăm pa, vương quốc Phù Nam trên các lĩnh vực: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm chính trị, xã hội, kinh tế và thành tựu văn hóa. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn vị trí của hai vương quốc trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại. Từ đó, sinh viên hiểu được những giá trị lịch sử, văn hóa và quá trình mở rộng lãnh thổ của dân tộc Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về nguồn gốc và quá trình hình thành, phát triển của lịch sử, văn hóa vương quốc Champa, Phù Nam trong lịch sử.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử vương quốc Champa, Phù Nam từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử vương quốc Champa, Phù Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của quốc gia cổ Champa, Phù Nam.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được các vấn đề cơ bản trong lịch sử Chăm pa, Phù Nam như: tổ chức bộ máy chính quyền, thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp2}

C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về lịch sử Chăm pa, Phù Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử vương quốc Chăm pa, Phù Nam.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Trần Thị Thu Hà, Tập bài giảng Vương quốc cổ Chăm pa và Phù Nam, Hà Nội: 2017.
- [2] Lương Ninh, Lịch sử vương quốc Champa, Hà Nội: Đại học Quốc gia, 2004.
- [3] Lương Ninh, Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và văn hóa, Hà Nội: Văn hóa thông tin, 2005.
- [4] Chu Đạt Quan, Chân Lạp phong thổ ký (thế kỷ XIII), Hà Nội: Thế giới, 2015.

6.2. Tham khảo

- [5] Lê Tư Lành, Vương quốc Chiêm Thành, Hà Nội: Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 1968.
- [6] Nguyễn Quang Ngọc, Tiến trình lịch sử Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục, 2000.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC CHĂM PA 1.1. Văn hóa Sa Huỳnh và các vấn đề lịch sử 1.1.1. Quá trình phát hiện và nghiên cứu 1.1.2. Đặc điểm, niên đại của văn hóa Sa Huỳnh 1.1.3. Những mối quan hệ văn hóa 1.1.4. Con người và cuộc sống 1.2. Sự hình thành các tiểu quốc đầu tiên 1.2.1. Các nguồn sử liệu 1.2.2. Tiểu quốc Nam Chăm hay Panduranga 1.2.3. Tiểu quốc Bắc Chăm hay Lâm Ấp	1. Trình bày được cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của lịch sử quốc gia cổ Chăm pa. 2. Giải thích được các vấn đề cơ bản về: tên gọi, tộc người, lãnh thổ, kinh đô qua các thời kỳ. 3. Trình bày được tổ chức bộ máy chính quyền, tổ chức quân đội và luật pháp. 4. Phân tích được đặc trưng nổi bật về thể chế chính trị Mandala.	5	8	14

1.3. Sự ra đời, phát triển và suy vong của vương quốc Champa thống nhất 1.3.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hợp nhất Bắc - Nam Chăm 1.3.2. Những vương triều tiêu biểu (Gangaragia, Panduranga, Indrapura, Vijaya) 1.3.3. Thời kỳ thịnh đạt và suy vong 1.3.4. Tình hình kinh tế, chính trị và xã hội	5. Trình bày được đặc điểm các ngành nghề kinh tế: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. 6. Giải thích được vì sao kinh tế thương mại của vương quốc Chăm pa phát triển mạnh mẽ, vượt bậc trong khu vực.			
Chương 2. VĂN HÓA CHĂMPA 2.1. Những đặc trưng văn hóa truyền thống 2.1.1. Kế thừa và phát huy văn hóa Sa Huỳnh 2.1.2. Quan hệ với các văn hóa đương đại trong khu vực Đông Nam Á 2.2. Sự tiếp xúc, tiếp biến với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa 2.2.1. Quan hệ với văn hóa Ấn Độ 2.2.2. Quan hệ với văn hóa Trung Hoa 2.3. Những thành tố cơ bản của văn hóa Champa 2.3.1. Ngôn ngữ, chữ viết 2.3.2. Phong tục, tập quán 2.3.3. Tín ngưỡng, tôn giáo 2.3.4. Kiến trúc, điêu khắc 2.3.5. Văn học, nghệ thuật	7. Trình bày được nguyên nhân, điều kiện, phương thức của quá trình truyền bá văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Quốc tới sự phát triển của nền văn hóa Chăm pa. 8. Phân tích được những thành tựu văn hóa nổi bật như: chữ viết, văn học, kiến trúc - điêu khắc, tín ngưỡng, tôn giáo. 9. Đánh giá được bản sắc văn hóa và sự hòa nhập của văn hóa Chăm pa trong văn hóa Việt Nam.	3	7	9,5
Chương 3: VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM - LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA 3.1. Nam Bộ thời tiền sử và sơ sử 3.1.1. Văn hóa sông Đồng Nai thời tiền sử và sơ sử 3.1.2. Nam Bộ thời tiền sơ sử 3.2. Vương quốc Phù Nam 3.2.1. Đất nước và con người qua sử sách cổ 3.2.2. Sự thành lập vương quốc Phù Nam 3.2.3. Vương quốc Phù Nam từ thế kỷ I - thế kỷ IV. 3.3. Sự khủng hoảng và suy vong của Phù Nam 3.3.1. Phù Nam suy vong và sự hình thành Chân Lạp	10. Trình bày được cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của lịch sử quốc gia cổ Phù Nam. 11. Giải thích được các vấn đề cơ bản về: tên gọi, tộc người, lãnh thổ, kinh đô qua các thời kỳ. 12. Trình bày được tổ chức bộ máy chính quyền, tổ chức quân đội và luật pháp. 13. Phân tích được đặc trưng nổi bật về thể chế chính trị Mandala. 14. Đánh giá được vai trò của Brahman Ấn Độ đối với lịch sử hình thành của vương quốc Phù Nam.	7	15	21,5

3.3.2. Thủy Chân Lạp và “tiền Ăngco” 3.4. Khái quát về kinh tế, xã hội Phù Nam 3.4.1. Kinh tế Phù Nam 3.4.2. Xã hội Phù Nam 3.5. Văn hóa Phù Nam 3.5.1. Văn bia Phù Nam 3.5.2. Tín ngưỡng, tôn giáo 3.5.3. Nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc Phù Nam	15. Trình bày được đặc điểm các ngành nghề kinh tế: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. 16. Trình bày được nguyên nhân, điều kiện, phương thức của quá trình truyền bá văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Quốc tới sự phát triển của nền văn hóa Phù Nam. 17. Phân tích được những thành tựu văn hóa nổi bật như: chữ viết, văn học, kiến trúc - điêu khắc, tín ngưỡng, tôn giáo. 18. Đánh giá được bản sắc văn hóa và sự hòa nhập của văn hóa Phù Nam trong văn hóa Việt Nam.			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [2] [5] [6]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 1 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1,2,3,4,5
Chương 2	[1] [2] [5]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet.	Tuần 5,6,7

		2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3	[1] [3] [5]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 3 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 7,8,9,10,11, 12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 5

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	20%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	60%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Trần Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ
(TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XXI)
Mã số: LS205.1

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)
- Tiếng Anh: Vietnamese sea and islands in the history (from the origin to the beginning of the twenty-first century)

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

- Lí thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: không

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0987.002.279 Email: nguyenvandung@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI)” là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành của biển đảo Việt Nam qua các thời kỳ: từ trước thế kỷ X, từ thế kỷ X đến năm 1945 và từ 1945 đến nay. Qua đó, sinh viên hiểu rõ hơn được tầm quan trọng của vùng biển, đảo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh. Đồng thời, công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về biển, đảo đặc biệt là quá trình xác lập, khai phá, quản lý, bảo vệ các vùng biển, thềm lục địa và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đến mọi người dân, nhất là giới trẻ được đặc biệt chú ý.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện lịch sử hình thành của biển đảo Việt Nam qua các thời kỳ: từ trước thế kỷ X, từ thế kỷ X đến năm 1945 và từ 1945 đến nay để dạy học Lịch sử. Từ đó, người học phân tích được tầm quan trọng của vùng biển, đảo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện trong tiến trình lịch sử biển đảo Việt Nam từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về vấn đề biển, đảo Việt Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được lịch sử hình thành của biển đảo Việt Nam qua các thời kỳ: từ trước thế kỷ X, từ thế kỷ X đến năm 1945 và từ 1945 đến nay	M _{hp1}

	để dạy học Lịch sử. Từ đó, người học phân tích được tầm quan trọng của vùng biển, đảo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.	
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá được các vấn đề cơ bản trong tiến trình lịch sử biển, đảo Việt Nam từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Từ đó, người học phân tích được tầm quan trọng của vùng biển, đảo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về lịch sử biển, đảo Việt Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử chủ quyền biển, đảo Việt Nam.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Nguyễn Quang Ngọc, Hoàng Sa, Trường Sa - chủ quyền của Việt Nam: Tư liệu và sự thật lịch sử, Hà Nội: Đại học Quốc gia, 2018.

[2] Kiều Hữu Hải, Hoàng Minh Long, Nguyễn Quang Lợi, Trương Đình Quý; Trần Công Trục (hiệu đính), Giáo trình xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2016.

[3] Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc, Biển Đông địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan, Hà Nội: Thế giới, 2013.

6.2. Tham khảo

[4] Phạm Cao Cường, Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới, Hà Nội: Khoa học xã hội, 2019.

[5] Hoài Sa, Xuất bản phẩm Trung Quốc về Hoàng Sa, Trường Sa và biển Đông: Cái nhìn tổng quan, Hà Nội: Khoa học xã hội, 2019.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM 1.1. Điều kiện tự nhiên biển, đảo Việt Nam 1.1.1. Vị trí và tên gọi Biển Đông	1. Trình bày được các tên gọi khác nhau của Biển Đông và giải thích được các cách gọi tên khác nhau về Biển Đông.	5	05	12, 5

1.1.2. Vị trí địa-chính trị, địa-kinh tế, địa - chiến lược của Biển Đông 1.1.3. Đặc điểm tự nhiên 1.2. Tài nguyên biển, đảo Việt Nam 1.2.1. Tài nguyên sinh vật 1.2.2. Tài nguyên khoáng sản 1.2.3. Tài nguyên muối 1.2.4. Tài nguyên du lịch 1.2.5. Tài nguyên khác 1.3. Các đảo và quần đảo của Việt Nam 1.3.1. Tổng quan về các đảo 1.3.2. Các đảo và quần đảo ven bờ 1.3.3. Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa	2. Trình bày được vị trí và phân tích được tiềm năng của Biển Đông, đặc điểm của các đảo, quần đảo Việt Nam trên Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. 3. Trình bày được ý kiến cá nhân; Phát triển kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ.			
Chương 2. LỊCH SỬ XÁC LẬP VÀ THỰC THI CÁC QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRONG BIỂN ĐÔNG 2.1. Biển, Đảo trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam 2.1.1. Từ thời kì tiền sử đến buổi đầu dựng nước 2.1.2. Thời Bắc thuộc 2.1.3. Từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỉ XIX 2.1.4. Từ nửa sau thế kỉ XIX đến năm 1945 2.1.5. Từ năm 1945 đến năm 1975 2.1.6. Từ năm 1975 đến năm 2020 2.2. Việc xác lập các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia dưới ánh sáng của Luật pháp Quốc tế 2.2.1. Việc xác lập các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam trong Biển Đông theo quy định của Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 và Luật Biển Việt Nam 2012 2.2.2. Chủ quyền của Việt Nam đối với	4. Phân tích được yếu tố biển trong các nền văn hóa tiền sử và truyền thuyết của Việt Nam; tư tưởng hướng biển của chúa Nguyễn và các vua nhà Nguyễn. 5. Trình bày được chính sách đối với biển, đảo qua hai giai đoạn từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI và từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. 6. Trình bày được những hoạt động khai thác biển, đảo của chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn. 7. Trình bày được nguyên nhân, diễn biến, kết quả trận Hải chiến Hoàng Sa năm 1974; chiến dịch giải phóng Trường Sa và các đảo trên Biển Đông năm 1975. 8. Đánh giá được những sự kiện quan trọng trong quá trình xác lập chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. 9. Trình bày được quá trình phân định ranh giới các vùng chồng lấn theo các nguyên tắc đã được Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 quy định.	15	15	37, 5

2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được xác lập phù hợp với “nguyên tắc chiếm hữu thật sự” theo quy định của Luật pháp và thực tiễn quốc tế hiện hành				
Chương 3: TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG (1909 - 2020) 3.1. Tranh chấp, đối đầu chiến lược Mỹ - Trung Quốc 3.2. Tranh chấp về việc giải thích và áp dụng UNCLOS trong việc xác định ranh giới các vùng biển và thềm lục địa và phân định các vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia ven Biển Đông 3.2.1. Vùng chồng lấn, vấn đề hoạch định ranh giới biển và thực tiễn Việt Nam 3.2.2. Vấn đề hoạch định ranh giới vùng chồng lấn 3.2.3. Những lưu ý có liên quan đến vùng chồng lấn và vấn đề hoạch định ranh giới vùng chồng lấn 3.2.4. Kết quả đàm phán hoạch định vùng chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia xung quanh Biển Đông 3.3. Bất đồng, tranh chấp về quyền thụ đắc lãnh thổ đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa 3.3.1. Thực trạng chiếm đóng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam 3.3.2. Lập trường pháp lý của các bên liên quan	10. Trình bày được quá trình phân định ranh giới các vùng chồng lấn theo các nguyên tắc đã được Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 quy định. 11. Phân tích được thực trạng chiếm đóng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam. 12. Phân tích quan điểm (thông qua các tuyên bố, hành động thực tế) của Nhà nước CHXHCN Việt Nam về các tranh chấp trên Biển Đông có liên quan đến chủ quyền quốc gia. 13. Giải thích được nguyên nhân gây nên tình trạng căng thẳng trên Biển Đông giữa Việt Nam với Trung Quốc.	10	10	25

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (4 tiết/tuần)
Chương 1	[1]	Hình thức: dạy trên lớp CĐR của chương: 1 Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2,3
Chương 2	[1] [2] [4]	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 2 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 3,4,5,6,7,8, 9, 10
Chương 3	[1] [2] [5] [6]	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 3 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 11, 12, 13, 14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}

		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	20%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	60%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Trần Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM

Mã số: LS217

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử ngoại giao Việt Nam
- Tiếng Anh: History of Vietnamese diplomatic

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Ninh Thị Sinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0904.838.411

Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thùy Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0396. 010.268

Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của ngoại giao cũng như những sự kiện, nhân vật ngoại giao Việt Nam từ khi Nhà nước phong kiến độc lập ra đời cho đến năm 2000. Trên cơ sở đó người học sẽ hiểu được bản chất của ngoại giao.

Môn học này có quan hệ mật thiết với các học phần Lịch sử Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một khía cạnh của lịch sử Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, bản chất, nhân tố tác động đến ngoại giao Việt Nam trong lịch sử cùng những giai đoạn, phương diện, hoạt động chủ yếu trong lịch sử ngoại giao Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 2000.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp2}	Người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng được trang bị trong học phần để tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục	
M _{hp3}	Người học có khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử	
M _{hp4}	Người học có khả năng sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến các sự kiện, nhà ngoại giao Việt Nam; năng lực làm việc nhóm, cá nhân, thuyết trình, tranh biện.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được các khái niệm cơ bản về ngoại giao, vị trí, vai trò, bản chất của ngoại giao; phân tích được các nhân tố tác động đến ngoại, tiến trình lịch sử ngoại giao, phương diện ngoại giao Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; đánh giá được các sự kiện, các nhân vật ngoại giao tiêu biểu cho mỗi thời kỳ.	M _{hp1} M _{hp2}
C _{hp2}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ học tập	M _{hp3} M _{hp4}
C _{hp3}	Trình bày được ý kiến cá nhân; Sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi thuyết trình, báo cáo	
C _{hp4}	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo...	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh, Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập II, Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008.
- [2] Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh, Lịch sử Việt Nam, tập III, Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008.
- [3] Nguyễn Ngọc Cơ (cb), Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 4, Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [4] Trần Bá Đệ (cb), Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 5, Hà Nội : NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [5] Trần Bá Đệ (cb), Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 6, Hà Nội : NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [6] Trần Bá Đệ (cb), Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 7, Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [7] Trần Bá Đệ (cb), Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 8, Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [8] Nguyễn Thùy Linh, Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Tập bài giảng,, Hà Nội : Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2017.

6.1. Tham khảo

- [9] Hoàng Xuân Hãn, Lịch sử ngoại giao và tôn giáo triều Lý, Hà Nội : Hà Nội , 2010.
- [10] Nguyễn Duy Trinh, Mặt trận ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Hà Nội : Sự thật , 1979.
- [11] Nguyễn Thị Thu Hiền, , Bang giao Việt Nam với Trung Quốc dưới triều Trần, từ năm 1226 đến năm 1400, Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Giới thiệu chung 1.1. Một số khái niệm, đối tượng nghiên cứu của chuyên đề 1.2. Vị trí và vai trò của ngoại giao trong lịch sử dân tộc 1.3. Những yếu tố tác động đến ngoại giao Việt Nam trong lịch sử.	1)Trình bày được các khái niệm về ngoại giao, xác định được đối tượng nghiên cứu. 2)Phân tích được vị trí, vai trò và bản chất của ngoại giao 3)Phân tích được những yếu tố tác động đến ngoại giao Việt Nam trong lịch sử	1	2	3
Chương 2: Ngoại giao Việt Nam từ thời phong kiến độc lập tới năm 1884 2.1. Quan hệ với Trung Quốc 2.1.1. Ngoại giao thời Ngô - Đinh - Tiền Lê 2.1.2. Ngoại giao thời Lý - Trần - Hồ 2.1.3. Ngoại giao thời Lê 2.1.4. Ngoại giao thời Tây Sơn 2.1.5. Ngoại giao thời Nguyễn 2.2. Quan hệ Việt Nam-Chăm-pa 2.3. Quan hệ Việt Nam-phương Tây	4)Trình bày được bối cảnh lịch sử tiến hành ngoại giao; Quá trình đấu tranh ngoại giao; Kết quả của hoạt động đấu tranh ngoại giao 5) Giải thích được những đặc điểm riêng trong chính sách ngoại giao của các triều đại phong kiến Việt Nam 6) Đánh giá được tài năng của các nhà ngoại giao tiêu biểu	4	8	12
Chương 3: Ngoại giao Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) 3.1. Thời kỳ bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng 1945 - 1946 3.1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế	7)Trình bày được tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám- cơ sở để Đảng và Nhà nước đề ra chính sách ngoại giao 8)Trình bày được quá trình đấu tranh ngoại giao "hòa để tiến" đối với quân	4	8	12

3.1.2. Sách lược ngoại giao hoà hoãn của Đảng 3.1.3. Ý nghĩa của sách lược ngoại giao hoà hoãn 3.2. Thời kỳ toàn quốc chống Pháp (1946 - 1954) 3.2.1. Giai đoạn 1946 - 1949 3.2.2. Giai đoạn 1950 - 1953 3.2.3. Đấu tranh ngoại giao tại hội nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương	Tướng và quân Pháp sau cách mạng tháng Tám 9)Trình bày được quá trình thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa 9)Giải thích được bước ngoặt trong tiến trình ngoại giao từ 1945-1954. 10)Phân tích được ảnh hưởng của các nước lớn đối với tiến trình và kết quả của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương. 11)Phân tích được vai trò của các nhà ngoại giao trong quá trình đàm phán, đấu tranh ngoại giao.			
Chương 4: Ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) 4.1. Đấu tranh ngoại giao giai đoạn 1954 - 1968 4.1.1. Tình hình Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 4.1.2. Nhiệm vụ mới của dân tộc 4.1.3. Mục tiêu đấu tranh ngoại giao và thực thể thực hiện 4.1.4. Quá trình đấu tranh ngoại giao từ 1954 đến 1968 4.2. Đấu tranh ngoại giao từ 1968 đến 1972 4.3. Hội nghị và Hiệp định Pari 1973 4.3.1 Hoàn cảnh 4.3.2. Quá trình hội nghị 4.3.3. Đấu tranh quan điểm trong hội nghị Pari 4.3.4. Hiệp định Pari năm 1973	12)Trình bày tình hình Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ; Nhiệm vụ đấu tranh mới của dân tộc và nhiệm vụ của đấu tranh ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ; Chủ thể thực hiện đấu tranh ngoại giao 13)Trình bày quá trình đấu tranh ngoại giao gay go, phức tạp với Mỹ 14) Phân tích được vai trò, ý nghĩa của Hiệp định Paris đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. 15)Phân tích vai trò và tài năng của các nhà ngoại giao đại diện cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam	4	8	12
Chương 5: Ngoại giao Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 5.1. Giai đoạn 1975 - 1985 5.2. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2015	16)Trình bày tình hình thế giới và trong nước 17)Trình bày quá trình từng bước xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 2000 18)Đánh giá được những đóng góp của các nhà ngoại giao	2	4	6

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	U	U	U
Chương 2	T	U	U	U
Chương 3	T	U	U	U
Chương 4	T	U	U	U
Chương 5	T	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [5] [8]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1
Chương 2	[1] [2] [3] [4] [8] [9] [11]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 2-5
Chương 3	[6] [7] [8]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 6-9
Chương 4	[10] [8]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 10-13
Chương 5	[8]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 14-15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần

Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp2} C _{hp3}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	C _{hp1} C _{hp4}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Tự luận theo ngân hàng đề	C _{hp1} C _{hp4}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Ninh Thị Sinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẾ LỊCH SỬ VIỆT NAM
Mã số: LS218.1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Thực tế Lịch sử Việt Nam
- Tiếng Anh: Actual Vietnam History

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 01

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

- Lí thuyết: 0 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 15 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam Khoa: Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Văn Dũng
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Điện thoại: 0987002279 Email: nguyenvandung@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Nguyễn Thùy Linh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Điện thoại: 0396010268 Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

3. Mô tả học phần

Môn học thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam được chia thành các nội dung sau:

- Thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam cổ - trung đại: thông qua các hoạt động thực tế tại: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, di tích Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế, phố cổ Hội An, Bảo tàng Chàm (Thành phố Đà Nẵng);

- Thực tế chuyên môn Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, di tích Pác Bó (Cao Bằng), di tích An Toàn Khu - ATK (Định Hóa, Thái Nguyên), di tích Tân Trào (Tuyên Quang), di tích Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vĩnh Mốc (Quảng Trị), Nghĩa Trang Trường Sơn, Ngã ba Đồng Lộc, Cố đô Huế.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Môn học giúp cho sinh viên quan sát trực tiếp các hiện vật bảo tàng và các di tích lịch sử thuộc lịch sử Việt Nam thuộc các thời kỳ. Qua đó, sinh viên có nhận thức sâu sắc hơn nội dung kiến thức cơ sở và chuyên ngành lịch sử Việt Nam.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Có thái độ trân trọng các hiện vật và di tích lịch sử của dân tộc; có sự nhìn nhận, đánh giá khách quan về các vấn đề thuộc lịch sử dân tộc, từ đó nâng cao lòng tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai của sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Hồ Chí Minh đã lựa chọn.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những nội dung kiến thức thuộc giai đoạn lịch sử Việt Nam gắn với những di vật, di tích lịch sử đã được trải nghiệm, quan sát.	M _{hp1}
C _{hp2}	Đưa ra được những quan điểm riêng khi nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề lịch sử có liên quan đến những di vật, di tích lịch sử đã được trải nghiệm, quan sát.	M _{hp2}
C _{hp3}	Có thái độ trân trọng, không xâm phạm các hiện vật, di tích lịch sử trong suốt quá trình thực tế.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Huy Lê (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập I, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [2] Phan Huy Lê (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập II, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [3] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Tái bản lần thứ 14, Hà Nội: Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2016.
- [4] Trần Thị Thu Hà, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Tập bài giảng, Hà Nội: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2., 2017.
- [5] Chu Thị Thu Thủy, Lịch sử Việt Nam cận đại, Tập bài giảng, Hà Nội: Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2013.
- [6] Nguyễn Văn Dũng (chủ biên), Lịch sử Việt Nam hiện đại, Tập bài giảng, Hà Nội: Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2012.
- [7] Lê Mậu Hãn (chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 3, 1945 - 2006, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011.

6.2. Tham khảo

- [8] Nguyễn Văn Sự, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thế kỉ XX: qua tư liệu nước ngoài, Hà Nội: Quân đội Nhân dân, 2011.
- [9] Trần Trọng Trung, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2006.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Thực tế lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 1.1. Việt Nam từ tiền sử đến thời dựng nước 1.2. Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc (179 TCN - 938) 1.3. Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV 1.4. Việt Nam thế kỷ XV 1.5. Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII	1) Trình bày được các hiện vật thật thuộc thời kỳ lịch sử Việt Nam cổ - trung đại; 2) Trình bày được các di tích lịch sử thuộc thời kỳ lịch sử Việt Nam cổ trung đại. 3) Trình bày được các giá trị lịch sử thông qua các di tích, di vật lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại;		10	5

1.6. Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX	4) Đánh giá được một cách khách quan về các nhân vật, sự kiện lịch sử.			
Chương 2. Thực tế lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại 2.1. Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX 2.2. Việt Nam từ nửa đầu thế kỷ XIX đến cuối Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 2.3. Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1930 2.4. Việt Nam trong những năm 1930 - 1945 2.5. Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chế độ dân chủ mới 2.6. Việt Nam từ 1954 đến 1975 2.7. Việt Nam từ 1975 đến nay	5) Trình bày được các hiện vật thật thuộc thời kỳ lịch sử Việt Nam cận - hiện đại; 6) Trình bày được các di tích lịch sử thuộc thời kỳ lịch sử Việt Nam cận hiện đại. 7) Trình bày được giá trị lịch sử thông qua các di tích, di vật lịch sử Việt Nam thời kỳ cận hiện đại; 8) Đánh giá được một cách khách quan về các nhân vật, sự kiện lịch sử.	20	10	

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}
Chương 1	U	U	U
Chương 2	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [2] [4] [7]	- CDR của chương: 1 - Phương pháp: tham quan thực tế tại các bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, di tích Hoàng thành Thăng Long, bảo tàng Dân tộc học - Viết thu hoạch, bài luận.	01 ngày
Chương 2	[3] [5] [6] [7] [8] [9]	- CDR của chương: 2 - Phương pháp: tham quan thực tế tại di tích Pác Bó (Cao Bằng), ATK (Thái Nguyên, Tuyên Quang), Quê Bác (Nghệ An), mộ Đại Tướng Võ Nguyên Giáp, Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), thành cổ Quảng Trị, Nghĩa Trang Trường Sơn, cố đô Huế, bảo tàng Chăm (Đà Nẵng), phố cổ Hội An - Viết thu hoạch, bài luận.	10 ngày

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi thực tế	Điểm danh	C _{hp4}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Các buổi thực tế	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp4}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Năm 1	Viết thu hoạch 1	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} ,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Năm 2	Viết thu hoạch 2	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Năm 3	Viết thu hoạch 3	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} ,

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á
Mã số: LS562.1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử thế giới cổ trung đại
- Tiếng Anh: History of Southeast Asia

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử thế giới

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Văn Vinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0977934555

Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân

Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Cao Thị Vân**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0912345698

Email: caothivan@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Lịch sử Đông Nam Á là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản đối với toàn bộ các vấn đề nổi bật của lịch sử Đông Nam Á, từ các khía cạnh điều kiện tự nhiên, sinh thái, nhân văn giai đoạn tiền, sơ sử đến quá trình hội nhập, phát triển của Đông Nam Á giai đoạn hiện đại. Đặc biệt, sinh viên rút ra được những đặc điểm, quy luật vận động, phát triển của lịch sử khu vực trong mối tương tác với lịch sử Việt Nam trong quá khứ, hiện tại, tương lai.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Đông Nam Á từ thời kỳ tiền sử Đông Nam Á, giai đoạn hình thành nhà nước cổ đại đến thời kỳ hiện nay	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử Đông Nam Á vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học	
M _{hp3}	Người học có cơ sở nền tảng để tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của Lịch sử Đông Nam Á	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp4}	Người học có khả năng tìm kiếm, khai thác các nguồn tư liệu có liên quan đến Lịch sử Đông Nam Á để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	
M _{hp5}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp6}	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Đông Nam Á từ thời kỳ tiền sơ sử đến nay.	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Đông Nam Á vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông.	M _{hp2}

C _{hp} 3	Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến giai đoạn lịch sử Đông Nam Á ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 3 M _{hp} 4
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 5
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử Đông Nam Á.	
C _{hp} 6	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...)	M _{hp} 6

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] D.E.G.Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1997.
[2] Hall Kenneth R, *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, Honolulu: University of Hawaii Press, 1985.
[3] Lương Ninh, *Lịch sử Đông Nam Á*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, 2006.
[4] Lương Ninh, *Lịch sử vương quốc Chămpa*, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2004.
[5] Lương Ninh, *Lịch sử vương quốc Phù Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 2005.

6.2. Tham khảo

- [6] Nicolas Tarling, *The Cambridge history of Southeast Asia, Vol 1, From early to Times to 1500*. Cambridge: Cambridge University Press, 2000.
[7] Reid Anthony. *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680, Vol 1&2*. Yale: Yale University Press, 1993.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: NHỮNG NHẬN THỨC CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á 1.1. Quá trình nhận thức về Đông Nam Á 1.2. Điều kiện tự nhiên, sinh thái 1.3. Chủng tộc, ngôn ngữ 1.4. Cơ tầng văn hóa Đông Nam Á 1.5. Khái quát các giai đoạn phát	1) Trình bày được nguồn gốc tên gọi Đông Nam Á 2) Trình bày được quá trình nhận thức về Đông Nam Á từ một khu vực địa chính trị đến một khu vực địa văn hóa 3) Phân tích được đặc điểm tiêu biểu về điều kiện tự nhiên, sinh thái và những tác động của nó đến mô hình phát triển của lịch sử Đông Nam Á	2	4	8

triển 1.5.1. Giai đoạn hình thành các quốc gia sơ kỳ (từ đầu đến thế kỷ X) 1.5.2. Giai đoạn phát triển thịnh đạt (từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV) 1.5.3. Giai đoạn suy tàn và khủng hoảng (từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX) 1.5.4. Sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á (giữa thế kỷ XIX-1967) 1.5.5. Giai đoạn Đông Nam Á hội nhập và phát triển (từ sau 1967 đến nay)	4) Trình bày khái quát được giai đoạn phát triển của lịch sử Đông Nam Á 5) Nêu được cơ tầng văn hóa của khu vực Đông Nam Á			
Chương 2: ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA ẤN ĐỘ VÀ TRUNG QUỐC ĐẾN KHU VỰC ĐÔNG NAM Á 2.1. Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Đông Nam Á 2.2. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến Đông Nam Á 2.3. Những dấu ấn tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc ở Đông Nam Á	6) Trình bày được cách thức, con đường ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Đông Nam Á. 7) Trình bày được cách thức, con đường ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến Đông Nam Á. 8) Trình bày được nguyên nhân ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Đông Nam Á. 9) Trình bày được nguyên nhân ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến Đông Nam Á. 10) Phân tích được nét khác biệt trong quá trình ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc đến Đông Nam Á.	3	6	9
Chương 3: Một số tôn giáo lớn ở Đông Nam Á 3.1. Ấn Độ giáo 3.2. Phật giáo 3.3. Hồi giáo 3.4. Thiên chúa giáo	11) Trình bày được quá trình du nhập của Ấn Độ giáo đến Đông Nam Á. 12) Trình bày được quá trình du nhập của Phật giáo đến Đông Nam Á. 13) Trình bày được quá trình du nhập của Hồi giáo đến Đông Nam Á. 14) Trình bày được quá trình du nhập của Thiên chúa giáo đến Đông Nam Á. 15) Phân tích được ảnh hưởng của Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo đến đời sống kinh tế, xã hội, chính trị ở một số quốc gia Đông Nam Á tiêu biểu.	3	4	8
Chương 4: QUÁ TRÌNH THÂM NHẬP CỦA CÁC QUỐC GIA PHƯƠNG TÂY VÀO KHU VỰC ĐÔNG NAM Á THẾ KỶ XVI-	16) Trình bày được bối cảnh lịch sử Đông Nam Á trước khi có sự thâm nhập của các quốc gia phương Tây	3	6	9

XVIII 4.1. Sự thâm nhập của các quốc gia phương Tây vào khu vực Đông Nam Á hải đảo 4.1.1. Người phương Tây ở khu vực quần đảo hương liệu - thuộc Indonexia 4.1.2. Người phương Tây ở Philipine 4.2. Sự thâm nhập của các quốc gia phương Tây vào khu vực Đông Nam Á lục địa 4.2.1. Người phương Tây ở vương quốc Xiêm 4.2.2. Người phương Tây ở Miến Điện 4.2.3. Người phương Tây ở Cao Miên và Lào 4.2.4. Người phương Tây ở Đại Việt	17) Trình bày được đặc điểm thâm nhập của các quốc gia phương Tây vào khu vực Đông Nam Á hải đảo 18) Phân tích những nét khác biệt trong quá trình thâm nhập của các quốc gia phương Tây vào khu vực hải đảo và lục địa 19) Phân tích những đặc điểm của hệ thống thương điểm của người phương Tây ở Đại Việt			
Chương 5: CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á 5.1. Đấu tranh tự vệ và giải phóng dân tộc (thế kỷ XVI-1920) 5.2. Đông Nam Á giai đoạn 1920-1945 5.3. Đông Nam Á từ sau thế chiến thứ hai	20) Trình bày được nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ các phong trào đấu tranh giành độc lập ở các quốc gia Đông Nam Á 21) Trình bày được quá trình lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á. 22) Phân tích sự khác biệt trong phong trào đấu tranh giành độc lập của Việt Nam và Indonexia năm 1945 23) Phân tích được quá trình giải thuộc địa ở một số quốc gia Đông Nam Á tiêu biểu.	2	4	8
Chương 6: ĐÔNG NAM Á HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN 6.1. Đông Nam Á từ đổi đầu sang đổi thoại (1975-1990) 6.2. Đông Nam Á từ sau Chiến tranh lạnh đến nay 6.3. Sự phát triển tổ chức ASEAN	24) Trình bày được bối cảnh lịch sử Đông Nam Á sau năm 1975 25) Trình bày được bối cảnh ra đời của tổ chức Asean 26) Trình bày được quá trình phát triển của Asean 27) Phân tích được vai trò của Việt Nam trong Asean 28) Phân tích được những cơ hội và thách thức của tiến trình hội nhập ở Đông Nam Á	2	6	9

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	U	U	T	U
Chương 2	T	T	U	U	T	U
Chương 3	T	T	U	U	T	U
Chương 4	T	T	U	U	T	U
Chương 5	T	T	U	U	T	U
Chương 6	T	T	U	U	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,3,4. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2,5. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	01-03
Chương 1 Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 9 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7,8,10. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	04-06
Chương 2 Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13,14 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12, 15, 16.	07-09

		- Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3 Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 17, 19 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 18, 20, 21. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	09-10
Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 22, 23 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 24, 25 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	11-13
Chương 6	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 25, 27. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 26, 28. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần

Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS.Nguyễn Văn Dũng

TS.Nguyễn Thị Tuyết Nhung

TS.Nguyễn Văn Vinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ
Mã số: LS234.1

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử
- Tiếng Anh: Industrial revolutions in the history

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử thế giới

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0363367268

Email: nguyenthituyetnhung@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0978527421

Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

“Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử: Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận - hiện đại ; những thành tựu và hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp này đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử, nhận thức được những tác động hai mặt của các cuộc cách mạng công nghiệp và biết vận dụng những tác động hai mặt này để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên mạng xã hội, internet...

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử: Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận - hiện đại ; những thành tựu và hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp này đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử vào hoạt động giảng dạy ở trường trung học	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân, biết sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp4}	Góp phần hình thành thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được

	mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử	thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống. C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp} 5	Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử về sự phát triển của khoa học kỹ thuật ở các quốc gia trên thế giới, các chính sách phát triển khoa học kỹ thuật của các quốc gia...	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử: Quan điểm phân kì, Bối cảnh lịch sử, thành tựu, quá trình công nghiệp hóa ở một số quốc gia, hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp	M _{hp} 1 M _{hp} 2
C _{hp} 2	Phân tích được nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc điểm của các cuộc cách mạng công nghiệp và đánh giá được hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp	
C _{hp} 3	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} 2 M _{hp} 3
C _{hp} 4	Trình bày được ý kiến cá nhân; Sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày	
C _{hp} 5	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo	
C _{hp} 6	Đánh giá được vai trò của khoa học kỹ thuật đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại và công lao của các nhà phát minh khoa học kỹ thuật	M _{hp} 4
C _{hp} 7	Thực hiện được các bài tập trên lớp, viết được bài nghiên cứu, chủ đề nghiên cứu trên nội san sinh viên hoặc các đề tài nghiên cứu khoa học	M _{hp} 5

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Văn Hồng, Vũ Dương Ninh, *Lịch sử thế giới cận đại*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2015.
- [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lịch sử thế giới cận đại*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2010.
- [3] Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lịch sử thế giới cận đại*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2011.
- [4] Nguyễn Anh Thái (chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2008.
- [5] Đỗ Thanh Bình, *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2010.
- [6] Trần Thị Vinh, *Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 2*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2016.
- [7] Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Văn Vinh (cb), *Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm, 2018.

6.2. Tham khảo

- [8] Lê Văn Sang (chủ biên), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại, tập 2*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, 1995.
- [9] Lê Văn Sang (chủ biên), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, 1995.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ NHẤT 1.1. Bối cảnh lịch sử 1.2. Thành tựu 1.3. Cách mạng công nghiệp ở Anh, các nước châu Âu và Bắc Mỹ 1.3.1. Anh 1.3.2. Châu Âu 1.3.3. Bắc Mỹ 1.4. Hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp 1.4.1. Hệ quả kinh tế 1.4.2. Hệ quả xã hội	1) Trình bày được quan điểm phân kì các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử 2) Trình bày được khái niệm cách mạng công nghiệp 3) Trình bày được những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và ý nghĩa của các thành tựu đó 4) Phân tích được bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	7	8	18

1.4.3. Hệ quả về tư tưởng - văn hóa - xã hội	5) Lí giải được vì sao Anh lại là nước mở đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất 6) Phân tích được quá trình công nghiệp hóa ở các quốc gia trên thế giới 7) Đánh giá được hệ quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất trên các lĩnh vực 8) Đánh giá được công lao của các nhà phát minh trong Cách mạng công nghiệp			
Chương 2. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ HAI 2.1. Bối cảnh lịch sử 2.2. Thành tựu 2.2.1. Luyện kim 2.2.2. Hóa chất 2.2.3. Năng lượng 2.2.4. Giao thông vận tải 2.2.5. Thông tin liên lạc và truyền thông 2.2.6. Nông nghiệp và chế biến thực phẩm 2.2.7. Phương pháp quản lí, tổ chức sản xuất 2.3. Quá trình công nghiệp hóa ở một số quốc gia 2.4. Hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai 2.4.1 Kinh tế 2.4.2. Chính trị 2.4.3 Xã hội	9) Trình bày được những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ hai và ý nghĩa của các thành tựu đó 10) Phân tích được bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai 11) Lí giải được tại sao nước Mỹ lại đi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai 12) So sánh được sự khác biệt giữa cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai 13) Phân tích được quá trình công nghiệp hóa ở các quốc gia trên thế giới 14) Đánh giá được hệ quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai trên các lĩnh vực 15) Đánh giá được công lao của các nhà phát minh trong Cách mạng công nghiệp	7	6	17
Chương 3: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ BA 3.1 Bối cảnh lịch sử 3.2. Thành tựu 3.2.1. Công nghệ điện tử - thông tin 3.2.2. Giao thông vận tải 3.2.3. Năng lượng mới, vật liệu mới 3.2.4. Công nghệ sinh học 3.2.5. Cách mạng xanh trong nông nghiệp	16) Trình bày được những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và ý nghĩa của các thành tựu đó 17) Phân tích được bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba	8	8	20

3.2.6. Khám phá đại dương và chinh phục vũ trụ 3.3. Hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba 3.3.1. Kinh tế 3.3.2. Chính trị 3.3.3. Xã hội 3.3.4. Giáo dục 3.4 Quá trình công nghiệp hóa ở một số quốc gia 3.4.1. Mỹ 3.4.2. Nhật 3.4.3. Israel 3.4.4. Trung Quốc 3.4.5. Ấn Độ	18) So sánh được sự khác biệt giữa cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai 19) Phân tích được đặc điểm của cách mạng công nghiệp lần thứ ba 20) Phân tích được quá trình công nghiệp hóa ở các quốc gia trên thế giới 21) Đánh giá được hệ quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba trên các lĩnh vực 22) Đánh giá được công lao của các nhà phát minh trong Cách mạng công nghiệp			
Chương 4: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ 4.1 Bối cảnh lịch sử 4.2. Thành tựu 4.2.1. Công nghệ in 3D 4.2.2. Internet kết nối vạn vật 4.2.3. Dữ liệu lớn 4.2.4. Điện toán đám mây 4.2.5. Trí tuệ nhân tạo 4.2.6. Chuỗi khối 4.2.7. Công nghệ sinh học 4.3. Hệ quả 4.3.1. Kinh tế 4.3.2. Chính trị 4.3.3. Xã hội 4.4. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở một số quốc gia 4.5. Khoa học công nghệ với quá trình toàn cầu hóa	23) Trình bày được những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ý nghĩa của các thành tựu đó 24) Phân tích được bối cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 25) Phân tích được quá trình công nghiệp hóa ở một số quốc gia 26) Đánh giá được hệ quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên các lĩnh vực 27) Liên hệ được những thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với Việt Nam 28) Phân tích được những giải pháp của Việt Nam cũng như các nước trên thế giới trước những tác động hai mặt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư 29) Đánh giá được công lao của các nhà phát minh trong Cách mạng công nghiệp	8	8	20

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7
Chương 1	T	T	U	U	U	T	U
Chương 2	T	T	U	U	U	T	U
Chương 3	T	T	U	U	U	T	U
Chương 4	T	T	U	U	U	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr31-39 [2] [4]:tr773 - 775 [7]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1, 2, 3,4
Chương 2	[1]: tr120-131 [2] [7] [8]	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 5,6,7
Chương 3	[3]:tr514 - 535 [7] [8] [9] [10] [12]:tr20 - 130	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 8, 9,10,11
Chương 4	[5]: Tr7 - 69 [6]: Tr51 - 241 [7] [11]: Tr19-194	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 12, 13,14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp3, Chp4
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp3, Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức; + Bài tập nhóm; + Bài tập về nhà; + Sản phẩm học tập + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	+ Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp5, Chp6
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Phương thức: + Thi viết (Tự luận)	Chp1, Chp2, Chp6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ
Mã số: LS215

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử quan hệ quốc tế
- Tiếng Anh: History of international relations

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0973.025.007 Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0984.289.020 Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Lịch sử quan hệ quốc tế là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và sự biến động của quan hệ quốc tế bao gồm: Hệ thống lý luận và các lý thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế; quá trình hình thành và phát triển quan hệ quốc tế qua các thời kì lịch sử. Học phần *Lịch sử quan hệ quốc tế* có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới cổ trung đại, cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa các quốc gia trải qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế: Hệ thống lý thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế; diễn biến của quan hệ quốc tế qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, người học có thể rút ra những nhận xét và dự báo về tình hình quan hệ quốc tế hiện nay.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Góp phần phát triển năng lực dạy học thông qua sự vận dụng những kiến thức về lịch sử quan hệ quốc tế, các hình thức, phương pháp trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường trung học.	
M _{hp3}	Có năng lực quản lý và điều hành hoạt động nhóm, cá nhân; khả năng tự học; tư duy phản biện; biết khai thác được các nguồn tư liệu đa dạng trong nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp4}	Hình thành nhận thức đa chiều về các sự kiện quan hệ quốc tế; thái độ tích cực xây dựng xã hội hòa bình, hợp tác và bền vững.	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.

M _{hp5}	Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cá nhân hoặc tập thể về các vấn đề quan hệ quốc tế bằng phương pháp lịch sử và phương pháp liên ngành.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những khái niệm cơ bản, đối tượng, phương pháp và nội dung của những học thuyết cơ bản trong nghiên cứu quan hệ quốc tế.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích được quá trình vận động và phát triển của quan hệ quốc tế từ thời cổ đại cho đến nay.	
C _{hp3}	Vận dụng các kiến thức về quan hệ quốc tế để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay, dự đoán xu thế của quan hệ quốc tế; và tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường trung học.	
C _{hp4}	Khai thác và sử dụng được các nguồn tư liệu phong phú trong nghiên cứu về quan hệ quốc tế.	M _{hp3} M _{hp5}
C _{hp5}	Trân trọng và có hành động đúng đắn vì một thế giới hòa bình, hợp tác.	M _{hp4}
C _{hp6}	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.	M _{hp3}
C _{hp7}	Sử dụng được các công cụ đánh giá để tự đánh giá và đánh giá người khác trong các hoạt động học tập.	M _{hp2}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phạm Bình Minh, Cúc diện thế giới đến 2020, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2016.
- [2] Hoàng Khắc Nam, Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2014.
- [3] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La, Lịch sử thế giới cổ trung đại, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2005.
- [4] Lương Ninh, Lịch sử thế giới cổ đại, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2005.
- [5] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử quan hệ quốc tế từ đầu thời cận đại đến kết thúc Thế chiến thứ hai, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2006.

6.2. Tham khảo

- [6] Lê Văn Quang, Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1917 - 1945, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2002.
- [7] Bogaturov Aleksey Demofenovich, Averkov Viktor Viktorovich, Lịch sử quan hệ quốc tế (sách tham khảo nội bộ), Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2014.

[8] Trần Nam Tiến, Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 - 2000), Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2008.

[9] Nguyễn Trường , Quan hệ quốc tế trong kỷ nguyên Á châu - Thái Bình Dương, Hà Nội : Tri Thức, 2013.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. LÝ LUẬN VỀ QUAN HỆ QUỐC TẾ 1.1. Những khái niệm cơ bản 1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn Quan hệ quốc tế 1.3. Phương pháp nghiên cứu môn Quan hệ quốc tế 1.4. Những học thuyết cơ bản trong nghiên cứu quan hệ quốc tế.	1) Trình bày được những khái niệm cơ bản, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của quan hệ quốc tế. 2) Trình bày được hoàn cảnh ra đời, nội dung của những học thuyết cơ bản trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. 3) Vận dụng được các học thuyết về quan hệ quốc tế để giải thích và nghiên cứu các vấn đề của lịch sử quan hệ quốc tế.	4	6	12
Chương 2. QUAN HỆ QUỐC TẾ THỜI KÌ CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI 2.1. Quan hệ quốc tế thời kỳ cổ đại 2.2. Quan hệ quốc tế thời kỳ trung đại 2.3. Đặc điểm của quan hệ quốc tế thời kỳ cổ đại và trung đại	4) Trình bày được tình hình vận động của quan hệ quốc tế ở phương Đông và phương Tây thời kỳ cổ đại và trung đại. 5) Giải thích được nguyên nhân của một số sự kiện cơ bản trong quan hệ quốc tế thời kỳ cổ đại và trung đại. 6) Rút ra được đặc điểm của quan hệ quốc tế thời kỳ cổ đại và trung đại.	4	8	11
Chương 3. QUAN HỆ QUỐC TẾ THỜI KỲ CẬN ĐẠI 3.1. Những nhân tố mới tác động đến quan hệ quốc tế 3.2. Quan hệ quốc tế ở châu Âu 3.3. Tranh giành quyền lực tại các thuộc địa của các nước đế quốc 3.4. Chiến tranh thế giới thứ nhất 3.5. Đặc điểm	7) Phân tích được những nhân tố mới tác động đến quan hệ quốc tế thời cận đại. 8) Trình bày được quá trình vận động và chuyển biến của quan hệ quốc tế ở châu Âu thời cận đại. 9) Phân tích được những mâu thuẫn và xung đột giữa các quốc gia trong thời kỳ cận đại, 10) Rút ra được đặc điểm của quan hệ quốc tế thời kỳ cận đại.	4	7	12

Chương 4. QUAN HỆ QUỐC TẾ THỜI HIỆN ĐẠI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM 4.1. Quan hệ quốc tế giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 - 1939) 4.2. Quan hệ quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) 4.3. Quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh lạnh đến nay 4.4. Tác động của quan hệ quốc tế đối với Việt Nam	11) Trình bày được diễn biến của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay. 12) Đánh giá được hệ quả, tác động của các sự kiện, trật tự quan hệ quốc tế đã diễn ra. 13) Phân tích được xu thế hợp tác, đấu tranh và vị thế của các quốc gia trong quan hệ quốc tế. 14) Vận dụng các kiến thức về quan hệ quốc tế để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay và dự đoán xu thế của quan hệ quốc tế. 15) Đánh giá được những tác động của quan hệ quốc tế trong khu vực và trên thế giới đối với Việt Nam.	3	9	10

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T		TU	T	U	U	TU
Chương 2		T U	TU	U	TU	U	TU
Chương 3		T U	TU	U	TU	U	TU
Chương 4		T U	TU	U	TU	U	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]:	1) Học trên lớp: - CDR của chương: 1, 2, 3 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	1,2,3,4
Chương 2	[3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 4 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 5, 6 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	4,5,6,7

Chương 3	[1]: [5]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 7, 8 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 9, 10 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	8,9,10,11
Chương 4	[1]: [6]: [7]: [8]: []:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 10 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 11, 12,13, 14, 15 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	11, 12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 5 C _{hp} 6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 5 C _{hp} 6

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Trắc nghiệm khách quan	C _{hp} 1 C _{hp} 2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức: + Bài tập lớn	C _{hp} 1, C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Bích

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
Mã số: LS219

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành
- Tiếng Anh: Specialized English

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số lượng tín chỉ: 03

1.5. Số tiết quy chuẩn: 60

- Giờ lý thuyết: 30 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 75 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.1. Học phần tiên quyết: không

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới và tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0978.527.421 Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Tiếng Anh chuyên ngành là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Tiếng Anh chuyên ngành là học phần giúp SV sử dụng Tiếng Anh để tìm hiểu kiến thức cơ bản về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới và Khoa học giáo dục. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng đọc hiểu, dịch và tóm tắt tài liệu khoa học chuyên ngành viết bằng Tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên sẽ được củng cố về kỹ năng giao tiếp và một số nội dung ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp} ¹	Sử dụng Tiếng Anh để đọc hiểu, dịch tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục	C14: Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
M _{hp} ²	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu kiến thức chuyên ngành khoa học lịch sử và khoa học giáo dục bằng Tiếng Anh	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
Chp ¹	- Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới và khoa học giáo dục bằng tiếng Anh thông qua một số chủ đề cụ thể	M _{hp} ¹
Chp ²	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} ²
Chp ³	- Trình bày được ý kiến cá nhân về các vấn đề lý luận, thực tiễn trong việc sử dụng tiếng Anh để đọc hiểu, dịch và tóm tắt tài liệu chuyên ngành	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] J. B. a. A. Sams, "the Flipped Classroom," vol. CSE Volume 17 Number 3. , 2013/2014.
- [2] Discovering Our Past: Ancient Civilizations, Glenco/McGraw-Hill, 2005.

- [3] C. P. R. S. M. L. S. F. N. C. M. M. L. C. Joanna Clyne, Macmillan History 8: The Ancient to the Modern World, Macmillan, 2012.
- [4] " Jigsaw Technique," Institute for Teaching and Learning Innovation.
- [5] G. Cunningham, "The New Teacher's Companion: Practical Wisdom for Succeeding in the Classroom," ASCD, 2009 .
- [6] Hoàng Phương, Truyện kể 5 châu tuyển chọn các bài đọc Tiếng Anh về Lịch sử thế giới, Thanh niên, 2007.
- [7] B. Kiernan, Viet Nam A history from earliest times to the present, Oxford university Press, 2017.
- [8] Smithsonian, History Year by Year: The History of the World, from the Stone Age to the Digital Age, 2013: Illustrated.

6.2. Tham khảo

- [9] T. K. Duc, The development of education Vietnam and the world, Ha Nội: Education Publishing House, 2010.
- [10] H. Zinn, A Young people's history of the United states, New York: Seven stories press, 2007.
- [11] R. V. Remini, A short history of the United States, Frist Happer Perennial Published, 2009.

7. Nội dung học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
UNIT 1: PREHISTORY: OUR ANCESTORS EMERGE 1.1. Homo sapiens 1.2. Homo erectus 1.3. Earliest cultures 1.4. Neolithic advances	(1) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về thời tiền sử	3	3	7
UNIT 2: THE SEVEN WONDERS OF THE ANCIENT WORLD 2.1. The Pyramids of Egypt 2.2. The Hanging Gardens of Babylon 2.3. The Pharos (Lighthouse) of Alexandria 2.4. The Colossus of Rhodes	(2) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Bảy kỳ quan của thế giới cổ đại”	3	3	7

2.5. The Temple of Artemis (Diana) at Ephesus 2.6. Mausoleum at Halicarnassus 2.7. The Statue of Zeus (Jupiter) at Olympia				
UNIT 3: EGYPTIAN ANCIENT HISTORY 3.1. The wealth of the Nile 3.2. The king and the government 3.3. Ordinary Egyptians 3.4. Buildings 3.5. Egyptians gods and the afterlife 3.6. Egyptians myths 3.7. Ra 3.8. Why the Nile floods: Osiris and Isis	(3) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử cổ đại Ai Cập”	3	3	7
UNIT 4: CHINA’S HISTORY 4.1. Early times 4.2. The Zhou, Qin and Han dynasties 4.3. Scholar gentry 4.4. Peasants’ lives 4.5. Inventions 4.6. Foreign devil 4.7. End of the empire	(4) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử Trung Quốc”	3	3	7
UNIT 5: REVOLUTION 5.1. Industrial Revolution in England 5.2. American Revolution 5.3. French Revolution	(5) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Các cuộc cách mạng trong lịch sử”	3	3	7
UNIT 6: HISTORY OF VIETNAM 6.1. Introduction 6.2. Origins 6.3. Early Independence	(6) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử Việt Nam từ cội nguồn đến kỷ nguyên độc lập”	3	3	8
UNIT 6: HISTORY OF VIETNAM 6.4. Dynastic Period 6.5. The Changing Names 6.6. Colonization	(7) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử Việt Nam từ thời kỳ các triều đại đến thời kỳ thực dân”	3	3	8
UNIT 6: HISTORY OF VIETNAM 6.7. Post World War II Period	(8) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử Việt Nam từ chiến tranh thế giới thứ hai,	3	3	8

6.8. Aftermath of the Vietnam War and Reunification 6.9. Cambodia and the Sino-Vietnamese War	chiến tranh biên giới và xung đột phương Nam”			
UNIT 6: HISTORY OF VIETNAM 6.10. 1980s 6.11. Reforms	(9) Đọc hiểu, dịch và tóm tắt được nội dung tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh về “Lịch sử Việt Nam từ những năm 1980 đến thời kỳ đổi mới”	3	3	9
UNIT 7: NEW TRENDS IN HISTORY TEXTBOOK RESEACH 7.1. The History textbook in USA 7.2. The History textbook in Australia 7.3. The History textbook in Canada 7.4. The History textbook in Singapore	10) Nhớ và sử dụng được hệ thống từ khoá về sách giáo khoa lịch sử 11) Cập nhật cấu trúc, nội dung SGK một số quốc gia trên thế giới. 12) Đọc, dịch và hiểu được nội dung về sách giáo khoa lịch sử, cách thức GV - HS sử dụng SGK trong dạy học Lịch sử	03	03	7
UNIT 8: JIGSAW TECHNIQUES 8.1. What is it? 8.2. Why use it? 8.3. How do I do it? 8.4. What could I use?	13. Nhớ và sử dụng được hệ thống từ khoá về kĩ thuật dạy học 14. Cập nhật cách thức sử dụng một số kĩ thuật dạy học. 15. Đọc, dịch và hiểu được nội dung về kĩ thuật dạy học	03	03	7
UNIT 9: LESSON PLAN 9.1. What is it? 9.2. How to structure a lesson plan?	16. Nhớ và sử dụng được hệ thống từ khoá về kế hoạch bài dạy (giáo án) 17. Cập nhật cấu trúc kế hoạch bài dạy phổ biến trên thế giới 18. Đọc, dịch và hiểu được nội dung về kế hoạch bài dạy (giáo án)	3	3	7
UNIT 10: THE FLIPPED CLASSROOM 10.1. What is it? 10.2. Benefits of the Flipped Classroom	19. Nhớ và sử dụng được hệ thống từ khoá về hình thức lớp học đảo ngược. 20. Cập nhật được khái niệm, ý nghĩa và cách thức triển khai lớp học đảo ngược.. 21. Đọc, dịch và hiểu được nội dung về lớp học đảo ngược.	3	3	7

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	Chp ¹	Chp ²	Chp ³
Unit 1	T	TU	TU
Unit 2	T	TU	TU
Unit 3	T	TU	TU
Unit 4	T	TU	TU
Unit 5	T	TU	TU
Unit 6	T	TU	TU
Unit 7	T	TU	TU
Unit 8	T	TU	TU
Unit 9	T	TU	TU
Unit 10	T	TU	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Unit 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1 -2
Unit 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, ... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 3
Unit 3	[1]:	Hình thức: dạy trên lớp	Tuần 4

	[2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:	Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	
Unit 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, trải nghiệm, làm việc nhóm, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 5
Unit 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 6
Unit 6	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, trải nghiệm, làm việc nhóm, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 7-10

	[7]: [8]: [9]: [10]: [11]: [12]:		
Unit 7	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 11 - 12
Unit 8	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, ... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 13
Unit 9	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 14
Unit 10	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, trải nghiệm, làm việc nhóm, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp2 Chp3

	kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp2 Chp3
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp2 Chp3
	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Trắc nghiệm	Chp1
Đánh giá định kỳ	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Tự luận kết hợp trắc nghiệm	Chp1, Chp2, Chp3

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ CỔ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM
Mã số: LS553

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam
- Tiếng Anh: The land regime in the ancient history of Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam” là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập. Những kiến thức đó giúp người học nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

Học phần là sự cụ thể hóa kiến thức về chính sách phát triển kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam trong môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về quá trình hình thành và phát triển của chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam qua các thời kỳ: dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện trong quá trình hình thành và phát triển của chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về Lịch sử chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam qua các thời kỳ: dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập.	M _{hp1}

C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện trong quá trình hình thành và phát triển của chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ và trung đại Việt Nam	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về lịch sử chế độ ruộng đất vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập lịch sử chế độ ruộng đất Việt Nam.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Phan Huy Lê, Lịch sử Việt Nam, tập 1, Hà Nội: Giáo dục, 2012.

[2] Vũ Huy Phúc, Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, Hà Nội: Khoa học xã hội, 1979.

6.2. Tham khảo

[3] Gourou. P, Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ, Tp Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ, 2015.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 1.2. Nguồn sử liệu 1.3. Phương pháp khai thác tư liệu	1. Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc nghiên cứu vấn đề ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam.	3	2	7
Chương 2. CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ CỔ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM (THẾ KỶ X-XV) 2.1. Thời kỳ dựng nước 2.1.1.Sở hữu công làng xã 2.2.2.Sở hữu tư nhân 2.2. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc 2.2.1. Sở hữu công làng xã 2.2.2. Sở hữu tư nhân	2. Trình bày được chính sách của Nhà nước đối với các loại ruộng đất công và ruộng đất tư từ thế kỷ X đến thế kỷ XV 3. Phân tích được các hình thái sở hữu ruộng đất của Nhà nước và tư nhân dưới các triều đại Lý, Trần, Hồ	6	13	18,5

2.2.3. Từ sau An Dương Vương đến khởi nghĩa Bà Triệu 2.2.4. Từ sau Bà Triệu đến thế kỷ VI 2.2.5. Từ thế kỷ VI đến thế kỷ X 2.3. Thế kỷ X - đầu XV: Các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ (938-1407) 2.3.1. Chính sách ruộng đất của Nhà nước 2.3.2. Chính sách đối với ruộng đất công làng xã 2.3.3. Chính sách đối với ruộng đất tư 2.3.4. Cải cách của Hồ Quý Ly	4. Đánh giá được đặc điểm của chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỷ X- XV			
Chương 3: CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ CỔ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM (THẾ KỶ XVI-XIX) 3.1. Thế kỷ XV đầu XVI - Thời Lê Sơ (1428-1527) 3.1.1. Chính sách ruộng đất của Nhà nước 3.1.2. Tình hình ruộng đất 3.2. Thế kỷ XVI-XVIII: Mạc và Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài 3.2.1. Chính sách ruộng đất của Nhà nước 3.2.2. Tình hình ruộng đất 3.3. Thế kỷ XVI-XVIII: Chúa Nguyễn ở Đàng Trong 3.3.1. Công cuộc Nam tiến 3.3.2. Tình hình ruộng đất 3.4. Chế độ ruộng đất trong lịch sử triều Nguyễn (1802-1858)	5. Trình bày được chính sách của Nhà nước đối với các loại ruộng đất công và ruộng đất tư từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX 6. Phân tích được các hình thái sở hữu ruộng đất của Nhà nước và tư nhân dưới các triều đại Lê sơ, thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, triều Nguyễn. 7. Đánh giá được đặc điểm của chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỷ XVI-XIX 8. Giải thích được những biến đổi trong tình hình ruộng đất trước và sau thế kỷ XV, thế kỷ XVI-XIX. 9. Giải thích được ruộng đất là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam và toàn xã hội	6	15	19,5

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1]	Học trên lớp: - CDR của chương: 1 - Phương pháp: nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1, 2
Chương 2	[1] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 2,3,4,5,6, 7,8
Chương 3	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 3 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 9,10,11, 12,13,14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 5

		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	20%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	60%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Trần Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: LÀNG XÃ VIỆT XÃ
Mã số: LS554

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Làng xã Việt Nam
- Tiếng Anh: Vietnamese villages

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại.

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Dũng**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0987002279 Email: nguyenvandung@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Làng xã Việt Nam là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới làng xã, quá trình hình thành và biến đổi của làng xã Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Thông qua đó, người học hiểu được các đặc trưng cơ bản nhất về kết cấu kinh tế, tổ chức xã hội và đời sống văn hóa của làng xã Việt Nam cũng như thấy được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lịch sử của làng xã với lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Để học môn học này, người học cần được trang bị nền tảng kiến thức của các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc như: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại. Môn học cũng có mối liên hệ gần gũi, bổ trợ kiến thức qua lại cho các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945), Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức về nguồn gốc và quá trình hình thành, phát triển của làng xã Việt Nam; kết cấu kinh tế, xã hội của làng xã Việt Nam; nội dung và đặc điểm của văn hóa làng xã Việt Nam để dạy học Lịch sử. Từ đó, người học phân tích được vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc Việt Nam.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về làng xã Việt Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp3}	Người học có khả năng tìm kiếm, khai thác các nguồn tư liệu về làng xã Việt Nam để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

M _{hp} 4	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 5	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nguồn gốc và quá trình hình thành, phát triển của làng xã Việt Nam	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Trình bày được kết cấu kinh tế của làng xã Việt Nam	M _{hp} 1
C _{hp} 3	Trình bày được kết cấu xã hội của làng xã Việt Nam	M _{hp} 1
C _{hp} 4	Trình bày được nội dung và đặc điểm văn hóa của làng xã Việt Nam	M _{hp} 1
C _{hp} 5	Vận dụng được những kiến thức về làng xã Việt Nam vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 2
C _{hp} 6	Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến làng xã Việt Nam (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 3
C _{hp} 7	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 8	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu....)	M _{hp} 5

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Văn Nam, Làng xã Việt Nam, Tập bài giảng, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2017.
- [2] Vũ Kim Yên, Văn hóa làng Việt Nam - Lễ hội truyền thống, Hà Nội: Văn hóa - Thông tin, 2015.
- [3] Vũ Kim Yên, Văn hóa làng Việt Nam - Phong tục lễ nghi, Hà Nội: Văn hóa - Thông tin, 2015.

- [4] Vũ Kim Yên, Văn hóa làng Việt Nam - Tín ngưỡng dân gian, Hà Nội: Nxb Văn hóa - Thông tin, 2015.
- [5] Nguyễn Cảnh Minh (Chủ biên), Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2013.

6.2. Tham khảo

- [6] Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay, Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2004.
- [7] Hoàng Chí Bảo, Dân chủ và dân chủ ở cơ sở ở nông thôn trong tiến trình đổi mới, Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2010.
- [8] Trần Huy Đình, Vũ Quang Liễn, Phạm Vũ Đình, Sự tích Thành hoàng làng ở Phú Xuyên, Hà Nội: Lao động, 2011.
- [9] Nguyễn Quang Khải, Làng xã tỉnh Bắc Ninh, Hà Nội: Thanh niên, 2011.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Nguồn gốc lịch sử và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam 1.1. Làng xã và các loại hình làng xã 1.2. Nguồn gốc lịch sử và quá trình phát triển	1). Trình bày được khái niệm làng xã Việt Nam, phân loại làng xã và nét độc đáo của tên làng xã Việt Nam. 2). Trình bày được nguồn gốc lịch sử và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam. 3). Giải thích được hiện tượng tái lập làng xã ở Việt Nam và vẽ được sơ đồ một số làng xã Việt Nam cụ thể	3	7	9,5
Chương 2. Kết cấu kinh tế 2.1. Kinh tế nông nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất 2.2. Thương nghiệp làng xã 2.3. Thủ công nghiệp làng xã	4). Trình bày được đặc điểm kinh tế nông nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất của làng xã Việt Nam 5). Trình bày được đặc điểm kinh tế thương nghiệp của làng xã Việt Nam 6). Trình bày được thủ công nghiệp làng xã Việt Nam 7). Phân tích được kết cấu kinh tế làng xã Việt Nam 8). Đánh giá được tư tưởng kinh tế truyền thống của người dân trong các làng xã Việt Nam	4	8	12

Chương 3. Kết cấu xã hội 3.1. Các loại hình tổ chức xã hội 3.2. Tổ chức bộ máy quản lý 3.3. Hương ước	9). Trình bày được các loại hình tổ chức xã hội của làng xã Việt Nam 10). Trình bày được tổ chức bộ máy quản lý của làng xã Việt Nam 11). So sánh được tổ chức bộ máy quản lý của làng xã Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử (thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc, sau năm 1945) 12). Trình bày được nội dung của hương ước. 13). So sánh được hương ước cổ với hương ước cải lương và hương ước mới	4	7	11, 5
Chương 4. Tín ngưỡng - Tôn giáo và sinh hoạt lễ hội trong làng xã cổ truyền Việt Nam 4.1. Tín ngưỡng trong làng xã Việt Nam 4.2. Nho, Phật, Đạo dung hợp đồng lưu 4.3. Lễ hội truyền thống	14). Trình bày được tín ngưỡng trong làng xã Việt Nam 15). Giải thích được vì sao ở làng xã Việt Nam lại có hiện tượng Nho, Phật, Đạo dung hợp đồng lưu 16). Giải thích được sự ra đời của lễ hội, các hoạt động phần lễ và phần hội trong lễ hội ở làng xã Việt Nam. 17). Đánh giá được vị trí và vai trò văn hóa làng xã đối với nền văn hóa của dân tộc.	4	8	12

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần							
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}	C _{hp8}
Chương 1	T	T	T	T	U	U	T	U
Chương 2	T	T	T	T	U	U	T	U
Chương 3	T	T	T	T	U	U	T	U
Chương 4	T	T	T	T	U	U	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[8]: tr.9-22	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1,2,3

Chương 2	[2]: tr. 17-22, 122-149, 489-516 [6]: tr. 15-23	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 4, 5, 6 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7, 8 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 4,5,6,7
Chương 3	[2]: tr. 11-13 [5]: tr. 17-37 [6]: tr. 29-79,	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 9, 10, 12 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 11, 13 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 8,9, 10,11
Chương 4	[7]: tr.124-145 [8]: tr.124-145 [9]: tr. 9-29 [11]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 14, 16 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 15, 17 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên	Thái độ học tập phản ánh qua	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp7

	cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	việc tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp7
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp8
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Trắc nghiệm khách quan	- Chp1 - Chp2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm khách quan	- Chp3 - Chp4

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Nguyễn Văn Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI THUỘC ĐỊA (1858 - 1945)
Mã số: LS556

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)
- Tiếng Anh: Socio-economic structure of Vietnam during the colonial period (1858 - 1945)

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Chu Thị Thu Thủy**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0988831119 Email: chuthithuthuy@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Ninh Thị Sinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0904838411 Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945) là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về sự biến đổi của cơ cấu kinh tế - xã hội của Việt Nam thời cận đại (1858 - 1945) trên các khía cạnh: những yếu tố tác động đến biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam; quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế trên các khía cạnh chủ yếu là cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật; quá trình biến đổi cơ cấu xã hội trên phương diện chính là cơ cấu giai cấp. Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học. Từ đó, người học đánh giá khách quan về sự cai trị của chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững kiến thức về những yếu tố tác động đến biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam; quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội giai đoạn 1858 - 1945. Từ đó, người học đánh giá khách quan về sự cai trị của chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện, các nhân vật lịch sử tiêu biểu cho sự biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội thời thuộc địa (1858 - 1945) từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được sự biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội qua các giai đoạn 1858 - 1896; 1897 - 1918; 1919 - 1945.	M _{hp1}

C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện, nhân vật lịch sử đại diện cho sự biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo về các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Văn Khánh, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945), Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.
- [2] Nguyễn Thế Anh, Việt Nam thời Pháp đô hộ, Hà Nội: Văn học, 2008.
- [3] Chu Thị Thu Thủy, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945), Tập bài giảng, Hà Nội: Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2017.

6.2. Tham khảo

- [4] Phan Trọng Báu, Giáo dục Việt Nam thời cận đại, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 1994.
- [5] Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 2, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 1997.
- [6] Pierre Gourou, Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ, Hà Nội: Trẻ, 2015.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI CỔ TRUYỀN GIAI ĐOẠN 1858 - 1896 1.1. Hoàn cảnh lịch sử 1.1.1. Sự hình thành Liên bang Đông Dương và một thể chế chính trị mới 1.1.2. Các chính sách về văn hóa và giáo dục 1.2. Những biến đổi trong cơ cấu kinh tế 1.2.1. Nông nghiệp 1.2.2. Thủ công nghiệp	1)Nêu được những biến chuyển mới của thế giới và Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX. 2)Trình bày được những chính sách của thực dân Pháp trên các lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội. 3) Phân tích được sự chuyển biến về kinh tế dẫn	4	10	13

1.2.3. Sự xuất hiện bộ phận kinh tế mới TBCN 1.3. Tình hình phân hóa các giai cấp xã hội 1.3.1. Sự phân hóa các giai cấp cũ 1.3.2. Sự ra đời các giai tầng xã hội mới	tới những biến đổi mới (dù chưa mạnh mẽ) về xã hội. 4) Phân tích được một bộ phận nhỏ kinh tế mới tư bản chủ nghĩa đã du nhập vào Việt Nam (tuy nằm ngoài mong muốn của thực dân Pháp) 5)Đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX.			
Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI THUỘC ĐỊA GIAI ĐOẠN 1897 - 1918 2.1. Tình hình Việt Nam từ 1897 đến 1918 2.2. Sự xác lập cơ cấu kinh tế mới ở Việt Nam (1897 - 1918) 2.2.1. Ngành tài chính, ngân hàng 2.2.2. Giao thông vận tải 2.2.3. Nền công nghiệp ra đời 2.2.4. Nông nghiệp 2.2.5. Ngoại thương 2.3. Những chuyển biến trong cơ cấu xã hội 2.3.1. Sự xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới ở đô thị 2.3.2. Sự phân hóa các giai cấp ở nông thôn	6)Trình bày được sự thay đổi, chuyển biến mới của tình hình Việt Nam giai đoạn 1897 - 1918 7)Phân tích được sự biến đổi cơ cấu kinh tế mới ở Việt Nam giai đoạn 1897 - 1918 8)Phân tích được nguyên nhân sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 1897 - 1918 9)Phân tích được những biến đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội là tiền đề cho cuộc đấu tranh chống Pháp	5	10	15
Chương 3. CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1919 - 1945 3.1. Hoàn cảnh lịch sử 3.1.1. Thực dân Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai 3.1.2. Một số chính sách về chính trị - xã hội của thực dân Pháp sau đại chiến thế giới thứ nhất (1914 - 1918) 3.2. Những chuyển biến trong cơ cấu kinh tế Việt Nam 3.2.1. Mở rộng đầu tư kinh tế và thiết bị kĩ thuật	10)Trình bày được tình hình thế giới và Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất 11)Trình bày được chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam 12)Phân tích được mối liên hệ giữa chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp với	6	10	17

3.2.2. Sự biến đổi trong các ngành kinh tế truyền thống 3.2.3. Khu vực kinh tế hiện đại 3.3. Những chuyển biến trong cơ cấu xã hội 3.3.1. Giai cấp địa chủ 3.3.2. Giai cấp nông dân 3.3.3. Giai cấp công nhân 3.3.4. Giai cấp tư sản 3.3.5. Tầng lớp tiểu tư sản	những biến đổi mới của cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam 13)Đánh giá được mặt tích cực và hạn chế của sự biến đổi kinh tế và xã hội Việt Nam từ 1918 đến 1945 14)Phân tích tác động của những chuyển biến về kinh tế - xã hội của Việt Nam thời thuộc địa với phong trào đấu tranh chống Pháp 15) Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến cơ cấu kinh tế - xã hội của Việt Nam thời thuộc địa ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T	U	U
Chương 2	T	T	U	U
Chương 3	T	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1], [2],[3], [5]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2,3,4,5
Chương 2	[1], [2], [3], [4], [5], [6].	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 6,7,8,9,10
Chương 3	[1], [2], [3], [4], [5], [6].	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0.	Tuần 11 , 12, 13, 14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân; + Làm việc nhóm;	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	Chp1, Chp2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết	Chp1, Chp2

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Chu Thị Thu Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT
NAM THỜI CẬN ĐẠI
Mã số: LS557

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại
- Tiếng Anh: The ideological tendency of national liberation in modern Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở, và khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, như Lịch sử Việt Nam cận đại, Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam.

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Ninh Thị Sinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0904.838.411

Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Chu Thị Thu Thủy**

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0988.831.119

Email: chuthithuthuy@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học, người học được trang bị kiến thức về 3 khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản. Trên cơ sở đó giúp người học có những nhận thức đúng đắn về đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như công lao của Đảng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Môn học này có quan hệ chặt chẽ với học phần Lịch sử Việt Nam cận đại, là sự cụ thể hóa và sâu chuỗi nội dung kiến thức theo mạch vấn đề.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những kiến thức cơ bản về 3 khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại: khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện, các nhân vật lịch sử tiêu biểu cho 3 khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc thời cận đại từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân; biết sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần; thảo luận, thuyết trình.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản về 3 khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại trên các phương diện như điều kiện hình thành, biểu hiện, kết quả, ý nghĩa.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được các sự kiện lịch, nhân vật lịch sử đại diện cho 3 khuynh hướng từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
C _{hp3}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các nhiệm vụ học tập	M _{hp2}
C _{hp4}	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo về các nhân vật lịch sử	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Ngọc Cơ (cb), Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập IV (1858 - 1918), Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014.
- [2] Nguyễn Ngọc Cơ (cb), Một số vấn đề lịch sử Việt Nam, Hà Nội : Đại học Quốc gia HN, 2018.
- [3] Đinh Xuân Lâm (cb), Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập II, Hà Nội : Giáo dục, 2015.
- [4] Nguyễn Khánh Toàn (cb), Lịch sử Việt Nam, tập 2, 1858-1945, Hà Nội: Khoa học xã hội, 2004.
- [5] Yoshiharu Tsuboi , Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885, Hà Nội: Tri thức, 2017.

6.2. Tham khảo

- [5] Yoshiharu Tsuboi , Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885, Hà Nội: Tri thức, 2017.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC NƯỚC TA VÀ CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG BẢO VỆ NỀN ĐỘC LẬP 1.1. Thực dân Pháp xâm lược nước ta và nhiệm vụ cấp bách đặt ra đối với triều Nguyễn. 1.1.1. Quá trình thực dân Pháp xâm chiếm nước ta từ 1858-1885. 1.1.2. Nhiệm vụ cấp bách đặt ra đối với triều Nguyễn. 1.2. Những cuộc đấu tranh tư tưởng lớn trước trọng trách bảo vệ nền độc lập của nước ta. 1.2.1. Cuộc đấu tranh giữa chiến hay hoà 1.2.2. Cuộc đấu tranh giữa chính đạo và tà đạo. 1.2.3. Cuộc đấu tranh giữa Duy tân và thủ cựu	1) Trình bày được quá trình thực dân Pháp từng bước xâm lược và biến Việt Nam thành thuộc địa. 2) Nêu được nhiệm vụ đặt ra đối với triều Nguyễn lúc bấy giờ 3) Trình bày được cuộc đấu tranh tư tưởng lớn trước trọng trách bảo vệ nền độc lập của nước ta. 4) Phân tích và đánh giá được vai trò của Tự Đức	5	10	15
Chương 2: Các khuynh hướng tư tưởng tư sản trong phong trào giải phóng dân tộc 2.1. Những điều kiện mới của sự phát triển tư tưởng 2.1.1. Ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng thế giới. 2.1.2. Các con đường du nhập tư tưởng dân chủ tư sản vào Việt Nam. 2.1.3. Những chuyển biến của xã hội Việt Nam trước tác động của cuộc khai thác thuộc địa.	5) Trình bày những điều kiện mới của sự phát triển tư tưởng 6) Trình bày những biểu hiện của xu hướng bạo động vũ trang và xu hướng cải cách dân chủ của Phan Châu Trinh. 7) Phân tích được vai trò của các nhà nho yêu nước thức thời trong việc tiếp nhận tư tưởng DCTS. 8) Trình bày được mấy vấn đề tư tưởng và chính trị được bàn luận đầu thế kỷ XX.		10	15

2.2. Các khuynh hướng tư tưởng tư sản khi giai cấp tư sản Việt Nam chưa ra đời (1904-1918) 2.2.1. Vai trò của các nhà nho yêu nước thức thời trong việc tiếp nhận tư tưởng tư sản và đưa vào cuộc sống. 2.2.2. Xu hướng bạo động vũ trang của Phan Bội Châu. 2.2.3. Xu hướng cải cách dân chủ của Phan Châu Trinh. 2.2.4. Mấy vấn đề tư tưởng và chính trị được bàn luận đầu thế kỷ XX: Cầu viện hay Tự lực, Bạo động hay Cải lương, quân chủ hay dân chủ... 2.3. Các khuynh hướng tư sản khi có giai cấp tư sản Việt Nam (1919-1930) 2.3.1. Cuộc KTTĐ lần thứ 2 của thực dân Pháp và sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam. 2.3.2. Chủ nghĩa yêu nước “ôn hoà” - Trường hợp hai cụ Phan sau CTTG I. 2.3.3. Chủ nghĩa dân tộc cải lương - Trường hợp Bùi Quang Chiêu và Đảng lập hiến. 2.3.4. Chủ nghĩa dân tộc cách mạng - Trường hợp Việt Nam Quốc dân Đảng và Nguyễn Thái Học. 2.4. Nguyên nhân thất bại của hệ tư tưởng tư sản trước nhiệm vụ lịch sử 2.4.1. Nguyên nhân khách quan 2.4.2. Nguyên nhân chủ quan	9) Trình bày được các biểu hiện của khuynh hướng tư sản khi có giai cấp tư sản Việt Nam. 10) Phân tích được nguyên nhân thất bại của hệ tư tưởng tư sản trước nhiệm vụ lịch sử. 11) Đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của khuynh hướng tư tưởng tư sản 12) Phân tích được ý nghĩa của phong trào đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc 13) Đánh giá vai trò và những đóng góp của các nhà dân chủ tư sản (Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh) trong phong trào dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX			
Chương 3: Tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản ở Việt Nam 3.1. Những điều kiện mới của phong trào dân tộc xã hội chủ nghĩa. 3.1.1. Sự ra đời của giai cấp công nhân. 3.1.2. Cách mạng tháng Mười thành công. 3.1.3. Sự ra đời của Quốc tế cộng sản. 3.2. Những ngã đường chủ nghĩa Mác-Lênin đến với Việt Nam và bước đầu xác lập tư tưởng cộng sản ở nước ta 3.2.1. Từ Liên Xô. 3.2.2. Từ nước Pháp.	14) Trình bày những điều kiện mới của phong trào dân tộc XHCN 15) Phân tích những ngã đường chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và bước đầu xác lập tư tưởng cộng sản ở nước ta. 16) Phân tích tính đúng đắn, sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	5	10	15

3.2.3. Từ Trung Quốc. 3.3. Bước đầu xác lập tư tưởng cộng sản ở nước ta 3.3.1. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. 3.3.2. Cuộc đấu tranh tư tưởng giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa quốc tế. 3.3.3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. 3.4. Tư tưởng cộng sản giành thắng lợi trong phong trào giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa. 3.4.1. Những thử nghiệm ban đầu tư tưởng cộng sản vào phong trào dân tộc ở Việt Nam. 3.4.2. Cuộc đấu tranh tư tưởng giữa những nhà Mác xít chân chính với nhóm trót- kít từ nước ngoài về. 3.4.3. Chiến tranh thế giới thứ 2 và sự điều chỉnh đường lối của Đảng Cộng sản. 3.4.4. Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - Sự thắng lợi của phong trào dân tộc xã hội chủ nghĩa. 3.5. Nguyên nhân thắng lợi của tư tưởng vô sản 3.5.1. Nguyên nhân khách quan 3.5.2. Nguyên nhân chủ quan 3.5.3. Ý nghĩa lịch sử	17) Trình bày quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. 18) Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của tư tưởng vô sản.			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự Chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T	U	U
Chương 2	T	T	U	U
Chương 3	T	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [2] [3] [4]	Học trên lớp: - CDR của chương: 1 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, tranh biện	Tuần 1-5

	[5]	- Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 2	[1] [2] [3] [4] [5]	Học trên lớp: - CDR của chương: 2 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 5-10
Chương 3	[1] [2] [3] [4] [5]	Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 11-15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh Phát biểu	C _{hp2} C _{hp3} C _{hp4}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp2} C _{hp3} C _{hp4}

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	C _{hp} 1 C _{hp} 4
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi tự luận theo ngân hàng đề	C _{hp} 1 C _{hp} 2

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Ninh Thị Sinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM
Mã số: LS226

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- **Tiếng Việt:** Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam
- **Tiếng Anh:** The external economy in Vietnam history

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Học phần Lịch sử Việt Nam hiện đại

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thùy Linh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0396.010.268 Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các hướng nghiên cứu chính:

- + Quan hệ giữa các nước lớn trong chiến tranh Việt Nam
- + Lịch sử ngoại giao Việt Nam
- + Kinh tế đối ngoại Việt Nam

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Thị Thu Hà**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0949.232.363 Email: tranthithuha@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại; Hương ước các làng xã Việt Nam; Lịch sử văn hóa Chăm-pa, Phù Nam; Văn hóa văn minh trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, biển đảo Việt Nam.

3. Mô tả học phần

Lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Trọng tâm của môn học nhằm cung cấp cho người học kiến thức về nội dung hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam; cung cấp thông tin về các nguyên tắc điều chỉnh quan hệ kinh tế quốc tế theo WTO, các hình thức kinh tế quốc tế của nhà nước: ngoại thương, đầu tư quốc tế tại Việt Nam, xuất khẩu lao động, giao thông và du lịch quốc tế và việc hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức, liên minh kinh tế, tài chính quốc tế. Môn học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh tế Việt Nam, vận dụng nó trong bối cảnh hiện nay để thấy được những chính sách của Chính phủ đối với hoạt động kinh tế đối ngoại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trình bày và phân tích được những chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế đối ngoại của Việt Nam qua các thời kỳ.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Khái quát được kết quả của các lĩnh vực thuộc kinh tế đối ngoại Việt Nam: Ngoại thương, xuất khẩu lao động, đầu tư nước ngoài, kiều hối, du lịch và giao thông quốc tế.	
M _{hp3}	Phân tích được tác động của kinh tế đối ngoại đối với kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam	
M _{hp4}	Có khả năng xây dựng được nội hàm các thuật ngữ, khái niệm như: toàn cầu hóa, quốc tế hóa, đối ngoại đa phương...; khả năng sử dụng các nguồn tư liệu đa dạng	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp5}	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	C6: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong

		quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 6	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	- Khái quát được sự chuyển biến của tình hình thế giới, tình hình Việt Nam và hệ thống được những chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước về hoạt động kinh tế đối ngoại	M _{hp} 1
C _{hp} 2	- Thống kê sự chuyển biến của từng lĩnh vực: ngoại thương, FDI, kiều hối, xuất khẩu lao động, vận tải quốc tế và du lịch quốc tế	M _{hp} 2
C _{hp} 3	- Phân tích được tác động kinh tế, chính trị, xã hội của kinh tế đối ngoại đối với sự phát triển chung của đất nước	M _{hp} 3
C _{hp} 4	- Trình bày khái lược các vấn đề lịch sử kinh tế đối ngoại để giải thích được các khái niệm, thuật ngữ. Đồng thời, hệ thống tư liệu liên quan tới nội dung học phần.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	- Có khả năng tổ chức và quản lý thời gian thực hiện công việc. Chủ động tham gia các nhóm hoạt động, nghiên cứu. Đồng thời có năng lực trình bày, tư duy phản biện,...	M _{hp} 5
C _{hp} 6	Bước đầu có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử và phương pháp liên ngành, khả năng khai thác tư liệu gốc trong nghiên cứu về lịch sử kinh tế đối ngoại Việt Nam	M _{hp} 6

6. Học liệu:

6.1. Bắt buộc

- [1] Đoàn Minh Duệ, Lao động Việt Nam ở nước ngoài thực trạng và giải pháp đến năm 2020, Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2011.

[2] Nguyễn Anh Tuấn, Giáo trình kinh tế đối ngoại Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2005.

[3] Bộ Ngoại giao - Học viện quan hệ quốc tế, Giáo trình kinh tế đối ngoại Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2005.

6.2. Tham khảo

[4] Phan Huy Đường, Kinh tế đối ngoại Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2007.

[5] Võ Thanh Thu, Quan hệ kinh tế quốc tế, Hồ Chí Minh: Thống kê, 2006.

[6] Hà Thị Ngọc Oanh, Kinh tế đối ngoại những nguyên lý và vận dụng tại Việt Nam, Hà Nội: Tài chính, 2007.

[7] Trần Xuân Tùng, Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam thực trạng và giải pháp, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2005.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI 1.1. Các khái niệm về kinh tế đối ngoại 1.2. Các lý thuyết về thương mại quốc tế 1.3. Các chính sách về kinh tế đối ngoại	1) Trình bày được các khái niệm về kinh tế đối ngoại 2) Khái quát được sự chuyển biến của tình hình thế giới từ những năm 80 của thế kỉ XX, trong đó bao gồm: toàn cầu hóa, cách mạng khoa học kĩ thuật, xu thế hợp tác,... 3) Phân tích được sự chuyển biến của Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị ổn định, kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ 4) Hệ thống được những chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoạt động kinh tế đối ngoại	1	3	3,5
Chương 2. NGOẠI THƯƠNG VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ 2.1. Ngoại thương 2.1.1. Khái niệm và vai trò của ngoại thương 2.1.2. Chính sách ngoại thương Việt Nam 2.1.3. Tình hình xuất - nhập khẩu của Việt Nam 2.2. Đầu tư quốc tế	5) Thống kê được sự chuyển biến của hai lĩnh vực: ngoại thương và FDI 6) Phân tích được tác động kinh tế: góp phần tăng trưởng GDP, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển. 7) Phân tích được tác động chính trị: góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên quốc tế	6	9	16, 5

2.2.1. Khái niệm 2.2. 2. Các hình thức đầu tư 2.2.3. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp, gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam 2.3. Đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam 2.3.1. Luật đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam 2.3.2. Tình hình đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam	8) Phân tích được tác động xã hội: góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói giảm nghèo 9) Tìm hiểu và hệ thống được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: tài liệu tham khảo, niên giám thống kê, khảo sát thực tế,...			
Chương 3: THỊ TRƯỜNG KIỀU HỐI VÀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG 3.1. Tình hình kiều hối Việt Nam 3.1.1. Thị trường kiều hối và tỉ giá hối đoái 3.1.2. Sự hình thành và phát triển thị trường kiều hối Việt Nam 3.2. Tình hình xuất khẩu lao động 3.2.1. Khái niệm về xuất khẩu lao động 3.2.2. Thực trạng tình hình xuất khẩu lao động 3.2.3. Tác động của xuất khẩu lao động	10) Thống kê sự chuyển biến của hai lĩnh vực: kiều hối và xuất khẩu lao động 11) Phân tích được tác động kinh tế: góp phần tăng trưởng GDP, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển. 12) Phân tích được tác động chính trị: góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên quốc tế 13) Phân tích được tác động xã hội: góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói giảm nghèo 14) Tìm hiểu và hệ thống được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: tài liệu tham khảo, niên giám thống kê, khảo sát thực tế,...	5	9	14, 5
CHƯƠNG 4. CÁC TỔ CHỨC, LIÊN MINH KINH TẾ, TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ SỰ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM 4.1. Tình hình kinh tế thế giới 4.2. Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế 4.3. Các tổ chức, liên minh kinh tế, tài chính quốc tế 4.4. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	15) Trình bày được các vấn đề lịch sử kinh tế đối ngoại để giải thích được các khái niệm, thuật ngữ như: toàn cầu hóa, quốc tế hóa, đối ngoại đa phương 16) Khái quát được các tổ chức, liên minh kinh tế tài chính quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	9	10, 5

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T			T	U	U
Chương 2		T	T,U	T	U	U
Chương 3		T	T,U	T	U	U
Chương 4					U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1] [4]	Học trên lớp: - CDR của chương: 1 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	01-02
Chương 2	[1] [3] [6]	Học trên lớp: - CDR của chương: 2 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	02-07
Chương 3	[1] [3] [7]	Học trên lớp: - CDR của chương: 3 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	07-11
Chương 4	[2] [5]	Học trên lớp: - CDR của chương: 4 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	12-15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá	Điểm đánh giá	Thái độ học tập phản ánh qua việc	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5

quá trình	chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm khách quan	Chp1, Chp2, Chp3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi viết (theo ngân hàng đề)	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Nguyễn Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾP XÚC VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT NAM

Mã số: LS647

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam
- Tiếng Anh: Vietnamese cultural exchange and contact

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☒ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở, và khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, như Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử văn hóa Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại.

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam

Khoa : Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Ninh Thị Sinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0904.838.411

Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Phạm Văn Lực**

Học hàm, học vị: PGS-Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0915.802.693

Email: ninhthisinh@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học, người học được trang bị kiến thức về diễn trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá trong lịch sử Việt Nam. Đặc điểm nổi bật về hình thái, nội dung, kết quả của quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá ở Việt Nam. Từ đó rút ra được nhận thức về việc chọn lọc những yếu tố tiến bộ, những tinh hoa văn hóa thế giới phù hợp với văn hóa Việt Nam.

Môn học này có quan hệ mật thiết với môn Lịch sử văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp} 1	Trang bị những khái niệm cơ bản về giao lưu văn hóa, tiếp biến văn hóa, chọn lọc văn hóa, cùng các biểu hiện giao lưu tiếp xúc văn hóa trong nước Việt Nam (nông thôn-đô thị, tộc người, giữa Bắc-Trung-Nam), giao lưu tiếp xúc giữa Việt Nam- phương Bắc, Việt Nam - Nam Á, Việt Nam -phương Tây; đặc điểm cơ bản trong giao lưu và tiếp xúc văn hóa ở Việt Nam.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp} 2	Khả năng khái quát, phân tích, đánh giá các nhân vật lịch sử; sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến học phần	
M _{hp} 3	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân; báo cáo, thuyết trình, thảo luận, tranh biện	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được các khái niệm cơ bản như giao lưu, tiếp xúc, tiếp biến, chọn lọc văn hóa; những điều kiện cùng các dạng thức giao lưu tiếp xúc văn hóa Việt Nam; những biểu hiện giao lưu tiếp xúc văn hóa trong nước Việt Nam, giữa Việt Nam với các nước, các khu vực trên thế giới. Trên cơ sở đó phân tích được đặc điểm, đánh giá được tác động của quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ học tập như: thuyết trình, thảo luận, tranh biện	M _{hp3}
C _{hp3}	Sưu tầm và phân tích được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: Tranh ảnh, tài liệu tham khảo về các nhân vật, các công trình văn hóa	M _{hp2}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Đăng Duy, Tiến trình văn hóa Việt Nam, Hà Nội : Đại học Sư phạm Hà Nội , 2008.
- [2] Trần Ngọc Thêm, Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam : Cái nhìn hệ thống - loại hình, TP. Hồ Chí Minh: TP. Hồ Chí Minh, 1997.
- [3] Nguyễn Thừa Hỷ, Lịch sử văn hóa Việt Nam truyền thống giản yếu, Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội , 2001.
- [4] Nguyễn Khắc Thuần, Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam, Hà Nội : Giáo dục, 2003.

6.2. Tham khảo

- [5] Phan Ngọc, Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới, Hà Nội : Văn hóa-Thông tin, 1994.
- [6] Lê Như Hoa, Bản lĩnh văn hóa Việt Nam một hướng tiếp cận, Hà Nội : Văn hoá thông tin, 1998.
- [7] Nguyễn Phú Trọng, Vì một nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại, Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2002.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Khái niệm chung 1.1. Khái niệm: tiếp xúc và giao lưu văn hoá 1.2. Các dạng thức phổ biến của tiếp xúc và giao lưu văn hoá 1.3. Quan hệ văn hoá, văn minh trong tiếp xúc và giao lưu văn hoá 1.4. Tiếp xúc và chọn lọc văn hoá	1) Trình bày được các khái niệm chung về tiếp xúc và giao lưu văn hóa, tiếp xúc và chọn lọc văn hóa. 2) Nêu được các hình thái của tiếp xúc văn hoá (tự nguyện, cưỡng bức ;....) 3) Phân tích được mối quan hệ giữa văn hóa, và văn minh trong tiếp xúc và giao lưu văn hóa	1	2	3
Chương 2: Vị thế địa chính trị và nhu cầu giao lưu, tiếp xúc văn hóa 2.1. Vị thế địa - chính trị của Việt Nam 2.2. Tiếp xúc văn hoá và không gian văn hoá 2.3. Nhu cầu kinh tế nông nghiệp lúa nước, tiểu nông 2.4. Nhu cầu kinh tế, chính trị, xã hội với tiếp xúc và giao lưu	4) Trình bày được các điều kiện và nhu cầu giao lưu tiếp xúc văn hóa	2	4	6
Chương 3: Tiếp xúc, giao lưu văn hóa trong nước Việt Nam 3.1. Bắc - Trung - Nam 3.2. Giữa các tộc người 3.3. Đô thị và nông	5) Trình bày được những biểu hiện giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa các vùng miền, giữa các tộc người, giữa đô thị và nông thôn. 6) Phân tích và so sánh được trên thực tế quy mô, tốc độ của tiếp xúc văn hoá giữa hai vùng miền khác nhau. 7) Phân tích quan hệ giữa làng xã tiểu nông với nhu cầu tiếp xúc và giao lưu trao đổi kinh tế. Nguyên nhân kinh tế xã hội với những trạng thái hình thức, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá.	3	6	9

Chương 4: Tiếp xúc, giao lưu văn hóa với bên ngoài 4.1. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Nam Á 4.1.1. Khái niệm Nam Á; Đặc điểm của văn hoá, văn minh Nam Á 4.1.2. Quá trình tiếp xúc và giao lưu với văn hoá Nam Á 4.1.3. Hình thái, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam - Nam Á 4.2. Tiếp xúc và giao lưu với văn hoá phương Bắc 4.2.1. Khái niệm "Phương Bắc". Đặc điểm của văn hoá, văn minh phương Bắc 4.2.2. Diễn trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam - phương Bắc 4.2.3. Hình thái, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam- Phương Bắc 4.3. Tiếp xúc và giao lưu giáo lưu với văn hoá Phương Tây 4.3.1. Khái niệm “ Phương Tây” trong văn hoá 4.3.2. Diễn trình tiếp xúc và giao lưu 4.3.3. Hình thái, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam - phương Tây	8) Trình bày khái quát quá trình, hình thái, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam và văn hóa Nam Á 9) Phân tích được quá trình, hình thái, nội dung tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam - phương Bắc, tiếp xúc văn hoá Việt Nam - Phương Tây 10) Phân tích được mối liên quan giữa con đường - quy mô, trạng thái, khu vực tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt Nam - Nam Á, Việt Nam - Phương Bắc, Việt Nam - Phương Tây	6	12	18
Chương 5: Đặc điểm cơ bản của giao lưu, tiếp xúc văn hóa Việt Nam 5.1. Quá trình, vị thế, hình thái tiếp xúc và giao lưu 5.2. Quy mô, biên độ, cường độ tiếp xúc 5.3. Nhu cầu, nội dung, định hướng chọn lọc văn hoá 5.4. Tiếp xúc và giao lưu văn hoá ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập; vấn đề đặt ra	11) Trình bày được đặc điểm cơ bản về quá trình, nội dung, hình thái của tiếp xúc và giao lưu, chọn lọc của văn hoá Việt Nam với văn hoá khu vực và thế giới trong lịch sử. 12) Giải thích được những tác động của các tiếp xúc và giao lưu lọc chọn văn hoá với quá trình vận động biến chuyển của văn minh, văn hoá Việt Nam 13) Giải thích được quy mô cường độ, hình thái và nội dung của tiếp xúc và giao lưu văn hoá trong thời	3	6	9

	đại toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế văn hoá 14) So sánh được nội dung quy trình tiếp xúc và giao lưu và lọc chọn văn hoá của Việt Nam trong trường kỳ lịch sử và một giai đoạn lịch sử cụ thể. 15) Nhận xét được về nét chung và nét riêng về nhu cầu tiếp xúc và giao lưu văn hoá của các thế hệ.			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	Chp1	Chp2	Chp3
Chương 1	T	T	U
Chương 2	T	T	U
Chương 3	T	U	U
Chương 4	T	U	U
Chương 5	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[4]	- CDR của chương: 1 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, tranh biện - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1
Chương 2	[1] [4]	- CDR của chương: 2 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 2, 3
Chương 3	[1] [2] [4] [3]	- CDR của chương: 3 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 4, 5,6
Chương 4	[1] [2] [4]	- CDR của chương: 4	Tuần 7,8,9,10,11,12

	[3]	- Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, tranh biện - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 5	[5] [6] [7]	- CDR của chương: 5 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 13, 14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh Phát biểu	C _{hp1}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1} C _{hp2}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2}

Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	C _{hp1} C _{hp3}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Tự luận theo ngân hàng đề	C _{hp1} C _{hp3}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Ninh Thị Sinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM
Mã số: LS561

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- Tiếng Anh: Socialist revolution in Vietnam

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Lịch sử Việt Nam Khoa: Lịch sử;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Văn Dũng

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0987002279

Email: nguyenvandung@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Nguyễn Thùy Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Điện thoại: 0396010268

Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

3. Mô tả học phần

Là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa (quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội); quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Qua môn học này, giúp cho người học thấy được năng lực lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và vững tin hơn vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học có kiến thức về lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa (quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội); quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học nhận thức được năng lực lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và vững tin hơn vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.	
M _{hp3}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được nội dung cơ bản về lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa (quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội).	M _{hp1}
C _{hp2}	Trình bày được quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	
C _{hp3}	Trình bày được thành tựu, hạn chế trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	
C _{hp4}	Đánh giá được vai trò lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng.	M _{hp2}

C _{hp} 5	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 3
C _{hp} 6	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Văn Dũng (chủ biên), Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hà Nội: Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2012.
- [2] Nguyễn Duy Quý (chủ biên), Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 1998.
- [3] Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2016.

6.2. Tham khảo

- [4] Phạm Tất Thắng, Nguyễn Linh Khiếu (đồng chủ biên), Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2017.
- [5] Hoàng Chí Bảo, Từ thực tiễn đổi mới đến nhận thức lý luận mới về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (1986 - 2011), Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2012.
- [6] Nguyễn Quốc Phẩm, Đỗ Thị Thạch (đồng chủ biên), Những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2012.
- [7] Trần Văn Phòng, Tổng kết thực tiễn với việc phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hà Nội: Chính trị quốc gia, 2010.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Lý luận về chủ nghĩa xã hội 1.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa 1.2. Nhận thức của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội trước 1954	1) Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa 2) Trình bày được quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội trước năm 1954. 3) Nhận xét được quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội trước năm 1954	5	10	15

Chương 2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1985 2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc thời kì 1954 - 1975 2.2. Cả nước thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa thời kì 1975 - 1985	4) Phân tích được bối cảnh lịch sử và nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc của Đảng trong những năm 1954 - 1975; 5) Trình bày được những thành tựu, hạn chế, ý nghĩa của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong những năm 1954 - 1975; 6) Phân tích được bối cảnh lịch sử và nội dung đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng trong những năm 1975 - 1985; nêu được những bước đột phá trong tư duy đổi mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trước Đại hội VI (12/1986); 7) Trình bày được những thành tựu, hạn chế, ý nghĩa của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1975 - 1985.	5	10	15
Chương 3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kì đổi mới (1986 - 2006) 3.1. Quá trình hình thành và phát triển đường lối đổi mới của Đảng 3.2. Hệ thống quan điểm lí luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Đảng 3.3. Thành tựu, hạn chế, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm rút ra sau 20 năm đổi mới (1986 - 2006)	8) Phân tích được bối cảnh lịch sử và yêu cầu đổi mới của Việt Nam; 9) Trình bày được quá trình hình thành và phát triển đường lối đổi mới của Đảng; 10) Phân tích được hệ thống các quan điểm lí luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Đảng; 11) Trình bày được thành tựu, hạn chế, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm sau 20 năm đổi mới (1986 - 2006)	5	10	15

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	T	T	U	U
Chương 2	T	T	T	T	U	U
Chương 3	T	T	T	T	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (3 tiết/tuần)
Chương 1	[1]: [2]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 1. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	01
Chương 1 (tiếp)		1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 1. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	02
Chương 1 (tiếp)		1) Học trên LMS: - CDR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	03
Chương 1 (tiếp)		1) Học trên LMS: - CDR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi.	04

		- Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 1 (tiếp)		1) Học trên LMS: - CDR của chương: 2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	05
Chương 2	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 3 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	06
Chương 2 (tiếp)	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 4 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 4. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	07
Chương 2 (tiếp)	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 5 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 5. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	08
Chương 2	[1]	1) Học trên LMS:	

(tiếp)	[2] [3]	- CDR của chương: 6 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 6. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	09
Chương 2 (tiếp)	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 6 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 6. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	10
Chương 3	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 7 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 7. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	11
Chương 3 (tiếp)	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 8 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 8. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12
Chương 3 (tiếp)	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 9	13

	[4] [5] [6] [7]	- SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 9. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3 (tiếp)	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 10 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 10. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	14
Chương 3 (tiếp)	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 10 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 10. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5

	thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	+ Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Trắc nghiệm khách quan	Chp1, Chp2, Chp3 (giai đoạn 1954-1975),
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm khách quan.	Chp3(giai đoạn 1976-2006), Chp4, Chp6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS Nguyễn Văn Dũng

TS Ninh Thị Sinh

TS Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỘT SỐ TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI
Mã số: LS231

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Một số tôn giáo lớn trên thế giới
- Tiếng Anh: The major religions of the world

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSPT Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Vinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: TS
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0973.025.007 Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Một số tôn giáo lớn trên thế giới là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học không chỉ được trang bị những kiến thức lý luận về tôn giáo mà còn có được sự hiểu biết toàn diện về sự ra đời và phát triển của ba tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay là Kitô giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Đặc biệt, người học sẽ đánh giá được về vai trò, xu thế trong đời sống tôn giáo của Việt Nam và thế giới hiện nay. Học phần tập trung vào một lĩnh vực cụ thể của lịch sử là tôn giáo nên sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung trong các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận, hiện đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những hiểu biết cơ bản về các vấn đề lý luận về tôn giáo; những kiến thức về ba tôn giáo thế giới là Kitô giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Qua đó người học sẽ đánh giá được về vai trò, xu thế trong đời sống tôn giáo của Việt Nam và thế giới hiện nay.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Góp phần phát triển năng lực dạy học: kiến thức về lịch sử tôn giáo; vận dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện trong tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá.	
M _{hp3}	Có năng lực điều hành, thực hiện hoạt động nhóm, cá nhân; khả năng tự học; tư duy phản biện; sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu đa dạng trong nghiên cứu tôn giáo.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp4}	Hình thành nhận thức đúng đắn về các tôn giáo; thái độ tôn trọng đối với đời sống tinh thần, niềm tin tôn giáo của mỗi người; ý thức xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng và hòa bình.	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
M _{hp5}	Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học độc lập hoặc tập thể về lịch sử tôn giáo, lịch sử văn hóa bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu liên ngành.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được các vấn đề lý luận chung về tôn và tình hình ra đời, phát triển của Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo.	M _{hp} 1 M _{hp} 2
C _{hp} 2	Vận dụng những kiến thức về lý luận và tình hình của các tôn giáo lớn để giải thích được các vấn đề tôn giáo hiện nay và dự báo xu thế tôn giáo của thế giới và Việt Nam.	
C _{hp} 3	Sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu phong phú để nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử tôn giáo	M _{hp} 3 M _{hp} 5
C _{hp} 4	Tôn trọng niềm tin tôn giáo của mỗi người; có ý thức xây dựng một xã hội hài hòa.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Hoàn thành được các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.	M _{hp} 3
C _{hp} 6	Sử dụng được các công cụ đánh giá để tự đánh giá và đánh giá người khác trong các hoạt động học tập.	M _{hp} 2

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Hoàng Tâm Xuyên , Mười tôn giáo lớn thế giới, Hà Nội : Chính trị Quốc gia Sự thật , 2019.
- [2] Đặng Nghiêm Vạn , Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, Hà Nội : Chính trị Quốc gia Sự thật , 2012.

6.2. Tham khảo

- [3] DK London , Tôn giáo khái lược những tư tưởng lớn, Hà Nội : Dân Trí, 2008.
- [4] Bernard Lewis , Lịch sử Trung Đông 2000 năm trở lại đây, Hà Nội : Tri Thức, 2008.
- [5] Glenn E. Perry , Lịch sử Trung Đông - 14 thế kỷ ra đời và phát triển của Hồi giáo, Hà Nội : Tôn giáo , 2009 .
- [6] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn minh thế giới, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2004.
- [7] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng , Lịch sử thế giới cận đại, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 1998 .

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÔN GIÁO 1.1. Khái quát chung 1.2. Định nghĩa tôn giáo 1.3. Bản chất của tôn giáo 1.4. Nguồn gốc 1.5. Vai trò của tôn giáo	1) Trình bày được khái niệm tôn giáo là gì. 2) Nêu được bản chất tôn giáo. 3) Phân tích được nguồn gốc của tôn giáo 4) Phân tích được vai trò của tôn giáo	3	6	9
Chương 2. CÁC HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN CỦA TÔN GIÁO 2.1. Tôn giáo trong xã hội chưa có giai cấp (Tôn giáo nguyên thủy) 2.2. Tôn giáo trong xã hội có giai cấp	5) Trình bày được các hình thức tôn giáo trong xã hội chưa có giai cấp 6) Trình bày được đặc điểm của tôn giáo trong xã hội có giai cấp 7) So sánh được sự khác nhau giữa tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới	3	6	9
Chương 3. PHẬT GIÁO 3.1. Bối cảnh lịch sử của Ấn Độ trước khi đạo Phật ra đời 3.2. Sự ra đời và truyền bá đạo Phật ở Ấn Độ thời cổ đại 3.3. Giáo lý - Giới luật 3.4. Các tông phái chính 3.5. Phật giáo ở các nước Đông Nam Á hiện nay	8) Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, giáo lý cơ bản của Phật giáo 9) Trình bày được nét khác biệt giữa Phật giáo tiểu thừa và đại thừa 10) Trình bày được quá trình Phật giáo truyền bá vào Đông Nam Á 11) Phân tích được nguyên nhân Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ thế kỷ VII-XIII 12) Trình bày được ảnh hưởng của Phật giáo ở một số quốc gia Đông Nam Á tiêu biểu (Thái Lan, Miến Điện, Việt Nam)	3	6	9
Chương 4. KITÔ GIÁO 4.1. Sự ra đời và truyền bá đạo Kitô trong thời cổ đại 4.2. Những giáo lý, luật lệ - lễ nghi và các giáo phái chính của Kitô giáo 4.3. Kitô giáo thời trung đại (thế kỉ V - XVI)	13) Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, giáo lý cơ bản của Kitô giáo. 14) Trình bày được sự phân ly của giáo hội Kitô trong thời kỳ trung đại 15) Trình bày được quá trình truyền bá của Kitô giáo ra bên ngoài châu Âu 16) Phân tích được tác động của phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thế kỷ XV-XVI đối với lịch sử châu Âu.	3	6	9

4.4. Kitô giáo trong thời cận hiện đại 4.5. Sự truyền bá và phát triển của Kitô giáo ở Việt Nam	17) Trình bày được sự truyền bá và ảnh hưởng của Kitô giáo ở Việt Nam			
Chương 5. HỘI GIÁO 5.1. Sự ra đời và truyền bá Hội giáo trong thời trung đại 5.2. Giáo lý - Giáo luật của Hội giáo 5.3. Đạo Hồi ở các quốc gia Đông Nam Á 5.4. Tình hình đạo Hồi hiện nay	18) Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, giáo lý, giáo luật cơ bản của Hội giáo 19) Phân tích được vai trò Hội giáo đối với việc mở rộng lãnh thổ của đế chế Ả-rập trong thế kỷ VII-XIII. 20) Phân tích được cơ sở truyền bá, cách thức, con đường đạo Hồi đã đến Đông Nam Á 21) Phân tích được đặc điểm Hội giáo ở Đông Nam Á	3	6	9

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	Chp1	Chp2	Chp3	Chp4	Chp5	Chp6
Chương 1	T	U	T	T	T	T
Chương 2	T	U	T	T	T	T
Chương 3	T	U	T	T	T	T
Chương 4	T	U	T	T	T	T
Chương 5	T	U	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

THỨ TỰ CHƯƠNG	HỌC LIỆU ⁽¹⁾	ĐỊNH HƯỚNG VỀ HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC	TUẦN HỌC (6 TIẾT/TUẦN)
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3,4 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	01,02,03
Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 5 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập.	04,05,06

	[6]: [7]:	- Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 6,7 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 8,9 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 10,11,12 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	07,08,09
Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13,14 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 15,16,17 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	10,11,12
Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 18 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 19,20 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi vấn đáp	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Văn Vinh

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ VĂN HÓA THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI
Mã số: LS232

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại
- Tiếng Anh: World cultural history in ancient and medieval period

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ trung đại

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Điện thoại: 0978.527.421 Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Vinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Điện thoại: 0986.935.408 Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Học phần *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành về điều kiện vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và thành tựu nổi bật của một số nền văn hóa như Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á... trong thời kỳ cổ trung đại. Hơn nữa, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức tương đối hệ thống, tiến trình các giai đoạn, những nét đặc trưng của nền văn hóa truyền thống và quá trình giao lưu của văn hóa thế giới. Đồng thời, việc nghiên cứu chuyên đề này giúp nhận thức được giá trị của các nền văn hóa truyền thống của nhân loại và sức ảnh hưởng của các nền văn hóa ấy với khu vực và thế giới.

Học phần *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại* có mối liên hệ liên hệ chặt chẽ với các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử thế giới cổ trung đại giúp cung cấp thêm kiến thức về cơ sở hình thành văn hóa và thành tựu văn hóa thế giới trong giai đoạn cổ trung đại

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức về cơ bản về cơ sở hình thành về điều kiện vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và thành tựu nổi bật của một số nền văn hóa như Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á... trong thời kỳ cổ trung đại.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân; biết khai thác được các nguồn tư liệu như: tài liệu thành văn như thư tịch cổ, bia ký và các hiện vật khảo cổ học, công trình nghiên cứu, để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa thế giới giai đoạn cổ trung đại.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về lịch sử văn hóa thế giới giai đoạn cổ trung đại	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	- Trình bày được đặc điểm chính của văn hóa Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ,	M _{hp1}

	Đông Nam Á trên một số lĩnh vực tiêu biểu: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, luật pháp...	
C _{hp} 2	- Phân tích được tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội tới hình thành và phát triển của nền văn hóa Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á	
C _{hp} 3	- Khái quát hóa được điều kiện địa lý, dân cư và sơ lược lịch sử thời kỳ cổ đại của văn hóa Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, Rôma, Tây Âu Trung Đại, Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á	
C _{hp} 4	Phân tích được sự giao lưu văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa và văn hóa phương Tây	
C _{hp} 5	- Phân tích và đánh giá được ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa tới khu vực Đông Nam Á qua các thời kỳ lịch sử đặc biệt đối với Việt Nam	
C _{hp} 6	- Đánh giá được mức ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia châu Á trong đó có Việt Nam	
C _{hp} 7	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ.	M _{hp} 2
C _{hp} 8	- Trình bày được ý kiến cá nhân; Sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày.	
C _{hp} 9	- Sưu tầm được những tư liệu liên quan đến nội dung học phần như: thư tịch cổ, văn bia, bia ký..., tài liệu thành văn, các công trình nghiên cứu liên quan	
C _{hp} 10	- Thực hiện bài nghiên cứu/chủ đề nghiên cứu: nội san, đề tài nghiên cứu khoa học.	M _{hp} 3

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Lương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại, Hà Nội: Giáo dục, 2003.

[2] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn minh thế giới, Hà Nội: Giáo dục, 2004.

6.2. Tham khảo

[3] Nghiêm Đình Vỳ (chủ biên), Lịch sử thế giới cổ trung đại, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2004.

[4] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãn, Trần Văn La, Lịch sử thế giới trung đại, Hà Nội: Giáo dục, 2005.

[5] Nguyễn Anh Thái (chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, Hà Nội: Giáo dục, 2006.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. VĂN HÓA AI CẬP, LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI 1.1. Văn hóa Ai Cập 1.1.1. Kim tự tháp 1.1.2. Tín ngưỡng bản địa và tôn giáo 1.1.3. Văn học 1.1.4. Nghệ thuật tạo hình và y học 1.2. Văn hóa Lương Hà 1.2.1. Khái quát lịch sử văn hóa 1.2.2. Chữ viết 1.2.3. Văn học 1.2.4. Tín ngưỡng 1.2.5. Bộ luật Hammurabi 1.2.6. Khoa học	(1) Trình bày được đặc điểm chính của văn hóa Ai Cập, văn hóa Lương Hà trên một số lĩnh vực tiêu biểu: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, luật pháp... (2) Phân tích được tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội tới hình thành và phát triển của nền văn hóa Ai Cập và Lương Hà	3	6	9
Chương 2. VĂN HÓA HI LẠP, RÔ MA CỔ ĐẠI 2.1. Văn hóa Hi Lạp cổ đại 2.1.1. Địa lý, cư dân và sơ lược lịch sử 2.1.1. Thành tựu chủ yếu 2.2 Văn hóa Rô Ma cổ đại 2.2.1. Địa lý, cư dân và sơ lược lịch sử 2.2.1. Thành tựu chủ yếu	(3) Trình bày khái quát được điều kiện địa lý, dân cư và sơ lược lịch sử thời kỳ cổ đại của văn hóa Hi Lạp và Rô Ma. (4) Phân tích được thành tựu tiêu biểu của Rô Ma trong thời kỳ cổ đại và lí giải được nguyên nhân của sự phát triển đó.	2	4	7
Chương 3: VĂN HÓA TÂY ÂU TRUNG ĐẠI 3.1. Khái quát lịch sử Tây Âu trung đại 3.2. Văn hóa trung đại (phong kiến lãnh địa) Tây Âu 3.3. Nền văn hóa Phục hưng (hậu kì trung đại) 3.3.1. Văn học 3.3.2. Nghệ thuật	(5) Trình bày được đặc điểm văn hóa Tây Âu thời kỳ trung đại và hậu kỳ trung đại trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên và triết học. (6) Khái quát hóa được nội dung tư tưởng và ý nghĩa của thời địa văn hóa Phục Hưng	3	4	8

3.3.3. Khoa học tự nhiên và triết học				
CHƯƠNG 4: VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRUNG HOA 4.1. Khái quát lịch sử Trung Quốc thời cổ - trung đại 4.2. Văn hóa truyền thống Trung Hoa 4.2.1. Các dòng tư tưởng phổ biến ở Trung Quốc 4.2.2. Văn học 4.2.3. Sử học 4.2.4. Khoa học kỹ thuật	(7) Trình bày được khái quát lịch sử Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại. (8) Hiểu được các dòng tư tưởng phổ biến ở Trung Hoa thời kỳ cổ đại. (9) Khái quát hóa được những thành tựu của văn hóa Trung Hoa trên các lĩnh vực: văn học, sử học, khoa học kỹ thuật....	2	4	6
CHƯƠNG 5: VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ 5.1. Khái quát lịch sử Ấn Độ 5.2. Văn hóa truyền thống Ấn Độ 5.2.1. Chữ viết 5.2.2. Sử thi 5.2.3. Tín ngưỡng và tôn giáo 5.2.4. Văn hóa cổ điển Ấn Độ 5.2.5. Nghệ thuật	(10) Trình bày được khái quát lược sử Ấn Độ thời cổ trung đại. (11) Tổng hợp được các thành tựu của văn hóa Ấn Độ	2	4	6
CHƯƠNG 6: VĂN HÓA Ắ RẬP 6.1. Sơ lược lịch sử Ắ Rập 6.2. Đạo hồi 6.3. Văn học, nghệ thuật, khoa học giáo dục	(12) Hiểu được những nét chính về Đạo hồi (13) Khái quát được những thành tựu của nền văn hóa Ắ Rập (14) Phân tích được nguyên nhân hưng thịnh và suy vong của nền văn hóa Ắ Rập	1	4	4
CHƯƠNG 7 : VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á 7.1. Khái quát lịch sử cổ trung đại châu Á 7.2. Một số đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á 7.3. Ảnh hưởng của văn hóa Đông Nam Á khu vực và thế giới	(15) Trình bày được cơ sở hình thành nền văn hóa Đông Nam Á (16) Phân tích được sự giao lưu văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Hoa và văn hóa phương Tây	1	4	4

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần									
	Chp 1	Chp 2	Chp 3	Chp 4	Chp 5	Chp 6	Chp 7	Chp 8	Chp 9	Chp 10
Chương 1	T	T	T	T			U	U	U	U
Chương 2	T	T	T	T			U	U	U	U
Chương 3	T	T	T	T			U	U	U	U

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần									
	Chp 1	Chp 2	Chp 3	Chp 4	Chp 5	Chp 6	Chp 7	Chp 8	Chp 9	Chp 10
Chương 4	T	T	T	T	T		U	U	U	U
Chương 5	T	T	T	T		T	U	U	U	U
Chương 6	T	T	T	T			U	U	U	U
Chương 7	T	T	T	T	T	T	U	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2
Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 3,4
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 5,6
Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 7,8,9

Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 10,11
Chương 6	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 12,13
Chương 7	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	1) Dạy trên LMS: SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập Phương tiện: máy tính kết nối internet 2) Dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp7 Chp8 Chp9
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp7 Chp8 Chp9

		nhiệm vụ học tập		do giảng viên giao		
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6;
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Trắc nghiệm	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6;
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÁC PHONG TRÀO DUY TÂN, CẢI CÁCH Ở CHÂU Á THẾ KỶ XIX - XX
Mã số: LS566

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX
- Tiếng Anh: The neo-reform movements in Asia in the nineteenth - twentieth centuries

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0973.025.007 Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0984.289.020 Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Các phong trào cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về các phong trào duy tân cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX bao gồm: hệ thống khái niệm; hoàn cảnh lịch sử đã làm nảy sinh các yêu cầu cải cách; nội dung, kết quả, Học phần giúp cho người học hiểu sâu sắc hơn nội dung của các học phần lịch sử thế giới thời kỳ cận ý nghĩa, tác động của các phong trào duy tân, cải cách. Từ đó, người học sẽ rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công cuộc cải cách, đổi mới đang tiến hành ở Việt Nam và sự phát triển bản thân, đại và hiện đại.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những kiến thức cơ bản về các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX: Một số khái niệm cơ bản, những yêu cầu cải cách, nội dung, kết quả, ý nghĩa, tác động của các phong trào duy tân, cải cách. Từ đó, người học sẽ rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công cuộc cải cách, đổi mới đang tiến hành ở Việt Nam và sự phát triển bản thân trong những điều kiện và hoàn cảnh thay đổi.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Góp phần phát triển năng lực dạy học: Vận dụng được kiến thức về các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX; các hình thức, phương pháp trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường trung học.	
M _{hp3}	Có năng lực quản lý và điều hành hoạt động nhóm, cá nhân; khả năng tự học; tư duy phản biện; sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu đa dạng trong nghiên cứu lịch sử.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp4}	Hình thành nhận thức đa chiều về các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỷ XIX - XX; thái độ trân trọng tinh thần đổi mới và những giá trị mà các quốc gia đã đạt được; có ý thức vươn lên vượt qua khó khăn và thích ứng với hoàn cảnh thay đổi.	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế

		- chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
M _{hp} 5	Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học độc lập hoặc tập thể về lịch sử Trung Đông từ thời cổ đại đến nay bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu liên ngành.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những khái niệm cơ bản, bối cảnh lịch sử và nội dung của các phong trào duy tân cải cách tiêu biểu ở châu Á thế kỉ XIX - XX.	M _{hp} 1 M _{hp} 2
C _{hp} 2	Phân tích được nguyên nhân thành công, thất bại, ảnh hưởng và bài học kinh nghiệm của mỗi cuộc cải cách.	
C _{hp} 3	Vận dụng những kiến thức về các phong trào duy tân, cải cách để lý giải tình hình phát triển hiện nay của các quốc gia châu Á và tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.	
C _{hp} 4	Sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu phong phú để tìm hiểu về các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX.	M _{hp} 3
C _{hp} 5	Trân trọng tinh thần đổi mới và những giá trị mà các quốc gia đã đạt được; có ý thức vươn lên vượt qua khó khăn và thích ứng với hoàn cảnh thay đổi.	M _{hp} 4
C _{hp} 6	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.	M _{hp} 3
C _{hp} 7	Sử dụng được các công cụ đánh giá để tự đánh giá và đánh giá người khác trong các hoạt động học tập.	M _{hp} 2

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Lý Quang Diệu , Hồi ký Lý Quang Diệu - Câu chuyện Singapore, Hà Nội : Thế giới , 2015.
- [2] Lý Quang Diệu , Hồi ký Lý Quang Diệu - Từ thế giới thứ ba vươn lên thứ nhất, Hà Nội : Thế giới, 2015 .
- [3] Kim Byung Kook, Ezzzra F.Vogel (chủ biên), Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc, Hà Nội : Thế giới , 2015.

[4] Vũ Dương Ninh, Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Hà Nội : Đại học quốc gia, 2007.

6.2. Tham khảo

[5] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, Lịch sử thế giới cận đại, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 1998.

[6] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Lịch sử thế giới cận đại, tập II, Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2011.

[7] Đỗ Thanh Bình (chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, Quyển 1, Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2008.

[8] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim, Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập II, Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2007.

[9] Trần Thị Vinh (chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2008.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. KHÁI QUÁT 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.2. Ý nghĩa của chuyên đề 1.3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu 1.4. Nguồn tư liệu	1) Trình bày được khái niệm “cải cách”, “cải cách” và những khái niệm liên quan. 2) Phân tích được ý nghĩa của chuyên đề. 3) Trình bày được ý nghĩa, nội dung, phương pháp và nguồn tư liệu để nghiên cứu chuyên đề.	2	4	9
Chương 2. CÁC PHONG TRÀO DUY TÂN CẢI CÁCH Ở CHÂU Á CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX 2.1. Những yêu cầu và tiền đề cải cách 2.2. Các phong trào duy tân, cải cách tiêu biểu 2.3. Kết quả, ý nghĩa và ảnh hưởng của các phong trào cải cách cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX ở châu Á	4) Phân tích được những yêu cầu cải cách ở các nước châu Á cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. 5) Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa của các phong trào cải cách ở Nhật Bản, Xiêm và Trung Quốc. 6) Phân tích được nguyên nhân thành công, thất bại và ảnh hưởng của các phong trào cải cách.	7	14	20

	7) Đánh giá được vai trò của các tầng lớp xã hội đối với các phong trào cải cách. 8) Rút ra được những bài học kinh nghiệm từ các phong trào cải cách. 9) Vận dụng được kiến thức về các phong trào cải cách để giải thích sự phát triển hiện nay của Nhật Bản, Thái Lan và Trung Quốc.			
Chương 3. CÁC CUỘC CẢI CÁCH TIÊU BIỂU Ở CHÂU Á NỬA SAU THẾ KỶ XX 3.1. Bối cảnh châu Á nửa sau thế kỷ XX 3.2. Một số cuộc cải cách tiêu biểu 3.4. Kết quả, ý nghĩa, tác động của các phong trào cải cách 3.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	10) Trình bày được bối cảnh các nước châu Á nửa sau thế kỷ XX. 11) Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa của các phong trào cải cách ở Hàn Quốc, Singapore và Trung Quốc. 12) Phân tích được tác động và ảnh hưởng của các phong trào cải cách. 13) Giải thích được nguyên nhân thành công của các phong trào cải cách. 14) Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho sự phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. 15) Rút ra được những bài học cho sự phát triển bản thân, việc khắc phục khó khăn, thích ứng với hoàn cảnh thay đổi.	6	12	16

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T		TU	T		U	TU
Chương 2	T	T U	TU	U	TU	U	TU
Chương 3	T	T U	TU	U	TU	U	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[4]:	1) Học trên lớp: - CDR của chương: 1, 2, 3 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	1,2
Chương 2	[4]:	1) Học trên LMS:	3,4,5,6,7,8,9

	[5]: [6]: [8]:	- CDR của chương: 4, 5 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 6, 7, 8, 9 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [7]: [8]: [9]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 10, 11 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12, 13, 14, 15 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	10,11,12,13, 14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5} C _{hp6}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp5} C _{hp6}

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Trắc nghiệm khách quan	C _{hp} 1 C _{hp} 2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức: + Bài tập lớn	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Bích

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ TRUNG ĐÔNG

Mã số: LS568

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Một số vấn đề lịch sử Trung Đông
- Tiếng Anh: Some issues of history the Middle East

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết:

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0978.527.421 Email: nguyenthingocthao@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
- Điện thoại: 0973.025.007 Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Một số vấn đề lịch sử Trung Đông là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về sự chuyển biến của khu vực Trung Đông từ cổ đại cho đến ngày nay bao gồm: điều kiện tự nhiên, con người, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và tôn giáo. Môn học còn cung cấp những lý giải về nguyên nhân, nguồn gốc của những phức tạp trong khu vực: sự ly tán của người Do Thái cũng như của người Arab; tình hình Trung Đông trong sau chiến tranh lạnh, trên cơ sở đó có thể dự đoán được tình hình, có thể vận dụng được vào việc xử lý các vấn đề về quan hệ quốc tế.

Học phần *Một số vấn đề lịch sử Trung Đông* có mối quan hệ sâu sắc với các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận hiện đại khi giúp cho người học hiểu rõ hơn về lịch sử của một khu vực cụ thể.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị những kiến thức cơ bản về sự chuyển biến của khu vực Trung Đông từ cổ đại cho đến ngày nay bao gồm: điều kiện tự nhiên, con người, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và tôn giáo. Qua đó người học có thể lý giải được các vấn đề lịch sử Trung Đông hiện nay; đánh giá được vị trí, vai trò quốc tế của khu vực Trung Đông.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Góp phần phát triển năng lực dạy học: kiến thức về lịch sử khu vực Trung Đông; vận dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện trong tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá.	
M _{hp3}	Có năng lực quản lý và điều hành hoạt động nhóm, cá nhân; khả năng tự học; tư duy phản biện; sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu đa dạng trong nghiên cứu lịch sử.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp4}	Hình thành nhận thức đúng đắn về các tính độc đáo và phức tạp của lịch sử Trung Đông; tôn trọng sự đa dạng và	C1: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn

	có ý thức xây dựng xã hội hòa bình, hợp tác.	đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
M _{hp} 5	Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học độc lập hoặc tập thể về lịch sử Trung Đông từ thời cổ đại đến nay bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu liên ngành.	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên, con người và những chuyển biến về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực Trung Đông từ thời kì cổ đại cho đến nay.	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Phân tích được vai trò của khu vực Trung Đông đối với nền kinh tế, chính trị, an ninh và quan hệ quốc tế của thế giới.	
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về lịch sử Trung Đông để lý giải các vấn đề thời sự hiện nay và dự đoán xu thế vận động của lịch sử khu vực Trung Đông.	
C _{hp} 4	Có thái độ tôn trọng tính độc đáo, đa dạng của các quốc gia Trung Đông.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Sưu tầm và sử dụng được các nguồn tư liệu phong phú để tìm hiểu về lịch sử Trung Đông.	M _{hp} 3 M _{hp} 5
C _{hp} 6	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm.	M _{hp} 2
C _{hp} 7	Sử dụng được các công cụ đánh giá để tự đánh giá và đánh giá người khác trong các hoạt động học tập.	M _{hp} 2

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

6.2. Tham khảo

- [1] Bernard Lewis , Lịch sử Trung Đông 2000 năm trở lại đây, Hà Nội : Tri Thức, 2008.
- [2] TS.Nguyễn Thọ Nhân , Trung Đông Trong Thế Kỷ XX - Lịch Sử, TP.Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP Hồ Chí Minh , 2009.
- [3] Glenn E. Perry , Lịch sử Trung Đông - 14 thế kỷ ra đời và phát triển của Hồi giáo, Hà Nội : Tôn giáo , 2009 .
- [4] Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Hồng Bích , Lịch sử Trung Cận Đông, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2005.

6.2. Tham khảo

- [5] Nguyễn Anh Dũng , Về chiến lược quân sự toàn cầu của Đế quốc Mỹ, Hà Nội : Sự thật , 1994.
- [6] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử văn minh thế giới, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2004.
- [7] Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử quan hệ quốc tế từ đầu thời cận đại đến hết Thế chiến thứ hai, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2006.
- [8] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãn, Trần Văn La , Lịch sử thế giới trung đại, Hà Nội : Giáo dục Việt Nam , 2005.
- [9]] Samuel Huntington , Sự va chạm giữa các nền văn minh, Hà Nội : Lao động , 2005.
- [10] Viện thông tin khoa học xã hội , Trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo, tập 1, Hà Nội : Khoa học Xã hội , 2001.
- [11] Nghiêm Đình Vỳ (chủ biên), Lịch sử thế giới trung đại, Hà Nội : Đại học Sư phạm , 2004.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. ĐỊA LÝ VÀ DÂN CƯ CỦA KHU VỰC TRUNG ĐÔNG 1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên 1.2. Dân cư và tộc người 1.3. Giới thiệu về các quốc gia Trung Đông	1) Trình bày được vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; nguồn gốc, thành phần tộc người và tình hình dân cư của các quốc gia Trung Đông. 2) Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và con người đến lịch sử Trung Đông. 3) Kể tên được các quốc gia Trung Đông hiện nay.	3	6	9
Chương 2. TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG ĐÔNG 2.1. Trung Đông thời kỳ cổ đại 2.2. Trung Đông thời kỳ trung đại 2.3. Trung Đông thời kỳ cận đại 2.4. Trung Đông thời kỳ hiện đại	4) Trình bày được những diễn biến cơ bản của lịch sử Trung Đông qua các thời kỳ lịch sử. 5) Phân tích được nguyên nhân và ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh, xung đột ở Trung Đông. 6) Phân tích được xu thế vận động của lịch sử Trung Đông.	4	8	12

Chương 3. NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI NỔI BẬT 3.1. Nhà nước 3.2. Kinh tế 3.3. Tôn giáo 3.4. Văn hóa, giáo dục 3.5. Đặc điểm	7) Trình bày được những kiến thức cơ bản về nhà nước, kinh tế và văn hóa của Trung Đông. 8) Phân tích được đặc điểm về nhà nước, kinh tế và văn hóa của Trung Đông. 9) Lý giải được tính độc đáo, đa dạng và các vấn đề thời sự hiện nay của khu vực Trung Đông.	4	8	12
Chương 4. TÌNH HÌNH QUAN HỆ QUỐC TẾ Ở TRUNG ĐÔNG TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH ĐẾN NAY 4.1. Quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia Trung Đông 4.2. Mỗi quan hệ giữa các quốc gia Trung Đông với các cường quốc chủ yếu 4.3. Xu thế phát triển của quan hệ quốc tế ở Trung Đông 4.4. Quan hệ Trung Đông - Việt Nam	10) Phân tích được cơ sở hình thành và tình hình quan hệ quốc tế giữa các quốc gia Trung Đông với nhau; quan hệ với các cường quốc chủ yếu; và quan hệ với Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. 11) Đánh giá được vị trí của Trung Đông trong quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. 12) Phân tích được xu thế phát triển của quan hệ quốc tế ở Trung Đông	4	8	12

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}
Chương 1	T	T	U	U	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	U	U	T
Chương 4	T	T	U	U	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]: [4]: [11]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,3 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	1,2,3
Chương 2	[1]:	1) Học trên LMS:	4,5,6,7

	[3]: [4]:	- CDR của chương: 4 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 5, 6 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 7 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 8, 9 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	8,9,10,11
Chương 4	[1]: [6]: [2]: [7]: [3]: [8]: [4]: [9]:	1) Học trên lớp: - CDR của chương: 10, 11, 12 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp6}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp6}

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1 Chp2
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	Chp1 Chp2 Chp3 Chp4 Chp5 Chp6 Chp7
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	Chp1 Chp2 Chp3 Chp4 Chp5 Chp6 Chp7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC
Mã số: LS 569

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Một số tổ chức quốc tế và khu vực
- Tiếng Anh: Several International and Regional Organizations

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2.

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Thị Bích**

Học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0984.289.020

Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thị Nga**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0973025007; Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“Một số tổ chức quốc tế và khu vực” là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về tổ chức quốc tế và khu vực bao gồm: các khái niệm liên quan đến chuyên đề: toàn cầu hóa, khu vực hóa, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực. Tìm hiểu sự ra đời, mục đích, nguyên tắc hoạt động và những hoạt động chủ yếu của một số tổ chức tiêu biểu trên các lĩnh vực: chính trị (Hội Quốc Liên, Liên Hợp Quốc), quân sự - an ninh (NATO, Vacxava), kinh tế (WTO, APEC), tổ chức khu vực tiêu biểu (EU, ASEAN). Trên cơ sở những kiến thức trên, sinh viên có thể đưa ra đánh giá về vai trò, vị trí của các tổ chức quốc tế và khu vực trong đời sống chính trị thế giới. Từ đó, giúp sinh viên nâng cao nhận thức được về xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, giáo dục ý thức hội nhập quốc tế cho sinh viên.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{HP} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản, hệ thống về: khái niệm, sự ra đời, tôn chỉ mục đích, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức quốc tế, khu vực tiêu biểu.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{HP} 2	So sánh, đánh giá được vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các tổ chức trên trong đời sống chính trị quốc tế, trong đó có Việt Nam từ nhiều góc độ và nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{HP} 3	Vận dụng được những kiến thức về các tổ chức quốc tế và khu vực vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{HP} 4	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản và hệ thống về các khái niệm liên quan đến chuyên đề: toàn cầu hóa, khu vực hóa, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực. Tìm hiểu sự ra đời, mục đích, nguyên tắc hoạt động và những hoạt động chủ yếu của một số tổ chức tiêu biểu trên các lĩnh vực: chính trị (Hội Quốc Liên, Liên Hợp Quốc), quân sự - an ninh (NATO, Vacxava), kinh tế (WTO, APEC), tổ chức khu vực tiêu biểu (EU, ASEAN)	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các tổ chức trên trong đời sống chính trị quốc tế, trong đó có Việt Nam từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp2}
C _{hp3}	Vận dụng được những kiến thức về các tổ chức quốc tế và khu vực vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp3}
C _{hp4}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp4}
C _{hp5}	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập các tổ chức quốc tế và khu vực.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ quốc tế*. Hà Nội, Việt Nam: Đại học Sư phạm, 2010.

[2] Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2006.

6.2. Tham khảo

[3] Phùng Đăng Bách, *Vai trò của Việt Nam trong ASEAN*. Hà Nội: KHXH, 2007.

[4] Trần Lê Bảo, *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*. Hà Nội: Giáo dục, 2011.

[5] Nguyễn An Hà, *So sánh các mô hình liên kết khu vực - bài học cho ASEAN và gợi mở cho Việt Nam*. Hà Nội: KHXH, 2017.

[6] A. Hardy, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu 1990 - 2015*. Hà Nội: Thông tấn, 2015.

[7] Vũ Thụy Trang, *Liên minh kinh tế Á - Âu quá trình hình thành và phát triển*. Hà Nội: KHXH, 2018.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, TL	THọc, TNC
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA TOÀN CẦU VÀ CHỦ NGHĨA KHU VỰC 1.1. Toàn cầu hóa và sự phát triển của chủ nghĩa toàn cầu 1.1.1. Khái niệm, bản chất toàn cầu hóa 1.1.2. Biểu hiện của quá trình toàn cầu 1.1.3. Tác động của quá trình toàn cầu hóa 1.2. Tổ chức quốc tế và sự phát triển của các tổ chức quốc tế 1.2.1. Khái niệm tổ chức quốc tế 1.2.2. Lịch sử ra đời và phát triển của tổ chức quốc tế 1.2.3. Đặc điểm, vai trò của tổ chức quốc tế 1.3. Tổ chức khu vực và sự phát triển của các tổ chức khu vực 1.3.1. Khái niệm khu vực 1.3.2. Sự ra đời và phát triển của tổ chức khu vực	1. Trình bày được khái niệm, bản chất, biểu hiện và những tác động của quá trình toàn cầu hóa. 2. Trình bày được khái niệm “tổ chức quốc tế” (TCQT), phân loại tổ chức quốc tế, lịch sử hình thành và phát triển của tổ chức quốc tế. 3. Đánh giá được đặc điểm và vai trò, đóng góp của các TCQT hiện nay. 4. Phân tích được sự thay đổi trong cách hiểu khái niệm “khu vực”. 5. Hệ thống hóa được sự ra đời và phát triển của các tổ chức khu vực.	3	6	9
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ MANG TÍNH CHẤT TOÀN CẦU TIÊU BIỂU 2.1. Hội Quốc liên 2.1.1. Sự ra đời 2.1.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc hoạt động 2.1.3. Những hoạt động chủ yếu 2.2. Liên Hợp Quốc (UN)	6. Trình bày được hoàn cảnh ra đời, cơ cấu tổ chức, tôn chỉ mục đích của hai tổ chức Hội Quốc Liên và Liên Hợp Quốc. 7. Phân tích được những hoạt động chủ yếu của Hội Quốc Liên và Liên Hợp Quốc. 8. So sánh được những điểm giống và khác nhau giữa hai tổ chức Hội Quốc Liên và Liên Hợp Quốc.	3	6	9

2.2.1. Sự ra đời 2.2.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc hoạt động 2.2.3. Những hoạt động chủ yếu 2.2.4. Xu hướng cải tổ Liên Hợp Quốc. 2.2.5. Sự tham gia của Việt Nam trong tổ chức Liên Hợp Quốc.	9. Lý giải được nguyên nhân sụp đổ của Hội Quốc Liên và đánh giá được triển vọng phát triển của tổ chức Liên Hợp Quốc. 10. Liên hệ được quá trình gia nhập, hoạt động và những đóng góp của Việt Nam trong tổ chức Liên Hợp Quốc hiện nay.			
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ MANG TÍNH CHẤT AN NINH - CHÍNH TRỊ TIÊU BIỂU 3.1. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) 3.1.1. Sự ra đời 3.1.2. Nội dung Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương 3.1.3. Những hoạt động chủ yếu 3.2. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Vácava (WARSAW) 3.2.1. Sự ra đời 3.2.2. Nội dung hiệp ước Vácava 3.2.3. Những hoạt động chủ yếu	11. Trình bày được nguyên nhân ra đời, cơ cấu tổ chức và những hoạt động chủ yếu của tổ chức NATO và WARSAW 12. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích được vì sao NATO tồn tại và phát triển mạnh mẽ trong khi tổ chức đối trọng là Vacsava đã sụp đổ. 13. Đánh giá được triển vọng phát triển của tổ chức NATO, đặc biệt về vấn đề mở rộng NATO và những ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.	3	6	9
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC KINH TẾ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 4.1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) 4.1.1. Sự ra đời. 4.1.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động. 4.1.3. Những hoạt động chủ yếu. 4.2. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). 4.2.1. Sự ra đời. 4.2.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động. 4.2.3. Những hoạt động chủ yếu 4.3. Sự tham gia của Việt Nam trong một số tổ chức kinh tế tiêu biểu	14. Trình bày được sự ra đời, hoạt động và vai trò của tổ chức thương mại quốc tế WTO, 15. Trình bày được sự ra đời, mục đích và hoạt động của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).. 16. Phân tích được quá trình gia nhập, hoạt động và vai trò, đóng góp của Việt Nam trong mối quan hệ với các tổ chức thương mại trên.	2	4	6

CHƯƠNG 5. MỘT SỐ TỔ CHỨC KHU VỰC TIÊU BIỂU 5.1. Liên minh Châu Âu (EU) 5.1.1. Sự ra đời 5.1.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động 5.1.3. Những hoạt động chủ yếu 5.2. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) 5.2.1. Sự ra đời 5.2.2. Cơ cấu tổ chức, tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động 5.2.3. Những hoạt động chủ yếu 5.2.4. Việt Nam và ASEAN	17. Trình bày được sự ra đời, cơ cấu tổ chức, mục đích và những hoạt động chính của hai tổ chức EU, ASEAN. 18. So sánh được những điểm tương đồng và khác biệt trong mô hình phát triển của hai tổ chức khu vực EU và ASEAN. 19. Đánh giá được những khó khăn, cũng như triển vọng phát triển của EU, ASEAN. 20. Liên hệ sự tham gia, vai trò của Việt Nam trong tiến trình phát triển của tổ chức ASEAN hiện nay.	4	8	12

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{HP1}	C _{HP2}	C _{HP3}	C _{HP4}	C _{HP5}
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T
Chương 4	T	T	U	U	T
Chương 5	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]:tr.10-tr.49 [4]: tr.13-tr.61	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,2,5. - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3,4. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1,2,3
Chương 2	[2]: tr 66 - 76, tr 223-250 [2] tr.223-250	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 6,7 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 8,9,10	Tuần 4,5,6

		- Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3	[2]: tr.401-426 [3]: tr.2-tr.17	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 11 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12,13 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 7,8
Chương 4	[6] tr 98-tr.115 [7] tr.26 - tr.63	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 14,15 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 16 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	9,10,11
Chương 5	[3] tr.567- tr.605 [4]tr.48- tr.112 [5] tr.98- tr.115	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 17 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 18,19,20 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12,13,1 4,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

	Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4

		n cần và kiểm tra thườn g xuyên (a1)	gia các buổi học				
			Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
			Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1 Chp2, Chp3, Chp4,Chp5
	Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng hình thức thi trắc nghiệm	Chp1, Chp2, Chp3 Chp5

		Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng hình thức thi bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp4, Chp5 .

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS Nguyễn Văn Dũng

TS Nguyễn Thị Tuyết Nhung

TS Nguyễn Thị Bích

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI
Mã số: LS 570**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Chủ nghĩa tư bản hiện đại
- Tiếng Anh: A Modern Capitalism

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa Lịch sử, trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2.

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Thị Bích**

Học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0984.289.020

Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thị Nga**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0973025007; Email: nguyenthinga@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

“Chủ nghĩa tư bản hiện đại” là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản hiện đại trên các khía cạnh: các học thuyết nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ đầu thế kỷ XX đến thập niên đầu thế kỷ XXI; tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của một số nước/nhóm nước tư bản tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Tây Âu. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể nhận thức được quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, những biện pháp điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản khi đối phó với khủng hoảng để tồn tại và tiếp tục phát triển. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được tiềm năng cũng như những giới hạn của chủ nghĩa tư bản và dự đoán xu thế phát triển của chủ nghĩa tư bản trong tương lai.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về chủ nghĩa tư bản hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến những thập niên đầu thế kỷ XXI.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá khách quan được về đặc điểm, thành tựu, hạn chế và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại dựa nhiều nguồn tài liệu khác nhau.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng được những kiến thức về chủ nghĩa tư bản hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa tư bản hiện đại (thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI) bao gồm: các học thuyết nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ đầu thế kỷ XX đến	M _{hp1}

	thập niên đầu thế kỉ XXI; tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của một số nước/nhóm nước tư bản tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Tây Âu.	
C _{hp} 2	Phân tích, so sánh, đánh giá khách quan được về: đặc điểm, thành tựu, hạn chế và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại dựa nhiều nguồn tài liệu khác nhau.	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Vận dụng được những kiến thức về chủ nghĩa tư bản hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 5	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập chủ nghĩa tư bản hiện đại.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1]Nguyễn Thị Tuyết Nhung, *Tập bài giảng Chủ nghĩa tư bản hiện đại*. Hà Nội: ĐHSP Hà Nội 2, 2017.
- [2]Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2005.
- [3]Trần Thị Vinh, *Chủ nghĩa tư bản Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 - 2020)*. Hà Nội: Chính trị quốc gia , 2019.

6.2. Tham khảo

- [4]Phạm Thành Dung, *Lý luận chính trị, Quan hệ giữa ba trung tâm tư bản (Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu) sau chiến tranh Lạnh*. Hà Nội, 2004.
- [5]Vũ Hữu Ngoạn, Khổng Doãn Lợi, *Mấy vấn đề chủ nghĩa tư bản hiện đại*. Hà Nội: Chính trị quốc gia, 1993.
- [6]Lê Văn Sang, *Chủ nghĩa tư bản hiện đại, tập 3: Sự phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế*. Hà Nội: Chính trị quốc gia, 1995.
- [7]Lê Thị Thu, *Phân cực chính trị ở Mỹ hiện nay: Tình hình, nguyên nhân và tác động*. Hà Nội: KHXH, 2019.
- [8]Đình Công Tuấn, *Tác động của khủng hoảng nợ công tới thể chế kinh tế, chính trị của Liên minh châu Âu (EU)*. Hà Nội: KHXH, 2016.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, TL	THọc, TNC
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN 1. Học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển 1.2. Học thuyết của Mác - Lênin về chủ nghĩa tư bản 1.3. Lý thuyết của John Maynard Keynes về chủ nghĩa tư bản 1.4. Trường phái kinh tế Áo và chủ nghĩa tự do mới 1.5. Các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản	1.Trình bày được một số học thuyết về chủ nghĩa tư bản: kinh tế chính trị tư sản cổ điển, học thuyết của Mác-Lênin, Lý thuyết của John Maynard và Trường phái kinh tế Áo và chủ nghĩa tự do mới. 2.Phân tích được các mô hình phát triển của các nước tư bản. 3. So sánh được sự khác biệt giữa các mô hình đó.	3	6	9
CHƯƠNG 2. ĐỐI CHIẾU MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI 2.1. Về giai cấp tư sản và giai cấp vô sản 2.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 2.3. Lý luận về khủng hoảng trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản 2.4. Luận thuyết của Lê-nin về năm đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc	4.Trình bày được những biểu hiện mới, những hình thức phát triển mới trong sự phát triển của giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. 5.Khái quát được những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước. 6. Trình bày được quan điểm về khủng hoảng trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và rút ra những ví dụ từ thực tiễn của chủ nghĩa tư bản. 7. Phân tích được luận thuyết của Le-nin về 5 đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc. 8. Khái quát hóa được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại. 9. Đánh giá được những tiềm năng, những giới hạn của chủ nghĩa tư bản đế. Từ đó,	4	8	12

2.5. Những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại 2.6. Về triển vọng phát triển của chủ nghĩa tư bản	dự đoán được xu thế phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày nay.			
CHƯƠNG 3: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI. 3.1 Giai đoạn 1918 - 1945 3.2. Giai đoạn 1945 - 1973 3.3. Giai đoạn từ 1973 đến những năm đầu thế kỉ XXI	10. Phân tích được tiêu chí và nội dung các cách phân kì lịch sử CNTB thế kỷ XX. 11. Trình bày được những nội dung chính trong 3 giai đoạn phát triển của CNTB: 1918-1945; 1945-1973 và 1973 - đầu thế kỷ XXI. 12. Đánh giá được những đặc điểm của CNTB trong mỗi giai đoạn phát triển.	4	8	12
CHƯƠNG 4. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ YẾU TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI 4.1 Nước Mỹ thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỉ XXI 4.2 Nước Nhật thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỉ XXI. 4.3. Liên minh châu Âu (EU) trong thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI. 4.4. Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu	13. Trình bày được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước tư bản tiêu biểu: Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU) từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm đầu thế kỉ XXI. 14. Phân tích, đánh giá được những đặc trưng cơ bản của sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của Mỹ và Nhật Bản. 15. Đánh giá, liên hệ được ảnh hưởng, tác động của xu hướng toàn cầu hóa hiện nay của CNTB đối với sự phát triển của Việt Nam.	4	8	12

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}
Chương 1	T	T	U	U	T
Chương 2	T	T	U	U	T
Chương 3	T	T	U	U	T
Chương 4	T	T	U	U	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] [3] [5]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2,3. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1,2,3
Chương 2	[1] [3] [5] [6]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 4,8 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 5,6,7,9 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 4,5,6,7,
Chương 3	[1]: [2] [3] [5] [6]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 11 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: 10,12 - CDR của chương: 2,3. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 8,9,10, 11
Chương 4	[1] [3] [4] [7] [8]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 13 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: 14,15 - CDR của chương: 2,3. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 11,12, 13,14 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng hình thức bài tập lớn theo ngân hàng đề thi	Chp1, Chp2, Chp4 Chp5
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi vấn đáp theo ngân hàng đề thi	Chp1, Chp2, Chp3, Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Văn Dũng

TS Nguyễn Thị Tuyết Nhung

TS Nguyễn Thị Bích

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG
Mã số: TL501

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tâm lý học đại cương
- Tiếng Anh: Introduction to Psychology

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Tâm lý học.

Bộ môn Tâm lý - Giáo dục;

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Thị Vui

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại:

Email: nguyenthivui@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thanh Hà

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: 0368191978

Email: lethanhha@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Lê Thị Thanh Hà

Học hàm, học vị: ThS. GV
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: Email: lethithanhha@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.4. Giảng viên 4:

Họ tên: Nguyễn Đình Mạnh
Học hàm, học vị: TS. GVC
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: Email: nguyendinhmanh@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.5. Giảng viên 5:

Họ tên: Nguyễn Phụ Thông Thái
Học hàm, học vị: TS. GVC
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: Email: thaipt@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.6. Giảng viên 6:

Họ tên: Nguyễn Bảo Trung
Học hàm, học vị: ThS. GV
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: Email: nguyenbaotrung@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm và những quy luật chung của tâm lý và ý thức của con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan. Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lý lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học hiểu được tâm lý học là gì, sự hình thành và phát triển tâm lý, các hiện tượng, quy luật và cơ chế vận hành của các quy luật tâm lý người cùng với cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của các hiện tượng tâm lý.	
M _{hp2}	Người học hình thành được kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng chuẩn bị seminar theo yêu cầu của giảng viên, kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự học.	

M _{hp3}	Người học có thái độ tích cực trong hoạt động học tập trên lớp, trách nhiệm trong chuẩn bị bài ở nhà và hợp tác trong làm việc theo nhóm.	
M _{hp4}	Có kỹ năng học tập, nghiên cứu khoa học để trau dồi nhân cách, dần hình thành các phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên tương lai.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Áp dụng được hiểu biết về bản chất hiện tượng tâm lý người vào việc giải thích sự hình thành, phát triển, cũng như các biểu hiện của hiện tượng tâm lý cá nhân;	M _{hp1} , M _{hp2}
C _{hp2}	Đánh giá đúng vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý học sinh;	M _{hp1} , M _{hp2}
C _{hp3}	Hiểu được các tri thức cơ bản về hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, trí nhớ và nhân cách và ý nghĩa của tri thức tâm lý học đối với hoạt động sư phạm;	M _{hp1}
C _{hp4}	Áp dụng được các đặc điểm, quy luật tâm lý vào hoạt động sư phạm trong việc hình thành và phát triển tâm lý học sinh. (Đặc điểm của nhận thức; đặc điểm của nhân cách; Quy luật của cảm giác, tri giác; Quy luật về sự hình thành tình cảm;...)	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp5}	Liên kết được giữa kiến thức tâm lý học đại cương với việc giải thích các tình huống trong thực tiễn;	M _{hp2}
C _{hp6}	Thực hiện được các thao tác cơ bản trong nghiên cứu tâm lý;	M _{hp2} , M _{hp4}
C _{hp7}	Tuân thủ quy định của nhà trường, của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, trong tự học, tự rèn luyện để hình thành các phẩm chất đạo đức nhà giáo;	M _{hp3}
C _{hp8}	Có tinh thần chia sẻ, hợp tác và có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc cá nhân;	M _{hp3} , M _{hp4}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Giáo trình Tâm lý học đại cương, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017.

[2] Phan Trọng Ngọ, Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội, 2005. .

6.2. Tham khảo

[3] Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc, Hoạt động, Giao tiếp, Nhân cách, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.

[4] Tetsuko Kuroyanagi, Totto - Chan cô bé bên cửa sổ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2008.

[5] Trần Trọng Thủy (Chủ biên), Bài tập thực hành Tâm lý học, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1990.

[6] K. K. Platônôp, Tâm lý học (Tập 1), Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 2004.

[7] Lê Thị Bùng (chủ biên), Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn, Các thuộc tính điển hình của nhân cách, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học 1.2. Bản chất tâm lý người 1.3. Ý thức và sự hình thành ý thức cá nhân 1.4. Phân loại và chức năng của tâm lý 1.5. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý	Sau khi hoàn thành chương 1, sinh viên có thể: - Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người; - Hiểu được sự hình thành và phát triển ý thức; - Coi trọng tâm lý học như một khoa học không thể thiếu trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp.	2	4	10
Chương 2. Hoạt động và giao tiếp 2.1. Hoạt động 2.1.1. Khái niệm hoạt động 2.1.2. Cấu trúc của hoạt động 2.1.3. Phân loại hoạt động 2.2. Giao tiếp 2.2.1. Khái niệm giao tiếp 2.2.2. Phân loại giao tiếp 2.3. Quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp 2.4. Chú ý - điều kiện của hoạt động và giao tiếp	Sau khi hoàn thành chương 2, sinh viên có thể: - Đánh giá đúng vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển nhân cách; - Tổ chức phát triển bản thân thông qua hoạt động và giao tiếp, cùng với rèn luyện khả năng chú ý của bản thân;	2	4	10
Chương 3. Hoạt động nhận thức 3.1. Khái niệm hoạt động nhận thức 3.2. Nhận thức cảm tính 3.2.1. Khái niệm cảm giác và tri giác 3.2.2. Các quy luật cơ bản của cảm giác và tri giác 3.3. Nhận thức lý tính	Sau khi hoàn thành chương 3, sinh viên có thể: - Hiểu các khái niệm: nhận thức, nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính,	3	6	5

3.3.1. Tư duy 3.3.2. Tưởng tượng 3.4. Ngôn ngữ và hoạt động nhận thức	cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và ngôn ngữ; - Phân tích được mối quan hệ giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; - Vận dụng được các đặc điểm và quy luật của các quá trình nhận thức để giải thích các hiện tượng tâm lý;			
Chương 4. Tình cảm và ý chí 4.1. Tình cảm 4.1.1. Khái niệm tình cảm 4.1.2. Các mức độ và các loại tình cảm 4.2.3. Các quy luật của tình cảm 4.2. Ý chí 4.2.1. Khái niệm ý chí 4.2.2. Hành động ý chí 4.2.3. Hành động tự động hóa (Kỹ xảo và thói quen)	Sau khi hoàn thành chương 4, sinh viên có thể: - Hiểu được các khái niệm cơ bản của chương như: tình cảm, ý chí, hành động ý chí, hành động tự động hóa, kỹ xảo và thói quen; - Vận dụng các hiểu biết về tình cảm, ý chí, và các hành động tự động hóa để phân tích, giải thích được các hiện tượng tâm lý có liên quan; - Vận dụng kiến thức của chương 4 vào việc phát triển bản thân như giao tiếp ứng xử và các phẩm chất ý chí;	4	8	5
Chương 5. Trí nhớ 5.1. Khái niệm trí nhớ 5.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 5.3. Phân loại trí nhớ 5.4. Vai trò của trí nhớ	Sau khi hoàn thành chương 5, sinh viên có thể: - Phân tích được các quá trình cơ bản của trí nhớ; - Vận dụng kiến thức về trí nhớ trong việc nâng cao khả năng nhớ cho bản thân cũng như tổ chức phát triển trí nhớ cho học sinh;	2	4	10
Chương 6. Nhân cách 6.1. Khái niệm nhân cách 6.2. Cấu trúc nhân cách 6.3. Những thuộc tính cơ bản của nhân cách 6.3.1. Xu hướng và năng lực 6.3.2. Tính cách và khí chất 6.4. Sự hình thành và phát triển nhân	Sau khi hoàn thành chương 6, sinh viên có thể: - Hiểu được các khái niệm cơ bản của chương như: nhân cách, xu hướng, năng lực, tính cách, khí chất;	2	4	5

cách 6.4.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách 6.4.2. Những sai lệch trong sự phát triển nhân cách	- Hiểu được sự hình thành và phát triển nhân cách; - Đánh giá được vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách;			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần								Ghi chú
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}	C _{hp8}	
Chương 1	T	I	T	I	U	I	I	U	
Chương 2	I	T	U	T	I	I	I	U	
Chương 3	U	I	T	T	I	I	I	I	
Chương 4	U	I	T	I	U	I	T	T	
Chương 5	U	I	T	T	T	I	I	U	
Chương 6	T	T	I	U	I	I	U	I	

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] [2] [6]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	1-2
Chương 2	[1] [2] [3]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	3-4
Chương 3	[1] [2] [6]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	5-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 4	[1] [2] [7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	9-11
Chương 5	[1] [2]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học	12-14

	[6]	Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	
Chương 6	[1] [2] [3] [7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	15-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp7} , C _{hp8}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp7} , C _{hp8}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6} , C _{hp7} , C _{hp8}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi).	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
					do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 5, C _{hp} 6, C _{hp} 7, C _{hp} 8

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Tổ trưởng chuyên môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Lê Thanh Hà

Lê Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI VÀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM
Mã số: TL502

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm
- Tiếng Anh: Developmental Psychology and Pedagogy

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương; Những vấn đề chung về giáo dục học;

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ Tâm lý học

Bộ môn Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Thị Vui

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại:

Email: nguyenthivui@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thanh Hà

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: 0368191978

Email: lethanhha@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Lê Thị Thanh Hà

Học hàm, học vị: ThS. GV
 Chuyên ngành: Tâm lý học
 Điện thoại: Email: lethithanhha@hpu2.edu.vn
 Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.4. Giảng viên 4:

Họ tên: Nguyễn Đình Mạnh
 Học hàm, học vị: TS. GVC
 Chuyên ngành: Tâm lý học
 Điện thoại: Email: nguyendinhmanh@hpu2.edu.vn
 Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.5. Giảng viên 5:

Họ tên: Nguyễn Phụ Thông Thái
 Học hàm, học vị: TS. GVC
 Chuyên ngành: Tâm lý học
 Điện thoại: Email: thaip@hpu2.edu.vn
 Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.6. Giảng viên 6:

Họ tên: Nguyễn Bảo Trung
 Học hàm, học vị: ThS. GV
 Chuyên ngành: Tâm lý học
 Điện thoại: Email: nguyenbaotruong@hpu2.edu.vn
 Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, những quy luật tâm lý của các quá trình giảng dạy và giáo dục đối với học sinh; đồng thời hình thành tình cảm của sinh viên với nghề sư phạm thông qua hiểu biết về vai trò, vị trí và các yêu cầu phẩm chất, năng lực của người thầy giáo. Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Phương pháp giảng dạy môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học nắm được tri thức cơ bản về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, các lý thuyết tâm lý học trong dạy học và giáo dục, cơ sở tâm lý học của việc dạy học và giáo dục, đặc điểm lao động sư phạm và nhân cách người thầy giáo	
M _{hp2}	Người học liên hệ được cơ sở tâm lý học trong dạy học, trong giáo dục đối	

	với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách học sinh;	
M _{hp3}	Người học liên hệ được giữa kiến thức của học phần với việc tích cực tự tu dưỡng, rèn luyện nhân cách người thầy giáo đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông	
M _{hp4}	Người học phát triển các kỹ năng tự học tập tự chủ, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm; hình thành thói quen áp dụng tri thức đã học vào thực tiễn cuộc sống và rèn luyện bản thân.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Người học hiểu quan niệm đúng đắn về trẻ em, quan niệm về sự phát triển của trẻ em cùng các quy luật cơ bản của sự phát triển;	M _{hp1}
C _{hp2}	Người học hiểu được đặc trưng tâm lý lứa tuổi, cấu trúc tâm lý của hoạt động dạy, hoạt động học, đặc điểm nhân cách người thầy giáo;	M _{hp1}
C _{hp3}	Người học vận dụng được các lý thuyết tâm lý học trong học tập vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh;	M _{hp2}
C _{hp4}	Người học vận dụng được kiến thức tâm lý học lứa tuổi vào việc hiểu học sinh và có phương án phù hợp xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình dạy học và giáo dục;	M _{hp2}
C _{hp5}	Người học hiểu được mối quan hệ giữa dạy học, giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh để thấy được vai trò của người thầy giáo đối với sự phát triển của học sinh	M _{hp2}
C _{hp6}	Vận dụng tri thức của học phần để lập danh sách những phẩm chất, năng lực mà sinh viên sư phạm cần rèn luyện để trở thành một thầy giáo tốt trong tương lai;	M _{hp3}
C _{hp7}	Người học thể hiện được kỹ năng học tập tự chủ, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng trình bày trong quá	M _{hp4}

	trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu của học phần TLH2;	
C _{hp} 8	Tiếp thu những giá trị của nghề dạy học; hình thành tác phong sư phạm đáp ứng yêu cầu của người thầy giáo trong tương lai.	M _{hp} 3

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Lê Văn Hồng (chủ biên), Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.

6.2. Tham khảo

[2] Đỗ Thị Châu, Tình huống Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.

[3] Trần Trọng Thủy, Bài tập thực hành tâm lý học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990.

[4] Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2005.

[5] Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Giáo trình Các lý thuyết phát triển tâm lý người, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2008.

[6] Vũ Thị Nho, Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999.

[7] Platonov K. K, Tâm lý học vui, tập 1 và 2, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000.

[8] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 300 tình huống giao tiếp sư phạm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.

[9] Hồ Ngọc Đại, Tâm lý học dạy học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983.

[10] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa,	THo, TNC
Chương 1. Khái quát về Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm 1.2. Lý luận về sự phát triển tâm lý 1.3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Sau khi hoàn thành chương 1, sinh viên có thể: - Hiểu được khái niệm trẻ em; quan niệm đúng đắn về sự phát triển của trẻ em và các quy luật phát triển tâm lý của trẻ em; - Vận dụng kiến thức lý luận về sự phát triển	1	2	5

	của trẻ em vào việc dạy học và giáo dục học sinh;			
Chương 2. Các lý thuyết tâm lý học về dạy học và giáo dục 2.1. Tập trình điều kiện hóa từ kết quả (Operant Conditioning) của B. F. Skinner 2.2. Thuyết học tập xã hội của Bandura, Bronfrenbrenner 2.3. Thuyết văn hóa xã hội của Vygotsky 2.4. Thuyết đa trí tuệ của Gardner	Sau khi hoàn thành chương 2, sinh viên có thể: - Hiểu và vận dụng các lý thuyết tâm lý học về dạy học và giáo dục vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh;	2	4	10
Chương 3. Tâm lý học lứa tuổi 3.1. Đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS (thiếu niên) 3.1.1. Khái niệm về lứa tuổi thiếu niên 3.1.2. Những điều kiện phát triển tâm lý ở lứa tuổi thiếu niên 3.1.3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ ở lứa tuổi thiếu niên 3.1.4. Đặc điểm phát triển nhân cách lứa tuổi thiếu niên 3.2. Đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THPT (thanh niên học sinh) 3.2.1. Khái niệm về lứa tuổi thanh niên học sinh 3.2.2. Những điều kiện phát triển tâm lý lứa tuổi thanh niên học sinh 3.2.3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ ở lứa tuổi thanh niên học sinh 3.2.4. Đặc điểm phát triển nhân cách của lứa tuổi thanh niên học sinh	Sau khi hoàn thành chương 3, sinh viên có thể: - Nắm được những đặc trưng tâm lý của lứa tuổi học sinh để vận dụng vào quá trình dạy học và giáo dục; - Nắm được các điều kiện phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh để có thể tác động phù hợp nhằm tạo ra động lực cho sự phát triển của lứa tuổi; - Vận dụng đặc điểm hoạt động học tập của học sinh vào việc tạo ra động cơ học tập phù hợp;	4	8	10
Chương 4. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học 4.1. Khái niệm hoạt động học 4.2. Sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh trong	Sau khi hoàn thành chương 4, sinh viên có thể:	3	6	10

dạy học 4.3. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 4.4. Động cơ và hứng thú học tập	- Hiểu được ý nghĩa của hoạt động học đối với sự phát triển trí tuệ của học sinh; - Liên kết được bản chất của quá trình hình thành khái niệm, quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo với việc tổ chức hoạt động học cho học sinh; - Hiểu được ý nghĩa của động cơ và hứng thú học tập đối với hoạt động học của học sinh;			
Chương 5. Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục học sinh 5.1. Khái niệm đạo đức và hành vi đạo đức 5.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 5.3. Các con đường hoàn thiện đạo đức cho học sinh	Sau khi hoàn thành chương 5, sinh viên có thể: - Nắm được các khái niệm cơ bản như đạo đức, hành vi đạo đức, cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức, ... làm cơ sở cho việc rèn luyện đạo đức nhà giáo và đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; - Kết nối cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh;	3	6	5
Chương 6. Lao động sư phạm và nhân cách người thầy giáo 6.1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo 6.2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo 6.3. Phong cách sư phạm và sự hình thành uy tín của người thầy giáo 6.4. Các con đường hình thành nhân cách người thầy giáo	Sau khi hoàn thành chương 6, sinh viên có thể: - Nắm được đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo từ đó hiểu được ý nghĩa - Vận dụng kiến thức của chương 6 vào việc lập kế hoạch rèn luyện tác phong sư phạm, bồi dưỡng nhân cách người thầy giáo theo	2	4	5

	yêu cầu của thực tiễn giáo dục; - Đáp ứng những giá trị của nghề dạy học theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông;			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần							
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7	C _{hp} 8
Chương 1	T	I	I	T	I	I	I	I
Chương 2	I	I	T	T	I	I	T	I
Chương 3	I	T	U	T	T	I	I	I
Chương 4	I	I	I	T	T	I	U	I
Chương 5	U	U	U	T	U	T	U	T
Chương 6	I	I	U	I	U	T	I	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] [3] [6] [7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	1-2
Chương 2	[1] [5] [7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	3-4
Chương 3	[1] [2] [6]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	5-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 4	[1] [2]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học	9-11

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
	[8] [9]	Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	
Chương 5	[1] [2] [8]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	12-14
Chương 6	[1] [2] [10]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	15-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 8
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 7 C _{hp} 8

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} , C _{hp2} C _{hp3} , C _{hp4} C _{hp5} , C _{hp6} C _{hp7} , C _{hp8}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3} C _{hp4}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} , C _{hp2} C _{hp3} , C _{hp4} C _{hp5} , C _{hp6} C _{hp7} , C _{hp8}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Tổ trưởng chuyên môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Lê Thanh Hà

Lê Thanh Hà

Nguyễn Bảo Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC HỌC 1)
Mã số: GD501

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)
- Tiếng Anh: Pedagogy1

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ: Giáo dục học, Bộ môn: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh
Học hàm, học vị: GVC.TS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0916391228 Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Trần Thanh Tùng
Học hàm, học vị: GV.ThS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0976834355 Email: tranthanhtung@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững tri thức cơ bản về những vấn đề chung của giáo dục học: một khoa học về giáo dục con người; giáo dục với sự phát triển xã hội và phát triển cá nhân; mục đích và nguyên lý giáo dục; nghề dạy học và người giáo viên trong nhà trường.	
M _{hp2}	Có khả năng vận dụng những cơ sở chung của giáo dục học để thực hiện được đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong nhà mầm non, phổ thông;	
M _{hp3}	Hình thành ý thức trách nhiệm đối với nghề, không ngừng học tập, nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục của người giáo viên trong thời kì mới.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Phân tích được những tri thức nền tảng, cơ bản về những vấn đề chung của giáo dục học;	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được những cơ sở chung của giáo dục học để thực hiện được đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường mầm non, phổ thông;	M _{hp2}
C _{hp3}	Xác định rõ vai trò, giá trị của nghề dạy học đối với xã hội, không ngừng học tập, nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm;	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)- Phạm Khắc Chương – Phạm Viết Vượng – Nguyễn Văn Diện – Lê Trảng Định, Giáo trình giáo dục học tập 1, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016.

6.2. Tham khảo

[2] Nguyễn Sinh Huy (chủ biên) - Nguyễn Văn Lê, Giáo dục học đại cương I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1997.

[3] Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1987.

[4] Luật giáo dục và nghị định hướng dẫn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

[5] Hà Thế Ngữ, Giáo dục học một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004.

[6] Thái Duy Tuyên, Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1998.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa,	THo, TNC
Chương 1. Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1.1. Sự nảy sinh phát triển của giáo dục 1.1.2. Tính qui định của xã hội đối với giáo dục 1.1.3. Các chức năng xã hội của giáo dục 1.2. Giáo dục học là một khoa học 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.3. Các phạm trù cơ bản của Giáo dục học 1.2.4. Phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 1.2.5. Các chuyên ngành của Giáo dục học 1.2.6. Mối quan hệ giữa GDH với các khoa học khác	- Trình bày được tính quy định của xã hội đối với giáo dục; các chức năng xã hội của giáo dục; - Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của GDH - Phân tích và giải thích được mối quan hệ giữa các khái niệm cơ bản của giáo dục học và mối quan hệ với các ngành khoa học khác	3	6	10
Chương 2. Giáo dục và sự hình thành, phát triển nhân cách 2.1. Khái niệm con người, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách 2.1.1. Khái niệm con người 2.1.2. Khái niệm nhân cách 2.1.3. Khái niệm sự hình thành và phát triển nhân cách 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình	- Trình bày được khái niệm con người, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách, di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân	4	8	10

thành và phát triển nhân cách 2.2.1. Bẩm sinh - di truyền và sự phát triển nhân cách 2.2.2. Môi trường và sự phát triển nhân cách 2.2.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách 2.2.4. Hoạt động cá nhân và sự phát triển nhân cách	- Phân tích được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách - Trình bày được sự phát triển nhân cách các giai đoạn tuổi học và mô tả khái quát được một số phẩm chất con người Việt Nam cần giữ gìn, phát huy			
Chương 3. Mục đích, nhiệm vụ, nguyên lý giáo dục 3.1. Mục đích, mục tiêu giáo dục 3.1.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục 3.1.2. Mối quan hệ giữa mục đích và mục tiêu giáo dục 3.2. Mục đích và mục tiêu giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay 3.2.1. Mục đích giáo dục Việt Nam 3.2.2. Mục tiêu giáo dục Việt Nam 3.3. Các nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông 3.3.1. Giáo dục đạo đức - ý thức công dân 3.3.2. Giáo dục trí tuệ 3.3.3. Giáo dục thể chất và quốc phòng 3.3.4. Giáo dục lao động - hướng nghiệp 3.3.5. Giáo dục thẩm mỹ 3.4. Nguyên lý giáo dục	- Trình bày được khái niệm mục đích, mục tiêu và nguyên lý giáo dục; - Phân tích được mục tiêu giáo dục tổng quát của giáo dục Việt Nam hiện nay; - Phân tích được các nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở cập nhật các xu hướng và thay đổi của giáo dục. - Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong thực tiễn dạy học và giáo dục.	3	6	10
Chương 4. Người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường Việt Nam	- Phân tích được các đặc điểm của lao động sư phạm	3	6	10

4.1. Vị trí vai trò, nhiệm vụ và chức năng của người giáo viên trong nhà trường. 4.2. Các đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên trong trường học. 4.3. Những yêu cầu đối với người giáo viên trong nhà trường Việt Nam	- Phân tích được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người GV - Yêu người và có trách nhiệm với nghề			
Chương 5. Công tác quản lý nhà trường 5.1. Hệ thống giáo dục quốc dân 5.1.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân. 5.1.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. 5.1.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. 5.2. Người hiệu trưởng và công tác quản lý của người hiệu trưởng.	- Phân tích được hệ thống giáo dục quốc dân - Đánh giá được vai trò của hiệu trưởng trong nhà trường.	2	4	5

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}
Chương 1	T	T	T
Chương 2	T	T	T
Chương 3	T	T	T
Chương 4	T	T	T
Chương 5	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet...	1-3
Chương 2	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet...	4-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 3	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học.	9-11

		Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet...	
Chương 4	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet...	12-14
Chương 5	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet...	15-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. *Thang điểm đánh giá:* 10 (100%)

8.2. *Phương thức đánh giá*

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp3}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp3}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận, theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi viết trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Trần Thanh Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ LUẬN DẠY HỌC VÀ LÝ LUẬN GIÁO DỤC
Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (GIÁO DỤC HỌC 2)
(Dành cho đào tạo giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông)
Mã số: GD502

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (Giáo dục học 2)

- Tiếng Anh: Pedagogy2

1.2. Thuộc khối kiến thức:

☐ Giáo dục đại cương

☐ Giáo dục chuyên ngành

☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành

☐ Chuyên ngành

☒ Nghiệp vụ sư phạm

☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

☒ Bắt buộc

☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết

- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết

- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần:

Tổ : Giáo dục học; Bộ môn: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0916391228

Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Ngô Thị Trang

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0977270782

Email: ngothitrang@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững tri thức nền tảng, cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và công tác chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông	
M _{hp2}	Có năng lực vận dụng tri thức cơ bản của học phần để thực hiện hiệu quả dạy học bộ môn, tổ chức các hoạt động giáo dục và công tác chủ nhiệm lớp.	
M _{hp3}	Hình thành tình cảm, trách nhiệm đối với nghề, không ngừng học tập, nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục của người giáo viên trong thời kì mới.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Phân tích được những tri thức nền tảng, cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và công tác chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được tri thức nền tảng, cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục để thực hiện hiệu quả công tác dạy học bộ môn và tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	M _{hp2}
C _{hp3}	Thực hiện hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông (Tìm hiểu, phối hợp, tư vấn, hỗ trợ sự phát triển học sinh)	M _{hp2}
C _{hp4}	Yêu và có trách nhiệm đối với nghề; thấy được ý nghĩa, sự cần thiết của việc yêu người (học sinh) trong quá trình dạy học, giáo dục học sinh.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Trần Tuyết Oanh (chủ biên)- Phạm Khắc Chương – Phạm Viết Vượng – Nguyễn Văn Diện – Lê Trang Định, Giáo trình giáo dục học tập 1, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016.

[2] Trần Tuyết Oanh (chủ biên)- Phạm Khắc Chương – Phạm Viết Vượng – Nguyễn Văn Diện – Lê Trảng Định, Giáo trình giáo dục học tập 2, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016.

6.2. Tham khảo

[3] Hà Nhật Thăng (chủ biên) – Nguyễn Đức Quang – Lê Thanh Sử - Nguyễn Thị Kỳ, Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.

[4] Nguyễn Sinh Huy (chủ biên) – Nguyễn Văn Lê, Giáo dục học đại cương I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1997.

[5] Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1987.

[6] Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, Giáo dục học tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1988.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, Tl	THo, TNC
Chương 1: Những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học 1.1. Quá trình dạy học 1.1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình dạy học 1.1.2. Các nhiệm vụ của quá trình dạy học 1.1.3. Bản chất của quá trình dạy học 1.1.4. Động lực của quá trình dạy học 1.1.5. Logic của quá trình dạy học 1.2. Nguyên tắc dạy học 1.2.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 1.2.2. Hệ thống nguyên tắc dạy học 1.3. Phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học 1.3.1. Phương pháp dạy học 1.3.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực 1.4. Hình thức tổ chức dạy học 1.4.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học 1.4.2. Các hình thức tổ chức dạy học	- Trình bày được khái niệm, cấu trúc, bản chất, nhiệm vụ, động lực, logic của quá trình dạy học; - Trình bày được hệ thống nguyên tắc dạy học; - Trình bày được các thành phần và nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học; - Phân tích được hệ thống các phương pháp dạy học; - Giải thích được tại sao trong QTDH giáo viên phải phối hợp các PPDH với nhau; - Phân biệt được các hình thức tổ chức dạy học; - Xây dựng được tiến trình dạy học cho một bài lên lớp; - Thực hiện một tiết dạy với nội dung phù hợp với chuyên ngành đào tạo;	7	14	15

1.5. Đổi mới hoạt động dạy học ở trường phổ thông 1.5.1. Dạy học tích hợp liên môn 1.5.2. Dạy học phân hóa				
Chương 2: Những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục 2.1. Quá trình giáo dục 2.1.1. Khái niệm về quá trình giáo dục 2.1.2. Bản chất của quá trình giáo dục 2.1.3. Đặc điểm của quá trình giáo dục 2.1.4. Động lực, lôgic của quá trình giáo dục 2.2. Nguyên tắc giáo dục 2.2.1. Khái niệm nguyên tắc giáo dục 2.2.2. Hệ thống nguyên tắc giáo dục 2.3. Phương pháp giáo dục 2.3.1. Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân về các chuẩn mực xã hội 2.3.2. Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động nhằm hình thành kinh nghiệm ứng xử xã hội 2.3.3. Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi của đối tượng giáo dục	- Trình bày được khái niệm, cấu trúc, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; - Trình bày được hệ thống nguyên tắc giáo dục; - Phân tích được các điều kiện để phối hợp các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục; - Vận dụng được những tri thức lý luận giáo dục trong thiết kế kế hoạch giáo dục học sinh; - Tổ chức một hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	5	10	15
Chương 3. Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông 3.1. Vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên trong nhà trường 3.1.1. Vị trí, vai trò 3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ 3.2. Nội dung công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	- Phân tích được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người GVCN lớp; - Phân tích được các chức năng và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp; - Đánh giá được vai trò của người GVCN trong công tác giáo dục học sinh; - Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.	3	6	15

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần

	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T	T	T
Chương 2	T	T	T	T
Chương 3	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet.	1-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 2	[1],[2],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet.	9-13
Chương 3	[1],[2],[3],[4],[5],[6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet.	14-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp4}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp4}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3} C _{hp4}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận, theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1} C _{hp2}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi viết trắc nghiệm (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3} C _{hp4}

Trưởng Bộ môn

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020
Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Ngô Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
LÝ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ
Mã số: LS573

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lý luận dạy học Lịch sử
- Tiếng Anh: History teaching theory

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số lượng tín chỉ: 02

1.5. Số tiết quy chuẩn: 45

- Giờ lý thuyết: 15 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 45 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.1. Học phần tiên quyết: Nhập môn Sử học và phương pháp luận sử học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: **Phan Thị Thúy Châm**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0987.054.303 Email : phanthithuycham@hpu2.edu.vn
- Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Thông tin giảng viên thứ 2

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0979330042 Email: hoangnga102009@gmail.com
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Mô tả môn học

Lý luận dạy học lịch sử là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: nhận thức được các khái niệm cơ bản; trình bày được nguyên tắc xây dựng chương trình và những nội dung cơ bản của chương trình môn lịch sử ở trường trung học hiện nay; Mục tiêu môn lịch sử ở trường trung học; Vai trò và cấu tạo của sách giáo khoa lịch sử hiện hành; chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường trung học; các biện pháp hình thành tri thức lịch sử cho học sinh; nội dung và biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học lịch sử ở trường trung học.

Mối quan hệ với các học phần khác: Môn Lý luận dạy học Lịch sử là cơ sở, tiền đề để sinh viên tiếp cận hệ thống các PPDHLS và các hình thức kiểm tra đánh giá.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức khái quát về PPDHLS: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, PPNC; mục tiêu môn Lịch sử ở trường trung học; vai trò, ý nghĩa, cấu tạo, ưu điểm và nhược điểm của SGK Lịch sử; chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường trung học.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành kỹ năng cơ bản trong việc lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy từng bài, từng phần, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	C6: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân xác định mục tiêu cho một bài học cụ thể trong chương trình Lịch sử ở trường trung học. Đồng thời xác định được các biện pháp sư phạm nhằm hình thành tri thức lịch sử trong DHLS ở trường trung học, các biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học lịch sử ở trường trung học.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	- Trình bày được khái niệm PPDHLS, chức năng,	M _{hp1}

	nhiệm vụ, đối tượng và PPNC.	Trang bị cho người học những kiến thức khái quát về PPDHLS: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, PPNC; mục tiêu môn Lịch sử ở trường trung học; vai trò, ý nghĩa, cấu tạo, ưu điểm và nhược điểm của SGK Lịch sử; chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường trung học
Chp ²	- Trình bày được mục tiêu chung của môn học về kiến thức, kỹ năng, thái độ.	
Chp ³	- Phân tích được vai trò và cấu tạo của sách giáo khoa lịch sử.	
Chp ⁴	- Trình bày được chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường trung học	
Chp ⁵	- Sử dụng được các phương tiện trực quan, phương tiện công nghệ đặc thù của bộ môn.	M _{hp} ² Hình thành kỹ năng cơ bản trong việc lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy từng bài, từng phần, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.
Chp ⁶	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm hoặc hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ một cách độc lập	M _{hp} ³ Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân xác định mục tiêu cho một bài học cụ thể trong chương trình Lịch sử ở trường trung học. Đồng thời xác định được các biện pháp sư phạm nhằm hình thành tri thức lịch sử trong DHLS ở trường trung học; các biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học lịch sử ở trường trung học.

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc

- [1] Vũ Quang Hiền, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường Trung học phổ thông, Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội, 2014.
- [2] Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị, Phương pháp dạy học Lịch sử, Hà Nội: Giáo dục, 1998.
- [3] Phan Ngọc Liên, Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 1, Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002.
- [4] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử, Hà Nội: Giáo dục, 2019.

6.2 Học liệu tham khảo

- [5] N.G.Đairi, Chuẩn bị giờ học Lịch sử như thế nào, Hà Nội: Giáo dục, 1985.

[6] Nguyễn Thị Côi (chủ biên), Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử, Hà Nội: Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.

[7] Thái Duy Tuyên, Những vấn đề cơ bản giáo dục hiện đại, Hà Nội : Giáo dục, 1999.

7. Nội dung học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG 1: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ LÀ MỘT KHOA HỌC 1.1. Lý thuyết về phương pháp dạy học lịch sử 1.1.1. Phương pháp dạy học Lịch sử là một khoa học 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.1.3. Chức năng, nhiệm vụ 1.1.4. Nội dung cơ bản 1.1.5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 1.2. Sơ lược lịch sử phát triển bộ môn PPDH Lịch sử 1.2.1. Một số nước trên thế giới 1.2.2. Việt Nam	1) Trình bày được khái niệm phương pháp, phương pháp dạy học lịch. 2) Chứng minh được phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học. 3) Khái quát được các giai đoạn chủ yếu của hoạt động dạy học Lịch sử trên thế giới và Việt Nam.	03	04	08
CHƯƠNG 2: MÔN LỊCH SỬ VIỆT NAM Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 2.1. Vài nét về việc dạy học Lịch sử ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945 2.1.1. Truyền thống giáo dục Lịch sử Việt Nam 2.1.2. Thời phong kiến độc lập 2.1.3. Thời Pháp thuộc 2.2. Việc dạy học từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 2.2.1. Thời kỳ 1945 - 1950 2.2.2. Thời kỳ 1950 - 1954 2.2.3. Thời kỳ 1954 - 1975	4) Nhận thức được các nguyên tắc xây dựng chương trình và những nội dung cơ bản của chương trình môn lịch sử ở trường trung học hiện nay. 5) Trình bày được mục tiêu chung của môn học về kiến thức, kỹ năng, thái độ. 6) Xác định được mục tiêu cụ thể cho một bài học trong chương trình môn lịch sử ở trường trung học.	03	08	10

2.2.4. Từ 1975 đến nay 2.3. Chương trình lịch sử hiện hành 2.3.1. Nguyên tắc xây dựng chương trình 2.3.2. Nội dung cơ bản các loại chương trình THCS, THPT, THPT 2.4. Sách giáo khoa Lịch sử 2.4.1. Khái niệm về sách giáo khoa Lịch sử 2.4.2. Vị trí, ý nghĩa của sách giáo khoa Lịch sử 2.4.3. Cấu tạo sách giáo khoa lịch sử 2.4.4. Nguyên tắc biên soạn SGK 2.4.5. Nội dung cơ bản các SGK Lịch sử trường trung học hiện nay	7) Phân tích được vai trò, ý nghĩa và cấu tạo của sách giáo khoa lịch sử hiện hành. 8) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của SGK Lịch sử hiện hành.			
CHƯƠNG 3: CHỨC NĂNG GIÁO DỤC CỦA BỘ MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 3.1. Môn lịch sử với việc giáo dục thế hệ trẻ 3.1.1. Ý nghĩa của việc giáo dục qua dạy học Lịch sử 3.1.2. Đặc điểm, sở trường của bộ môn 3.2. Nội dung cơ bản của việc giáo dục qua môn Lịch sử 3.2.1. Quan điểm tư tưởng cách mạng 3.2.2. Truyền thống dân tộc 3.2.3. Đạo đức, phẩm chất, tình cảm 3.3. Những nguyên tắc và biện pháp 3.3.1. Các nguyên tắc cơ bản về một phương pháp luận và thực tiễn 3.3.2. Các biện pháp sư phạm	9) Nêu được ý nghĩa giáo dục qua dạy học bộ môn Lịch sử. 10) Chứng minh được môn Lịch sử có sở trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ. 11) Trình bày được nội dung cơ bản của việc giáo dục qua môn Lịch sử. 12) Phân tích được những nguyên tắc và biện pháp sư phạm giáo dục qua môn Lịch sử.	03	04	08
Chương 4. HÌNH THÀNH TRI THỨC LỊCH SỬ CHO HỌC SINH 4.1. Một số vấn đề chung 4.1.1. Quan niệm về tri thức lịch sử 4.1.2. Đặc điểm của tri thức lịch sử 4.1.3. Vai trò, ý nghĩa của việc hình thành tri thức lịch sử cho học sinh 4.2. Cung cấp sự kiện và tạo biểu tượng lịch sử 4.2.1. Cung cấp sự kiện	13) Phân biệt được “tri thức lịch sử” và “kiến thức lịch sử”. 14) Nêu được đặc điểm của tri thức lịch sử; vai trò, ý nghĩa của việc hình thành tri thức lịch sử cho học sinh. 15) Trình bày được các biện pháp sư phạm nhằm	03	08	10

4.2.2. Tạo biểu tượng lịch sử 4.3. Hình thành khái niệm lịch sử 4.3.1. Định nghĩa và phân loại: khái niệm lịch sử 4.3.2. Vai trò của việc hình thành khái niệm lịch sử 4.3.3. Con đường hình thành khái niệm lịch sử 4.4. Nêu quy luật và bài học lịch sử 4.4.1. Vai trò của việc nêu quy luật và bài học lịch sử 4.4.2. Yêu cầu sư phạm khi nêu quy luật và bài học lịch sử	cung cấp kiến thức và tạo biểu tượng lịch sử. Lấy được ví dụ cụ thể qua một nội dung tự chọn ở trường trung học . 16) Nêu được định nghĩa và phân loại khái niệm lịch sử. 17) Trình bày được con đường hình thành khái niệm lịch sử; Lấy được ví dụ cụ thể qua một nội dung tự chọn ở trường trung học. 18) Nêu được vai trò và yêu cầu sư phạm của việc nêu quy luật và bài học lịch sử.			
CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC VÀ THỰC HÀNH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 5.1. Môn Lịch sử với việc phát triển năng lực tư duy và thực hành cho học sinh 5.1.1. Ý nghĩa 5.1.2. Đặc trưng, sở trường 5.2. Phát triển năng lực nhận thức 5.2.1. Đặc điểm năng lực nhận thức 5.2.2. Nội dung của năng lực nhận thức trong dạy học Lịch sử 5.2.3. Nguyên tắc và con đường phát triển nhận thức trong dạy học Lịch sử 5.3. Rèn luyện năng lực thực hành 5.3.1. Quan niệm 5.3.2. Ý nghĩa 5.3.3. Nội dung cơ bản của việc thực hành trong dạy học lịch sử 5.3.4. Con đường, biện pháp sư phạm trong việc rèn luyện năng lực thực hành trong dạy học Lịch sử	19) Trình bày được ý nghĩa, đặc trưng và sở trường của môn Lịch sử với việc phát triển năng lực tư duy và thực hành cho HS. 20) Trình bày được nội dung và biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học lịch sử ở trường trung học.	03	06	09

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp} ¹	C _{hp} ²	C _{hp} ³	C _{hp} ⁴	C _{hp} ⁵	C _{hp} ⁶
Chương 1	T				U	U
Chương 2		T	T		T	U
Chương 3		T	T	T	T	U
Chương 4		T	T	T	T	U
Chương 5		T			T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr. 15-tr.23 [3]: tr.11-tr.39	Hình thức: dạy trên lớp. Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 1,2,3
Chương 2	[1]: tr25-tr.41 [2]: tr41-102	Hình thức: dạy trên lớp. Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 4,5,6
Chương 3	[2]:tr.204-tr.235	Hình thức: dạy trên lớp. Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 7,8,9
Chương 4	[2]: tr138-169	Hình thức: dạy trên lớp. Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 10,11,12
Chương 5	[2]: tr171-203	Hình thức: dạy trên lớp. Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0	Tuần 13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4,

	kiểm tra thường xuyên (a1)					Chp5 Chp6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3,
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5 Chp6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Bài tập lớn	Chp3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi viết theo ngân hàng đề thi	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Phan Thị Thúy Châm

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã số: LS574

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường trung học
- Tiếng Anh: The teaching methods of History in high schools

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số lượng tín chỉ: 03

1.5. Số tiết quy chuẩn: 60

- Giờ lý thuyết: 30 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 75 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.1. Học phần tiên quyết: Nhập môn Sử học và phương pháp luận sử học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Đặng Thị Thuỳ Dung**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0975.01.9494 Email: dangthithuydung@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Mô tả học phần

Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức trọng tâm về: hệ thống khái niệm và quy trình triển khai các phương pháp khác nhau trong dạy học lịch sử ở trường trung học; các yếu tố chi phối việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng môn học; các biện pháp hướng dẫn học sinh phương pháp học môn Lịch sử. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, môn học giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt đề rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành dạy học sử dụng hệ thống phương pháp DH LS ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
Mhp ¹	Vận dụng được các phương pháp dạy học khác nhau trong dạy học môn Lịch sử ở trường trung học	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp} ²	Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp} ³	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về hệ thống phương pháp dạy học	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} ¹	- Trình bày được khái niệm các phương pháp dạy học Lịch sử ở trường TRUNG HỌC;	M _{hp} ¹ Vận dụng được các phương pháp dạy học khác nhau trong dạy học môn Lịch sử ở trường trung học
Ch _p ²	- Phân tích được các yếu tố chi phối việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng môn học	
C _{hp} ³	- Sử dụng được các phương pháp dạy học linh hoạt trong dạy học môn Lịch sử ở trường TRUNG HỌC;	
C _{hp} ⁴	- Thiết kế được kế hoạch bài dạy môn lịch sử sử dụng các PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS	
C _{hp} ⁵	- Sử dụng được các phương tiện trực quan, phương tiện công nghệ đặc thù của bộ môn.	M _{hp} ² Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
C _{hp} ⁶	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm hoặc hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ một cách độc lập	M _{hp} ³ Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về hệ thống phương pháp dạy học

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

1. Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (cb). (2019). *Phát triển năng lực trong môn Lịch sử 6 - 9*. Giáo dục.
2. Nguyễn Thị Côi. (2006). *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*. ĐHSP.
3. Nguyễn Thị Côi,. (2000.). *Kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường THPT*. Hà Nội: ĐHQG, .
4. Phan Ngọc Liên (Chủ biên). (2009.). *Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2, .* NXB Đại học Sư phạm,.
5. Vũ Quang Hiền, Hoàng Thanh Tú. (2014). *Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT*. ĐHQGHN,.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). , *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, . (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.

6.2. Tham khảo

8. Nguyễn Thị Côi. (2006). *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*. ĐHSP.
9. Nguyễn Thị Côi,. (2000.). *Kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường THPT*. Hà Nội: ĐHQG, .
10. N.G.Đairi,. (1973). *Chuẩn bị bài học lịch sử như thế nào*. Hà Nội: Giáo dục.
11. Tô Xuân Giáp. (1998). *Phương tiện dạy học*. Giáo dục.

7. Nội dung học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT 1.1. Khái niệm PPDH LS 1.2. Cơ sở phân loại hệ thống PPDH LS 1.3. Hệ thống PPDH LS 1.4. Thực tế sử dụng PPDHLS ở trường trung học	1) Trình bày được khái niệm PPDHLS. 2) Nhận biết được cơ sở phân chia phương pháp dạy học LS 3) Liệt kê được hệ thống phương pháp DHLS cơ bản và thực tế sử dụng PPDHL ở trường PT	03	02	7
Chương 2: NHÓM PHƯƠNG PHÁP TÌM HIỂU LỊCH SỬ 2.1. Phương pháp dùng lời 2.1.1. Miêu tả 2.1.2. Kể chuyện 2.1.3. Nêu đặc điểm của sự kiện và nhân vật lịch sử 2.1.4. Giải thích 2.1.5. Diễn giảng 2.1.6. Ưu điểm và nhược điểm của nhóm phương pháp dùng lời 2.2. Phương pháp trực quan 2.2.1. Phương pháp sử dụng bản đồ, biểu đồ, niên biểu 2.2.2. Phương pháp sử dụng tranh ảnh, phim tư liệu lịch sử	4) Trình bày được khái niệm các phương pháp dạy học trong nhóm PP tìm hiểu lịch sử. 5) Phân tích được ưu - nhược điểm của từng loại PPDH 6) Trình bày được quy trình, cách thức sử dụng của từng loại phương pháp tìm hiểu lịch sử 7) Sử dụng được linh hoạt nhóm PP tìm hiểu lịch sử trong DH. 8) Sử dụng được các phương tiện trực quan, phương tiện công nghệ đặc thù của bộ môn.	07	08	18

2.2.3. Phương pháp sử dụng sa bàn, hiện vật lịch sử 2.2.4. Phương pháp sử dụng bảng viết và một số phương tiện công nghệ hỗ trợ 2.2.5. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong việc sử dụng phương pháp trực quan 2.3. Phương pháp sơ đồ hoá 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Quy trình thiết kế và sử dụng sơ đồ hóa trong dạy học lịch sử				
Chương 3: NHÓM PHƯƠNG PHÁP NHẬN THỨC, TƯ DUY LỊCH SỬ 3.1. Phương pháp sử dụng sách giáo khoa lịch sử 3.1.1. Sử dụng sơ đồ Đại-ri trong thiết kế bài dạy 3.1.2. Hướng dẫn học sinh sử dụng SGK trong học tập lịch sử 3.1.3. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong việc sử dụng SGK lịch sử 3.2. Phương pháp sử dụng tài liệu tham khảo <i>3.2.1. Phương pháp sử dụng tài liệu lịch sử</i> 3.2.1.1. Phân loại tài liệu lịch sử 3.2.1.2. Các trường hợp sử dụng tài liệu lịch sử 3.2.1.3. Hướng dẫn học sinh sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử trong học tập 3.2.1.4. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong việc sử dụng tài liệu lịch sử <i>3.2.2. Phương pháp sử dụng tài liệu văn học</i> 3.2.2.1. Các loại tài liệu văn học 3.2.2.2. Các trường hợp sử dụng tài liệu văn học trong dạy học lịch sử 3.2.2.3. Hướng dẫn học sinh sưu tầm và sử dụng tài liệu văn học trong học tập lịch sử 3.2.2.4. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong việc sử dụng tài liệu văn học <i>3.2.3. Phương pháp sử dụng tài liệu trên mạng Internet</i>	9) Trình bày được khái niệm các phương pháp dạy học trong nhóm PP nhận thức và tư duy lịch sử 10) Phân tích được ưu - nhược điểm của từng loại PPDH 11) Trình bày được quy trình, cách thức sử dụng của từng loại phương pháp nhận thức và tư duy lịch sử 12) Sử dụng được linh hoạt nhóm PP tìm hiểu lịch sử trong DH.	10	10	25

3.2.3.1. Vai trò của việc sử dụng tài liệu trên mạng Internet trong dạy học lịch sử 3.2.3.2. Hướng dẫn học sinh khai thác và sử dụng nguồn tài liệu trên mạng Internet trong học tập lịch sử 3.2.3.3. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh 3.3. Phương pháp sử dụng câu hỏi, bài tập lịch sử 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Phương pháp sử dụng câu hỏi, bài tập lịch sử 3.3.2. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong phương pháp sử dụng các câu hỏi, bài tập lịch sử 3.4. Phương pháp thảo luận nhóm 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Quy trình triển khai phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học lịch sử 3.4.3. Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học lịch sử 3.4.4. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh trong phương pháp thảo luận nhóm. 3.5. Phương pháp tranh biện 3.5.1. Khái niệm 3.5.2. Quy trình triển khai				
Chương 4. NHÓM PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG 4.1. Phương pháp trải nghiệm 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Quy trình, phương pháp trải nghiệm trong dạy học lịch sử 4.2.1. Khái quát về phương pháp dạy học tích hợp 4.2.2. Vận dụng dạy học tích hợp trong dạy học Lịch sử 4.3. Dạy học dự án 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Quy trình thiết kế dự án và quy trình tiến hành dạy học dự án trong môn Lịch sử 4.4. Dạy học nêu và giải quyết vấn đề 4.4.1. Khái niệm	13) Trình bày được khái niệm các phương pháp dạy học trong nhóm PP vận dụng kiến thức, kĩ năng. 14) Phân tích được ưu - nhược điểm của từng loại PPDH 15) Trình bày được quy trình, cách thức sử dụng của từng loại phương pháp vận dụng kiến thức kĩ năng 16) Sử dụng được linh hoạt nhóm PP tìm hiểu lịch sử trong DH.	10	10	25

4.4.2. Quy trình xây dựng và giải quyết tình huống có vấn đề 4.5. Phương pháp đóng vai 4.5.1. Khái niệm 4.5.2. Quy trình xây dựng kịch bản đóng vai và quy trình sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học lịch sử. 4.6. Phương pháp tự học lịch sử 4.6.1. Khái niệm 4.6.2. Hướng dẫn tự học phù hợp với kiểu học và phong cách học của học sinh				

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp} ¹	C _{hp} ²	C _{hp} ³	C _{hp} ⁴	C _{hp} ⁵	C _{hp} ⁶
Chương 1	T	T				U
Chương 2	T	T	T	T	T	U
Chương 3	T	T	T	T	T	U
Chương 4	T	T	T	T	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr.9 -28, [2]:tr.15-24	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2
Chương 2	[1]:tr. 38 - 61; [2]:tr. 52-91, [3]: tr.8 -23.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, ... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 3-6
Chương 3	[1]:tr.213 - 252 [2]:tr. 91- 117.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 7- 10
Chương 4	[2]:tr. 118-168 ,	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, dự án.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 11 - 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5 Chp6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3,
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5 Chp6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Dự án của môn học	, Chp3, Chp6

	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Chọn một trong hai hình thức sau: + Thi viết (tự luận, theo ngân hàng đề thi); + Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Ninh Thị Hạnh

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã môn học: LS575

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học
- Tiếng Anh: The organizational forms of History teaching in high schools

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Chu Ngọc Quỳnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại : 0983.286.693 Email : chungocquynh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: hệ thống khái niệm, quy trình triển khai và vị trí, vai trò của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học (dạy học trên lớp, dạy học ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa); các tiêu chí phân loại và đặc điểm của từng loại bài học trong môn Lịch sử; các biện pháp hướng dẫn học sinh học môn Lịch sử phù hợp với loại bài. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, môn học giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: tổ chức triển khai bài học Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa cho học sinh ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, các bước tiến hành, ưu/nhược điểm của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học và vận dụng được những kiến thức đó vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học Lịch sử ở trường trung học.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để xây dựng kế hoạch bài dạy cho một bài học trên lớp, ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa và hình thức dạy học sử dụng Internet nhằm phát triển năng lực cho HS ở trường trung học.	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp3}	Sử dụng được các thiết bị, công nghệ để xây dựng kế hoạch và triển khai bài dạy Lịch sử trên lớp, ngoài lớp, chương trình ngoại khóa và dạy học sử dụng Internet cho HS ở trường trung học.	C5. Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp4}	Sử dụng được các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để thiết kế các công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tiến trình tổ chức bài dạy Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp, chương trình ngoại	C6. Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong

	khóa và dạy học sử dụng Internet cho HS ở trường trung học.	quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được khái niệm các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học (dạy học trên lớp, dạy học ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa Lịch sử, dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp).	M _{hp1} Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, các bước tiến hành, ưu/nhược điểm của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học và vận dụng được những kiến thức đó vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học Lịch sử ở trường trung học.
C _{hp2}	Nêu được các bước tiến hành bài học Lịch sử ở trên lớp theo định hướng phát triển năng lực, dạy học ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa, dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp.	
C _{hp3}	Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học.	
C _{hp4}	Xây dựng được kế hoạch tổ chức dạy học một bài/chủ đề Lịch sử cho học sinh trung học theo hình thức tự chọn.	
C _{hp5}	Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để xây dựng và triển khai kế hoạch bài dạy cho một bài học Lịch sử trên lớp, ngoài lớp, chủ đề ngoại khóa Lịch sử, dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp.	M _{hp2} Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để xây dựng kế hoạch bài dạy cho một bài học trên lớp, ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa và hình thức dạy học sử dụng Internet nhằm phát triển năng lực cho HS ở trường trung học.
C _{hp6}	Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ thiết kế và triển khai kế hoạch dạy học trên lớp, bài dạy Lịch sử ngoài lớp, hoạt động ngoại khóa, dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp.	M _{hp3} Sử dụng được các thiết bị, công nghệ để xây dựng kế hoạch và triển khai bài dạy Lịch sử trên lớp, ngoài lớp, chương trình ngoại khóa và dạy học sử dụng Internet cho HS ở trường trung học.
C _{hp7}	Sử dụng được các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để xây dựng kế hoạch dạy học cho một bài/chủ đề Lịch sử theo hình thức tự chọn.	M _{hp4} Sử dụng được các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để thiết kế

		các công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tiến trình tổ chức bài dạy Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp, chương trình ngoại khóa và dạy học sử dụng Internet cho HS ở trường trung học.

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 2, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.
- [2] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm., 2006.
- [3] Vũ Quang Hiển, Hoàng Thanh Tú , Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [4] Ninh Thị Hạnh , *Thiết kế và sử dụng học liệu điện tử trong dạy học Lịch sử lớp 10 ở trường trung học phổ thông, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục*, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2019.
- [5] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), *Phát triển năng lực trong môn Lịch sử lớp 6,7,8,9*, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.

6.2. Tham khảo

- [6] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2008.
- [7] Nguyễn Thị Kim Thành (Chủ biên), *Bảo tàng, di tích nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học Lịch sử cho học sinh phổ thông*, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2014.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC TRÊN LỚP (BÀI HỌC TRÊN LỚP) 1.1. Khái niệm về bài học Lịch sử trên lớp 1.2. Chuẩn bị bài học Lịch sử trên lớp 1.3. Tiến hành bài học Lịch sử ở trên lớp (Thực hiện giáo án trên lớp)	1) Trình bày được các khái niệm bài học Lịch sử; kế hoạch bài dạy (giáo án). 2) Nêu được các bước tiến hành bài học Lịch sử trên lớp theo định hướng phát triển năng lực.	8	8	20

	3) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của hình thức tổ chức dạy học Lịch sử trên lớp ở trường trung học. 4) Xây dựng được kế hoạch bài dạy cho một bài học Lịch sử và triển khai, đánh giá cải tiến bài dạy đó.			
Chương 2. DẠY HỌC LỊCH SỬ NGOÀI LỚP 2.1. Khái niệm 2.2. Một số hình thức dạy học Lịch sử ngoài lớp 2.3. Quy trình tổ chức dạy học Lịch sử ngoài lớp	5) Trình bày được khái niệm dạy học Lịch sử ngoài lớp. 6) Kể tên được các hình thức dạy học Lịch sử ngoài lớp. 7) Nêu được các bước tiến hành bài học Lịch sử ngoài lớp. 8) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của dạy học Lịch sử ngoài lớp. 9) Xây dựng được kế hoạch tổ chức dạy học một bài Lịch sử ngoài lớp cho học sinh trung học.	7	7	17
Chương 3: HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ 3.1. Khái niệm 3.2. Các hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa Lịch sử ở trường trung học 3.3. Quy trình tổ chức dạy học Lịch sử ngoài lớp	10) Trình bày được khái niệm hoạt động ngoại khóa trong dạy học Lịch sử. 11) Liệt kê được các hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa Lịch sử ở trường trung học. 12) So sánh được điểm giống và khác nhau giữa dạy học Lịch sử ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa Lịch sử. 13) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của hoạt động ngoại khóa	7	7	18

	trong dạy học Lịch sử ở trường trung học. 14) Xây dựng và tổ chức được chương trình hoạt động ngoại khóa Lịch sử cho học sinh ở trường trung học.			
Chương 4: HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC SỬ DỤNG INTERNET 4.1. Dạy học trực tuyến 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Quy trình tổ chức dạy học trực tuyến 4.2. Dạy học kết hợp 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Quy trình tổ chức dạy học kết hợp	15) Trình bày được khái niệm dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp. 16) Nêu được các bước tiến hành tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp. 17) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của hình thức tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp. 18) Xây dựng được kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp cho một bài/chủ đề trong chương trình Lịch sử ở trường trung học.	8	8	20

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp} ¹	C _{hp} ²	C _{hp} ³	C _{hp} ⁴	C _{hp} ⁵	C _{hp} ⁶	C _{hp} ⁷
Chương 1	T	T	T	TU	IU	IU	IU
Chương 2	T	T	T	TU	IU	IU	IU
Chương 3	T	T	T	TU	IU	IU	IU
Chương 4	T	T	T	TU	IU	IU	IU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]:tr.81-tr.156 [2]:tr.31-tr.54 [3]:tr.169, 188-206	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, thực hành đóng vai, trực quan, tự học Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2,3,4

Chương 2	[2]:tr.117 [3]:tr.170- tr.178	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, thực hành đóng vai, trực quan, tự học Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 5,6,7
Chương 3	[1]:tr.195- tr.259 [2]:tr.129- tr.139 [3]:tr.178- tr.180	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, thực hành đóng vai, trực quan, tự học Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 8,9,10,11
Chương 4	[4]	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp, thực hành đóng vai, trực quan, tự học Phương tiện: máy chiếu, máy tính	12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Chọn một trong hai phương thức: + Thi viết, tự luận theo ngân hàng đề thi; + Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Chu Ngọc Quỳnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở
TRƯỜNG TRUNG HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
Mã môn học: LS308

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực

- Tiếng Anh: Assessment in teaching history at high schools according to the orientation of capacity development

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
 - Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
 - Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
 - Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 086 888 5186 Email: hoangthinga@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Kiểm tra, đánh giá trong DHLS ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá năng lực giáo dục nói chung và trong hoạt động dạy học nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu của môn học, bài học, xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực... làm cơ sở cho một quy trình đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này giúp GV và HS không những đánh giá, tự đánh giá kết quả của quá trình dạy học, mà còn giúp thu thập các thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học để đạt được mục tiêu dạy học phát triển năng lực một cách tốt nhất. Ngoài ra môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực. Môn học có mối quan hệ với các môn thuộc khối ngành nghiệp vụ như: Lý luận dạy học Lịch sử, Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục, trình bày được vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá trong dạy học môn Lịch sử ở trường trung học	C4: Áp dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, lý luận và phương pháp dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục Lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học nhận biết được hệ thống năng lực của HS có thể đánh giá qua các hình thức KTĐG của môn Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học sinh	C5: Vận dụng được các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử ở trường THPT để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp3}	Người học vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong đánh giá, cách xây dựng các công cụ kiểm tra, đánh giá của môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực thường xuyên và định kỳ.	C7. Vận dụng được kiến thức về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục để kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực của học sinh phổ thông.
M _{hp4}	Người học thực hành sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để thiết kế các công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh	C6. Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông

	giá tiến trình tổ chức bài dạy Lịch sử ở trên lớp	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được khái niệm cơ bản: năng lực, KTĐG theo năng lực	M _{hp1} Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục, trình bày được vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá trong dạy học môn Lịch sử ở trường trung học
C _{hp2}	Nêu được các nguyên tắc kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực	
C _{hp3}	Trình bày được mục đích kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực	
C _{hp4}	Nêu được hệ thống các năng lực chung và năng lực chuyên biệt của môn học Lịch sử	M _{hp2} Người học nhận biết được hệ thống năng lực của HS có thể đánh giá qua các hình thức KTĐG của môn Lịch sử theo hướng phát triển năng lực học sinh
C _{hp5}	Phân tích được các năng lực chuyên biệt của môn học Lịch sử. Xây dựng được mục tiêu môn học, bài học làm cơ sở cho hoạt động đánh giá.	
C _{hp6}	Xây dựng hệ thống minh chứng của từng năng lực cụ thể	
C _{hp7}	Nhận biết được các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực. Phân tích được ưu nhược điểm của từng phương pháp, công cụ	M _{hp3} Người học vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong đánh giá, cách xây dựng các công cụ kiểm tra, đánh giá của môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực thường xuyên và định kỳ.
C _{hp8}	Xây dựng kết hoạch, tổ chức đánh giá người học qua các phương pháp, công cụ cụ thể	
C _{hp9}	Thiết kế được qui trình đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng phát triển năng lực.	
C _{hp10}	Lập được hồ sơ và lưu trữ hồ sơ trong việc theo dõi tiến bộ của học sinh. Từ đó lập được kế hoạch đánh giá cải tiến. Lập được các tiêu chí đánh giá DH theo dự án và đánh giá Hồ sơ người học.	
C _{hp11}	Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin Canva, Kahoot, Google Forms, ma trận...để hỗ trợ thiết kế và xây dựng được các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận phong phú. Thiết lập được ma trận đề thi.	M _{hp4} Người học thực hành sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để thiết kế các công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tiến trình tổ chức bài dạy Lịch sử ở trên lớp

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình phổ thông tổng thể, Hà Nội, 2018.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình môn Lịch sử THPT, Hà Nội, 2018.
- [3] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006.
- [4] Lê Đức Ngọc, Bài giảng: Đo lường đánh giá trong giáo dục, Hà Nội: Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục, 2000.
- [5] Dương Thiệu Tống, Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập, Hà Nội: Khoa học xã hội, 2005..
- [6] Nguyễn Thị Phương Hoa, Pisa và những vấn đề của giáo dục Việt Nam, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2015.
- [7] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn lịch sử lớp 6,7,8,9, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.

6.2. Tham khảo

- [8] Phan Trọng Ngọ, Dạy - học và phương pháp dạy học trong nhà trường, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2005.
- [9] Nguyễn Thị Côi, Trần Bá Đệ, Hướng dẫn ôn tập và làm bài thi môn Lịch sử, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
- [10] Lâm Quang Thiệp, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [11] Nguyễn Công Khanh, Đánh giá và đo lường trong KHXH, Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2004..
- [12] Trần Bá Hoành, Đánh giá trong giáo dục, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 1998.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DHLS Ở TRUNG HỌC 1.1. Khái niệm kiểm tra đánh giá 1.2. Nguyên tắc kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực	1) Trình bày được khái niệm cơ bản: năng lực, KTĐG theo năng lực 2) Nêu được các nguyên tắc kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực 3) Trình bày được mục đích kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực	3	4	8

1.3. Mục đích kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực				
Chương 2. HỆ THỐNG NĂNG LỰC CỦA HS CÓ THỂ ĐÁNH GIÁ QUA HÌNH THỨC KTĐG THEO NĂNG LỰC 2.1. Năng lực chung 2.2. Năng lực chuyên biệt của môn Lịch sử	4) Nêu được hệ thống các năng lực chung và năng lực chuyên biệt của môn học Lịch sử 5) Phân tích được các năng lực chuyên biệt của môn học Lịch sử. Xây dựng được mục tiêu môn học, bài học làm cơ sở cho hoạt động đánh giá. 6) Xây dựng hệ thống minh chứng của từng năng lực cụ thể	2	6	7
Chương 3: PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TRONG DHLS Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 3.1. Qua các câu hỏi, bài tập lịch sử 3.2. Qua dự án học tập 3.3. Qua hồ sơ học tập 3.4. Qua thang năng lực	7) Nhận biết được các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực. Phân tích được ưu nhược điểm của từng phương pháp, công cụ 8) Xây dựng kế hoạch, tổ chức đánh giá người học qua các phương pháp, công cụ cụ thể 9) Thiết kế được qui trình đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng phát triển năng lực. 10) Lập được hồ sơ và lưu trữ hồ sơ trong việc theo dõi tiến bộ của học sinh. Từ đó lập được kế hoạch đánh giá cải tiến. Lập được các tiêu chí đánh giá DH theo dự án và đánh giá Hồ sơ người học. 11) Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin Canva, Kahoot, Google Forms, ma trận...để hỗ trợ thiết kế và xây dựng được các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận phong phú. Thiết lập được ma trận đề thi	10	20	30

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần										
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7	C _{hp} 8	C _{hp} 9	C _{hp} 10	C _{hp} 11
Chương 1	T	T	T								
Chương 2				T	T, U	T					
Chương 3							T	T	T,U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[3]:tr. [4]:tr. [5]:tr. [6]:tr.	Hình thức: dạy trên lớp, LMS Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2,3,4
Chương 2	[1]:tr. [2]:tr. [3]:tr. [7]:tr.	Hình thức: dạy trên lớp, LMS Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp, trực quan Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 5,6, 7,8
Chương 3	[3]:tr. [6]:tr. [8]:tr. [9]:tr. [10]:tr. [12]:tr.	Hình thức: dạy trên lớp, LMS Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp, đóng vai, trực quan Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 9,10,11,12, 13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 1 - C _{hp} 11
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 1- C _{hp} 11

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1- C _{hp} 11
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Bài tập lớn	C _{hp} 4 C _{hp} 5
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Chọn một trong hai phương thức: + Thi viết: tự luận, theo ngân hàng đề thi. + Bài tập lớn Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định	C _{hp} 1- C _{hp} 11

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Hoàng Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG MÔN LỊCH SỬ
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã số: LS305

1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Kĩ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học.
- Tiếng Anh: Teaching techniques in History at high schools

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số lượng tín chỉ: 02

1.5. Số tiết quy chuẩn: 45

- Giờ lý thuyết: 15 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 45 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học Lịch sử

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Thông tin giảng viên 1

- Họ và tên: **Phan Thị Thúy Châm**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0987.054.303 Email : phanthithuycham@hpu2.edu.vn
- Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Thông tin giảng viên thứ 2

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0979330042 Email: hoangnga102009@gmail.com

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Mô tả môn học

Kỹ thuật dạy học Lịch sử là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: khái niệm, đặc trưng, các loại kỹ thuật dạy học và yêu cầu khi vận dụng các kỹ thuật trong dạy học Lịch sử; quy trình triển khai các kỹ thuật; ưu điểm và nhược điểm của một số kỹ thuật dạy học môn Lịch sử. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành lựa chọn và sử dụng các kỹ thuật trong dạy học môn Lịch sử trường THPT; đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

Mối quan hệ với các môn học khác: Môn Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn LS ở trường THPT có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần phương pháp.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật dạy học tích cực trong môn lịch sử: khái niệm, yêu cầu, quy trình, ưu và nhược điểm.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về các kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm..

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} ¹	- Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa của KTDCTC trong môn LS ở trường trung học.	M _{hp1} Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật dạy học tích cực trong môn lịch sử: khái niệm,
Ch _p ²	- Nêu được những yêu cầu cơ bản khi vận dụng các kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử.	

C _{hp3}	- Nêu được quy trình triển khai một số kỹ thuật dạy học Lịch sử hiệu quả vào giảng dạy ở trường trung học;	yêu cầu, quy trình, ưu và nhược điểm.
C _{hp4}	- Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của các kỹ thuật dạy học hiệu quả môn Lịch sử ở trường trung học;	
C _{hp5}	- Vận dụng được các kỹ thuật dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	M _{hp2} Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.
C _{hp6}	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm hoặc hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ một cách độc lập	M _{hp3} Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về các kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường trung học

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Vũ Quang Hiến, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường Trung học phổ thông, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 1, 2, Hà Nội: Đại học sư phạm, 2009.
- [3] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử, Hà Nội: Giáo dục, 2019.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt - Bỉ và dạy học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, Hà Nội: Đại học sư phạm.
- [5] Đinh Văn Tiến, Ulrich Lipp, Cẩm nang phương pháp sư phạm, Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2011.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử, Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018.

6.2 Tham khảo

- [8] Nguyễn Thị Côi (chủ biên), Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử, Hà Nội: Đại học sư phạm, 2009.
- [9] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Đổi mới nội dung phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học sư phạm, 2005.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KỸ THUẬT DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ 1. Khái niệm kỹ thuật dạy học 2. Đặc trưng của kiến thức Lịch sử ở trường trung học 3. Các loại kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và cách thức triển khai 4. Yêu cầu khi vận dụng các kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử	1. Trình bày được khái niệm kỹ thuật dạy học. 2. Kể tên được các loại kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và cách thức triển khai các kỹ thuật đó. 3. Nêu được những yêu cầu cơ bản khi vận dụng các kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử. 4. Phân tích được những đặc trưng của kiến thức Lịch sử ở trường trung học. 5. Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của việc vận dụng các kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử.	6	10	17
Chương II: VẬN DỤNG HIỆU QUẢ CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 2.1 Một số kỹ thuật khởi động 2.1.1. Kỹ thuật K-W-L - H 2.1.2. Kỹ thuật See-Think-Wonder 2.1.3 Kỹ thuật Chat Talk 2.2. Một số kỹ thuật triển khai bài dạy môn LS 2.2.1. Kỹ thuật trình bày bảng 2.2.2. Kỹ thuật thuyết trình 2.2.3. Kỹ thuật triển khai hoạt động nhóm 2.2.3.1. Kỹ thuật bể cá, ổ bi 2.2.3.2. Kỹ thuật mảnh ghép 2.2.3.3. Kỹ thuật khăn phủ bàn	1. Trình bày được quy trình triển khai một số kỹ thuật dạy học Lịch sử hiệu quả vào giảng dạy ở trường trung học 2. Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của các kỹ thuật dạy học hiệu quả môn Lịch sử ở trường trung học 3. Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hành các kỹ thuật dạy học trong các bài học cụ thể của	9	20	28

2.2.3.4. Kỹ thuật XYZ 2.2.3.5. Kỹ thuật 3 lần 3 2.2.4. Kỹ thuật đặt câu hỏi và phản hồi thông tin 2.3. Một số kỹ thuật luyện tập, củng cố. 2.3.1. Kỹ thuật Color- Symbol - Image (CSI) 2.3.2. Kỹ thuật công não	chương trình Lịch sử trung học 4. Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp} ¹	C _{hp} ²	C _{hp} ³	C _{hp} ⁴	C _{hp} ⁵	C _{hp} ⁶
Chương 1	T	T	T	T		U
Chương 2		T	T	T	T	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
CHƯƠNG I	[1]: tr.15- tr.34 [2]:tr.103- tr.137 [4]:tr11-40 [5]:tr5-12	- Hình thức: dạy trên lớp. - Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm. - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 1,2,3,4,5,6
CHƯƠNG II	[5]: tr.13 - tr.60 [4]:tr45-79	- Hình thức: dạy trên lớp. - Phương pháp: vấn đáp, trực quan, Thực hành, thảo luận nhóm. - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 7,8,9,10,11,12,13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4,

	kiểm tra thường xuyên (a1)					Chp5 Chp6
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3,
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5 Chp6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Bài tập lớn	Chp5
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi viết theo ngân hàng đề thi	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Phan T. Thúy Châm

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ
GIÁO DỤC LỊCH SỬ
Mã số LS306

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử và giáo dục Lịch sử
- Tiếng Anh: Methods study Science and Teaching History

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: không

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp Dạy học Lịch sử và tổ Lịch sử
Thế giới, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Thông tin giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Vinh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Điện thoại : 0986935409 Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Thông tin giảng viên thứ 2

- Họ và tên: **Đặng Thị Thùy Dung**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại : 0975019494 Email: dangthithuydung@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần:

Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Môn học sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng môn học và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức khái quát về khái niệm, ý nghĩa, các loại hình NCKHLS và NCKHGD. Trên cơ sở đó hiểu được cấu trúc và quy trình tiến hành các công trình NCKHLS và KHGD	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành những kỹ năng cơ bản để xác định vấn đề NC, xây dựng đề cương NC, viết các công trình NC dưới dạng báo cáo khoa học. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong quá trình thu thập và xử lý thông tin phù hợp với mục đích NC	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp3}	Góp phần hình thành thái độ khách quan, trung thực và nghiêm túc trong quá trình NC. Tích cực vận dụng những thành quả NC vào đổi mới quá trình dạy học.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp4}	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc của nghiên cứu khoa học lịch sử và khoa học giáo dục.	M _{hp1}
C _{hp2}	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, phân loại được các phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử và khoa học giáo dục.	
C _{hp3}	Giới thiệu được quy trình nghiên cứu một đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử và khoa học giáo dục.	M _{hp2}
C _{hp4}	Xử lý, phân tích và trình bày được kết quả nghiên cứu đề tài khoa học lịch sử và KHGD	
C _{hp5}	Xác định được những vấn đề về khoa học lịch sử và KHGD có thể nghiên cứu và có tính ứng dụng cao trong DHLS	M _{hp3}
C _{hp6}	Thực hiện được một bản đề cương nghiên cứu chi tiết thể hiện sự nghiêm túc và trung thực trong nghiên cứu khoa học lịch sử và KHGD	M _{hp4}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Hà Nội: Khoa học Kỹ thuật, 1999.
- [2] Phạm Viết Vượng, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.
- [3] Phạm Viết Vượng, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: giáo trình dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Lưu Xuân Mới, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2003.
- [5] Phạm Phúc Vĩnh, Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử, Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2015.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1.1. Nghiên cứu khoa học 1.1.1. Khoa học và nghiên cứu khoa học 1.1.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.1.3. Các loại hình nghiên cứu khoa học 1.1.4. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học 1.2. Đề tài nghiên cứu khoa học 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Yêu cầu đối với một đề tài khoa học 1.2.3. Phân loại đề tài khoa học 1.2.4. Nội dung cơ bản của một đề tài khoa học 1.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Đặc điểm của phương pháp nghiên cứu. 1.2.3. Phân loại phương pháp nghiên cứu 1.2.4 Một số phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học lịch sử 1.2.4.1. Phương pháp lịch sử - logic 1.2.4.2. Phương pháp điền dã 1.2.4.3. Phương pháp so sánh lịch sử 1.2.4.3. Phương pháp phê bình sử liệu 1.3. Một số phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học lí luận và phương pháp dạy - học lịch sử 1.3.1. Phương pháp thực nghiệm sư phạm 1.3.2. Phương pháp điều tra xã hội học	1) Trình bày được khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học. 2) Nêu được đặc điểm của nghiên cứu khoa học và các loại hình nghiên cứu khoa học 3) Trình bày được khái niệm đề tài nghiên cứu khoa học 4) Nêu được yêu cầu của một đề tài nghiên cứu khoa học. 5) Trình bày được phân loại đề tài và nội dung của một đề tài khoa học 6) Trình bày được khái niệm và đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học 7) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học lịch sử 8) Sử dụng được một phương pháp cụ thể để giải quyết một vấn đề của khoa học lịch sử	3	4	8
Chương 2. CÁC BƯỚC NGHIÊN CỨU VÀ TRÌNH BÀY MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ 2.1. Các bước cơ bản trong quá trình nghiên cứu khoa học lịch sử 2.1.1. Chọn đề tài 2.2.2. Đặt tên đề tài 2.1.3. Lập thư mục và tìm tài liệu	9) Trình bày được các bước cơ bản để tiến hành nghiên cứu khoa học lịch sử 10) Trình bày được những quy định cụ thể khi trình bày một công trình nghiên cứu khoa học	3	4	8

2.1.4. Viết phiếu tư liệu 2.1.5. Điều chỉnh, thay đổi đề tài (nếu có) và lập đề cương nghiên cứu 2.1.6. Trình đề cương cho người hướng dẫn để xin ý kiến, điều chỉnh 2.1.7. Tiến hành nghiên cứu và viết đề tài 2.2. Những quy định khi trình bày một công trình nghiên cứu khoa học 2.2.1. Những quy định chung - Hình thức trình bày - Văn phong - Trích dẫn khoa học và cách trích dẫn - Cách sắp xếp tài liệu tham khảo 2.2.2. Cách thức trình bày tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học 2.2.3. Quy định đối với một bài báo khoa học	11) Sử dụng được lý thuyết của chương này vào thực hành một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.			
Chương 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC HỌC 3.1. Một số khái niệm về khu vực học 3.1.1. Đối tượng nghiên cứu. 3.1.2. Khái niệm về văn hoá, văn minh. 3.1.3. Vùng và phân vùng văn hoá. 3.1.4. Phương pháp liên ngành 3.2. Vài nét về lịch sử nghiên cứu khu vực trên thế giới. 3.2.1. Những nhân tố thúc đẩy sự hình thành nghiên cứu khu vực. 3.2.2. Nghiên cứu khu vực ở Mỹ trước và trong chiến tranh thế giới thứ II. 3.2.3. Nghiên cứu khu vực học sau CTTG II. 3.2.4. Bối cảnh nghiên cứu khu vực thời hậu chiến tranh. 3.3. Một số thành tựu và triển vọng nghiên cứu khu vực học ở Việt Nam. 3.3.1. Nhu cầu nghiên cứu khu vực học ở Việt Nam. 3.3.2. Một số thành tựu nghiên cứu Việt Nam từ góc độ nghiên cứu khu vực học. 3.3.3. Triển vọng phát triển nghiên cứu khu vực học ở Việt Nam.	12) Trình bày được khái niệm khu vực học 13) Trình bày được hoàn cảnh ra đời ngành nghiên cứu khu vực học 14) Trình bày được sự phát triển của ngành khu vực học (các giai đoạn phát triển, đặc điểm của mỗi giai đoạn) 15) Trình bày được một số thành tựu, triển vọng trong nghiên cứu khu vực học ở Việt Nam. 16) Áp dụng được lý thuyết khu vực học vào nghiên cứu một trường hợp cụ thể.	3	4	8
Chương 4. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC	17) Nêu được khái niệm, phân loại, nguyên tắc và đặc điểm NCKH, NCKHGD.	3	4	8

4.1. Nghiên cứu khoa học giáo dục (NCKHGD) 4.1.1. Khái niệm NCKHGD 4.1.2. Nhiệm vụ của NCKHGD 4.1.3. Nguyên tắc cơ bản trong NCKHGD 4.2. Phương pháp nghiên cứu Khoa học Giáo dục (PPNCKHGD) 4.2.1. Khái niệm PPNCKHGD 4.2.2. Đặc điểm của PPNCKHGD 4.2.3. Phân loại PPNCKHGD 4.2.4. Kỹ thuật triển khai nghiên cứu, thập dữ liệu, thông tin	18) Phân tích vai trò của NCKHGD đối với yêu cầu đổi mới và phát triển của Giáo dục. 19) Xác định được nhóm PPNC trong 1 đề tài NCKHGD cụ thể. 20) Đánh giá được sự phù hợp của các PPNC được sử dụng trong một đề tài NC cụ thể.			
Chương 5. QUY TRÌNH TIẾN HÀNH MỘT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC 5.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 5.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu 5.2.1. Xác định tên đề tài 5.2.2. Xác định lí do chọn đề tài 5.2.3. Xác định mục đích nghiên cứu 5.2.4. Xác định khách thể, đối tượng nghiên cứu 5.2.5. Xác định giả thuyết khoa học 5.2.6. Xác định nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu 5.2.7. Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài 5.2.8. Xác định phương pháp nghiên cứu và các kỹ thuật thu thập thông tin 5.2.9. Kết quả dự kiến và hướng nghiên cứu tiếp theo (nếu có) 5.2.10. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu 5.2.11. Xây dựng cấu trúc báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài	21) Nêu được các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu. 22) Trình bày được các bước xây dựng đề cương nghiên cứu. 23) Trình bày các yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu: Ngôn ngữ, bố cục, đánh chương mục, tài liệu tham khảo, trích dẫn. 24) Xây dựng được đề cương nghiên cứu cho một đề tài cụ thể. 25) Viết được bản tóm tắt báo cáo cho một đề tài cụ thể. 26) Đánh giá được đề cương NCKH của một đề tài cụ thể.	2	5	6
Chương 6. XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 6.1. Phân loại và xử lý thông tin 6.1.1. Thông tin định tính 6.1.2. Thông tin định lượng 6.2. Trình bày kết quả nghiên cứu (viết báo cáo) 6.2.1. Ngôn ngữ của báo cáo 6.2.2. Bố cục của báo cáo 6.2.3. Đánh số chương, mục của báo cáo 6.2.4. Trình bày tài liệu tham khảo 6.2.5. Trích dẫn khoa học trong báo cáo 6.2.6. Viết tóm tắt báo cáo	27) Nêu dấu hiệu nhận biết hai loại thông tin. 28). Nêu được các bước xử lý thông tin định tính, định lượng. 29). Trình bày được các yêu cầu khi phân tích kết quả. 30). Xử lý được kết quả định tính và định lượng cho một đề tài cụ thể. 31) Phân tích được kết quả đã xử lý cho một đề tài cụ thể.	1	7	5

6.3. Một số hình thức báo cáo nghiên cứu khoa học 6.3.1. Bài tập lớn 6.3.2. Báo cáo khoa học 6.3.3. Bài báo khoa học 6.3.4. Khóa luận tốt nghiệp	32) Sử dụng được một số phần mềm xử lý số liệu: Excel, SPSS, Mode 33). Trình bày được mẫu của bài tập lớn, báo cáo khoa học, bài báo khoa học, Khóa luận tốt nghiệp. 34). Nêu được các yêu cầu khi trình bày một báo cáo khoa học 35). Viết và trình bày được một bài báo khoa học.			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	T	T	T	T
Chương 2	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U
Chương 3	T	T	T	T	T	T
Chương 4	I	T			I	I
Chương 5	T	T	T	T	T	T
Chương 6	T	T	T,U	T,U	T,U	T,U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học (6 tiết/tuần)
Chương 1	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,2 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 3,4 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	01,02
Chương 2	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 5 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 6,7 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai.	03, 04,05

		- Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [6]: [7]:	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 8,9 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập. - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 10,11,12 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi, đóng vai. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	06,07,08
Chương 4	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]: [7]:	Học trên lớp: - CDR của chương: 15,16,17 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	09,10,11
Chương 5	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]: [6]:	Học trên lớp: - CDR của chương: 19,20 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12,13,
Chương 6	[1]: [2]: [3]: [4]:	Học trên lớp: - CDR của chương: 19,20 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi.	14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 5

		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 6,
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Bài tập lớn	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 6.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Đặng Thị Thùy Dung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1 (CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP)
(Dành cho đào tạo giáo viên trung học: THCS & THPT)
Mã số: RN 01

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Thực hành sư phạm 1
- Tiếng Anh: Pedagogical practice 1

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 1

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

- Lí thuyết: 0 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 30 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1); Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có) Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0916391228

Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thanh Hà

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: 0912559560

Email: lethanhha@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: trường trung học; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường trung học. Học phần

có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Có hiểu biết khái quát về đặc điểm, tình hình chung nhà trường trung học; về chương trình giáo dục phổ thông mới và vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp.	
M _{hp2}	Có kỹ năng cơ bản, cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường trung học	
M _{hp3}	Có phẩm chất nghề: yêu nghề, yêu người, tâm huyết với nghề, luôn tin tưởng vào học sinh và bản chất tốt đẹp của con người; tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện .	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được khái quát: đặc điểm, tình hình chung nhà trường trung học; chương trình giáo dục phổ thông mới; vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp.	M _{hp1}
C _{hp2}	Xác định rõ những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường trung học	M _{hp1}
C _{hp3}	Thực hiện được một số công việc cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường trung học	M _{hp2} M _{hp3}
C _{hp4}	Yêu người, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; Chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.

[2] Đặng Vũ Hoạt (chủ biên), Nguyễn Đăng Thìn, Lê Thanh Sử, Nguyễn Thị Kỳ, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường Trung học cơ sở, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.

6.2. Tham khảo

- [3] Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) - Đào Thị Oanh - Vũ Thị Sơn - Nguyễn Kim Dung - Lục Thị Nga - Nguyễn Thị Hằng, Một số vấn đề trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT hiện nay, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2011.
- [4] Hoàng Thị Hạnh, Kỹ năng cơ bản của sinh viên trong thực tập sư phạm, Sách chuyên khảo, NXBGD, Hà Nội, 2016.
- [5] Jane Nelsen; Bình Max dịch. _H, Kỹ luật tích cực: Không phải là sự trừng phạt mà là sự tôn trọng trẻ, NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, 2021.
- [6] Bùi Thị Mùi, Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2016.
- [7] Luật giáo dục và nghị định hướng dẫn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2020.
- [8] Hoàng Anh Phước, Kỹ năng tham vấn học đường - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2014.
- [9] Hà Nhật Thăng, Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [10] Hà Nhật Thăng (chủ biên) - Nguyễn Dục Quang - Lê Thanh Sử - Nguyễn Thị Kỳ, Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông, , NXB ĐHQG, Hà Nội, 2000.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. Tìm hiểu chung về trường trung học và chương trình giáo dục phổ thông 2018 1.1. Khái quát về nhà trường trung học (cơ cấu tổ chức; đội ngũ giáo viên bộ môn, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, đội ngũ cán bộ quản lí; học sinh và những hoạt động của học sinh; công tác Đoàn; điều kiện cơ sở vật chất trường học...). 1.2. Phương pháp tìm hiểu thực tiễn trường trung học 1.3. Tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông 2018	- Trình bày được khái quát đặc điểm, tình hình chung nhà trường trung học; - Xác định được các phương pháp tìm hiểu thực tiễn trường trung học - Trình bày được chương trình giáo dục phổ thông 2018; vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp.		14	14
Chương 2. Thực hành công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học 2.1. Kỹ năng giao tiếp sư phạm ban đầu	- Xác định rõ những kỹ năng cần thiết của người		16	16

2.2. Kỹ năng thuyết trình 2.3. Kỹ năng tìm hiểu và nắm vững về cá nhân, tập thể học sinh lớp chủ nhiệm 2.4. Kỹ năng lập kế hoạch công tác giáo viên chủ nhiệm lớp theo tuần, tháng, kì, năm học 2.5. Kỹ năng tổ chức một buổi sinh hoạt lớp chủ nhiệm 2.6. Kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức một buổi lao động tập thể 2.7. Kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục (Hội trại, trò chơi, tọa đàm, hội thi văn nghệ, thể thao...) 2.8. Kỹ năng xử lý các tình huống giáo dục. 2.9. Kỹ năng phối hợp với gia đình để giáo dục HS lớp chủ nhiệm 2.10. Kỹ năng giáo dục học sinh có những hành vi không mong đợi	giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường trung học - Thực hiện được một số công việc cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường giả định			

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Chương 1	T	T	T	T
Chương 2	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3]	Hình thức: Bài lên lớp, Tự học Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, sử dụng tình huống, thực hành Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính	1-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 2	[3],[4],[5],[6],[7],[8],[9],[10]	Hình thức: Thực hành trên lớp; Tự học Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, sử dụng tình huống, thực hành Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính	9-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá	Điểm đánh giá chuyên	Thái độ học tập phản ánh qua việc	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp4}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
quá trình	cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: + Thi viết tự luận (do giảng viên ra đề) + Thực hành công tác chủ nhiệm lớp (do giảng viên đánh giá trực tiếp)	C _{hp} 1 C _{hp} 2
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thực hành hoặc làm bài tập lớn (theo hướng dẫn chấm do Trường quy định). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Lê Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1
(Thực hành giảng dạy 1)
Mã số: TH301

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Thực hành sư phạm 1
- Tiếng Anh: Practice pedagogy 1

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 01

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 0 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0973463919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Ngọc Quỳnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0983286693 Email: chungocquynh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Thực hành giảng dạy 1 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện và phát triển các kỹ năng giảng dạy cần thiết gắn với các chủ đề/bài học trong chương trình/SGK môn Lịch sử ở trường trung học. Mỗi sinh viên được thực hành từng kỹ năng cơ bản (trong thời gian 30-45'). Sau khi tập giảng sẽ nhận được sự nhận xét, góp ý, đánh giá của các sinh viên trong lớp cùng GV hướng dẫn về kiến thức, phương pháp giảng dạy, khả năng quản lý lớp học, KTĐG kết quả học tập của học sinh. Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức cơ bản của các môn học Hệ thống PPDHLS và Lí luận DHLS..

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu trúc và chương trình môn Lịch sử ở trường trung học. củng cố kiến thức về xác định mục tiêu bài học, cấu trúc bài học và xây dựng hệ thống kỹ năng cơ bản cần phát triển trong dạy học Lịch sử. Trên cơ sở đó lựa chọn được các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung và cấu trúc bài học.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành được những kỹ năng, năng lực cơ bản trong dạy học Lịch sử ở trường trung học, vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện hỗ trợ để triển khai được các bước lên lớp theo cấu trúc giờ học.	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp3}	Có ý thức cải tiến việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Ham thích cập nhật, chiếm lĩnh các PPDH/PTCN dạy học mới.	C8: Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Chuẩn đầu ra môn học:

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được nội dung kiến thức cơ bản về cấu trúc và chương trình môn Lịch sử ở trường trung học	M _{hp1}
C _{hp2}	Xác định được mục tiêu bài học và các PP, PT dạy học một cách hợp lý, khoa học, phát huy tính tích cực của HS	
C _{hp3}	Vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện hỗ trợ để triển khai được các bước lên lớp theo cấu trúc giờ học.	M _{hp2}
C _{hp4}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.
- [2] Vũ Quang Hiến, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [3] Nguyễn Thị Côi, Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.

6.2. Tham khảo

- [4] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2006.
- [5] Nguyễn Thị Minh Phương, Phạm Thị Thúy, Cẩm nang phương pháp sư phạm, TP Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- [6] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử 6,7,8,9, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
PHẦN 1. THỰC HÀNH CÁC KĨ NĂNG GIẢNG DẠY CƠ BẢN 1.1. Kỹ năng diễn đạt 1.1.1. Diễn đạt nói 1.1.2. Diễn đạt viết 1.2. Kỹ năng sử dụng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo 1.2.1. Kỹ năng sử dụng SGK 1.2.2. Kỹ năng sử dụng tài liệu tham khảo 1.3. Kỹ năng sử dụng bảng 1.3.1. Kỹ năng sử dụng bảng thông minh 1.3.2. Kỹ năng sử dụng bảng đen 1.4. Kỹ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan 1.4.1. Kỹ năng xây dựng, thiết kế các loại đồ dùng trực quan 1.4.2. Kỹ năng sử dụng các loại đồ dùng trực quan 1.5. Thực hành dạy học phần Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới 1.5.1. Kiến thức cơ bản phần Lịch sử Việt Nam thời nguyên thủy, cổ đại trong chương trình Lịch sử trung học 1.5.2. Kiến thức cơ bản phần Lịch sử Thế giới thời nguyên thủy, cổ đại trong chương trình Lịch sử trung học	1) Trình bày được nội dung kiến thức cơ bản phần Lịch sử thế giới thời nguyên thủy; cổ - trung đại trong chương trình Lịch sử trung học 2) Cấu trúc được các chủ đề/bài học và xác định mục tiêu cần đạt 3) Lựa chọn được các loại PP/PT dạy học phù hợp qua các ví dụ cụ thể. 4) Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ trong quá trình thực hành giảng 5) Lựa chọn và xây dựng được những đồ dùng trực quan hỗ trợ cho quá trình giảng dạy 6) Vận dụng được kỹ năng diễn đạt; kỹ năng sử dụng SGK và tài liệu tham khảo vào thực hành triển khai dạy học chủ đề/bài học đã chọn. 7) Tự đánh giá bài thực hành giảng và nhận xét bài giảng của bạn học, chỉ ra các ưu điểm và hạn chế về phương pháp sử dụng. 8) Đề xuất biện pháp cải tiến bài dạy. 9) Tự tìm hiểu các phương pháp dạy học mới và áp dụng để nâng cao hiệu quả dạy học.	0	30	45

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần			
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}
Phần 1	T	T,U	T,U	T,U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự nội dung	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
1.1. Kỹ năng diễn đạt	[1]: tr.28 - tr.42 [2]: tr.55 - tr.65	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 9 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 1,2
1.2. Kỹ năng sử dụng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo	[1]: tr.61 - tr.72 [2]: tr.80 - tr.92	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 9 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 3,4,5
1.3. Kỹ năng sử dụng bảng	[2]: tr.68 - tr.70	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 9 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 6,7
1.4. Kỹ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan	[1]: tr.43 - tr.60 [2]: tr.66 - tr.76	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 9 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 8,9,10
1.5. Thực hành dạy học phần Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới	[4]: tr.123 - tr.143	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 9 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 10 - 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá	Điểm đánh giá	Thái độ học tập phản ánh qua việc	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4

quá trình	chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Thực hành giảng	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thực hành giảng (tiêu chí chấm do nhà trường quy định) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Đặng Thị Thùy Dung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH SƯ PHẠM 2
(TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC)
(Dành cho đào tạo giáo viên trung học: THCS & THPT)
Mã số: RN02

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Thực hành sư phạm 2
- Tiếng Anh: Pedagogical practice 2

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 1

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

- Lí thuyết: 0 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 30 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Tâm lý học 2; Giáo dục học 2; Thực hành sư phạm 1

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có) Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0916391228

Email: doanngocanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thanh Hà

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: 0912559560

Email: lethanhha@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường trung học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Có hiểu biết về chương trình hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	
M _{hp2}	Có hiểu biết về tư vấn học đường trong trường trung học	
M _{hp3}	Có kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh; kỹ năng tư vấn học đường	
M _{hp4}	Có phẩm chất nghề: yêu nghề, yêu người, tâm huyết với nghề, luôn tin tưởng vào học sinh và bản chất tốt đẹp của con người; tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện.	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những vấn đề cơ bản của chương trình hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích được nội dung cơ bản về tư vấn học đường trong trường trung học	M _{hp2}
C _{hp3}	Thực hiện được công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp	M _{hp3}
C _{hp4}	Thiết kế, tổ chức được các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học	M _{hp3}
C _{hp5}	Vận dụng được lý thuyết về tư vấn học đường để thực hiện một số kỹ năng tư vấn trong từng loại khó khăn về tâm lý	M _{hp3}
C _{hp6}	Yêu người, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề	M _{hp4}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1]. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao, Nguyễn Tuấn Phương, Chu Thị Minh Tâm, Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [2]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019.

6.2. Tham khảo

- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; Chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.

[4] Hoàng Thị Hạnh, Kỹ năng cơ bản của sinh viên trong thực tập sư phạm, Sách chuyên khảo, NXBGD, Hà Nội, 2015.

[5] Jane Nelsen, Lynn Lott, H. Stephen Glenn, Kỹ thuật tích cực trong lớp học, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2018.

[6] Bùi Thị Mùi, Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2016.

[7] Hoàng Anh Phước, Kỹ năng tham vấn học đường - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2014.

[8] Nguyễn Văn Lê, Ứng xử sư phạm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

[9] Hà Nhật Thăng (chủ biên) - Nguyễn Đức Quang - Lê Thanh Sử - Nguyễn Thị Kỳ, Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.

[10] Hà Nhật Thăng, Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, THo, TNC	
Chương 1. Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. 1.1. Tìm hiểu về chương trình hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm 2018 1.1.1. Đặc điểm 1.1.2. Quan điểm xây dựng chương trình 1.1.3. Mục tiêu của chương trình 1.1.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực 1.1.5. Nội dung giáo dục 1.1.6. Phương pháp giáo dục 1.1.7. Đánh giá kết quả giáo dục 1.2. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học 1.2.1. Thực hành thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục 1.2.2. Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	- Trình bày được Chương trình hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 2018. - Xác định được vị trí, ý nghĩa của hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường trung học - Thực hiện được công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp - Thiết kế, tổ chức được các hoạt động giáo dục cho học sinh trung học		14	14

Chương 2. Tư vấn học đường trong trường trung học 2.1. Một số vấn đề chung về tư vấn học đường trong trường trung học 2.2. Thực hành kỹ năng tư vấn học đường trong trường trung học	- Trình bày được một số vấn đề cơ bản nhất về hoạt động tư vấn học đường trong trường trung học. - Nêu được ý nghĩa của hoạt động tư vấn học đường trong trường trung học - Hỗ trợ tâm lý và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trong quá trình thực tập sư phạm ở trường trung học		16	16

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	T	T	T	T
Chương 2	T	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3], [4], [5], [6], [7], [8]	Hình thức: Bài lên lớp, Tự học Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, sử dụng tình huống, thực hành Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính	1-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 2	[1],[2],[3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10]	Hình thức: Thực hành trên lớp; Tự học Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, sử dụng tình huống, thực hành Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính	9-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá	Điểm đánh giá chuyên	Thái độ học tập phản ánh qua việc	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp6}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
quá trình	cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	tham gia các buổi học				
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 6
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: + Thi viết tự luận (do giảng viên ra đề) + Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục (do giảng viên đánh giá trực tiếp)	C _{hp} 1 C _{hp} 3 C _{hp} 4
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thực hành hoặc làm bài tập lớn (theo hướng dẫn chấm do Trường quy định). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Lê Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
THỰC HÀNH SƯ PHẠM 2
Mã số: TH302

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Thực hành sư phạm 2
- Tiếng Anh: Practice pedagogy 2

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 01

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 0 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0973463919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Ngọc Quỳnh**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0983286693 Email: chungocquynh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Thực hành giảng dạy 2 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện và phát triển các kỹ năng giảng dạy cần thiết gắn với các chủ đề/bài học trong chương trình/SGK môn Lịch sử ở trường trung học. Mỗi sinh viên được thực hành từng kỹ năng cơ bản (trong thời gian 30-45'). Sau khi tập giảng sẽ nhận được sự nhận xét, góp ý, đánh giá của các sinh viên trong lớp cùng GV hướng dẫn về kiến thức, phương pháp giảng dạy, khả năng tổ chức, quản lý lớp học, KTĐG kết quả học tập của học sinh. Môn học được thực hiện sau khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức cơ bản của các môn học về Hệ thống PPDHLS, Lí luận DHLS và Kiểm tra đánh giá.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Củng cố cho người học những kiến thức cơ bản về cấu trúc giờ lên lớp, quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy, phương pháp sử dụng tư liệu và câu hỏi. Hệ thống được các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường trung học.	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C6: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành được những kỹ năng, năng lực cơ bản trong dạy học Lịch sử ở trường trung học, vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện hỗ trợ để triển khai được các bước lên lớp theo cấu trúc giờ học.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C6: Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.
M _{hp3}	Có ý thức cải tiến việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Ham thích cập	C8: Đánh giá được năng lực của bản thân và lập kế hoạch tự học để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, thích ứng với sự thay đổi.

	nhật, chiếm lĩnh các PPDH/PTCN dạy học mới.	

5. Chuẩn đầu ra môn học:

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được nội dung kiến thức cơ bản về cấu trúc bài học, quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy	M _{hp1}
C _{hp2}	Khái quát được những nội dung cơ bản về các phương pháp dạy học cơ bản, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá trong DHLS ở trường trung học	
C _{hp3}	Lựa chọn được các PP và PT dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung bài học	M _{hp2}
C _{hp4}	Vận dụng các phương pháp và phương tiện dạy học, các công cụ kiểm tra đánh giá vào ví dụ cụ thể một cách phù hợp.	
C _{hp5}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2,, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.
- [2] Vũ Quang Hiển, Hoàng Thanh Tú,, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
- [3] Nguyễn Thị Côi, Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2019.
- [4] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2006.

6.2. Tham khảo

- [5] Trần Bá Hoàn , Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2010.
- [6] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG II: THỰC HÀNH KĨ NĂNG CHUẨN BỊ BÀI DẠY; KĨ NĂNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH 2.1. Kĩ năng tìm kiếm, hiệu chỉnh tư liệu 2.1.1. Kĩ năng tìm kiếm tư liệu 2.1.2. Kĩ năng hiệu chỉnh tư liệu 2.2. Kĩ năng thiết kế giáo án 2.2.1. Kĩ năng thiết kế giáo án bài dạy 2.2.2. Kĩ năng thiết kế giáo án điện tử 2.3. Kĩ năng xác định mục tiêu bài học 2.4. Kĩ năng xây dựng và sử dụng câu hỏi trong dạy học lịch sử 2.4.1. Kĩ năng xây dựng và sử dụng câu hỏi	1) Trình bày được nội dung kiến thức cơ bản phần Lịch sử Việt Nam trung đại và Lịch sử thế giới cận hiện đại trong chương trình Lịch sử trung học 2) Cấu trúc được các chủ đề/bài học và xác định mục tiêu cần đạt 3) Liệt kê được các kĩ thuật kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và giải thích cách sử dụng các kĩ thuật kiểm tra đánh giá 4) Lựa chọn được các loại PP/PT dạy học phù hợp qua các ví dụ cụ thể. 5) Xác định được mục tiêu bài học trên các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ, năng lực, phẩm chất dựa trên chương trình môn học và yêu cầu cần đạt. 6) Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ trong quá trình thực hành giảng 7) Thiết kế được một giáo án hoàn chỉnh. 8) Tìm kiếm tư liệu và hiệu chỉnh tư liệu hỗ trợ giảng dạy nhanh chóng, hiệu quả. 9) Xây dựng được hệ thống câu hỏi phù hợp với nội dung bài học/ chủ đề. 10) Vận dụng được kĩ năng xây dựng và sử dụng câu hỏi, bài tập lịch sử để tiến hành triển khai dạy học một nội dung. 11) Vận dụng được kĩ năng tìm kiếm, hiệu chỉnh tư liệu, kĩ năng kiểm tra đánh giá trong quá trình xây dựng kế hoạch bài học và triển khai dạy học. 12) Tự đánh giá bài thực hành giảng và nhận xét bài giảng của bạn học, chỉ ra các ưu điểm và hạn chế về phương pháp sử dụng. 13) Đề xuất biện pháp cải tiến bài dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá.	0	30	45

2.4.2. Kỹ năng xây dựng và sử dụng bài tập 2.5. Kỹ năng sử dụng các kỹ thuật kiểm tra đánh giá 2.6. Thực hành dạy học phần Lịch sử Việt Nam trung, cận đại trong chương trình Lịch sử trung học 2.7. Thực hành dạy học phần Lịch sử Thế giới cận - hiện đại trong chương trình Lịch sử trung học	14) Tự tìm hiểu các phương pháp dạy học mới, các kỹ thuật kiểm tra đánh giá mới và áp dụng để nâng cao hiệu quả dạy học.			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp}	C _{hp5}
Chương II	I	T,U	T,U	T,U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự nội dung	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
2.1. Kỹ năng tìm kiếm, hiệu chỉnh tư liệu	[1]: tr.61- tr.74 [2]: tr.84 - tr.92	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 1,2
2.2. Kỹ năng thiết kế giáo án	[1]: tr.113 - tr.156 [2]: tr.29- tr.37 [5]: tr.68 - tr.79	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 3,4,5
2.3. Kỹ năng xác định mục tiêu bài học	[2]: tr.68 - tr.70 [5]: tr.61 - tr.68	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 6
2.4. Kỹ năng xây dựng và	[2]: tr.92 - tr.103	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14	Tuần 8,9

sử dụng câu hỏi trong dạy học lịch sử		Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	
2.5. Kỹ năng sử dụng các kỹ thuật kiểm tra đánh giá	[1]: tr.159 - tr.193 [2]: tr.210 - tr.224 [4]: tr.104 - tr.120	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm, tự đọc tự nghiên cứu. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 10, 11
2.6. Thực hành dạy học phần Lịch sử Việt Nam trung, cận đại trong chương trình Lịch sử THPT	[4]: tr.123 - tr.143	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 12, 13
2.7. Thực hành dạy học phần Lịch sử Thế giới cận - hiện đại trong chương trình Lịch sử THPT	[4]: tr.123 - tr.143	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: từ 1 đến 14 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}

	kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp5
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Thực hành giảng	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thực hành giảng (tiêu chí chấm do nhà trường quy định) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Đặng Thị Thùy Dung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Tự chọn)
KĨ NĂNG TƯ VẤN CÁ NHÂN VỀ KHÁM PHÁ, LỰA CHỌN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC
Mã số: TL 503

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Kĩ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh trung học
- Tiếng Anh: Individualized counseling skills on career exploration, selection and development for high school students

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh
Học hàm, học vị: GVC.TS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0916391228 Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Trần Thị Loan
Học hàm, học vị: GVC.TS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0983028946 Email: tranthiloan@hpu2.edu.vn
Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung vào cơ sở lí thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học; Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp; các kĩ năng và liệu pháp trong các giai đoạn tư vấn hướng nghiệp cá nhân; Hỗ trợ học sinh trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Có kiến thức về vấn đề tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường trung học	
M _{hp2}	Có năng lực vận dụng tri thức cơ bản để làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp khi đi thực tập và khi ra trường công tác ở trường trung học	
M _{hp3}	Hình thành tình cảm, trách nhiệm khi tham gia tìm hiểu, thực hành các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Phân tích được những tri thức cơ bản về tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường trung học	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được tri thức cơ bản để làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp khi đi thực tập và khi ra trường công tác ở trường trung học	M _{hp2} , M _{hp3}
C _{hp3}	Nghiêm túc, trách nhiệm khi tham gia tìm hiểu, thực hành các kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Trần Đình Tuấn, Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.

[2] John C. Maxwell; Đỗ Nhật Nam dịch, Tôi tư duy, tôi thành đạt, NXB Lao động; Công ty Sách Thái Hà, 2018.

6.2. Tham khảo

[3] Phạm Thị Ngọc Anh - Nghiên cứu thái độ nghề nghiệp của HS học nghề và những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp trong quá trình đào tạo ở trường nghề - Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục, NXB Hà Nội, 1994.

[4] Đặng Danh Ánh, Góp phần tìm hiểu vấn đề hướng nghiệp, Tạp chí nghiên cứu giáo dục, số 2/1982.

[5] Nguyễn Trọng Bảo, Giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp trường phổ thông, NXB Sự thật, Hà Nội, 1985.

[6] Nguyễn Thị Bình, Đổi mới phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục lao động, hướng nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Hội nghị hướng nghiệp - Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Hà Nội, 1999.

[7] Luật giáo dục và nghị định hướng dẫn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2020.

[8] Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu, Nguyễn Ngọc Tài, Tài liệu bổ sung sách giáo viên giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11, 12, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TI	THo, TNC
Chương 1: Cơ sở lý thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học 1.1. Năng lực hướng nghiệp của học sinh 1.1.1. Nhận thức bản thân 1.1.2. Nhận thức nghề nghiệp 1.1.3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp 1.2. Các lý thuyết hướng nghiệp 1.2.1. Ý nghĩa đối với tư vấn hướng nghiệp cá nhân 1.2.2. Giới thiệu các nhóm lý thuyết hướng nghiệp 1.2.3. Các lý thuyết hướng nghiệp phù hợp với văn hóa Việt Nam	- Trình bày được cơ sở lý thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học	7	14	15
Chương 2: Tư vấn hướng nghiệp cá nhân 2.1. Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ TVHN cá nhân 2.2. Phân biệt TVHN cá nhân với TVHN nhóm lớn và tư vấn tuyển sinh 2.3. Sáu kỹ năng TVHN cá nhân 2.4. Hai liệu pháp TVHN cá nhân 2.5. Năm giai đoạn TVHN cá nhân 2.6. Vấn đề sử dụng các kỹ năng và liệu pháp trong các giai đoạn TVHN cá nhân	- Phân tích được năm giai đoạn, sáu kỹ năng và hai liệu pháp tư vấn hướng nghiệp cá nhân cho học sinh trung học	5	10	15
Chương 3. Vận dụng các kỹ năng và liệu pháp TVHN để hỗ trợ học sinh trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp	- Vận dụng được 6 kỹ năng và 2 liệu pháp TVHN cá nhân vào việc hỗ trợ học sinh phát triển năng lực nhận thức	3	6	15

3.1. Phát triển năng lực nhận thức bản thân	bản thân, nhận thức nghề nghiệp và lập kế hoạch nghề nghiệp trong thực tiễn			
3.2. Phát triển năng lực nhận thức nghề nghiệp				
3.3. Phát triển năng lực xây dựng kế hoạch nghề nghiệp				

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}
Chương 1	T	T	T
Chương 2	T	T	T
Chương 3	T	T	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3],[4],[5],[6], [7], [8]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	1-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 2	[1],[2],[3],[4],[5],[6], [7], [8]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	9-13
Chương 3	[1],[2],[3],[4],[5],[6], [7], [8]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	14-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp3}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
	cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp3}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Trần Thị Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Tự chọn)
THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG
Mã số: TL 504

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tham vấn học đường
- Tiếng Anh: School consultation

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Tâm lý học, Giáo dục học

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0916391228

Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Trần Thị Loan

Học hàm, học vị: GVC.TS

Chuyên ngành: Giáo dục học

Điện thoại: 0983028946

Email: tranthiloan@hpu2.edu.vn

Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động tham vấn học đường bao gồm: Những vấn đề chung của tham vấn học đường; Yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; Những nhóm kỹ năng cần thiết của một người làm tham vấn học đường.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Có kiến thức nền tảng về tham vấn học đường như: những vấn đề chung về tham vấn học đường; yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; kỹ năng tham vấn học đường.	
M _{hp2}	Có năng lực vận dụng tri thức nền tảng, cơ bản về tham vấn học đường trong quá trình thực hành tình huống thuộc về nghề nghiệp	
M _{hp3}	Hình thành tình cảm, trách nhiệm nghề nghiệp khi tham gia thực hành các kỹ năng tham vấn học đường	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những vấn đề chung về tham vấn học đường; yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; kỹ năng tham vấn học đường.	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được tri thức nền tảng, cơ bản về tham vấn học đường trong quá trình thực hành tình huống thuộc về nghề nghiệp	M _{hp2}
C _{hp3}	Nghiêm túc, trách nhiệm khi tham gia thực hành các kỹ năng tham vấn học đường	M _{hp2} , M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Nguyễn Đức Sơn (chủ biên), Giáo trình tâm lý học giáo dục, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019.

[2] Trần Đình Tuấn, Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.

6.2. Tham khảo

[3] Nguyễn Thanh Bình, Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2013.

[4] Trần Thị Minh Đức, Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2012.

[5] Vũ Lệ Hoa, Tổ chức dạy học theo quan điểm sư phạm tương tác, NXB GD, Hà Nội, 2015.

[6] Hoàng Anh Phước, Kỹ năng Tham vấn học đường, những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2012.

[7] Trung tâm dịch vụ và truyền thông, đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em, Tham vấn trẻ em qua điện thoại, internet và trực tiếp, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2014.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TI	THo, TNC
Chương 1. Những vấn đề chung về tham vấn học đường 1.1. Khái niệm tham vấn học đường 1.2. vai trò, nhiệm vụ của nhà tham vấn học đường 1.3. Chương trình tham vấn học đường 1.4. Các hình thức tham vấn học đường	- Trình bày được những kiến thức tổng quát nhất về lĩnh vực tham vấn học đường.	3	6	15
Chương 2. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường 2.1. Yêu cầu phẩm chất của nhà tham vấn học đường 2.2. Yêu cầu về năng lực của nhà tham vấn học đường 2.3. Nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường	- Phân tích được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường	4	8	15
Chương 3. Kỹ năng tham vấn học đường 3.1. Nhóm kỹ năng tham vấn cơ bản 3.1.1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ 3.1.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.1.3. Kỹ năng lắng nghe 3.1.4. Kỹ năng thấu hiểu 3.1.5. Kỹ năng phản hồi 3.2. Nhóm kỹ năng tham vấn chuyên biệt 3.2.1. Kỹ năng phát hiện sớm 3.2.2. Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa 3.2.3. Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý học sinh	- Vận dụng được một số kỹ năng cơ bản trong tham vấn học đường	8	16	15

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần

	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}
Chương 1	T	T	T
Chương 2	T	T	T
Chương 3	T	T	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3],[4],[5],[6],[7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	1-3
Chương 2	[1],[2],[3],[4],[5],[6],[7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	4-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 3	[1],[2],[3],[4],[5],[6],[7]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS...	9-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp3}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp3}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi tự luận (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Trần Thị Loan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (tự chọn)
GIAO TIẾP SƯ PHẠM
Mã số: TL 505

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Giao tiếp sư phạm
- Tiếng Anh: Pedagogical communication

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần Tâm lý học và Giáo dục học

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Nguyễn Thị Vui
Học hàm, học vị: TS. GVC
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: Email: nguyenthivui@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Lê Thanh Hà
Học hàm, học vị: TS. GVC
Chuyên ngành: Tâm lý học
Điện thoại: 0368191978 Email: lethanhha@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: Lê Thị Thanh Hà
Học hàm, học vị: ThS. GV
Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: Email: lethithanhha@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.4. Giảng viên 4:

Họ tên: Nguyễn Đình Mạnh

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: Email: nguyendinhmanh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.5. Giảng viên 5:

Họ tên: Nguyễn Phú Thông Thái

Học hàm, học vị: TS. GVC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: Email: thaip@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

2.6. Giảng viên 6:

Họ tên: Nguyễn Bảo Trung

Học hàm, học vị: ThS. GV

Chuyên ngành: Tâm lý học

Điện thoại: Email: nguyenbaotruong@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Phòng 2.03, Nhà A4

3. Mô tả học phần

- Môn học tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm;
- Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác;
- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Người học hiểu được vai trò của giao tiếp sư phạm đối với hoạt động dạy học và giáo dục học sinh;	
M _{hp2}	Người học hiểu và vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, các phong cách giao tiếp sư phạm trong các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và trong môi trường sư phạm;	
M _{hp3}	Người học nắm được nội dung và hình thức giao tiếp sư phạm;	

M _{hp4}	Người học có thái độ tích cực trong hoạt động học tập trên lớp, trách nhiệm trong việc chuẩn bị bài ở nhà và hợp tác trong làm việc theo nhóm;	
M _{hp5}	Người học lập kế hoạch và thực hiện việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp và giao tiếp sư phạm trong các tình huống của cuộc sống, trong trường đại học;	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Đánh giá được vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với hoạt động sư phạm của bản thân;	M _{hp1} , M _{hp3}
C _{hp2}	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và trong hoạt động sư phạm	M _{hp2}
C _{hp3}	Tuân thủ các nguyên tắc giao tiếp và hình thành tác phong giao tiếp sư phạm phù hợp với chuẩn nghề nghiệp giáo viên;	M _{hp2}
C _{hp4}	Nắm được các giai đoạn của quá trình giao tiếp và vận dụng vào cuộc sống cũng như hoạt động sư phạm của bản thân	M _{hp2} , M _{hp5}
C _{hp5}	Tuân thủ quy định của nhà trường, của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập; nghiêm túc, tích cực tự học, tự hoàn thiện kỹ năng giao tiếp của bản thân	M _{hp4}
C _{hp6}	Lập được kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp của bản thân;	M _{hp5}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Hoàng Anh- Vũ Kim Thanh, Giao tiếp sư phạm, NXB Hà Nội, 1997.

6.2. Tham khảo

[2] Ngô Công Hoàn - Hoàng Anh, Giao tiếp sư phạm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

[3] Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú, Giao tiếp sư phạm, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2018.

[4] Lê Thị Bùng, Tâm lý học ứng xử, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

[5] Tetsuko Kuroyanagi (Phí Văn Gừng, Phạm Duy Trọng dịch), Tô-tô-chan - Cô bé bên cửa sổ, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2010..

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, THo, TNC	

Chương 1. Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm 1.1. Khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm 1.1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.2. Khái niệm giao tiếp sư phạm 1.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm 1.2.1. Tính mô phạm trong giao tiếp 1.2.2. Tôn trọng nhân cách trong giao tiếp 1.2.3. Thiện ý trong giao tiếp 1.2.4. Đồng cảm trong giao tiếp 1.3. Các giai đoạn giao tiếp sư phạm 1.3.1. Lập kế hoạch giao tiếp 1.3.2. Mở đầu quá trình giao tiếp 1.3.3. Điều khiển quá trình giao tiếp 1.3.4. Kết thúc quá trình giao tiếp 1.4. Phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm	- Nêu và phân tích được khái niệm giao tiếp sư phạm; mô tả được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các giai đoạn giao tiếp sư phạm; nêu và mô tả được khái niệm, các loại phong cách giao tiếp sư phạm. - Vận dụng được các nguyên tắc, các giai đoạn của giao tiếp vào các tình huống giao tiếp sư phạm cụ thể.	3	6	10
Chương 2. Giao tiếp sư phạm ở trường trung học 2.1. Đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học 2.1.2. Một số đặc điểm tâm lý đặc trưng của học sinh trung học 2.1.3. Giao tiếp của học sinh trong nhóm 2.1.4. Giao tiếp của học sinh với người lớn 2.2. Các hình thức giao tiếp sư phạm 2.2.1. Cơ sở để phân loại các hình thức giao tiếp sư phạm 2.2.2. Giao tiếp sư phạm trong nhà trường 2.2.3. Giao tiếp sư phạm ngoài nhà trường	- Nêu được một số đặc điểm tâm lý đặc trưng của học sinh có liên quan trực tiếp đến giao tiếp sư phạm; phân tích được các đặc điểm giao tiếp của học sinh trong nhóm, với người lớn. - Mô tả được các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học. - Vận dụng được những hiểu biết vào quá trình giao tiếp trong nhà trường và ngoài nhà trường.	4	8	10
Chương 3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm 3.1. Khái niệm và phân loại kỹ năng giao tiếp sư phạm 3.1.1. Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm 3.1.2. Phân loại kỹ năng giao tiếp sư phạm 3.2. Các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm 3.2.1. Nhóm kỹ năng định hướng 3.2.2. Nhóm kỹ năng định vị 3.2.3. Nhóm kỹ năng điều khiển trong quá trình giao tiếp sư phạm 3.2.3. Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp sư phạm	- Xác định được khái niệm và phân loại kỹ năng giao tiếp sư phạm. - Chỉ ra được các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản; mô tả được quy trình rèn luyện để hình thành kỹ năng giao tiếp sư phạm. - Xây dựng và thực hiện được quy trình hình thành một kỹ năng giao tiếp cụ thể.	4	8	10

Chương 4. Thực hành giao tiếp sư phạm 4.1. Tự đánh giá về khả năng giao tiếp sư phạm 4.2. Tập cách thức tiến hành các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm 4.3. Tập sử dụng các phương tiện giao tiếp sư phạm 4.4. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp sư phạm 4.5. Rèn luyện phong cách giao tiếp sư phạm 4.6. Ứng xử các tình huống sư phạm	- Thực hiện được các giai đoạn của một quá trình giao tiếp cụ thể; biết thể hiện các phong cách giao tiếp sư phạm. - Vận dụng được quy trình rèn luyện các kỹ năng giao tiếp vào việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp sư phạm cụ thể	4	8	15

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T		T	I	T	I
Chương 2	U	I	T	T	I	I
Chương 3	I	T	I	I	I	I
Chương 4	I	T	T	I	I	T

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] [2] [3]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	1-3
Chương 2	[1] [2] [3] [5]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	4-7
Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 3	[1] [2] [3] [4]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	9-12
Chương 4	[1] [2] [3] [4] [5]	Hình thức: Dạy trên lớp kết hợp Online, tự học Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm Phương tiện: Bảng và phấn; Máy chiếu và màn chiếu; Hệ thống LMS, Padlet,...	13-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp5}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp5}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1} , C _{hp3} , C _{hp4} ,
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi Vấn đáp (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6}

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Lê Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Tự chọn)
NHỮNG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CẦN CẬP NHẬT
Mã số: GD 503

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Những vấn đề giáo dục cần cập nhật**
- Tiếng Anh: Education issues need updating

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lí thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

- 1.6.1. Học phần tiên quyết: Không
- 1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn: Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: Doãn Ngọc Anh
Học hàm, học vị: GVC.TS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0916391228 Email: doannngocanh@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: Trần Thanh Tùng
Học hàm, học vị: GV.ThS
Chuyên ngành: Giáo dục học
Điện thoại: 0976834355 Email: tranthanhtung@hpu2.edu.vn
Địa điểm làm việc: Phòng 2.03 - Nhà A4

3. Mô tả học phần

Học phần tập trung vào các vấn đề về đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những cơ sở khoa học và thực tiễn đổi mới giáo dục, đào tạo nói chung và phương pháp dạy học trong nhà trường nói riêng; hướng đổi mới	
M _{hp2}	Có năng lực tiếp cận và vận dụng những vấn đề giáo dục cần cập nhật	
M _{hp3}	Có thái độ đúng đắn đối với những vấn đề giáo dục mới đang nảy sinh	

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Phân tích được những cơ sở khoa học và thực tiễn đổi mới giáo dục, đào tạo nói chung và phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng; hướng đổi mới	M _{hp1}
C _{hp2}	Vận dụng được những cơ sở khoa học của việc đổi mới giáo dục, đào tạo nói chung và phương pháp dạy học trong nhà trường nói riêng theo hướng căn bản và toàn diện	M _{hp2}
C _{hp3}	Xác định rõ vai trò của người giáo viên trong thời đại mới, tích cực cập nhật những vấn đề mới về giáo dục vào thực tiễn dạy học, giáo dục trong nhà trường phổ thông	M _{hp3}

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; Chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.

[2] Thái Duy Tuyên, Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1998.

6.2. Tham khảo

[3] Nguyễn Thanh Bình, Giáo dục Việt Nam trong thời kì đổi mới, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội, 2008.

[4] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) - Đỗ Hương Trà, Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

[5] Trần Bá Hoành, Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.

[6] Luật giáo dục, Luật số 43/2019/QH14, Hà Nội, 2019.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, THo, TNC	Tín
Chương 1. Đổi mới giáo dục và đào tạo 1.1. Cơ sở khoa học của việc đổi mới giáo dục và đào tạo 1.1.1. Tính lịch sử và tính giai cấp của giáo dục. 1.1.2. Đặc điểm tâm sinh lí của học sinh Việt Nam. 1.1.3. Thực trạng giáo dục và đào tạo trong nhà trường phổ thông Việt Nam. 1.2. Thực trạng đổi mới giáo dục và đào tạo và hướng đổi mới giáo dục và đào tạo. 1.3. Quan điểm của Đảng	- Trình bày được cơ sở khoa học của việc đổi mới giáo dục và đào tạo - Phân tích được thực trạng và hướng đổi mới giáo dục và đào tạo trong nhà trường phổ thông Việt Nam.	7	14	20
Chương 2. Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường phổ thông 2.1. Cơ sở khoa học của việc đổi mới phương pháp dạy học. 2.2. Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học trong các trường phổ thông hiện nay. 2.3. Hướng đổi mới phương pháp dạy học trong các trường phổ thông. 2.4. Một số phương pháp dạy học tích cực. 2.5. Một số vấn đề giáo dục khác cần cập nhật	Trình bày được cơ sở khoa học của việc đổi mới phương pháp dạy học Phân tích được thực trạng và hướng đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông. Vận dụng vào việc đổi mới phương pháp dạy học trong các trường phổ thông	8	16	25

7.2. Ma trận Nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần		
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}
Chương 1	T	T	TU
Chương 2	T	T	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu ⁽¹⁾	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1],[2],[3],[4],[5], [6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet.	1-7

Kiểm tra giữa học kỳ			8
Chương 2	[1],[2],[3],[4], [5], [6]	Hình thức: Bài lên lớp kết hợp online, Tự học. Phương pháp: Thuyết trình, Nêu vấn đề, Sử dụng tình huống, Thảo luận nhóm.. Phương tiện: Phấn, bảng, máy chiếu, máy tính, mạng Internet.	9-16

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp3}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp3}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi)	C _{hp1}
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức thi viết tự luận (theo ngân hàng đề thi). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp1} C _{hp2} C _{hp3}

Trưởng Bộ môn

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020
Người biên soạn

Doãn Ngọc Anh

Trần Thanh Tùng

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã số: LS307

1. Thông tin về môn học

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử ở trường trung học

- Tiếng Anh: Organizing experiential activities in teaching history in high schools

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Đặng Thị Thùy Dung**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0975019494 Email: dangthithuydung@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Ngọc Quỳnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Chuyên ngành: Phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0983286693 Email: chungocquynh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả môn học:

Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử ở trường trung học là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: khái niệm, mục tiêu, điều kiện, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Lịch sử ở trường trung học; nội dung, quy trình xây dựng chương trình; các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo Lịch sử cho học sinh. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử cho học sinh ở trường trung học; đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên. Môn học có thể tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức về lí luận dạy học, kiểm tra đánh giá, hệ thống phương pháp dạy học vào thực tế.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục tiêu, đặc điểm, các hình thức của HĐTN trong môn LS ở trường trung học. Khái quát được nội dung, quy trình xây dựng HĐTN ở môn LS.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Hình thành được những kỹ năng, năng lực cơ bản để thiết kế và tổ chức HĐTN trong môn LS ở trường trung học, lựa chọn hình thức hoạt động và vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện hỗ trợ để triển khai hoạt động.	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C11: Tư vấn, hỗ trợ được cho học sinh trung học trong quá trình dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
M _{hp3}	Có ý thức cải tiến việc thiết kế HĐTN theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Sáng tạo, tìm tòi các phương pháp, kỹ thuật	C8: Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

	mới để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục.	
M _{hp} 4	Có khả năng lên kế hoạch, ý tưởng tổ chức HĐTN, phối hợp với bạn học để thực hiện tổ chức HĐTN trong thực tế.	C7: Huy động được sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử cho học sinh trung học. C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra môn học:

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nội dung, đặc điểm, qui trình xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Lên ý tưởng và xây dựng bản kế hoạch chương trình hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học theo các bước một cách khoa học và linh hoạt	
C _{hp} 3	Phân tích mục tiêu, nội dung, lựa chọn được những phương pháp dạy học và phương tiện kĩ thuật phù hợp để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học phát huy được tính tích cực của HS	
C _{hp} 4	Thiết kế được bộ công cụ đánh giá sản phẩm đầu ra của HS sau quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm	
C _{hp} 5	Nhận xét, đánh giá được mức độ đáp ứng mục tiêu của hoạt động trải nghiệm đã triển khai, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và ý tưởng cải tiến.	M _{hp} 3
C _{hp} 6	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp} 4
C _{hp} 7	Vận dụng được những kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong thực tế.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử lớp 6,7,8,9, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.
- [2] Nguyễn Thị Kim Thành (Chủ biên), Bảo tàng, di tích nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học Lịch sử cho học sinh phổ thông, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2014.

[3] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.

6.2. Tham khảo

[4] Vũ Quang Hiển, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

[5] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2006.

[6] Hoàng Thị Hạnh (chủ biên), Chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học, Hà Nội: Trung tâm NVSP trường ĐHSP Hà Nội 2, 2016.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương I: Những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn lịch sử ở trường trung học 1. Khái niệm hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học 2. Mục tiêu của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học 3. Điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học 4. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học	1) Trình bày được khái niệm hoạt động trải nghiệm, HĐTN trong môn Lịch sử ở trường trung học. 2) Xác định được mục tiêu của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử. 3) Đánh giá được thuận lợi và khó khăn của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn LS 4) Phân tích được mối liên hệ giữa hoạt động trải nghiệm và hoạt động ngoại khóa trong môn Lịch sử 5) Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong môn Lịch sử.	5	5	13
Chương II: Nội dung, quy trình xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm trong môn lịch sử ở trường trung học	6) Trình bày được nội dung hoạt động trải nghiệm trong môn LS ở trường trung học	5	10	15

1. Hoạt động tự chủ trong môn Lịch sử ở trường trung học 2. Hoạt động câu lạc bộ trong môn Lịch sử ở trường trung học 3. Hoạt động tình nguyện trong môn Lịch sử ở trường trung học 4. Hoạt động định hướng trong môn Lịch sử ở trường trung học 5. Quy trình xây dựng hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường trung học	7) Khái quát được các bước xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm trong môn LS 8) Lên ý tưởng và thiết kế bản kế hoạch tổ chức HĐTN trong môn LS với một chủ đề cụ thể 9) Lựa chọn được những phương tiện hỗ trợ cần thiết và phù hợp với nội dung 10) Vận dụng các phương pháp phát huy tính tích cực của học sinh trong quá trình tham gia HĐTN 11) Xây dựng phương án đánh giá kết quả hoạt động, sản phẩm của HS			
Chương III: Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn lịch sử 1. Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại Bảo tàng Lịch sử, Di tích lịch sử, Làng nghề truyền thống 2. Trải nghiệm qua hoạt động ngoại khóa bằng phương pháp đóng vai 3. Trải nghiệm qua tổ chức trò chơi 4. Trải nghiệm qua tổ chức sự kiện 5. Trải nghiệm qua hoạt động tình nguyện	12) Xây dựng được chương trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học theo đúng quy trình. 13) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong quá trình thiết kế và tổ chức HĐTN 14) Đề xuất phương án thu thập ý kiến phản hồi của HS sau khi tham gia HĐTN 15) Rút kinh nghiệm và đề xuất biện pháp cải tiến trong xây dựng kế hoạch và triển khai HĐTN cho học sinh trung học 16) Hoạt động nhóm, phối hợp tổ chức HĐTN trong môn LS ở trường trung học cho học sinh với một chủ đề nhất định.	5	15	17

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7
Chương I	T	I	I	I	I	T,U	I
Chương II	I,U	T,U	T,U	T,U	T	U	T,U
Chương III	U	U	U	T,U	U	U	T,U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự nội dung	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
CHƯƠNG I	[1]: tr.61- tr.74 [2]: tr.84 - tr.92	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: 1,2,3,4,5 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 1,2
CHƯƠNG II	[1]: tr.113 - tr.156 [2]: tr.29- tr.37 [5]: tr.68 - tr.79	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: 6,7,8,9,10,11 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, đóng vai, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 3,4,5
CHƯƠNG III	[2]: tr.68 - tr.70 [5]: tr.61 - tr.68	Hình thức: dạy trên lớp. CĐR chương: 12,13,14,15,16 Phương pháp: vấn đáp, trực quan, thực hành, thảo luận nhóm. Phương tiện: máy chiếu, máy tính, loa, ...	Tuần 6

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp} 6
	chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp} 6

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Bài tập lớn	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Bài tập lớn Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 1 C _{hp} 2 C _{hp} 3 C _{hp} 4 C _{hp} 5 C _{hp} 6 C _{hp} 7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Đặng Thị Thùy Dung

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở
TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã số: LS304

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường trung học
- Tiếng Anh: The use of information and communications technology in history teaching in high school

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số lượng tín chỉ: 02

1.5. Số tiết quy chuẩn: 45

- Giờ lý thuyết: 15 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 45 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.1. Học phần tiên quyết: Nhập môn Sử học và phương pháp luận sử học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
 - Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
 - Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
 - Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
 - Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Đặng Thị Thuỳ Dung**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử

- Điện thoại: 0975.01.9494

Email: dangthithuydung@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Mô tả học phần

Ứng dụng CNTT trong DHLS ở trường trung học là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử. Cụ thể, môn học cung cấp kiến thức lý luận về ứng dụng CNTT trong DHLS: quan điểm, định hướng, nguyên tắc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; hướng dẫn người học sử dụng các ứng dụng, phương tiện công nghệ cho quá trình dạy học, từ khâu chuẩn bị bài dạy, triển khai và cải tiến bài dạy. Bên cạnh đó, người học được thực hành thiết kế và triển khai bài dạy cụ thể có sự hỗ trợ của CNTT.

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp} ¹	Sử dụng được các ứng dụng, phương tiện công nghệ trong dạy học lịch sử ở trường trung học	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{hp} ²	Thiết kế và triển khai được bài dạy có sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường trung học	C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp} ³	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} ¹	- Trình bày được các vấn đề lý luận về việc sử dụng CNTT trong DHLS: khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu.	M _{hp} ¹ Sử dụng được các ứng dụng, phương tiện công nghệ trong dạy học lịch sử ở trường trung học
C _{hp} ²	- Biết sử dụng các ứng dụng, phương tiện công nghệ trong DHLS	
C _{hp} ³	- Thiết kế được kế hoạch bài dạy môn lịch sử có sử dụng	

	công nghệ thông tin theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS	Thiết kế và triển khai được bài dạy có sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường trung học
C_{hp}^4	- Triển khai được bài dạy môn lịch sử có sử dụng công nghệ thông tin theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS	
C_{hp}^5	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm hoặc hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ một cách độc lập	M_{hp}^3 Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về hệ thống phương pháp dạy học

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] 1.VVOB , E - learning và ứng dụng trong dạy học, 2011.
- [2] VVOB , Công nghệ thông tin cho dạy học tích cực, 2010.
- [3] Microsoft, Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, Nxb Giáo dục, 2010.

6.2. Tham khảo

- [4] Tôn Quang Cường, Phạm Kim Chung,, "Academia," [Online]. Available: <https://www.academia.edu>. [Accessed 2020].
- [5] Jean-Marc Denomme & Madeleine Roy. , Sự phạm tương tác : một tiếp cận khoa học thần kinh về học và dạy., ĐHQGHN, , 2009.
- [6] Robert Marzano, Nghệ thuật và khoa học dạy học., Giáo dục Việt Nam, 2011.
- [7] Tô Xuân Giáp, Phương tiện dạy học., Giáo dục, 1998.
- [8] Nhiều tác giả, Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay, Hà Nội : Lý luận Chính trị,, 2016.

7. Nội dung học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG DHLS. 1.1. Khái niệm CNTT 1.2. Vai trò của CNTT trong DHLS	1) Trình được khái niệm CNTT, vai trò của CNTT trong DHLS 2) Nhận biết được các xu thế sử dụng CNTT trong DH hiện nay	02	04	06

1.3. Các nguyên tắc sử dụng CNTT trong DHLS 1.4. Yêu cầu đối với giáo viên (T - PACK)	3) Liệt kê được các nguyên tắc sử dụng CNTT trong DHLS và yêu cầu đối với GV			
Chương 2: THIẾT KẾ BÀI DẠY SỬ DỤNG CNTT 2.1. Một số đặc trưng của bài dạy ứng dụng CNTT 2.2. Một số yêu cầu của việc thiết kế bài dạy ứng dụng CNTT 2.3. Giới thiệu một số ứng dụng, phần mềm hỗ trợ thiết kế bài dạy UDCNTT 2.4. Quy trình thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT	4) Trình bày được một số đặc trưng và yêu cầu về mặt kỹ thuật của bài dạy ứng dụng CNTT 5) Cập nhật được các ứng dụng, phần mềm CNTT hỗ trợ thiết kế bài dạy 6) Áp dụng được quy trình thiết kế bài dạy ứng dụng CNTT một cách hiệu quả	03	06	9
Chương 3: TRIỂN KHAI BÀI DẠY VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA CNTT 3.1. Một số yêu cầu triển khai bài dạy với sự hỗ trợ của CNTT 3.2. Quy trình triển khai bài dạy với sự hỗ trợ của CNTT 3.3. Giới thiệu các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ triển khai bài dạy có ứng dụng CNTT	7) Trình bày được một số yêu cầu khi triển khai bài dạy sử dụng CNTT 8) Cập nhật được các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ triển khai bài dạy: trực tiếp, trực tuyến, kết hợp 9) Vận dụng được quy trình triển khai bài dạy với sự hỗ trợ của CNTT	05	10	15
Chương 4: THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TRIỂN KHAI BÀI DẠY VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA CNTT 4.1. Thực hành thiết kế bài dạy với sự hỗ trợ của CNTT 4.2. Thực hành triển khai bài dạy với sự hỗ trợ của CNTT	10) Sử dụng được CNTT trong thiết kế và triển khai bài dạy một cách hiệu quả	5	10	15

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	Chp ¹	Chp ²	Chp ³	Chp ⁴	Chp ⁵
Chương 1	T	T			
Chương 2			T	T	TU
Chương 3			T	T	TU
Chương 4	T	T	T	T	TU

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr.4 -14, [2]:tr.1-8 [3]:tr.7 - 25	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2
Chương 2	[1]:tr.15-40 [2]:tr. 10-20, [3]: tr.31 -55.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, ... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 3-6
Chương 3	[2]:tr.21- 86 [3]:tr. 56- 92.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 7- 10
Chương 4	[3]:tr. 56- 92.	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, trải nghiệm, làm việc nhóm, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính,	Tuần 11 - 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3, Chp5

		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp2, Chp3, Chp4, Chp5
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Bài tập lớn	Chp3, Chp5
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi thực hành giảng (thiết kế bài dạy và thực hành giảng 15p/sinh viên);	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Ninh Thị Hạnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC LỊCH SỬ
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC
Mã môn học: LS309

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Phát triển chương trình môn học Lịch sử ở trường trung học
- Tiếng Anh: Development History curriculum at high schools

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 02

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 45 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 086 888 5186 Email: hoangthinga@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức nghiệp vụ, thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Phát triển chương trình giáo dục môn Lịch sử ở nhà trường trung học là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình nhà trường và cách thức phát triển chương trình, cách phân tích, đánh giá và quản lý, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phát triển, phân tích, đánh giá và quản lý, tổ chức thực hiện chương trình nhà trường. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành thiết kế mục tiêu và nội dung chương trình môn Lịch sử ở trường trung học.

Môn học gắn bó mật thiết với các môn kiến thức nghiệp vụ sư phạm như: Lý luận dạy học Lịch sử, Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục Lịch sử. Nêu được nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục và biết được các kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển chương trình giáo dục	C10. Quản lý, điều hành được các hoạt động chuyên môn ở trường trung học.
M _{hp2}	Người học hiểu được cách thức phát triển chương trình: nguyên tắc, quy trình, cách tiếp cận chương trình. Đồng thời, vận dụng được quy trình phát triển chương trình vào thực tế bộ môn Lịch sử	C4. Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp3}	Người học xác định được mục tiêu, nội dung chương trình môn học Lịch sử ở nhà trường phổ thông một cách khoa học, hiện đại và khả thi. Từ đó, chủ động xây dựng được các chuyên đề/chủ đề dạy học trong môn Lịch sử ở trường trung học.	C3. Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp4}	Bước đầu hình thành cho người học kỹ năng biên soạn, chỉnh sửa và hoàn thiện, đánh giá, thẩm định/nghiệm thu, tư vấn mục tiêu, chuẩn đầu ra và xây dựng nội dung cho trình chương giáo dục của nhà trường phổ thông và môn Lịch sử theo các điều kiện và mô hình giáo dục xác định.	C8. Đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	- Hiểu biết chung về: chương trình giáo dục; các loại chương trình; phát triển chương trình giáo dục; chương trình giáo dục nhà trường và phát triển chương trình GD nhà trường.	M_{hp1} Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục Lịch sử. Nêu được nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục và biết được các kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển chương trình giáo dục
C _{hp2}	- Nêu được các tiêu chí và cách phân loại chương trình giáo dục.	
C _{hp3}	- Trình bày được mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và cách thức phát triển chương trình giáo dục cho nhà trường phổ thông một cách khoa học, hiện đại và khả thi.	
C _{hp4}	- Trình bày được bối cảnh nhà trường phổ thông.	
C _{hp5}	- Nêu được mục tiêu và nội dung chương trình giáo dục nhà trường phổ thông.	
C _{hp6}	- Vận dụng được kỹ năng phân tích chương trình quốc tế và vận dụng được vào bối cảnh trường phổ thông ở Việt Nam	
C _{hp7}	- Người học biết được các cách phân loại môn học, chương trình học như: Các môn bắt buộc, Các môn tự chọn (chủ đề liên môn), Các hoạt động bắt buộc, Các hoạt động tự chọn	M_{hp2} Người học hiểu được cách thức phát triển chương trình: nguyên tắc, quy trình, cách tiếp cận chương trình. Đồng thời, vận dụng được quy trình phát triển chương trình vào thực tế bộ môn Lịch sử
C _{hp8}	- Trình bày được các loại xây dựng chương trình như: Phát triển chương trình theo kiểu điều chỉnh, Phát triển chương trình theo kiểu bổ sung, Phát triển chương trình theo kiểu xây dựng mới	
C _{hp9}	- Trình bày được mục tiêu, nội dung chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông	M_{hp3} Người học xác định được mục tiêu, nội dung chương trình môn học Lịch sử ở nhà trường phổ thông một cách

C _{hp} 10	- Phân tích được mục tiêu và nội dung chương trình môn lịch sử cho một chuyên ban cụ thể.	khoa học, hiện đại và khả thi. Từ đó, chủ động xây dựng được các chuyên đề/ chủ đề dạy học trong môn Lịch sử ở trường PT
C _{hp} 11	- Phát triển chương trình giáo dục môn lịch sử ở trường trung học.	
C _{hp} 12	- Thực hành biên soạn một nội dung chương trình cụ thể trong dạy học Lịch sử	M _{hp} 4 Bước đầu hình thành cho người học kỹ năng biên soạn, chỉnh sửa và hoàn thiện, đánh giá, thẩm định/nghiệm thu, tư vấn mục tiêu, chuẩn đầu ra và xây dựng nội dung cho trình chương giáo dục của nhà trường phổ thông và môn Lịch sử theo các điều kiện và mô hình giáo dục xác định.

6. Học liệu:

6.1. Bắt buộc

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu Hội thảo: Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Hà Nội, 2014.
- [2] Phạm Hồng Quang, Phát triển chương trình đào tạo giáo viên, những vấn đề lý luận và thực tiễn, Thái Nguyên: Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2013.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu tập huấn Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên, Hà Nội, 2015.
- [4] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2006.
- [5] Vũ Quang Hiển, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

6.2. Tham khảo

- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn thực hiện Đề án xây dựng mô hình trường phổ thông đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục Giai đoạn 2012-2015, Hà Nội, 2012.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC LỊCH SỬ 1.1. Khái niệm phát triển CT 1.2. Kinh nghiệm trong nước và thế giới về phát triển chương trình giáo dục 1.3. Nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục 1.4. Cách thức phát triển chương trình 1.5. Quy trình phát triển chương trình	1) Hiểu biết chung về: chương trình giáo dục; các loại chương trình; phát triển chương trình giáo dục; chương trình giáo dục nhà trường và phát triển chương trình GD nhà trường. 2) Biết được các tiêu chí và cách phân loại chương trình giáo dục. 3) Vận dụng được kỹ năng phân tích chương trình quốc tế và vận dụng được vào bối cảnh trường phổ thông ở Việt Nam	4	3	8
Chương 2. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THPT 2.1. Bối cảnh nhà trường trung học 2.2. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trường trung học 2.3. Nội dung chương trình giáo dục nhà trường trung học	4) Hiểu được mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và cách thức phát triển chương trình giáo dục cho nhà trường trung học một cách khoa học, hiện đại và khả thi. 5) Trình bày được bối cảnh nhà trường trung học 6) Hiểu được các loại xây dựng chương trình như: Phát triển chương trình theo kiểu điều chỉnh, Phát triển chương trình theo kiểu bổ sung, Phát triển chương trình theo kiểu xây dựng mới	4	4	10
Chương 3: THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MÔN LỊCH SỬ	7) Trình bày được mục tiêu, nội dung chương trình môn lịch sử ở trường trung học	7	23	27

3.1. Mục tiêu và nội dung của môn Lịch sử trong chương trình giáo dục nhà trường phổ thông 3.2. Phát triển chương trình theo quan điểm tiếp cận tích hợp 3.3. Phát triển chương trình theo quan điểm tiếp cận hoạt động	8) Phân tích được mục tiêu và nội dung chương trình môn lịch sử cho một chuyên ban cụ thể. 9) Phát triển chương trình giáo dục môn lịch sử ở trường trung học 10) Thực hành biên soạn một nội dung chương trình cụ thể trong dạy học Lịch sử			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần											
	C _{hp} 1	C _{hp} 2	C _{hp} 3	C _{hp} 4	C _{hp} 5	C _{hp} 6	C _{hp} 7	C _{hp} 8	C _{hp} 9	C _{hp} 10	C _{hp} 11	C _{hp} 12
Chương 1	T	T	T									
Chương 2				T	T, U	T	T					
Chương 3								T	T,U	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: [2]: [3]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2,3,4
Chương 2	[1]: [2]: [3]: [6]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp, tự nghiên cứu Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 5,6, 7,8, 9
Chương 3	[1]: [2]: [3]: [4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: thảo luận nhóm, vấn đáp, trực quan, báo cáo Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 10,11,12, 13,14,15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6} , C _{hp7} , C _{hp8} , C _{hp9} , C _{hp10} , C _{hp11} , C _{hp12}
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6} , C _{hp7} , C _{hp8} , C _{hp9} , C _{hp10} , C _{hp11} , C _{hp12}
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	C _{hp1} , C _{hp2} , C _{hp3} , C _{hp4} , C _{hp5} , C _{hp6} , C _{hp7} , C _{hp8} , C _{hp9} , C _{hp10} , C _{hp11} , C _{hp12}

Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: + Bài tập lớn	C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6,
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Chọn một trong các phương thức: + Thi viết: tự luận, theo ngân hàng đề thi. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.	C _{hp} 1, C _{hp} 2, C _{hp} 3, C _{hp} 4, C _{hp} 5, C _{hp} 6, C _{hp} 7, C _{hp} 8, C _{hp} 9, C _{hp} 10, C _{hp} 11, C _{hp} 12

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Hoàng Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
XÂY DỰNG CHUYÊN ĐỀ TRONG DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ THEO ĐỊNH
HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
Mã số: LS310

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực.
- Tiếng Anh: Design a subject in teaching History oriented capacity development.

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☒ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.5. Số lượng tín chỉ: 02

- Giờ lý thuyết: 15 giờ
- Giờ seminar: 30 giờ
- Giờ tự học: 45 giờ

1.6. Điều kiện tham dự học phần

Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.1. Học phần tiên quyết: Nhập môn Sử học và phương pháp luận sử học

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0979330042 Email: hoangnga102009@gmail.com
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2, phường Xuân Hòa, Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: LL & PPDH Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Xây dựng chuyên đề trong dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học đề cập trọng tâm tới các vấn đề: cơ sở xây dựng chuyên đề dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực (tìm hiểu thực tiễn dạy học môn Lịch sử trong nhà trường trung học ở Việt Nam; xu thế dạy học phân hóa và dạy học tích hợp của thế giới; đặc trưng của chuyên đề Lịch sử). Từ đó hướng dẫn SV quy trình xây dựng chuyên đề dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành thiết kế và dạy học chuyên đề trong môn Lịch sử ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực.

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
Mhp ¹	Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hành xây dựng các chuyên đề dạy học của chương trình Lịch sử trung học	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
Mhp ²	Thiết kế và triển khai linh hoạt các chuyên đề dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	C5: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.
M _{hp3}	Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về hệ thống phương pháp dạy học	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} ¹	- Xác định được mạch kiến thức phù hợp cho việc xây dựng chuyên đề	M _{hp} ¹ Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hành xây dựng các chuyên đề dạy học của chương trình Lịch sử trung học
C _{hp} ²	- Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các chuyên đề dạy học trong từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học	
C _{hp} ³	- Trình bày được các vấn đề lý luận của việc xây dựng chuyên đề trong DHLS: cơ sở, đặc trưng, quy trình và nguyên tắc.	M _{hp} ² Thiết kế và triển khai linh hoạt các chuyên đề dạy học trong

C_{hp}^4	- Vận dụng được quy trình xây dựng chuyên đề vào việc xây dựng và dạy học môn Lịch sử ở trường trung học	từng bài, từng nội dung nhằm đạt được mục tiêu dạy học.
C_{hp}^5	- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm hoặc hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ một cách độc lập	M_{hp}^3 Hình thành năng lực làm việc nhóm, cá nhân để tìm hiểu về hệ thống phương pháp dạy học

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] 1. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2,, Đại học Sư phạm, 2009.
- [2] 2. Vũ Quang Hiến, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, ĐHQGHN, 2014.
- [3] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (cb), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử 6 - 9, Giáo dục, 2019.
- [4] Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh, quyển 2, Hà Nội: ĐHSP, 2016.
- [5] Đỗ Hồng Thái,), Tài liệu hướng dẫn dạy học tích hợp trong dạy học lịch sử ở trường THPT,, Sản phẩm của đề tài Khoa học và công nghệ cấp Bộ trọng điểm (Mã số: B2010-TN03-30TD).
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, , Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, 2018.

6.2. Tham khảo

- [7] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông, ĐHSP, 2008.
- [8] Nguyễn Thị Côi, Kênh hình trong dạy học lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: ĐHQG, , 2000..
- [9] N.G.Đairi,, Chuẩn bị bài học lịch sử như thế nào, Hà Nội: Giáo dục, 1973.
- [10] Tô Xuân Giáp, Phương tiện dạy học., Giáo dục, 1998.
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử, 2018.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương I: CƠ SỞ XÂY DỰNG CHUYÊN ĐỀ DH MÔN LỊCH SỬ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	1) Trình bày được sự cần thiết của việc xây dựng chuyên đề trong DHLS.	5	5	20

1.1. Thực tiễn dạy học môn Lịch sử trong nhà trường trung học ở Việt Nam 1.2. Xu thế dạy học phân hóa và dạy học tích hợp của thế giới 1.3. Đặc trưng của chuyên đề trong chương trình môn Lịch sử 2018	2) Liệt kê được các đặc trưng của DH phân hóa và DH tích hợp. 3) Phân tích được các đặc trưng của chuyên đề học tập trong chương trình môn Lịch sử 2018			
Chương II: QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN ĐỀ DH MÔN LỊCH SỬ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC 2.1. Xác định vấn đề cần giải quyết trong dạy học chuyên đề (xác định tên chuyên đề) 2.2. Xác định mục tiêu và mạch kiến thức chuyên đề 2.3. Thiết kế tiến trình dạy học chuyên đề 2.4. Xây dựng bộ công cụ kiểm tra đánh giá chuyên đề 2.5. Thử nghiệm và hoàn thiện chuyên đề	4) Nêu được quy trình thiết kế chuyên đề Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực. 5) Xác định được các chuyên đề học tập trong chương trình môn Lịch sử	10	10	25
Chương III: THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TRIỂN KHAI DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ 3.1. Thiết kế và triển khai chuyên đề lịch sử lớp 10 3.2. Thiết kế và triển khai chuyên đề lịch sử lớp 11 3.3. Thiết kế và triển khai chuyên đề lịch sử lớp 12	6) Thiết kế và triển khai được chuyên đề học tập phù hợp với đối tượng HS và bối cảnh nhà trường.		15	

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần				
	Chp ₁	Chp ²	Chp ³	Chp ⁴	Chp ⁵
Chương 1	U	U	T	T	TU
Chương 2	U	U	T	T	TU
Chương 3	U	U	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự nội dung	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
CHƯƠNG I	[1]: [2]: [6]: [7]:	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1-2
CHƯƠNG II	[4]: [5]:	Hình thức: dạy trên lớp	Tuần 3-10

	[6]: [7]:	Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm.... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	
CHƯƠNG III		Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, làm việc nhóm, thực hành,... Phương tiện: máy chiếu, máy tính	11-15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3,
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5

Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Bài tập lớn	Chp2,
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	+ Thi viết theo ngân hàng đề th	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Ninh Thị Hạnh

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ
Mã môn học: LS402

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Một số vấn đề về phương pháp dạy học Lịch sử
- Tiếng Anh: Some issues about teaching methods of History

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☒ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☒ Bắt buộc
- ☐ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 03

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 60

- Lí thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Phương pháp dạy học, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Ninh Thị Hạnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại: 0973.463.919 Email: ninhthihanh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Ngọc Quỳnh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
- Điện thoại : 0983286693 Email : chungocquynh@hpu2.edu.vn

- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Một số vấn đề phương pháp dạy học Lịch sử là một môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống công cụ hỗ trợ việc dạy học Lịch sử ở trường trung học gồm: các phần mềm công nghệ thông tin; tư liệu gốc; công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá. Trong đó, các nội dung đều đi từ vấn đề lý luận chung đến hướng dẫn sử dụng các công cụ cụ thể. Ngoài ra, môn học tạo cơ hội cho SV được thực hành, sử dụng hệ thống công cụ hỗ trợ vào dạy học những nội dung bài học cụ thể trong chương trình môn Lịch sử ở trường trung học.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{LS4021}	Trình bày được những kiến thức cơ bản về tư liệu gốc trong dạy học Lịch sử (khái niệm, phân loại, đặc điểm, yêu cầu). Từ đó, vận dụng được các loại tư liệu gốc (tư liệu thành văn, tư liệu trực quan) vào dạy học nội dung bài học Lịch sử cụ thể.	C3. Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{LS4022}	Trình bày được vai trò, ý nghĩa, những nguyên tắc cơ bản và thực trạng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học. Từ đó, sử dụng được các công cụ/phần mềm công nghệ vào từng khâu trong quá trình dạy học Lịch sử ở trường trung học.	C5. Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.
M _{LS4023}	Trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Thiết kế và sử dụng được các kỹ thuật và công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá năng lực HS để triển khai bài học Lịch sử ở trường trung học.	C6. Thực hiện thành thực hoạt động đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong quá trình dạy học Lịch sử và giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được các vấn đề lý luận về việc sử dụng tư liệu gốc trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông: khái niệm, đặc điểm, cách thức phân loại, yêu cầu cơ bản.	M _{LS4021} Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tư liệu gốc trong dạy học Lịch sử (khái niệm, phân loại, đặc điểm, yêu cầu). Từ

C _{hp} 2	Sử dụng được tư liệu gốc (tư liệu thành văn và tư liệu trực quan) vào dạy học nội dung bài học Lịch sử cụ thể.	đó, người học thực hành sử dụng các loại tư liệu gốc (tư liệu thành văn, tư liệu trực quan) vào dạy học nội dung bài học Lịch sử cụ thể.
C _{hp} 3	Trình bày được các vấn đề lý luận về việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử: vai trò, ý nghĩa, nguyên tắc.	M_{LS402}2 Người học tìm hiểu vai trò, ý nghĩa, những nguyên tắc cơ bản và thực trạng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học. Đặc biệt, người học tập trung vào việc thực hành sử dụng các công cụ/phần mềm công nghệ vào từng khâu trong quá trình dạy học Lịch sử ở trường trung học.
C _{hp} 4	Khái quát được thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học hiện nay và xu thế trên thế giới.	
C _{hp} 5	Sử dụng được các công cụ/phần mềm công nghệ thông tin để hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá trong môn Lịch sử ở trường trung học.	
C _{hp} 6	Trình bày được các vấn đề lý luận về kiểm tra đánh giá năng lực trong dạy học nói chung và dạy học Lịch sử nói riêng: khái niệm, nguyên tắc.	M_{LS402}3 Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Thiết kế và sử dụng được các kĩ thuật và công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá năng lực HS để triển khai bài học Lịch sử ở trường trung học.
C _{hp} 7	Thiết kế và sử dụng được các công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá năng lực HS trong dạy học Lịch sử ở trường trung học.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Phương pháp dạy học lịch sử, tập 2, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2009.
- [2] Vũ Quang Hiển, Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT, Hà Nội: Đại học Quốc gia, 2014.
- [3] Nguyễn Thị Bích, Hoàng Thanh Tú (Chủ biên), Phát triển năng lực trong môn Lịch sử 6,7,8,9, Hà Nội: Giáo dục Việt Nam, 2019.

6.2. Tham khảo

- [4] Nguyễn Thị Côi, Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2006.
- [5] Nguyễn Thị Côi, Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa lịch sử, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2012.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1. ỨNG DỤNG CNTT TRONG DHLS Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 1.1. Một số vấn đề lý luận về ứng dụng CNTT trong DHLS 1.1.1. Vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong DHLS 1.1.2. Nguyên tắc của việc ứng dụng CNTT trong DHLS 1.2.Sử dụng CNTT hỗ trợ dạy học, KTĐG môn Lịch sử ở trường trung học 1.2.1. Sử dụng phần mềm trình chiếu 1.2.2. Sử dụng phần mềm tạo trang web 1.2.3. Sử dụng phần mềm tạo câu hỏi, bài tập 1.2.4. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ khác	1) Trình bày được vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử. 2) Nêu được những nguyên tắc cơ bản của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử. 3) Khái quát được thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học hiện nay và xu thế trên thế giới. 4) Sử dụng được các công cụ/phần mềm công nghệ thông tin để hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá trong môn Lịch sử ở trường trung học.	10	10	25
Chương 2. TƯ LIỆU GỐC TRONG DHLS Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC 2.1. Một số vấn đề chung về việc sử dụng tư liệu gốc trong DHLS 2.1.1. Khái niệm tư liệu gốc 2.1.2. Phân loại tư liệu gốc 2.1.3. Đặc điểm tư liệu gốc 2.2. Sử dụng tư liệu gốc trong DHLS ở trường trung học 2.1. Yêu cầu 2.2. Sử dụng tư liệu thành văn 2.3. Sử dụng tư liệu trực quan	5) Trình bày được khái niệm và phân loại các tư liệu gốc. 6) Nêu được đặc điểm của tư liệu gốc. 7) Khái quát được những yêu cầu cơ bản của việc sử dụng tư liệu gốc trong dạy học Lịch sử ở trường trung học. 8) Sử dụng được tư liệu gốc (tư liệu thành văn và tư liệu trực quan) vào dạy học nội dung bài học Lịch sử cụ thể.	10	10	25
Chương 3: CÔNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS TRONG DHLS Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC	9) Trình bày được khái niệm năng lực, năng lực Lịch sử trong	10	10	25

3.1. Khái niệm 3.1.1. Năng lực 3.1.2. Năng lực Lịch sử trong chương trình 2018 3.1.3. KTĐG theo định hướng phát triển năng lực 3.1.4. Nguyên tắc kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực 3.1.5. KTĐG năng lực trong DHLS 3.1.6. Các hình thức, phương pháp KTĐG 3.2. Sử dụng công cụ hỗ trợ KTĐG năng lực HS trong DHLS 3.2.1. Bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền 3.2.2. Ma trận dấu hiệu đặc trưng 3.2.3. Hồ sơ người nổi tiếng 3.2.4. Bản đồ khái niệm 3.2.5. Bài tập “1 phút”, Tóm tắt 1 câu	chương trình 2018, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, kiểm tra đánh giá năng lực trong dạy học Lịch sử. 10) Khái quát được các nguyên tắc kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. 11) Nêu được các hình thức, phương pháp KTĐG cơ bản trong dạy học Lịch sử ở trường trung học. 12) Thiết kế và sử dụng được các công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá năng lực HS trong dạy học Lịch sử ở trường trung học.			

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần						
	C _{LS4021}	C _{LS4022}	C _{LS4023}	C _{LS4024}	C _{LS4025}	C _{LS4026}	C _{LS4027}
Chương 1			T	T	T, U		
Chương 2	T	T, U					
Chương 3						T	T, U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]:tr.143, tr.267 [2]:tr.206-tr.210	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: làm việc nhóm, thảo luận, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 1,2,3,4,5
Chương 2	[1]:tr.170-tr.178 [2]:tr.229-tr.261	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: làm việc nhóm, thảo luận, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 6,7,8,9,10
Chương 3	[1]:tr.159-tr.194 [2]:tr.210-tr.238	Hình thức: dạy trên lớp Phương pháp: làm việc nhóm, thảo luận, thực hành Phương tiện: máy chiếu, máy tính	Tuần 11,12,13,14, 15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Thảo luận; + Hỏi đáp; + Làm việc nhóm; + Bài tập về nhà; + Và các hình thức đánh giá quá trình khác.	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: + Bài tập lớn	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7

	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Sử dụng phương thức: + Thi vấn đáp	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp5, Chp6, Chp7

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Hạnh

Chu Ngọc Quỳnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM**

Mã số: LS403

1. Thông tin về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Một số vấn đề lịch sử Việt Nam
- Tiếng Anh: Some issues of Vietnamese history

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☐ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☒ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 45 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của khối ngành.

1.6.2. Các yêu cầu khác: không

1.7. Đơn vị phụ trách môn học: Tổ Lịch sử Việt Nam, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Nam**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0388602404 Email: nguyenvannam@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thùy Linh**
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
- Điện thoại: 0396.010.268 Email: nguyenthuylinh@hpu2.edu.vn
- Địa điểm làm việc: Văn phòng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mô tả học phần

Một số vấn đề lịch sử Việt Nam là một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Nội dung cơ bản là: sự hình thành và tổ chức của nhà nước Văn Lang, nền văn minh sông Hồng, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XIX, nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; đánh giá về nhà Nguyễn, cuộc vận động dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, sự ra đời của Đảng và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sự nghiệp đổi mới đất nước (1886 - 2005... Các vấn đề trên sẽ được trình theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Môn học khái quát, tổng hợp và tìm hiểu chuyên sâu một số vấn đề lịch sử Việt Nam trong các môn học thuộc khối kiến thức chung của khối ngành.

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại: sự hình thành và tổ chức của nhà nước Văn Lang, nền văn minh sông Hồng, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XIX	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học. C4: Vận dụng thành thạo các chiến lược, phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và các phương pháp giáo dục ở trường trung học để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học. C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư
M _{hp2}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam cận đại giai đoạn từ 1858 đến 1945.	
M _{hp3}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử giai đoạn 1858 - 1945 từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	
M _{hp4}	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam hiện đại: cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ	

	(1954-1975), thời kì 1975-1986 và đổi mới	phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp} 5	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại, cận đại, hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp} 6	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về một số vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại, cận đại, hiện đại	C12: Triển khai được các đề tài nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục, đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng gắn với thực tế ở trường trung học.
M _{hp} 7	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
M _{hp} 8	Người học có khả năng sử dụng được các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập.	C5: Sử dụng được các phương tiện, thiết bị trong dạy học môn Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường trung học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp} 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ trung đại: sự hình thành và tổ chức của nhà nước Văn Lang, nền văn minh sông Hồng, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XIX	M _{hp} 1
C _{hp} 2	Trình bày được những kiến thức cơ bản và toàn diện về lịch sử Việt Nam cận đại giai đoạn từ 1858 đến 1945	M _{hp} 2
C _{hp} 3	Khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử giai đoạn 1858 - 1945 từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp} 3
C _{hp} 4	Hệ thống hóa kiến thức cơ bản về các giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mĩ (1954-1975), thời kì 1975-1986 và đổi mới	M _{hp} 4

C _{hp} 5	Vận dụng được những kiến thức về Lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại, cận đại, hiện đại vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường phổ thông.	M _{hp} 5
C _{hp} 6	Sưu tầm tư liệu và triển khai nghiên cứu được đề tài khoa học liên quan đến giai đoạn lịch sử Việt Nam hiện đại ở mức độ đơn giản (bài nội san, tiểu luận khoa học).	M _{hp} 6
C _{hp} 7	Có khả năng tổ chức và quản lý thời gian thực hiện công việc. Chủ động tham gia các nhóm hoạt động, nghiên cứu. Đồng thời có năng lực trình bày, tư duy phản biện,...	M _{hp} 7
C _{hp} 8	Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị phù hợp khi trình bày các sản phẩm học tập (máy chiếu, phần mềm thiết kế trình chiếu,...)	M _{hp} 8

6. Học liệu:

6.1. Bắt buộc

- [1] Phan Huy Lê, Lịch sử Việt Nam, tập 1, Hà Nội: Giáo dục, 2012.
- [2] Phan Huy Lê, Lịch sử Việt Nam, tập 2, Hà Nội: Giáo dục, 2012.
- [3] Đinh Xuân Lâm, Lịch sử Việt Nam, tập 3, Hà Nội: Giáo dục, 2012.
- [4] Lê Mậu Hãn, Lịch sử Việt Nam, tập 4, Hà Nội: Giáo dục, 2013.
- [5] Trần Bá Đệ, Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập VI, Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2010.
- [6] Trần Bá Đệ, Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập VII, Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.
- [7] Trần Bá Đệ, Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập VIII, Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010.

6.2. Tham khảo

- [8] Nguyễn Thế Anh, Việt Nam thời Pháp đô hộ, Hà Nội: Văn học, 2008.
- [9] Nguyễn Văn Khánh, Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa, Hà Nội: Đại học quốc gia, 2000.
- [10] Phan Ngọc Liên, Cách mạng tháng Tám 1945 toàn cảnh, Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2005.
- [11] Lưu Văn Lợi, Ngoại giao Việt Nam (1945-1995), Hà Nội: Công an nhân dân, 2004.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
Chương 1: Một số vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1.1. Nhà nước Văn Lang và nền văn minh sông Hồng 1.2. Cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc 1.3. Kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 1.4. Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XIX	1) Trình bày được sự ra đời và tổ chức của nhà nước Văn Lang 2) Trình bày được điều kiện hình thành và những thành tựu của nền văn minh sông Hồng 3) Nhận xét được các đặc trưng của nền văn minh sông Hồng 4) Đánh giá được vai trò của nền văn minh sông Hồng với nền văn hóa của dân tộc 5) Phân tích được những chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa nước ta thời kì Bắc thuộc. 6) Giải thích được vì sao trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc nhân dân ta không bị phong kiến phương Bắc đồng hóa 8) Trình bày được chính sách đô hộ của nhà Minh sau khi triều Hồ kháng chiến thất bại 9) Đánh giá được hậu quả của những chính sách đô hộ của nhà Minh đến nước ta lúc bấy giờ 10) Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) 11) Trình bày được công cuộc chuẩn bị và diễn biến chính cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) 12) Đánh giá được vai trò của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) 13) Trình bày được sự thành lập vương triều Nguyễn và tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nước ta thời kỳ này 14) Phân tích được sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam 15) Đánh giá được thành tựu, hạn chế về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn	10	15	27,5

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI 2.1. Công lao và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước cuối thế kỷ XIX 2.1.1. Công lao 2.1.2. Trách nhiệm 2.2. Chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh 2.2.1. Chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu 2.2.2. Chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh 2.2.3. So sánh chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh 2.3. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.3.1. Ý nghĩa lịch sử của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 2.3.2. Tính chất đúng đắn, sáng tạo của bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 2.4. Cách mạng tháng Tám năm 1945 2.4.1. Khái quát về Cách mạng tháng Tám năm 1945 2.4.2. Sự chuẩn bị của Đảng cho thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	16)Phân tích được chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tác động đến sự chuyển biến về kinh tế - xã hội 17)Trình bày được phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỉ XX theo khuynh hướng dân chủ tư sản 18)Phân tích được ảnh hưởng cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất tới tình hình Việt Nam 19)Phân tích được nguyên nhân và tiền đề bùng nổ phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư tưởng tư sản. 20)Phân tích được ý nghĩa của cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX 21)Phân tích được vai trò của các sĩ phu yêu nước tiến bộ trong phong trào cách mạng đầu thế kỉ XX 22)Phân tích được nguyên nhân khiến phong trào yêu nước do các sĩ phu tiến bộ lãnh đạo không giành thắng lợi.	10	15	27,5

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 3.1.Cuộc đấu tranh bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám (1945 - 1946) 3.2. Một số vấn đề về cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) 3.2.1. Vai trò, tác dụng của các chiến thắng quân sự lớn đối với sự phát triển của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) 3.2.2. Tính chất và đặc điểm cách mạng nước ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 3.2.3. Kết quả, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 3.3.Một số vấn đề về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) 3.3.1. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết đến năm 1975 3.3.2. Miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). 3.3.3. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao và Hiệp định Pari về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. 3.3.4. Kết quả, ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi	23) Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam sau cách mạng tháng Tám 24) Khái quát được quá trình giải quyết những khó khăn sau cách mạng trên tất cả các lĩnh vực 25) Phân tích được tính chất và đặc điểm của cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 26) Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp 27) Phân tích tình hình Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ. Trình bày nhiệm vụ mới của dân tộc 28) Phân tích được mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ 29) Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ 30) Trình bày được bối cảnh của công cuộc Đổi mới 31) Khái quát được những kết quả đạt được trong thời kì đổi mới, đồng thời phân tích được những tác động của đổi mới đối với đất nước giai đoạn hiện nay	10	15	27,5

của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. 3.4. Một số vấn đề về công cuộc đổi mới (1986 - 2005) 3.4.1. Nội dung Đường lối đổi mới của Đảng. 3.4.2. Thành tựu, hạn chế của các kế hoạch 5 năm từ năm 1986 đến năm 2005				

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần							
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}	C _{hp7}	C _{hp8}
Chương 1	T			T	U	U	U	U
Chương 2		T	T,U	T	U	U	U	U
Chương 3			T	T	U	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1] [2] [3]	1) Học trên LMS: - CĐR của chương: 1 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CĐR của chương: 3, 4, 6, 9, 12, 15. - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 01-05
Chương 2	[4] [8] [9] [10]	Học trên lớp: - CĐR của chương: 2 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	Tuần 06-10
Chương 3	[5] [6] [7] [11]	Học trên lớp: - CĐR của chương: 3 - Phương pháp: trực quan, giải quyết vấn đề, đàm thoại, làm việc nhóm.... - Phương tiện: máy chiếu, máy tính, giấy A0, A4	Tuần 11-15

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp7
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp6, Chp7
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp4, Chp8
Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng phương thức: Trắc nghiệm khách quan	Chp1
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Thi vấn đáp	Chp2, Chp3, Chp4

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Ninh Thị Sinh

Nguyễn Văn Nam

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI
Mã số: LS404**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử thế giới cổ trung đại
- Tiếng Anh: Some world history issues

1.2. Thuộc khối kiến thức:

- ☐ Giáo dục đại cương
- ☒ Giáo dục chuyên ngành
 - ☐ Cơ sở ngành/nhóm ngành
 - ☐ Chuyên ngành
 - ☐ Nghiệp vụ sư phạm
 - ☒ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

1.3. Loại học phần:

- ☐ Bắt buộc
- ☒ Tự chọn

1.4. Số tín chỉ: 04

1.5. Tổng số tiết quy chuẩn: 75 tiết

- Lý thuyết: 45 tiết
- Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Tự học, tự nghiên cứu: 105 tiết

1.6. Điều kiện tham dự học phần:

1.6.1. Học phần tiên quyết: Không

1.6.2. Yêu cầu khác (nếu có): Không

1.7. Đơn vị phụ trách học phần: Tổ Lịch sử thế giới, Khoa : Lịch sử; ĐHSP Hà Nội 2

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

Họ tên: **Nguyễn Văn Vinh**

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0977934555

Email: nguyenvanvinh@hpu2.edu.vn

Địa điểm làm việc: Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Giảng viên 2:

Họ tên: **Nguyễn Thị Bích**

Học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0984289020

Email: nguyenthibich@hpu2.edu.vn

2.3. Giảng viên 3:

Họ tên: **Nguyễn Thị Ngọc Thảo**

Học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Điện thoại: 0978527421

Email: nguyenthingochao@hpu2.edu.vn

3. Mô tả học phần

Một số vấn đề lịch sử thế giới là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành thay thế trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản, trọng tâm trong lịch sử thế giới từ cổ đại, trung đại đến cận đại, hiện đại. Trong đó đối với phần lịch sử thế giới cổ trung đại chủ yếu tập trung vào một số vấn đề liên quan đến lịch sử Trung Quốc, Tây Âu và quá trình tiếp xúc giao lưu Đông-Tây trong giai đoạn cổ trung đại. Qua đó giúp sinh viên có những nhận thức đúng đắn, sâu sắc về lịch sử nhân loại, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi quá trình tiếp xúc, hội nhập quốc tế ngày càng trở lên cấp thiết. Đối với giai đoạn lịch sử thế giới cận đại, học phần này chủ yếu tập trung vào việc cung cấp những kiến thức trọng tâm liên quan đến nguyên nhân, sự bùng nổ của các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Điều này giúp cho sinh viên có nhận thức đắn về ý nghĩa, tác động của các cuộc cách mạng tư sản đối với lịch sử thế giới nói chung và lịch sử châu Âu-Á nói riêng. Phần lịch sử thế giới hiện đại tập trung vào một số vấn đề của lịch sử thế giới, trong đó chú trọng đến nội dung như thế giới trong và sau thời kì Chiến tranh Lạnh...

4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu		Mã chuẩn đầu ra CTĐT
Mã	Mô tả	
M _{hp1}	Nắm vững những kiến thức cơ bản và trọng tâm về một số vấn đề lịch sử thế giới từ cổ trung đại, cận đại và hiện đại.	C3: Vận dụng được kiến thức về khoa học lịch sử, địa lý tự nhiên Việt Nam, lý luận dạy học lịch sử vào việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục lịch sử ở trường trung học.
M _{hp2}	Có khả năng khái quát, phân tích, so sánh, đánh giá một số sự kiện, nhân vật của lịch sử thế giới từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Từ đó, giúp sinh viên có những nhận thức đúng đắn, sâu sắc về lịch sử nhân loại.	
M _{hp3}	Người học có năng lực vận dụng những kiến thức về một số vấn đề lịch sử thế giới vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	
M _{hp4}	Người học có khả năng hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách độc lập và theo nhóm.	C13: Hoàn thành được công việc độc lập và công việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra		Mã mục tiêu học phần
Mã	Mô tả	
C _{hp1}	Trình bày được những kiến thức cơ bản, trọng tâm về một số vấn đề của lịch sử thế giới từ cổ trung đại, cận đại và hiện đại, bao gồm: lịch sử Trung Quốc, Tây Âu và quá trình tiếp xúc giao lưu Đông-Tây trong giai đoạn cổ trung đại; các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản thời cận đại và quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 thời kỳ hiện đại.	M _{hp1}
C _{hp2}	Phân tích, so sánh, đánh giá được một số sự kiện, nhân vật lịch sử thế giới từ cổ trung đến cận, hiện đại từ nhiều góc độ, quan điểm và nhiều nguồn tư liệu khác nhau.	M _{hp2}
C _{hp3}	Có những nhận thức đúng đắn, sâu sắc và khách quan về một số vấn đề của lịch sử thế giới.	
C _{hp4}	Vận dụng được những kiến thức của một số vấn đề lịch sử thế giới vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục lịch sử ở trường trung học.	M _{hp3}
C _{hp5}	Phối hợp được với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.	M _{hp4}
C _{hp6}	Trình bày được ý kiến cá nhân có cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nội dung học tập Một số vấn đề lịch sử thế giới.	

6. Học liệu

6.1. Bắt buộc

[1]Lương Ninh, *Lịch sử thế giới cổ đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2010.

[2]Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2013.

[3]Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Bích, *Tập bài giảng Lịch sử thế giới cận đại*. Hà Nội: DDHSP Hà Nội, 2017.

[4]Nguyễn Thị Tuyết Nhung, *Tập bài giảng Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: ĐHSP Hà Nội 2, 2012.

[5]Nguyễn Gia Phú, *Lịch sử thế giới trung đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2013.

[6]Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*. Hà Nội: Giáo dục, 2012.

[7]Nguyễn Văn Vinh, *Tập bài giảng Lịch sử thế giới cổ trung đại*. Hà Nội: ĐHSP Hà Nội 2, 2012.

6.2. Tham khảo

[8]Vũ Dương Ninh, *Một số vấn đề lịch sử thế giới, tập 1*. Hà Nội: ĐHQG Hà Nội, 2001.

[9]Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim, *Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 2*. Hà Nội: ĐHQG Hà Nội, 2007.

7. Nội dung chi tiết học phần

7.1. Nội dung chi tiết

Nội dung	Chuẩn đầu ra chương	Giờ tín chỉ ⁽¹⁾		
		LT	BT, THa, TL	THo, TNC
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI 1.1. Sự ra đời, phát triển của “Con đường tơ lụa” ở Trung Quốc thời cổ trung đại. 1.2. Các cuộc đại phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV-XVI 1.2.1. Nguyên nhân, điều kiện diễn ra PKĐL 1.2.2. Các cuộc phát kiến địa lý tiêu biểu 1.2.3. Hệ quả và tác động của các cuộc phát kiến địa lý 1.3. Phong trào văn hóa Phục hưng ở Tây Âu thế kỷ XV-XVII 1.3.1. Hoàn cảnh lịch sử và điều kiện diễn ra phong trào văn hóa Phục hưng 1.3.2. Một số thành tựu tiêu biểu 1.3.3. Ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục hưng 1.4. Giao lưu tiếp xúc văn hóa trong lịch sử thế giới cổ trung đại 1.4.1. Thời cổ đại 1.4.2. Thời trung đại	1, Trình bày được sự ra đời và phát triển của con đường tơ lụa. 2. Phân tích được tác động và ý nghĩa của con đường tơ lụa đối với sự phát triển của lịch sử thế giới. 3. Phân tích được các nguyên nhân, điều kiện chủ quan và khách quan dẫn đến các cuộc PKĐL. 4. Trình bày được các cuộc PKĐL tiêu biểu. 5. Đánh giá được hệ quả và tác động của các cuộc PKĐL. 6. Trình bày được bối cảnh, điều kiện diễn ra phong trào văn hóa Phục Hưng. 7. Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hóa phục hưng. 8. Phân tích được Ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục hưng. 9. Phân tích được quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa trong lịch sử thế giới thời cổ trung đại.	11	6	25
CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI 2.1. Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại ở Châu Âu và Bắc Mỹ	10. Trình bày được điều kiện, tiền đề của cuộc CMTS Anh. 11. Trình bày được diễn biến của cuộc cách mạng tư sản Anh	11	8	26

2.1.1. Cách mạng tư sản Anh (1640-1688) 2.1.1.1. Những điều kiện và tiền đề của cách mạng tư sản Anh 2.1.1.2. Diễn biến của cách mạng 2.1.1.3. Kết quả, tính chất và ý nghĩa của cách mạng. 2.1.2. Cách mạng tư sản Mỹ lần thứ nhất (1773-1783) 2.1.2.1. Nước Mĩ trước chiến tranh cách mạng 2.1.2.2. Diễn biến cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ và sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kì 2.1.2.3. Hệ quả, tính chất, ý nghĩa 2.1.3. Cách mạng tư sản Pháp (1789-1799) 2.1.3.1. Nguyên nhân diễn ra cách mạng tư sản Pháp 2.1.3.2. Diễn biến của cuộc cách mạng 2.1.3.3. Kết quả, tính chất, ý nghĩa 2.1.4. Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868-1912) 2.1.4.1. Tiền đề diễn ra cải cách Minh Trị 2.1.4.2. Nội dung cải cách Minh Trị 2.1.4.3. Nguyên nhân thành công, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cải cách Minh Trị	12. Phân tích được kết quả, ý nghĩa, tính chất của cuộc CMTS Anh. 13. Phân tích được bối cảnh nước Mỹ trước cuộc CMTS lần 1 14. Trình bày được diễn biến của cuộc CT giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. 15. Phân tích được hệ quả, tính chất và ý nghĩa của cuộc CMTS Mỹ lần 1. 16. Phân tích được tiền đề, nguyên nhân diễn ra cuộc CMTS Pháp. 17. Trình bày được diễn biến của CMTS Pháp. 18. Phân tích được kết quả, ý nghĩa, tính chất của CMTS Pháp với lịch sử nước Pháp và thế giới. 19. Trình bày được bối cảnh, tiền đề dẫn đến cuộc cải cách Minh Trị. 20. Phân tích được nội dung của cải cách. 21. Phân tích được nguyên nhân thành công, đánh giá được ý nghĩa và bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc Minh trị Duy Tân.			
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI 3.1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918 - 1929) 3.1.1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918 - 1929) 3.1.1.1. Hệ thống Hòa ước Vécxai (1919-1920) 3.1.1.2. Hệ thống Hòa ước Oasinhton (1920-1922)	22. Trình bày được sự hình thành trật tự thế giới mới sau CTTG 1 (1918-1929). 23. Phân tích được nội dung hai hệ thống hòa ước Véc-xai và Washington. 24. Phân tích được nguyên nhân, đánh giá được hậu quả và những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 -1933. 25. Trình bày được quá trình hình thành 3 lò lửa chiến tranh.	11	8	26

3.1.1.3. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) 3.2. Sự sụp đổ của hệ thống Vécxai - Oasinhton và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai 3.2.1.Sự hình thành ba lò lửa chiến tranh 3.2.2.Con đường dẫn tới chiến tranh thế giới thứ hai 3.3.Chiến tranh thế giới thứ hai	26. Phân tích được con đường dẫn đến CTTG 2. 27. Trình bày được diễn biến chính của cuộc chiến. 28. Đánh giá được hệ quả, tác động và bài học từ cuộc CTTG 2 đối với lịch sử nhân loại.			
CHƯƠNG 4: QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 1991 4. 1.Sự hình thành trật tự hai cực Ianta 4.1.1. Khái quát tình hình thế giới sau chiến tranh 4.1.2. Hội nghị Ianta và sự hình thành trật tự hai cực Ianta 4.1.3. Tổ chức Liên Hợp Quốc 4.1.4.Việc giải quyết vấn đề các nước phát xít bại trận sau chiến tranh 4.2.Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây 4.2.1.Chủ nghĩa Toruman và sự bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh 4.2.2.Những diễn biến chính của cuộc chiến tranh lạnh 4.3.Quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 70 đến 1991 4.3.1 Quá trình chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh 4.3.2. Sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta	29. Phân tích được khái quát được tình hình thế giới sau CT. 30. Phân tích được nội dung hội nghị Ianta và sự hình thành trật tự thế giới hai cực. 31. Phân tích được sự ra đời, cơ cấu tổ chức, các nguyên tắc và hoạt động của tổ chức Liên Hợp Quốc. 32. Trình bày được việc giải quyết với các nước phát xít bại trận sau chiến tranh. 33. Phân tích được bối cảnh và sự bùng nổ cuộc CT Lạnh. 34. Trình bày được những diễn biến chính của cuộc CT Lạnh. 35. Trình bày được quá trình chấm dứt cuộc CT Lạnh. 36. Phân tích được quá trình sụp đổ của trật tự thế giới hai cực	12	8	28

7.2. Ma trận nội dung - Chuẩn đầu ra học phần

Thứ tự chương	Chuẩn đầu ra học phần					
	C _{hp1}	C _{hp2}	C _{hp3}	C _{hp4}	C _{hp5}	C _{hp6}
Chương 1	T	T	U	U	U	U
Chương 2	T	T	U	U	U	U
Chương 3	T	T	U	U	U	U
Chương 4	T	T	U	U	U	U

7.3. Kế hoạch giảng dạy

Thứ tự chương	Học liệu	Định hướng về hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học	Tuần học
Chương 1	[1]: tr. 1-tr.47 [5]:tr.10-tr.49 [7] [8]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 1,4,6,7 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 2,3,5,8,9 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 1,2,3,4
Chương 2	[2]:tr78- tr.95 [3]: tr1 -188	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 10,11,14,17,19 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 12,13,15,16,18,20,21 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 4,5,6,7
Chương 3	[4] [6] [9]	1) Học trên LMS: - CDR của chương: 22,23,27 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 24,25,26,28 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	Tuần 8,9, 10,11
Chương 4	[4]	1) Học trên LMS:	Tuần

	[6]	- CDR của chương: 32,34,35 - SV đọc học liệu, xem video và trả lời các câu hỏi, bài tập - Phương tiện: máy tính kết nối internet. 2) Học trên lớp: - CDR của chương: 29,30,31,32,33,36 - Phương pháp: Thuyết trình, hoạt động nhóm, nêu vấn đề, trao đổi. - Phương tiện: máy tính, máy chiếu, giấy A4, A0.	12,13, 14,15	

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá: 10 (100%)

8.2. Phương thức đánh giá

Hình thức	Loại điểm	Nội dung đánh giá	Trọng số	Thời điểm	Phương thức	Mã chuẩn đầu ra học phần
Đánh giá quá trình	Điểm đánh giá chuyên cần và kiểm tra thường xuyên (a1)	Thái độ học tập phản ánh qua việc tham gia các buổi học	5%	Các buổi học	Điểm danh	Chp4
		Thái độ học tập phản ánh qua kết quả hoàn thành các nhiệm vụ học tập	5%	Theo thời điểm thực hiện nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập	Chp4
		Nhận thức đối với các nội dung học tập	10%	Do giảng viên chủ động	Sử dụng các phương thức: + Bài tập cá nhân + Bài tập nhóm	Chp1, Chp2, Chp3,

Đánh giá định kỳ	Điểm đánh giá giữa học phần (a2)	Mức độ đạt Chuẩn đầu ra học phần	30%	Tuần 8	Sử dụng các phương thức: Trắc nghiệm	Chp1, Chp2, Chp3, Chp5, Chp6
	Điểm thi kết thúc học phần (a3)	Chuẩn đầu ra học phần	50%	Sau khi kết thúc học phần	Vấn đáp	Chp1, Chp2, Chp3, Chp5, Chp6

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Bích